

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP V

(QUYỂN 25 - QUYỂN 30)

北涼天竺三藏曇無讖奉詔譯

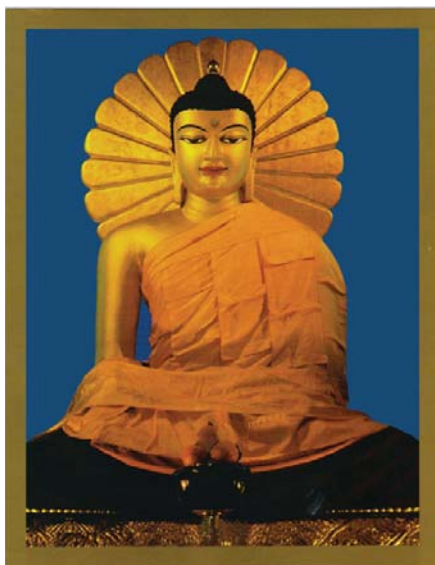
BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẨM PHỤNG CHIẾU DỊCH

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN *Việt dịch và chú giải*

NGUYỄN MINH HIỂN *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願解如來真實義
我今見聞得受持



無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: *“Thấy kinh như thấy Phật.”*

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN HAI MƯƠI LĂM¹

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười – Phần năm

Đại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn*, thành tựu trọn vẹn công đức thứ bảy như thế nào?

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* khởi tâm suy xét rằng: ‘Pháp nào có thể làm nhân thiết thực gần gũi dẫn đến Đại *Niết-bàn*?’ [Suy xét như vậy rồi,] Bồ Tát liền nhận biết bốn pháp có thể làm nhân đến gần Đại *Niết-bàn*.

“Nếu nói rằng siêng tu tất cả khổ hạnh là nhân duyên đến gần Đại *Niết-bàn*, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu lìa khỏi bốn pháp này mà được *Niết-bàn* là hoàn toàn vô lý. Những gì là bốn pháp? Một là *gần gũi các bậc*

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 23, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương phần thứ 5 (Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương phẩm chi ngũ).

thiện tri thức, hai là hết lòng nghe pháp, ba là chú tâm suy xét và bốn là y theo pháp tu hành.

“Thiện nam tử! Ví như có người thân mang nhiều bệnh, khi nóng khi lạnh, suy nhược hao tổn, khí huyết chẳng thông, nhiễm tà trúng độc... liền tìm đến thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc tùy bệnh mà chỉ dạy cách dùng thuốc. Người ấy hết lòng lắng nghe và tin nhận lời chỉ dạy của thầy thuốc; theo đó hòa hợp các vị thuốc và uống thuốc đúng phương pháp. Uống thuốc rồi liền khỏi bệnh, thân được yên vui.

“Người có bệnh đó ví như các vị Bồ Tát. Vị thầy thuốc giỏi đó ví như bậc thiện tri thức. Lời chỉ dạy của thầy thuốc ví như kinh *Phương đẳng*. Biết tin nhận lời dạy ấy cũng ví như biết suy xét nghĩa lý trong kinh *Phương đẳng*. Tùy theo lời dạy mà hòa hợp các vị thuốc ví như tu hành theo đúng *Ba mươi bảy pháp trợ đạo*.¹ Bệnh được khỏi hẳn ví như phiền não được dứt trừ. Thân được yên vui ví như người tu hành đạt đến *Niết-bàn* với *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua muốn tìm phương pháp cai trị và giáo hóa sao cho nhân dân được yên vui; liền hỏi các vị quan có trí tuệ về phương pháp ấy. Các quan liền đem phương pháp trị nước của các vua trước đây mà trình bày. Vị vua ấy nghe rồi liền hết lòng tin nhận và làm theo, trị nước đúng theo phương pháp ấy, không còn những sự hờn oán đối nghịch. Nhờ đó nhân dân được yên vui, không có hoạn nạn.

¹ Ba mươi bảy pháp trợ đạo (Tam thập thất trợ đạo chi pháp): Gồm có 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác phần, 8 thánh đạo.

“Thiện nam tử! Vị vua đó ví như các vị Bồ Tát. Các vị quan có trí tuệ ví như những bậc thiện tri thức. Phương pháp trị nước mà các quan trình bày với vua ví như *Mười hai bộ kinh*.¹ Vua nghe rồi hết lòng tin nhận và làm theo, ví như các vị Bồ Tát chú tâm suy xét ý nghĩa sâu xa kín đáo của *Mười hai bộ kinh*. Theo đúng phương pháp trị nước là ví như các vị Bồ Tát y theo Chánh pháp mà tu hành, chẳng hạn như tu *sáu pháp Ba-la-mật*.² Nhờ tu tập *sáu pháp Ba-la-mật* nên không còn những sự hờn oán đối nghịch, ví như các vị Bồ Tát đã dứt lìa quân giặc xấu ác là những trói buộc phiền não. Nhân dân được yên vui ví như các vị Bồ Tát đạt đến *Niết-bàn* với *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Thiện nam tử! Ví như người mắc bệnh cùi, có vị thiện tri thức bảo rằng: ‘Nếu ông đến được nơi ven núi *Tu-di* thì có thể khỏi bệnh. Vì sao vậy? Vì ở đó có một loại thuốc hay, mùi vị như *cam lộ*. Ai đã dùng thuốc ấy thì cho dù bệnh gì cũng được khỏi cả!’ Người ấy hết lòng tin tưởng việc này, liền đi đến nơi ven núi *Tu-di*, tìm hái được và uống vị thuốc [có mùi vị] như *cam lộ* kia. Uống rồi liền khỏi bệnh, thân được yên vui.

“Người mắc bệnh cùi ví như những kẻ phàm phu. Vị thiện tri thức kia ví như các vị Đại Bồ Tát. Hết lòng tin nhận sự việc ví như *Bốn tâm vô lượng*.³ Núi *Tu-di* ví như *Tám Thánh đạo*. Mùi vị *cam lộ* ví như *tánh Phật*. Bệnh

¹ Mười hai bộ kinh (Thập nhị bộ kinh): cũng gọi là Mười hai phần giáo, chỉ các hình thức thuyết giảng giáo lý khác nhau. Xem phụ lục Tham khảo thuật ngữ.

² Sáu pháp Ba-la-mật (Lục Ba-la-mật), cũng gọi là Lục độ, là các hạnh nguyện tu tập của Bồ Tát, gồm có Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật và Trí tuệ Ba-la-mật.

³ Bốn tâm vô lượng (Tứ vô lượng tâm): gồm có các tâm từ, bi, hỷ và xả, là những tâm lượng rộng lớn vô biên mà vị Bồ Tát khi tu tập phải sanh khởi hướng về tất

cùi được khỏi ví như dứt lìa mọi phiền não. Thân được yên vui ví như đạt đến *Niết-bàn* với *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Thiện nam tử! Ví như có người nuôi các đệ tử đều thông minh lanh lợi. Người ấy ngày đêm thường dạy dỗ không mệt mỏi. Các vị Bồ Tát cũng vậy, thường giáo hóa tất cả chúng sanh không hề mệt mỏi, chán nản, dù cho có kẻ [phát khởi lòng] tin hoặc không tin.

“Thiện nam tử! Những bậc thiện tri thức là Phật, Bồ Tát, Phật *Bích-chi*, Thanh văn và những người tin nhận kinh *Phương đẳng*.

“Vì sao gọi đó là các bậc thiện tri thức? Thiện tri thức là bạn lành có hiểu biết, là những người có thể dạy cho chúng sanh lìa xa *Mười điều ác*,¹ tu hành *Mười điều thiện*.² Vì thế nên gọi là thiện tri thức, nghĩa là có sự hiểu biết tốt lành.

“Lại nữa, thiện tri thức là những người thuyết giảng đúng theo Chánh pháp và thực hành theo đúng như sự thuyết giảng đó. Sao gọi là thuyết giảng đúng theo Chánh pháp và thực hành theo đúng như sự thuyết giảng? Đó là tự mình không làm việc giết hại và dạy người khác đừng giết hại, cho đến tự mình thực hành *Chánh kiến*³ và dạy

cả chúng sanh, nên gọi là tâm vô lượng, cũng thường gọi là Đại từ, Đại bi, Đại hỷ và Đại xả.

¹ Mười điều ác (Thập ác): 1. Sát sanh, 2. Trộm cướp, 3. Tà dâm (Ba điều ác này thuộc về thân nghiệp). 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ (nói lời trau chuốt, vô nghĩa), 6. Lường thiệt (nói dâm thọc, nói hai lưỡi), 7. Ác khẩu (nói lời ác độc, gây tổn thương người khác) (Bốn điều này thuộc về khẩu nghiệp) 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Si mê hay tà kiến (Ba điều này thuộc về ý nghiệp).

² Mười điều thiện (Thập thiện): Ngược lại với Mười điều ác, nghĩa là tự mình không phạm vào mười điều ác và khuyên người khác không làm Mười điều ác.

³ Từ việc không giết hại cho đến tự mình thực hành Chánh kiến, ý nói tóm gọn cả Mười điều lành (Thập thiện nghiệp) như vừa nói ở đoạn trên.

người khác thực hành *Chánh kiến*. Nếu có thể được như vậy mới đáng gọi là bậc thiện tri thức chân thật.

“Tự mình tu đạo giác ngộ và cũng dạy cho người khác tu hành giác ngộ. Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc thiện tri thức. Tự mình có thể tu hành *tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ*, lại cũng có thể dạy người tu hành *tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ*. Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc thiện tri thức.

“Thiện tri thức là người có những pháp lành. Những gì là pháp lành? Đó là khi làm bất cứ việc gì đều chẳng cầu sự an vui cho riêng mình, mà luôn cầu sự an vui cho hết thảy chúng sanh. Thấy người khác có sự lỗi lầm cũng không thường nói ra chỗ khiếm khuyết của họ [để chê bai], chỉ thường nói ra toàn những việc tốt lành [để khuyến khích]. Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Như mặt trăng giữa không trung, từ mỏng một cho đến rằm cứ mỗi ngày một lớn hơn. Bậc thiện tri thức cũng vậy, giúp cho những người tu học dần dần lìa xa các pháp xấu ác, tăng trưởng các pháp lành [mỗi ngày một lớn mạnh hơn].

“Thiện nam tử! Người chưa từng có *giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, nếu gần gũi bậc thiện tri thức liền được có; nếu đã có nhưng chưa đầy đủ, liền được tăng trưởng thêm. Vì sao vậy? Đó là nhờ gần gũi với các bậc thiện tri thức. Nhờ sự gần gũi ấy lại được hiểu rõ nghĩa lý sâu xa của *Mười hai bộ kinh*. Nếu có thể nghe được nghĩa lý sâu xa của *Mười hai bộ kinh* mới gọi là nghe pháp.

“Nghe pháp [ở đây] tức là nghe những kinh điển *Phương đẳng Đại thừa*. Nghe được những kinh điển *Phương đẳng* mới thật là nghe pháp. Người thật nghe pháp là lắng

nghe và thọ nhận kinh Đại *Niết-bàn*. Từ trong kinh Đại *Niết-bàn* mà nghe biết rằng có tánh Phật, rằng Như Lai rốt cùng không dứt bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*. Nghe được như vậy nên gọi là hết lòng nghe pháp.¹

“Hết lòng nghe pháp, đó là nghe Tám Thánh đạo. Vì Tám Thánh đạo có thể đoạn tuyệt tham dục, sân khuể, ngu si, cho nên nghe Tám Thánh đạo gọi là nghe Pháp.

“Nghe pháp, tức là [nghe về] *Mười một pháp không*.² Do nơi các pháp *không* này mà đối với tất cả các pháp đều không tạo tác tướng trạng, hình mạo.

“Nghe pháp, tức là từ chỗ phát tâm ban đầu [rời tu tập] cho đến chỗ cứu cánh cuối cùng của tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nhân chỗ phát tâm ban đầu mà [tu tập dần dần] đạt đến Đại *Niết-bàn*. Không phải chỉ nghe mà đạt đến Đại *Niết-bàn*, chính nhờ sự tu tập mới đạt đến Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như người bệnh, tuy được nghe lời chỉ dạy của thầy thuốc và nghe tên các vị thuốc, nhưng chẳng khỏi bệnh. Phải uống thuốc vào mới được khỏi bệnh. [Cũng vậy,] tuy có được nghe pháp *Mười hai nhân duyên* sâu xa cũng không thể dứt trừ hết thủy phiền não; cần phải chú tâm suy xét kỹ lưỡng mới có thể dứt trừ phiền não. Đó là pháp thứ ba trong bốn pháp làm nhân duyên đạt đến Đại *Niết-bàn*: *phải chú tâm suy xét*.

¹ Đây bắt đầu nói về pháp thứ hai trong bốn pháp làm nhân duyên đạt đến Đại *Niết-bàn*: Hết lòng nghe pháp.

² Mười một pháp không (thập nhất không), bao gồm: 1. Nội không, 2. Ngoại không, 3. Nội ngoại không, 4. Hữu vi không, 5. Vô vi không, 6. Vô thủy không, 7. Tánh không, 8. Vô sở hữu không, 9. Đệ nhất nghĩa không, 10. Không không, 11. Đại không. Các pháp không này đã được Phật giảng rõ trong quyển 16. Xem lại từ trang 409 của Tập 3.

“Chú tâm suy xét còn có ý nghĩa gì khác nữa? Đó là ba pháp *Tam-muội*: *Tam-muội Không*, *Tam-muội Vô tác* và *Tam-muội Vô tướng*.

“*Không*, nghĩa là đối với *Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* không thấy có cảnh giới nào là có thật. *Vô tác*, nghĩa là đối với *Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* không có một sự ước nguyện mong cầu nào cả. *Vô tướng*, nghĩa là không có mười tướng: tướng hình sắc, tướng âm thanh, tướng mùi hương, tướng vị nếm, tướng xúc chạm, tướng sanh ra, tướng tồn tại, tướng diệt mất, tướng nam và tướng nữ.

“Tu tập ba pháp *Tam-muội* như trên gọi là sự chú tâm suy xét của hàng Bồ Tát.

“Sao gọi là *y theo pháp mà tu hành*? Đó là tu hành các pháp *ba-la-mật*, từ *Bồ thí* cho đến *Bát-nhã*;¹ rõ biết tướng chân thật của các *ám, nhập, giới*; cũng rõ biết rằng các vị Thanh văn, Duyên giác và chư Phật đều theo cùng một đường mà nhập *Niết-bàn*. Pháp của *Niết-bàn* là *thường, lạc, ngã, tịnh*, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không đói khát, không khổ não, không thối chuyển, không diệt mất.

“Thiện nam tử! Hiểu được ý nghĩa rất sâu xa của Đại *Niết-bàn* thì biết rằng chư Phật rốt cùng không dứt bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Bậc thiện tri thức chân thật nhất là chư Bồ Tát và chư Phật Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì thường khéo dùng ba cách điều phục giáo hóa chúng sanh. Ba cách ấy

¹ Ở đây chỉ chung cả sáu pháp ba-la-mật (Lục ba-la-mật), nói đủ là gồm: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định và Bát-nhã (Trí tuệ).

là gì? Một là [có khi] dùng toàn những lời dịu ngọt, hai là [có khi] dùng toàn những lời quả trách và ba là [có khi lại] vừa dùng lời dịu ngọt vừa quả trách. Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát và chư Phật là những bậc thiện tri thức chân thật nhất!

“Lại nữa, thiện nam tử! Phật và Bồ Tát là những bậc đại lương y nên xưng là thiện tri thức. Vì sao vậy? Vì biết rõ bệnh, biết rõ thuốc, có thể tùy bệnh mà cho thuốc thích hợp.

“Ví như vị lương y thông thạo tám phép trị bệnh, trước hết phải xem tướng trạng của bệnh. Có ba tướng trạng khác nhau là *phong*, *nhiệt* và *thủy*. Người có bệnh *phong* thì cho dùng dầu váng sữa, người có bệnh *nhiệt* thì cho dùng đường phèn, người có bệnh *thủy* thì cho cho uống nước gừng. Vì rõ biết gốc bệnh nên cho dùng thuốc liền khỏi bệnh, được tôn xưng là lương y.

“Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, các ngài rõ biết bệnh của người phàm phu có ba loại: *tham dục*, *sân khuể* và *ngu si*. Những kẻ có bệnh tham dục liền dạy họ phép *quán xương trắng*.¹ Những kẻ có bệnh sân khuể liền dạy cho họ phép *quán từ bi*.² Những kẻ có bệnh ngu si liền dạy cho họ phép *quán Mười hai nhân duyên*.³ Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

¹ Phép quán xương trắng (bạch cốt quán): phép quán tưởng trong đó hành giả quán thân người như bộ xương trắng để thấy là không thật có, đây những sự nhơ nhớp và không bao lâu sẽ tan hoại.

² Phép quán từ bi (từ bi quán): phép quán tưởng trong đó hành giả khởi tâm từ bi hướng đến tất cả chúng sanh.

³ Phép quán Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên quán), còn gọi là quán Duyên khởi, trong đó hành giả quán chiếu sự sanh khởi của tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà có, thấy đều không có thật tướng, thật tánh.

“Thiện nam tử! Ví như vị đại thuyền sư,¹ có tài đưa người vượt biển nên được tôn xưng là đại thuyền sư. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, các ngài cứu độ chúng sanh vượt khỏi biển sanh tử. Vì nghĩa ấy nên được tôn xưng là thiện tri thức.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nhờ có chư Phật và Bồ Tát nên chúng sanh mới tu hành đạt được đầy đủ các pháp lành căn bản. Thiện nam tử! Ví như Tuyết sơn là cội nguồn căn bản của đủ mọi thứ thuốc hay lạ quý báu. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, là căn bản của mọi điều lành. Vì nghĩa ấy nên được tôn xưng là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Nơi Tuyết sơn có loại thuốc quý rất thơm, gọi là *Ta-ha*. Ai gặp được loại thuốc ấy thì sống lâu, không có bệnh khổ. Dầu gặp bốn thứ độc² cũng không làm hại được. Ai chạm vào tới thuốc ấy thì tuổi thọ tăng thêm, sống đến một trăm hai mươi tuổi. Ai niệm tưởng thuốc ấy thì được trí *túc mạng*.³ Vì sao vậy? Đó là nhờ thế lực của thuốc ấy. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy. Những ai được gặp Phật và Bồ Tát đều dứt trừ tất cả phiền não. Dầu gặp bốn thứ ma⁴ cũng không bị nhiễu loạn. Những ai được tiếp xúc với Phật và Bồ Tát thì đời sống được dài lâu, vượt

¹ Thuyền sư: người có khả năng chỉ huy con tàu vượt biển, cũng như thuyền trưởng ngày nay.

² Bốn thứ độc (Tứ chủng độc): Bốn thứ độc hại của các loài rắn, loài trùng, loài ác quỷ, ác ma. Bao gồm: 1. Kiến độc: lấy mắt nhìn gây hại; 2. Xúc độc: xúc chạm vào người gây hại; 3. Khiết độc: cắn, gặm vào người gây hại; và 4. Hư độc (khí độc): thở ra hơi độc gây hại.

³ Trí túc mạng: trí tuệ thấy biết được những kiếp sống trước đây.

⁴ Bốn thứ ma (Tứ ma): 1. Phiền não ma, 2. Ấm ma (Ma ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), 3. Tử ma (Ma chết), 4. Tha hóa tự tại thiên tử ma (Ma vương và thuộc hạ của ma vương ở cõi trời Tha hóa tự tại hiện đến).

khỏi sanh tử, không còn thối chuyển, diệt mất. Tiếp xúc ở đây có nghĩa là được ở bên Phật, được nghe và lãnh thọ Chánh pháp nhiệm mầu. Những ai niệm tưởng chư Phật và Bồ Tát đều sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Như ở Hương sơn có hồ *A-na-bà-đạp-đa*.¹ Từ nơi hồ ấy có bốn con sông cái chảy ra là sông *Hằng*, sông *Tân-đầu*, sông *Tứ-đà* và sông *Bác-xoa*. Người đời thường nói rằng những ai có tội mà tắm ở bốn sông ấy thì các tội đều tiêu diệt. Nên biết rằng lời ấy là hư dối, [vì việc tắm sông] không thật trừ diệt được những việc làm [xấu ác] đã qua. Những gì là thật? Chỉ có chư Phật và Bồ Tát mới là thật. Vì sao vậy? Những ai thân cận chư Phật và Bồ Tát ắt trừ diệt được tất cả các tội lỗi [trước đây]. Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trên mặt đất có những loại cây thuốc, rừng rậm, trăm giống lúa, mía đường, hoa quả... Gặp lúc nắng hạn, hết thấy những thứ ấy đều khô cằn sắp chết. Các vị long vương *Nan-đà* và *Bạt-nan-đà* thương xót chúng sanh nên ra khỏi biển cả, đổ xuống trận mưa lành. Nhờ đó, hết thấy rừng rậm, lúa thóc, cỏ cây đều được tươi nhuận và sống lại.

“Tất cả chúng sanh cũng giống như thế, có bao nhiêu căn lành đều sắp diệt mất cả. Chư Phật và Bồ Tát sanh lòng đại từ bi, từ nơi biển trí tuệ đổ xuống cơn mưa *cam lộ* [là Chánh pháp], giúp cho chúng sanh được đầy đủ pháp

¹ Tên một cái hồ lớn, Phạn ngữ là Anavatapta, cũng phiên âm là A-nậu-đạt.

*Thập thiện.*¹ Vì nghĩa ấy nên tôn xưng chư Phật và Bồ Tát là thiện tri thức.

“Thiện nam tử! Ví như vị lương y thông thạo tám phép trị bệnh, khi gặp người bệnh không hề quan tâm đến dòng họ chủng tộc, không phân biệt đẹp hay xấu, giàu hay nghèo... đều lo việc chữa trị ngay. Vì thế nên được tôn xưng là đại lương y. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, khi chúng sanh có bệnh phiền não, các ngài chẳng quan tâm đến dòng họ chủng tộc, chẳng phân biệt tốt xấu, giàu nghèo... đều vì tất cả mà khởi lòng từ mẫn thuyết pháp cho nghe. Chúng sanh nghe rồi thì bệnh phiền não được dứt trừ. Vì nghĩa ấy nên chư Phật và Bồ Tát được tôn xưng là thiện tri thức.

“Nhờ nhân duyên gần gũi các bậc thiện hữu như thế mà được đến gần Đại Niết-bàn.

“Thế nào là Bồ Tát nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại Niết-bàn?

“Hết thầy chúng sanh nhờ nghe pháp mà đầy đủ *tín căn*.² Nhờ có *tín căn* nên ưa thích thực hành *bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ*; chúng quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả Phật. Vì thế nên biết rằng có được các pháp lành đều là nhờ tác dụng của nhân duyên nghe pháp.

“Thiện nam tử! Ví như vị trưởng giả chỉ có một người con duy nhất, vì có việc buôn bán cần thiết ở nước khác

¹ Thập thiện: cũng gọi là Thập thiện nghiệp, tức Mười điều lành. Xem phụ lục Tham khảo thuật ngữ.

² Tín căn: tức lòng tin sâu vững nơi Tam bảo, nơi Chánh pháp của Phật truyền dạy.

nên sai con đến đó. Ông chỉ rõ đường sá cho con, chỗ nào thuận tiện, chỗ nào hiểm trở, rồi lại răn dạy rằng: *‘Nếu gặp phải hạng đàn bà dâm dăng thì phải thận trọng không được gần gũi yêu mến. Nếu con yêu mến hạng người ấy thì phải táng thân mất mạng và tiêu tan hết cả tiền của. Đối với những kẻ xấu ác cũng không được giao du.’* Người con kính vâng lời cha dạy, thân tâm được yên ổn, mang về rất nhiều tiền của.

“Bồ Tát *Ma-ha-tát* vì chúng sanh giảng giải pháp yếu cũng giống như vậy, chỉ rõ những con đường thuận tiện hoặc hiểm trở cho hết thấy chúng sanh và *Bốn bộ chúng*.¹ Nhờ nghe pháp rồi, tất cả đều lìa xa các pháp xấu ác, được đầy đủ các pháp lành. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần *Đại Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như gương sáng soi vào thấy rõ mặt người. Việc nghe pháp cũng như gương sáng, soi vào đó ắt thấy rõ những việc thiện ác, không chi ngăn ngại. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần *Đại Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như người khách buôn muốn đến nơi có châu báu nhưng không biết đường đi. Có người liền chỉ đường cho. Khách buôn theo lời chỉ dẫn, đi đến nơi có châu báu, tìm lấy được nhiều không kể xiết. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, muốn đến cảnh giới tốt lành để được vật báu là đạo pháp, nhưng không biết đường sá khó dễ thế nào. Bồ Tát liền chỉ dạy cho họ. Theo lời dạy

¹ Bốn bộ chúng (Tứ bộ chúng): cũng gọi là Tứ chúng, gồm: 1. Tỳ-kheo, 2. Tỳ-kheo ni, 3. Cư sĩ nam (Ưu-bà-tắc), và 4. Cư sĩ nữ (Ưu-bà-di). Tứ chúng được dùng chỉ chung tất cả Phật tử tại gia và xuất gia.

ấy, chúng sanh đến được cảnh giới tốt lành, tìm được vật báu là *Vô thượng Đại Niết-bàn*. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần *Đại Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như con voi say cuồng ngây hung bạo muốn giết hại nhiều người. Có người nài voi dùng móc sắt lớn móc vào đầu, voi liền khuất phục, dứt bỏ lòng hung dữ. Tất cả chúng sanh cũng vậy, bởi say vì *tham dục, sân khuể, ngu si* nên muốn tạo nhiều việc ác. Chư Bồ Tát dùng móc sắt lớn là việc nghe pháp mà điều phục, khiến họ trụ yên, không còn khởi lên những tâm xấu ác. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần *Đại Niết-bàn*.

“Vì thế nên trong tất cả các kinh ta thường dạy đệ tử rằng, nếu hết lòng lắng nghe và thọ nhận *Mười hai bộ kinh* ắt sẽ lìa khỏi *Năm sự che chướng*,¹ tu tập được *Bảy phần giác*.² Nhờ tu tập *Bảy phần giác* mà được đến gần *Đại Niết-bàn*.

“Nhờ nghe pháp mà hàng *Tu-đà-hoàn* lìa khỏi những sự sợ sệt. Vì sao vậy? Trưởng giả *Tu-đạt* thân mang bệnh nặng, lòng hết sức lo buồn sợ sệt, nghe *Xá-lợi-phất* dạy

¹ Năm sự che chướng (Ngũ cái): năm pháp ngăn che khiến pháp lành không thể nảy sanh, gồm có: 1. Tham dục, 2. Sân khuể, 3. Thụy miên (biếng nhác mê ngủ), 4. Trạo hối (xao động buồn rầu), 5. Nghi pháp (ngờ vực Chánh pháp).

² Bảy phần giác (Thất giác chi): Bảy phần sáng suốt góp phần tạo nên trí tuệ giải thoát, hay bảy sự hiểu biết chân chánh về những khía cạnh khác nhau trên đường tu tập, bao gồm: 1. Trạch pháp giác chi (sự sáng suốt phân biệt chánh pháp và tà pháp, chọn lựa đúng giáo pháp chân chánh để hành trì), 2. Tinh tấn giác chi (sự sáng suốt biết tinh tấn, chuyên cần tu học chánh pháp), 3. Hỷ giác chi (sự sáng suốt biết vui sướng, hoan hỷ khi được chánh pháp), 4. Khinh an giác chi (sự sáng suốt thanh thản nhẹ nhàng, trừ bỏ mọi chướng ngại trên đường tu tập), 5. Niệm giác chi (sự sáng suốt thường niệm tưởng chánh pháp, Tam bảo), 6. Định giác chi (sự sáng suốt an trú trong chánh định, không tán loạn tâm ý) và 7. Xả giác chi (sự sáng suốt buông bỏ các tà pháp, ác pháp).

rằng hàng *Tu-đà-hoàn* có bốn công đức,¹ mười loại ủy dụ;² nghe việc ấy rồi thì dứt lòng sợ sệt. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì khai mở được con mắt pháp.

“Thế gian có ba hạng người, một là không có mắt, hai là chỉ có một mắt và ba là có đủ hai mắt. Người không có mắt ví như người không được nghe pháp. Người chỉ có một mắt ví như người tuy tạm được nghe pháp nhưng tâm chẳng trụ yên. Người có đủ hai mắt ví như người chuyên tâm lắng nghe và thọ nhận, y theo chỗ đã nghe mà thực hành. Nhờ nghe pháp mà rõ biết được ba hạng người như vậy ở đời. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được đến gần Đại *Niết-bàn*.”

“Thiện nam tử! Lúc trước ta ở thành *Câu-thi-na*. Khi ấy, *Xá-lợi-phất* thân mang bệnh khổ, ta liền sai *tỳ-kheo A-nan* đến, vì ông ấy mà thuyết rộng Chánh pháp. Nghe

¹ Về bốn công đức ở đây, chúng tôi chưa rõ chính xác là chỉ đến bốn công đức nào, nhưng tham khảo Phật Quang Đại từ điển có viết: “Nếu gần gũi người hiền thiện ắt được nghe Chánh pháp; nhờ được nghe Chánh pháp nên có đủ bốn công đức.” Xem ra cũng khá phù hợp với ý nghĩa văn kinh trong đoạn này. Vì thế chúng tôi xin trích dẫn giải thích của Phật Quang Đại từ điển về bốn công đức này để quý độc giả tham khảo. “Bốn công đức (hay Tứ công đức xứ), dịch từ Phạn ngữ là *catvāri-adhiṣṭhānāni*, bao gồm 1. Tuệ đức xứ (*prajñā-adhiṣṭhāna*), chỉ việc nghe Chánh pháp nên được sinh ra trí tuệ lớn lao chân chánh; 2. Thật đức xứ (*satya-adhiṣṭhāna*), chỉ việc nhân nơi trí tuệ chân chánh nên thấy được chân lý về thật tánh của các pháp; 3. Xả đức xứ (*tyāga-adhiṣṭhāna*), gồm hai nghĩa, một là thí xả chỉ việc thực hành các việc tài thí (bố thí tài vật) và pháp thí (bố thí pháp, nghĩa là rộng truyền Chánh pháp khắp nơi); hai là trừ xả, chỉ việc thấu suốt lý chân không nên buông xả, dứt trừ mọi phiền não; 4. Tịch diệt đức xứ (*upaśamā-adhiṣṭhāna*), chỉ việc dứt trừ hết phiền não nên tâm đạt đến chỗ tịch diệt, vắng lặng an vui.”

² Mười loại ủy dụ: Theo *Niết-bàn* kinh tập giải thì Mười loại ủy dụ này gồm Bát Thánh đạo cộng với chánh kiến và tâm giải thoát. Chánh kiến ở đây chỉ Vô sanh trí (無生智), và tâm giải thoát chỉ Phân tận trí (分盡智), là hai loại trí tuệ của bậc vô học.

pháp như vậy rồi, *Xá-lợi-phất* liền bảo bốn vị đệ tử của mình rằng: ‘*Các ông hãy dùng võng mà khiêng ta đến chỗ Phật. Ta muốn được nghe Chánh pháp.*’

“Bốn vị đệ tử liền cùng nhau khiêng *Xá-lợi-phất* đến chỗ ta. [*Xá-lợi-phất*] được nghe pháp rồi, nhờ công năng mạnh mẽ của sự nghe pháp nên bệnh khổ liền nhẹ dứt, thân được an ổn. Vì nghĩa ấy, nhờ nhân duyên nghe pháp ắt được đến gần Đại *Niết-bàn*.”

“Thế nào là Bồ Tát do nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại *Niết-bàn*? Nhân việc suy xét này mà tâm được giải thoát. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh thường bị *Năm dục*¹ trói buộc, nhờ có sự suy xét mà được giải thoát khỏi *Năm dục*. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại *Niết-bàn*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả chúng sanh thường bị bốn pháp làm cho điên đảo. Đó là cho rằng các pháp *thường tồn, vui thích, thật có tự ngã và thanh tịnh*. Nhờ sự suy xét mà thấy được rằng các pháp [vốn thật] đều là *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*. Thấy được như vậy rồi, bốn sự điên đảo kia liền dứt mất. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại *Niết-bàn*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả các pháp đều có bốn tướng. Những gì là bốn? Một là tướng *sanh ra*, hai là tướng *già yếu*, ba là tướng *bệnh hoạn*, và bốn là tướng *diệt mất*. Bốn tướng ấy khiến cho tất cả chúng sanh, từ phàm

¹ Năm dục (Ngũ dục): Năm sự ham muốn, khi được thỏa mãn thì làm cho người ta cảm thấy vui thích, nên gọi là dục lạc. Gồm có: 1. Sắc dục: Ham muốn sắc đẹp. 2. Thanh dục: Ham muốn âm thanh êm dịu, thích tai. 3. Hương dục: Ham muốn mùi thơm. 4. Vị dục: Ham muốn vị ngon ngọt. 5. Xúc dục: Ham muốn sự đụng chạm êm ái.

phu cho đến bậc *Tu-đà-hoàn* đều sanh ra nhiều khổ não. Nếu ai biết chú tâm suy xét kỹ thì dù gặp bốn tướng ấy cũng không sanh ra khổ não. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Tất cả các pháp lành đều do sự suy xét mà có. Vì sao vậy? Như có người hết lòng nghe pháp trong vô số kiếp, nhưng không suy xét thì cuối cùng cũng không đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những chúng sanh tin rằng *Phật, Pháp, Tăng* không hề biến đổi nên sanh lòng cung kính, nên biết rằng đó đều do sức mạnh của nhân duyên chú tâm suy xét, nhờ đó mà dứt trừ được tất cả phiền não. Vì nghĩa ấy nên nhờ nhân duyên suy xét mà được đến gần Đại *Niết-bàn*.

“Thế nào là Bồ Tát *y theo pháp tu hành*? Thiện nam tử! Dứt bỏ các pháp xấu ác, tu tập các pháp lành, đó gọi là Bồ Tát *y theo pháp tu hành*.

“Lại nữa, thế nào là *y theo pháp tu hành*? Đối với tất cả các pháp đều thấy là rỗng không, không gì có thể sở hữu, [tất cả đều] không thường tồn, không vui thích, không thật có tự ngã, không thanh tịnh. Vì thấy rõ như vậy nên thà xả bỏ thân mạng cũng quyết không phạm vào các giới cấm. Đó gọi là Bồ Tát *y theo pháp tu hành*.

“Lại nữa, thế nào là *y theo pháp tu hành*? Tu hành có hai hạng, một là chân thật, hai là không chân thật. Hạng không chân thật là không rõ biết tướng của *Niết-bàn*, tánh *Phật, Như Lai, Pháp, Tăng*, tướng thật, tướng hư

không... Đó gọi là [tu hành] *không chân thật*. Thế nào là *chân thật*? Là rõ biết được tướng của *Niết-bàn*, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không... Đó gọi là [tu hành] *chân thật*.

“Thế nào gọi là rõ biết tướng *Niết-bàn*? Tướng của *Niết-bàn* có tám biểu hiện. Những gì là tám? Một là dứt sạch, hai là tánh thiện, ba là thật có, bốn là chân chánh, năm là thường tồn, sáu là an vui, bảy là chân ngã, tám là thanh tịnh. Đó gọi là *Niết-bàn*.

“*Niết-bàn* lại có tám biểu hiện khác. Những gì là tám? Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân chánh, năm là không thường tồn, sáu là không an vui, bảy là không chân ngã, tám là không thanh tịnh.

“*Niết-bàn* lại có sáu biểu hiện khác: Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân chánh, năm là an vui, sáu là thanh tịnh.

“Nếu có những chúng sanh y theo đạo thế tục, dứt trừ phiền não, *Niết-bàn* mà họ đạt được sẽ có tám biểu hiện: *giải thoát, không thật.v.v...* Vì sao vậy? Vì không thường tồn. Do không thường tồn nên *không thật*. Do không thật nên *không chân chánh*. Tuy dứt trừ phiền não lại khởi lên phiền não, cho nên là *không thường tồn, không an vui, không chân ngã, không thanh tịnh*. Đó gọi là *Niết-bàn* với tám biểu hiện [từ *giải thoát* cho đến *không thanh tịnh*].

“Còn thế nào là sáu biểu hiện? Hàng Thanh văn, Duyên giác dứt trừ phiền não cho nên gọi là *giải thoát*, nhưng vì chưa đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên gọi là *không thật*. Do *không thật* nên gọi là *không chân*

chánh. Trong đời vị lai sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên gọi là *vô thường*. Vì đạt được *Tám thánh đạo* không còn phiền não nên gọi là *thanh tịnh, an vui*.

“Thiện nam tử! Nếu ai rõ biết như trên [vừa nói], đó là rõ biết *Niết-bàn*, không gọi là rõ biết tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, hư không.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tánh Phật? Tánh Phật có sáu biểu hiện. Những gì là sáu? Một là thường tồn, hai là thanh tịnh, ba là đúng thật, bốn là hiền thiện, năm là thấy biết hiện tiền, sáu là chân chánh.

“Lại có bảy biểu hiện: Một là có thể chứng biết, cùng với sáu biểu hiện như trên. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tánh Phật.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng Như Lai? Như Lai tức là tướng *tĩnh giác*, tướng *hiền thiện*; là *thường, lạc, ngã, tịnh, giải thoát, chân chánh, thật có*; là chỉ bày đạo pháp có thể thấy được. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tướng Như Lai.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng của *Pháp*? Tướng của *Pháp* có thể là *thiện* hoặc *bất thiện*, là *thường* hoặc *vô thường*, là *an vui* hoặc *không an vui*, là *ngã* hoặc *vô ngã*, là *thanh tịnh* hoặc *bất tịnh*, là *biết* hoặc *không biết*, là *giải thoát* hoặc *không giải thoát*, là *chân chánh* hoặc *không chân chánh*, là *tu* hoặc *không tu*, là *thầy* hoặc *chẳng phải thầy*, là *thật* hoặc *chẳng thật*. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tướng của *Pháp*.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết tướng của *Tăng*? Tướng của *Tăng* nếu là *thường, lạc, ngã, tịnh* cũng là tướng của hàng đệ tử, là tướng có thể thấy được, tuy hiền thiện, chân chánh nhưng là *chẳng thật*. Vì sao vậy? Vì tất cả Thanh

văn đều đạt được đạo của Phật. Vì sao gọi là chân chánh? Vì tỏ ngộ được tánh của *Pháp*. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết tướng của *Tăng*.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết *tướng thật*? Tướng thật có thể là *thường* hoặc *vô thường*; là *an vui* hoặc *không an vui*; là *ngã* hoặc *vô ngã*, là *thanh tịnh* hoặc *bất tịnh*; là *thiện* hoặc *bất thiện*; là *có* hoặc là *không*; là *Niết-bàn* hoặc *chẳng phải Niết-bàn*; là *giải thoát* hoặc *không giải thoát*; là *biết* hoặc *không biết*; là *dứt mắt* hoặc *không dứt mắt*; là *chứng đắc* hoặc *không chứng đắc*; là *tu* hoặc *không tu*; là *thấy* hoặc *không thấy*. Như thế gọi là tướng thật, chẳng phải các tướng *Niết-bàn*, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

“Đó gọi là Bồ Tát nhờ tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này mà rõ biết những tướng khác biệt của *Niết-bàn*, tánh Phật, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* chẳng thấy hư không. Vì sao vậy? Phật và Bồ Tát tuy có *năm thứ mắt* nhưng chẳng thấy được hư không. Chỉ có mắt tuệ mới thấy được. Chỗ mà mắt tuệ nhìn thấy là *không một pháp nào có thể thấy* mới gọi là thấy. Nếu thật không có vật gì thì gọi là hư không; hư không như vậy mới gọi là thật. Vì là thật nên thường là không. Vì thường là không nên không có *lạc, ngã, tịnh*.

“Thiện nam tử! *Không*, gọi là *không có pháp; không có pháp*, gọi là không. Cũng như người thế gian thấy không có vật gì thì gọi là không. Tánh của hư không cũng giống như thế, vì không có gì cả nên gọi là hư không.

“Thiện nam tử! Chúng sanh và hư không đều không có tánh thật. Vì sao vậy? Như có người nói: ‘*Trừ hết những vật đang có thì tạo thành hư không.*’ Nhưng hư không thật không thể tạo thành. Vì sao vậy? Vì hư không là không có gì cả. Vì không có gì cả nên biết rằng *không có cả cái không.*

“Tánh của hư không nếu có thể tạo thành thì phải gọi là vô thường. Nếu là vô thường thì chẳng gọi là hư không.

“Thiện nam tử! Như người thế gian nói rằng: ‘Hư không không có hình sắc, không ngăn ngại, thường không thay đổi.’ Vì thế nên người ta gọi tánh của hư không là đại thứ năm.¹

“Thiện nam tử! Nhưng hư không thật không có tánh, vì có ánh sáng nên gọi là hư không, chứ thật không có hư không; cũng như chân lý thế gian vốn thật không có, nhưng vì chúng sanh nên ta dạy là có chân lý thế gian.

Thiện nam tử! Thể của *Niết-bàn* cũng giống như vậy, không có chỗ trụ. Chính ngay nơi chư Phật dứt sạch phiền não thì gọi là *Niết-bàn*. *Niết-bàn* chính là *thường tồn, an vui, chân ngã, thanh tịnh*. *Niết-bàn* tuy là an vui nhưng chẳng phải cái vui hưởng thụ, mà là cái vui tịch diệt cao siêu mầu nhiệm.

“Chư Phật Như Lai có hai sự vui: Một là sự vui tịch diệt, hai là sự vui rõ biết. Thể của tướng thật có ba sự vui: Một là sự vui hưởng thụ, hai là sự vui tịch diệt, ba là sự vui rõ biết. Tánh Phật có một sự vui là thấy biết hiện tiền. Khi

¹ Đại thứ năm: Tứ đại là *địa* (đất, tượng trưng cho chất rắn), *thủy* (nước, tượng trưng cho độ ẩm), *hỏa* (lửa, tượng trưng cho năng lượng), *phong* (gió, tượng trưng cho sự chuyển động). Hư không được thêm vào bốn đại này, gọi là đại thứ năm.

chúng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* gọi là sự vui giác ngộ.”

Lúc ấy, Bồ Tát *Ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói chỗ dứt sạch phiền não là *Niết-bàn* thì không hợp lý! Vì sao vậy? Ngày trước, lúc Như Lai vừa mới thành Phật, đi đến bên bờ sông *Ni-liên-thiên*; bấy giờ Ma vương và quyến thuộc đến chỗ Phật, nói rằng: ‘Thế Tôn! Đã đến lúc nhập *Niết-bàn*, sao ngài không nhập?’ Phật bảo Ma vương: ‘Nay ta chưa có những đệ tử đa văn, khéo giữ giới cấm, thông minh lợi trí, có thể giáo hóa chúng sanh, cho nên ta chưa nhập *Niết-bàn*.’

“Nếu nói rằng chỗ dứt sạch phiền não là *Niết-bàn*, tại sao chư Bồ Tát đã lìa khỏi phiền não từ vô lượng kiếp lại không được xưng là *Niết-bàn*? Cũng đều là chỗ dứt sạch, duyên cớ gì chỉ riêng xưng chư Phật là *Niết-bàn*, chư Bồ Tát lại là không?

“Nếu dứt sạch phiền não chẳng phải là *Niết-bàn*, vì sao ngày xưa Như Lai bảo ông *Bà-la-môn* Sanh Danh rằng: ‘Thân ta hiện nay tức là *Niết-bàn*.’

“Lại khi Như Lai ở tại thành *Tỳ-xá-ly*, Ma đến thưa rằng: ‘Ngày xưa vì chưa có những đệ tử đa văn, trì giới, thông minh lợi trí, có thể giáo hóa chúng sanh nên Như Lai không nhập *Niết-bàn*. Nay đã có đủ rồi, tại sao ngài không nhập?’ Bấy giờ, Như Lai liền bảo Ma rằng: ‘Nay người chớ đem lòng lo lắng cho là chậm trễ, sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thế Tôn! Nếu như sự diệt độ không phải là *Niết-bàn*, vì sao Như Lai tự đưa ra kỳ hạn ba tháng nữa sẽ nhập *Niết-bàn*?”

“Thế Tôn! Nếu dứt sạch phiền não là *Niết-bàn* thì ngày xưa, lúc Như Lai ở tại đạo tràng dưới cội *Bồ-đề* vừa dứt sạch phiền não, hẳn đã là *Niết-bàn* ngay khi ấy rồi, vì sao lại nói rằng còn ba tháng nữa sẽ nhập *Niết-bàn*?”

“Thế Tôn! Nếu như khi ấy đã là *Niết-bàn* rồi, vì sao mới đây ở thành *Câu-thi-na* này Phật lại bảo những người trong tộc họ *Lục-sĩ* rằng sau lúc nửa đêm sẽ nhập *Niết-bàn*? Như Lai là thành thật, vì sao nói ra những lời hư dối như vậy?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng Như Lai được tướng lưỡi rộng dài, nên biết đó là nhờ trong vô lượng kiếp qua Như Lai đã lìa xa những lời hư dối. Những gì mà tất cả chư Phật và Bồ Tát nói ra đều là chân thật không hư dối!”

“Thiện nam tử! Như ông vừa nói rằng, ngày xưa Ma *Ba-tuần* có đến thỉnh cầu ta nhập *Niết-bàn*. Thiện nam tử! Nhưng Ma vương ấy thật chẳng biết được tướng nhất định của *Niết-bàn*. Vì sao vậy? *Ba-tuần* có ý cho rằng: Nếu không giáo hóa chúng sanh, trụ yên lặng lẽ thì đó là *Niết-bàn*.”

“Thiện nam tử! Ví như người đời thấy kẻ không nói năng, không làm gì cả, liền bảo rằng kẻ ấy chẳng khác gì người chết. Ma *Ba-tuần* cũng vậy, trong ý cho rằng nếu Như Lai không giáo hóa chúng sanh, lặng yên không thuyết dạy thì đó là Như Lai đã nhập *Niết-bàn*.”

“Thiện nam tử! Như Lai không nói rằng Phật, Pháp và Tăng không có tướng khác biệt, chỉ dạy rằng hai pháp thường trụ và thanh tịnh là không khác biệt.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng không nói rằng Phật và tánh Phật, *Niết-bàn* không có tướng khác biệt, chỉ dạy rằng các pháp thường hằng và bất biến là không khác biệt.

“Thiện nam tử! Phật cũng không nói rằng *Niết-bàn* và tướng chân thật không có khác biệt, chỉ dạy rằng các pháp thường hiện hữu và chân thật không biến đổi là không khác biệt.

“Thiện nam tử! Thuở ấy, những đệ tử Thanh văn của ta khởi sự tranh cãi. Như những *tỳ-kheo* xấu ác ở *Câu-thiễm-di*¹ trái lời dạy của ta, phạm nhiều giới cấm, thọ nhận những vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng. Họ tự khoe khoang với hàng cư sĩ rằng: ‘*Ta đắc quả vô lậu, là quả Tu-đà-hoàn...*’ thậm chí nói rằng: ‘*Ta đắc quả A-la-hán.*’ Họ nói xấu và nhục mạ người khác, còn đối với Phật, Pháp, Tăng, giới luật, hòa thượng... lại chẳng sanh lòng cung kính. Họ công khai nói trước mặt ta rằng: ‘*Những vật như thế này... Phật cho phép chứa trữ; những vật như thế này... Phật không cho phép chứa trữ.*’ Ta có bảo họ rằng: ‘*Những vật như vậy, thật ta không cho phép chứa trữ.*’ Nhưng họ cãi lại rằng: ‘*Những vật như vậy, thật là Phật có cho phép.*’

“Những kẻ xấu ác đó không tin lời ta. Vì những kẻ ấy

¹ Tức vương quốc *Kausāmbī*, cũng phiên âm là Kiêu-thường-di (橋賞彌), là một trong 16 nước lớn vào thời đức Phật, nằm ở vùng Trung Ấn.

mà ta bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Người chớ lo chậm trễ, sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Chính vì những *tỳ-kheo* xấu ác này mà các đệ tử thọ học hàng Thanh văn chẳng thấy được thân ta, chẳng nghe được pháp ta, liền nói rằng: ‘Như Lai đã nhập *Niết-bàn*.’ Chỉ có hàng Bồ Tát thấy được thân ta, thường nghe pháp ta, nên không nói rằng ta nhập *Niết-bàn*. Tuy những đệ tử Thanh văn nói rằng Như Lai nhập *Niết-bàn*, nhưng ta thật không nhập *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Nếu trong các đệ tử Thanh văn của ta, những ai nói rằng: ‘*Như Lai đã nhập Niết-bàn*’, nên biết rằng đó không phải đệ tử của ta, mà là bè đảng của ma, là kẻ tà kiến xấu ác, chẳng phải người chánh kiến. Nếu những ai nói rằng: ‘*Như Lai [thật] không nhập Niết-bàn*’, nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của ta, không phải bè đảng của ma; là người chánh kiến, không phải kẻ tà kiến xấu ác.

“Thiện nam tử! Ta hoàn toàn không thấy trong số đệ tử của ta có ai nói rằng: ‘Như Lai không giáo hóa chúng sanh, trụ yên lặng lẽ, đó gọi là nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Ví như một vị trưởng giả có nhiều con, phải đi phương xa. Khi chưa trở về, những người con đều bảo rằng cha đã chết. Nhưng trưởng giả ấy thật không hề chết. Những người con ấy điên đảo nghĩ rằng cha mình đã chết.

“Hàng đệ tử Thanh văn của ta cũng vậy; vì không nhìn thấy ta liền bảo rằng: ‘Như Lai đã nhập *Niết-bàn* tại thành *Câu-thi-na*, giữa hai cây *sa-la*.’ Nhưng ta thật không nhập

Niết-bàn, chỉ là hàng đệ tử Thanh văn tự có ý nghĩ rằng ta nhập *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như ngọn đèn sáng, có người che lại. Những kẻ không biết đều bảo rằng đèn đã tắt. Nhưng ngọn lửa trong đèn ấy quả thật không tắt. Vì không biết nên sanh ra ý nghĩ rằng đèn đã tắt.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, tuy có mắt tuệ nhưng bị phiền não che lấp khiến tâm điên đảo chẳng thấy được thân chân thật của Phật, nên sanh ra ý nghĩ rằng Phật diệt độ. Nhưng ta quả thật chẳng hề diệt độ.

“Thiện nam tử! Ví như người sanh ra đã mù, không thấy được mặt trời, mặt trăng. Vì không thấy nên không biết được những tướng trạng ngày, đêm, sáng, tối. Vì không biết nên nói rằng thật không có mặt trời, mặt trăng. Sự thật là có mặt trời, mặt trăng nhưng người mù không thấy. Vì không thấy nên sanh ra tư tưởng điên đảo, nói rằng không có mặt trời, mặt trăng.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, giống như người sanh ra đã mù, không thấy được Như Lai, liền nói rằng Như Lai đã nhập *Niết-bàn*. Như Lai thật không nhập *Niết-bàn*, chỉ vì tư tưởng điên đảo nên sanh tâm như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng. Người ngu liền nói: ‘Không có mặt trời, mặt trăng.’ Nhưng mặt trời, mặt trăng là thật có, chỉ vì bị che khuất nên chúng sanh không thấy.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, do phiền não che khuất con mắt trí tuệ nên không thấy được Như Lai, liền nói rằng: ‘Như Lai đã diệt độ.’

“Thiện nam tử! Sự thật là Như Lai thị hiện hạnh *Anh nhi*,¹ chẳng phải diệt độ.

“Thiện nam tử! Như ở *Diêm-phù-đề*, khi mặt trời lặn thì chúng sanh không còn thấy mặt trời. Đó là vì núi non che khuất, chứ mặt trời thật không hề mất đi. Chúng sanh không nhìn thấy liền sanh ra ý nghĩ cho rằng mặt trời lặn mất.

“Hàng đệ tử Thanh văn cũng vậy, vì những núi non là phiền não che khuất nên không thấy được thân Phật. Vì không thấy nên sanh ra ý nghĩ cho rằng Như Lai đã diệt độ. Nhưng thật Như Lai chẳng hề diệt độ.

“Vì thế nên khi ở thành *Tỳ-xá-ly* Phật bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Khi ấy Như Lai thấy trước là sau ba tháng thì căn lành của Bồ Tát *Ca-diếp* sẽ được thành thực; lại cũng thấy ông *Tu-bạt-đà-la*² ở Hương sơn, sau mùa an cư sẽ đến chỗ Phật. Vì vậy nên Phật bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Khi ấy lại có 500 người trong tộc họ *Lực-sĩ*, sau ba tháng sẽ phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì những người ấy nên Phật bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Khi ấy nhóm ông *Thuần-đà* với 500 người họ *Lê-xa*³ và cô *Am-la* sau ba tháng sẽ được tâm đạo

¹ Xem lại phẩm hạnh *Anh nhi* ở cuối quyển 20, Tập 4.

² *Tu-bạt-đà-la* (*Subhada*), dịch nghĩa: Thiện Hiền. Vị đệ tử xuất gia cuối cùng của Phật, 120 tuổi. Lúc Phật gần nhập *Niết-bàn*, ông đến thọ pháp *tỳ-kheo*, liền đắc quả *A-la-hán* và nhập *Niết-bàn* trước Phật.

³ Họ *Lê-xa* cũng chính là họ *Lực-sĩ* đã nói ở đầu kinh, phiên âm từ chữ *Liçavi*, cũng đọc là *Ly-xa*, là tộc họ có quyền thế nhất ở thành *Câu-thi-na* và thành *Duy-da-ly*

vô thượng và căn lành thành thực. Vì những người ấy nên Phật bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Ông *Tu-na-sát-đa* thường thân cận với ngoại đạo *Ni-kiền-tử*. Ta vì ông ấy thuyết pháp trọn 12 năm nhưng ông ấy vẫn giữ tà kiến, chẳng tin nhận giáo pháp. Khi ấy ta biết rằng sau ba tháng nữa gốc rễ tà kiến của ông ấy sẽ bị chặt đứt. Ta cũng vì ông ấy nên bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Do nhân duyên gì mà lúc trước bên bờ sông *Ni-liên* ta bảo Ma *Ba-tuần* rằng: ‘Nay ta chưa có những đệ tử nhiều trí tuệ nên chưa vào *Niết-bàn*’?

“Khi ấy, ta muốn vì năm vị *tỳ-kheo*¹ mà *Chuyển Pháp luân* ở thành *Ba-la-nại*. Kế đó, ta lại muốn vì năm vị *tỳ-kheo* nữa là: *Da-xa*, *Phú-na*, *Tỳ-ma-la-xà*, *Kiều-phạm-ba-đề*, *Tu-bà-hầu* [mà giáo hóa]. Kế nữa, ta lại muốn vì nhóm ông trưởng giả *Úc-già* năm mươi người [mà giáo hóa]. Rồi ta lại muốn vì vua *Tần-bà-sa-la* nước *Ma-già-đà* với vô số người và chư thiên [mà giáo hóa]. Tiếp đến ta lại muốn vì *Ưu-lâu-tân-loa Ca-diếp* với môn đồ của ông là 500 *tỳ-kheo* [mà giáo hóa]. Kế đó, ta lại muốn vì hai anh em *Na-đề Ca-diếp* và *Già-da Ca-diếp* với 500 đệ tử của họ [mà giáo hóa]. Rồi ta lại muốn vì *Xá-lợi-phất* và *Mục-kiền-liên* với 250 *tỳ-kheo* trong nhóm của họ mà chuyển bánh xe Pháp

vào thời bấy giờ. Tuy sự chuyển dịch trong bản Hán văn không được nhất quán nhưng vẫn là chỉ đến một tộc họ này.

¹ Năm vị *tỳ-kheo*: tức nhóm 5 anh em ông *Kiều-trần-như*, những người đã từng cùng với Phật tu tập khổ hạnh trước đó. Sau khi Phật *Chuyển Pháp luân*, họ trở thành những *tỳ-kheo* đầu tiên trong Giáo hội.

nhiệm mầu. Vì [tất cả những điều đó] nên ta bảo Ma vương *Ba-tuần* rằng ta không nhập *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Có [những trường hợp được] gọi là *Niết-bàn* nhưng không phải Đại *Niết-bàn*.

“Thế nào là *Niết-bàn*, không phải Đại *Niết-bàn*? Không thấy tánh Phật mà dứt trừ phiền não, đó gọi là *Niết-bàn*, không phải Đại *Niết-bàn*. Vì không thấy tánh Phật nên là *vô thường, vô ngã*; chỉ có *lạc* (an vui) và *tịnh* (thanh tịnh) mà thôi. Vì nghĩa ấy nên dù dứt trừ phiền não cũng chưa được gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Nếu thấy tánh Phật rồi dứt trừ phiền não, đó gọi là Đại *Niết-bàn*. Nhờ thấy tánh Phật nên được [có đủ] *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì nghĩa này nên dứt trừ phiền não rồi được xưng là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! *Niết* là nghĩa *không*, *bàn* là nghĩa *phiền não*.¹ Không có phiền não gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là che lấp; không che lấp gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là đến đi; chẳng đến chẳng đi gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là chấp giữ; không chấp giữ gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là không nhất định; quyết định không phân vân gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là cũ và mới; không cũ không mới gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là chướng ngại; không có chướng ngại gọi là *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Hàng đệ tử các phái ngoại đạo *Ưu-lâu-khư, Ca-tỳ-la* nói rằng: ‘*Bàn* là hình tướng; không có hình tướng gọi là *Niết-bàn*.’

¹ Nguyên bản Hán văn dùng chữ *織* (織) là đan dệt. Thiên Thai *Niết-bàn* số tư ký giảng rõ chữ này chỉ cho phiền não: 織是煩惱, 斷煩惱盡方名涅槃 (Chức thị phiền não, đoạn phiền não tận phương danh *Niết-bàn*.) Chúng tôi xét thấy nghĩa này hoàn toàn phù hợp với văn cảnh nên chọn dịch là phiền não.

“Thiện nam tử! *Bàn* lại có nghĩa là hiện hữu; không hiện hữu gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là hòa hợp [trộn lẫn]; không hòa hợp [trộn lẫn] gọi là *Niết-bàn*. *Bàn* lại có nghĩa là khổ não; không khổ não gọi là *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Dứt trừ phiền não không gọi là *Niết-bàn*; không còn sanh khởi phiền não mới gọi là *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai không sanh khởi phiền não nên gọi là *Niết-bàn*. Có được trí tuệ sáng suốt không ngăn ngại đối với các pháp, đó là Như Lai. Như Lai chẳng phải phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, nên gọi là tánh Phật. Thân, tâm và trí tuệ của Như Lai hiện khắp vô lượng vô biên vô số cõi thế giới, không gì chướng ngại được nên gọi là hư không. Như Lai thường trụ, không có biến đổi, gọi là tướng thật. Vì nghĩa ấy nên Như Lai rốt cùng thật không nhập *Niết-bàn*.

“Như thế gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu trọn vẹn công đức thứ bảy.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu trọn vẹn công đức thứ tám?

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh Đại *Niết-bàn* dứt trừ năm việc, lìa xa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, gìn giữ một việc, thân cận bốn việc, tin theo một lẽ thật, tâm khéo giải thoát, trí tuệ khéo giải thoát.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát *dứt trừ năm việc*? Đó là nói năm ám: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nói ám đó là nghĩa gì? Là có thể khiến cho chúng sanh phải tiếp

nối mãi mãi trong dòng sanh tử, không vất bỏ được gánh nặng, tan rã rồi tụ họp,¹ cuốn mãi trong ba đời² mà suy cầu chẳng thấy được nghĩa lý gì cả! Do các nghĩa ấy nên gọi là *ám*.

“Bồ Tát *Ma-ha-tát* tuy thấy *sắc ám* nhưng không thấy có tướng của *sắc ám*. Vì sao vậy? Vì ở trong mười loại *sắc* mà suy cầu thể tánh đều không thấy có [gì thật] là thể giới cả, nên gọi đó là *ám*.

“*Thọ* có một trăm lẻ tám loại. [Bồ Tát] tuy thấy *thọ ám* nhưng hoàn toàn không có tướng của *thọ*. Vì sao vậy? Tuy có một trăm lẻ tám loại *thọ* nhưng xét theo lý đều không có sự nhất định, chân thật. Vì thế Bồ Tát không thấy có *thọ ám*.

“Đối với các *ám tướng, hành, thức* cũng đều như vậy. Bồ Tát *Ma-ha-tát* quán sát sâu xa thấy *năm ám* chính là căn bản sanh ra phiền não. Vì nghĩa ấy nên dùng phương tiện khiến phải dứt trừ *năm ám*.

“Thế nào là Bồ Tát *liạ xa năm việc*? Đó là nói *năm kiến chấp*. Những gì là *năm*? Một là *thân kiến*, hai là *biên kiến*, ba là *tà kiến*, bốn là *giới cấm thủ kiến*, năm là *kiến thủ kiến*.³ Do *năm kiến chấp* sai lầm này mà sanh ra sáu

¹ Tan rã rồi tụ họp (Phân tán tụ hiệp): Khi *năm ám* tan rã, sự hiện hữu của một chúng sanh có vẻ như chấm dứt đối với những chúng sanh khác, gọi là chết; khi *năm ám* tụ họp, một chúng sanh được hình thành đối với những chúng sanh khác, gọi là sanh ra. Vì thế, quán xét thật tánh thì thấy sự sống hay chết của chúng sanh chỉ là sự tụ họp hay tan rã của *năm ám* (cũng gọi là *năm uẩn*).

² Ba đời (tam thế): tức quá khứ, hiện tại và vị lai, chỉ chung dòng thời gian từ vô thủy đến vô chung.

³ Là *năm kiến chấp* (Ngũ kiến) hay nhận thức sai lầm thường gặp, cũng gọi là *Năm ác kiến* (Ngũ ác kiến). 1. Thân kiến còn gọi là ngã kiến, là nhận thức sai lầm cho rằng có một bản ngã riêng biệt tồn tại trong thực tại, làm chủ sở hữu

mươi hai thứ tà kiến.¹ Do các tà kiến ấy mà dòng sanh tử tiếp nối mãi không dứt. Vì thế nên Bồ Tát thận trọng lìa xa năm kiến chấp ấy.

“Thế nào là Bồ Tát thành tựu sáu việc? Đó là nói sáu chỗ niệm tưởng chân chánh.² Những gì là sáu? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm thiên, năm là niệm thí, sáu là niệm giới. Đó gọi là Bồ Tát thành tựu sáu việc.

“Thế nào là Bồ Tát tu tập năm việc? Đó là nói năm phép định. Một là Tri định, hai là Tịch định, ba là Thân tâm thọ khoái lạc định, bốn là Vô lạc định, năm là Thủ lãng nghiêm định.³ Tu tập năm phép định tâm ấy, chắc chắn sẽ đạt đến gần Đại Niết-bàn. Vì thế nên Bồ Tát chuyên tâm tu tập.

các đối tượng trong vũ trụ. 2. Biên kiến là nhận thức sai lầm thiên lệch về một bên, hoặc chấp rằng đời sống là thường tồn (thường kiến), hoặc chấp rằng đời sống không tồn tại sau khi chết (đoạn kiến). 3. Tà kiến là nhận thức sai lầm về sự vật, không biết có nhân quả, nhân duyên. 4. Giới cấm thủ kiến là nhận thức sai lầm cố chấp vào các điều luật, giới luật sai lầm của ngoại đạo, chẳng hạn như tu hành khổ hạnh, cho rằng bám chặt theo đó có thể dẫn đến giải thoát. 5. Kiến thủ kiến, là nhận thức sai lầm không biết tiếp nhận chân lý, cố chấp vào một quan điểm sai lầm nào đó rồi lấy đó làm nền tảng để xây dựng các quan điểm khác, vì thế chắc chắn phải dẫn đến tất cả đều sai lầm.

¹ Về con số 62 tà kiến, các bản kinh luận, số giải thích không giống nhau. Chúng tôi tham khảo thấy có nhiều khác biệt, nhưng tựu trung ở đây nên hiểu là tất cả những kiến giải sai lầm, không đúng thật về thực tại.

² Sáu chỗ niệm tưởng chân chánh (Lục niệm xứ), là sáu đối tượng mà người tu tập thường nghĩ nhớ đến. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là thường nhớ nghĩ đến Tam bảo với lòng cung kính, kính ngưỡng. Niệm thiên là thường nhớ nghĩ đến các cõi trời, vì thế thường tu tập Mười điều lành. Niệm thí (cũng gọi là niệm xả) là thường nhớ nghĩ đến việc thực hành bố thí. Niệm giới là thường nhớ nghĩ đến các giới luật đã thọ nhận, dù xả bỏ thân mạng cũng không phạm vào.

³ Thủ-lãng-nghiêm, phiên âm từ Phạn ngữ *Sūraṃgama*, cũng đọc là Thủ-lãng-già-ma, dịch nghĩa là “kiện tướng”, “kiện hạnh” hay “nhất thiết sự cánh”.

“Thế nào là Bồ Tát *gìn giữ một việc*? Đó là nói [gìn giữ] tâm *Bồ-đề*. Bồ Tát *Ma-ha-tát* thường chuyên tâm tinh cần bảo vệ, gìn giữ tâm *Bồ-đề* như người đời bảo vệ gìn giữ đứa con duy nhất; lại cũng như người đã bị mù một mắt bảo vệ giữ gìn con mắt còn lại; lại cũng như kẻ đi trong vùng hoang mạc bảo vệ gìn giữ người dẫn đường. Bồ Tát luôn bảo vệ gìn giữ tâm *Bồ-đề* như vậy. Nhờ gìn giữ tâm *Bồ-đề* nên mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nhờ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên có đủ *thường, lạc, ngã, tịnh*, tức là *Vô thượng Đại Niết-bàn*. Vì thế nên Bồ Tát gìn giữ một việc này.

“Thế nào là Bồ Tát *thân cận bốn việc*? Đó là nói *Bốn tâm vô lượng*. Những gì là bốn? Một là *đại từ*, hai là *đại bi*, ba là *đại hỷ*, bốn là *đại xả*. Bốn tâm ấy có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sanh đều phát tâm *Bồ-đề*. Vì thế nên Bồ Tát hết lòng thân cận bốn tâm ấy.

“Thế nào là Bồ Tát *tin theo một lẽ thật*? Bồ Tát biết rõ tất cả chúng sanh đều quay về một đường. Một đường đó tức là *Đại thừa*. Nhưng vì chúng sanh nên chư Phật và Bồ Tát phân ra làm *Ba thừa*. Vì thế nên Bồ Tát tin theo [điều này] mà chẳng trái nghịch.

“Thế nào là *tâm khéo giải thoát* của Bồ Tát? Đó là ba tâm *tham, sân, si* đều đã dứt trừ vĩnh viễn. Đó gọi là Bồ Tát có *tâm khéo giải thoát*.

“Thế nào là *trí tuệ khéo giải thoát* của Bồ Tát? Bồ Tát *Ma-ha-tát* đối với tất cả các pháp đều rõ biết không chướng ngại. Đó gọi là trí tuệ khéo giải thoát của Bồ Tát. Do trí tuệ giải thoát ấy nên việc chưa nghe thì nay được

nghe, việc chưa thấy thì nay được thấy, chỗ chưa đến thì nay được đến.”

Bấy giờ, Bồ Tát *Ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật nói về tâm giải thoát đó, nghĩa này không hợp lý. Vì sao vậy? Vì tâm vốn không trói buộc. Thế nào là không trói buộc? Bản tánh của tâm không bị *tham dục, sân khuê, ngu si* trói buộc. Nếu tâm vốn đã không có sự trói buộc, vì sao nói rằng tâm khéo giải thoát?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu bản tánh của tâm không bị tham dục trói buộc thì do những nhân duyên gì mà trói buộc được? Ví như người vắt sừng, vốn không có tính chất của bầu vú, dù có gắng sức mà vắt mãi cũng không do đâu mà có sữa! Nhưng nếu người ta vắt bầu vú thì không giống như vậy, dù không gắng sức mà sữa vẫn ra nhiều. Tâm cũng như vậy, vốn không có tham, nay vì sao lại có? Nếu vốn không tham mà về sau có tham, thì chư Phật và Bồ Tát vốn không có tướng tham, nay ắt cũng phải có!”

“Bạch Thế Tôn! Ví như người phụ nữ vô sanh,¹ vốn không thể sanh con, dù mất nhiều công sức với vô số nhân duyên cũng không thể sanh con. Tâm cũng như vậy, vốn không có tham, dù có nhiều nhân duyên cũng không do đâu mà sanh ra.

“Bạch Thế Tôn! Ví như cọ xát vào gỗ ướt không thể sanh ra lửa. Tâm cũng như vậy, dù cho cọ xát cố tìm tham dục cũng không thể được. Vì sao tham dục lại trói buộc được tâm?”

¹ Nguyên bản Hán văn dùng thạch nữ, dịch từ Phạn ngữ *vandhyā*, chỉ người đàn bà vô sanh (không thể sanh con) hoặc không có khả năng hành dâm. Các nhà tân dịch chuyển dịch chữ này là hư nữ (虛女).

“Bạch Thế Tôn! Ví như ép cát không thể chảy ra dầu. Tâm cũng như vậy, dù cho có ép cũng chẳng sanh ra tham. Nên biết rằng *tham* và *tâm* là hai lẽ khác nhau. Nếu như có sự *tham* cũng làm sao có thể ô nhiễm được *tâm*?

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người đóng cọc vào không trung, không thể dính vào đó được. Đưa tham dục vào tâm cũng vậy, dù có đủ mọi nhân duyên cũng không thể làm cho tham dục trói buộc được tâm.

“Bạch Thế Tôn! Nếu tâm không tham gọi là giải thoát, vì sao chư Phật và Bồ Tát không nhổ ra gai nhọn trong không trung?¹

“Bạch Thế Tôn! Tâm quá khứ không gọi là giải thoát; tâm vị lai cũng không giải thoát; tâm hiện tại chẳng chung cùng với đạo. Vậy tâm trong đời nào gọi là được giải thoát?

“Bạch Thế Tôn! Như ngọn đèn trong quá khứ không trừ được bóng tối; ngọn đèn trong tương lai cũng không trừ được bóng tối; ngọn đèn trong hiện tại cũng không trừ được bóng tối. Vì sao vậy? Sáng và tối không thể cùng hiện hữu. Tâm cũng như vậy. Vì sao nói rằng tâm được giải thoát?

“Bạch Thế Tôn! Tham dục là thật có. Nếu tham dục không có thì khi thấy nữ sắc ắt không sanh tham dục! Do [nhìn thấy] nữ sắc sanh ra tham dục, nên biết rằng tham dục thật có. Vì có tham dục mới đọa vào ba đường ác.

¹ Nhổ gai nhọn trong không trung: chỉ việc vô ích, không cần làm. Nếu tâm vốn không có tham dục mà cố trừ tham dục thì chẳng khác gì cố nhổ gai nhọn trong không trung, thật ra là điều vô ích, chẳng cần làm. Nhưng chư Phật và Bồ Tát không dạy việc làm vô ích, nên ý muốn nói điều này là không hợp lý.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người nhìn thấy hình vẽ phụ nữ cũng sanh tham dục. Vì sanh tham dục nên phạm vào đủ mọi tội lỗi. Nếu trong tâm vốn không có tham dục, vì sao nhìn thấy hình vẽ lại sanh ra tham dục? Nếu tâm không tham dục, vì sao Như Lai nói rằng tâm Bồ Tát được giải thoát? Nếu tâm có tham dục, vì sao nhìn thấy hình tướng rồi sau đó mới sanh ra tham dục; nếu không nhìn thấy hình tướng thì không sanh tham dục? Hiện nay con nhìn thấy có quả báo xấu ác, nên biết là thật có tham dục. Đối với sân khuể, ngu si cũng giống như vậy.

“Bạch Thế Tôn! Ví như chúng sanh mang tấm thân *vô ngã*, nhưng kẻ phàm phu sai lầm cho là thật có bản ngã. Tuy có tư tưởng chấp ngã nhưng không vì thế mà đọa vào *ba đường ác*. Vì sao những kẻ tham dục, đối với hình vẽ không thật là nữ nhân mà khởi lên ý tưởng tham dục với nữ nhân lại đọa vào *ba đường ác*?

“Bạch Thế Tôn! Ví như người ta cọ xát vào gỗ liền sanh ra lửa. Nhưng trong các duyên liên quan đều không có tánh lửa. Vậy do nhân duyên gì mà sanh ra được lửa?

“Bạch Thế Tôn! Tham dục cũng như vậy. Trong hình sắc không có tham, trong âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp cũng không có tham. Vì sao từ

nơi hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, các pháp lại sanh ra tham? Nếu trong các duyên ấy thấy đều không có tham, vì sao chỉ có chúng sanh khởi sanh tham dục, còn chư Phật, Bồ Tát lại không khởi sanh?

“Bạch Thế Tôn! Tâm cũng là không nhất định. Nếu tâm là nhất định thì không có tham dục, sân khuể, ngu si. Nếu tâm là không nhất định, vì sao nói rằng tâm được giải thoát?”

“Tham cũng là không nhất định. Nếu tham là không nhất định, vì sao do nơi tham mà phải sanh vào *ba đường ác*? Người có tham và cảnh giới [mà người ấy] sanh vào, cả hai đều không nhất định. Vì sao vậy? Vì cả hai đều duyên với một sắc mà sanh ra tham, hoặc sanh ra sân, hoặc sanh ra si. Cho nên người có tham và cảnh giới [mà người ấy] sanh vào, cả hai đều là không nhất định. Nếu cả hai đều là không nhất định, vì sao Như Lai nói rằng Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này thì tâm được giải thoát?”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI LĂM

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN HAI MƯƠI SÁU

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười – Phần sáu

Ấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát *Ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Tâm không bị tham dục trói buộc, cũng chẳng phải không bị trói buộc; chẳng phải giải thoát, chẳng phải không giải thoát; chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Vì tất cả các pháp đều không có tự tánh.

“Thiện nam tử! Có những kẻ ngoại đạo nói rằng: ‘Nhân duyên hòa hiệp ắt có quả sanh.’

“Nếu trong các duyên vốn không có tánh sanh mà có thể sanh ra, thì hư không chẳng có tánh sanh ắt cũng sanh ra quả! Nhưng hư không chẳng sanh ra chi cả, vì đó chẳng phải là nhân.

“Bởi trong các duyên vốn sẵn có tánh quả, cho nên khi tập hợp lại mới sanh được quả. Vì sao vậy? Như *Đề-bà-đạt* muốn đắp tường vách ắt phải lấy bùn đất chứ không lấy màu sắc; muốn vẽ tranh phải lấy màu sắc chứ không lấy cây cỏ; muốn may áo phải lấy chỉ tơ chứ không lấy

bùn đất, cây gỗ; muốn xây phòng ốc phải lấy bùn đất chứ không lấy tơ sợi.

“Do sự chọn lấy như vậy nên biết rằng những vật được chọn đó đều có thể sanh quả [tương ứng]. Vì có thể sanh quả [tương ứng] nên biết rằng trong nhân đã sẵn có tánh rồi. Nếu không do sẵn tánh thì một vật hẳn có thể sanh ra hết thảy các vật. Nếu là có thể chọn lấy, có thể làm nên, có thể tạo ra, nên biết rằng trong mỗi vật ấy đã sẵn có quả [tương ứng] rồi. Nếu không có quả [tương ứng] thì người ta hẳn đã không chọn lấy, không làm nên, không tạo ra.

“Chỉ có hư không là không chọn lấy, không tạo thành, cho nên có thể sanh ra hết thảy vạn vật. Là vì có nhân. Như hạt *ni-câu-đà* sanh ra cây *ni-câu-đà*, trong sữa sẵn có nhân của *đề-hồ*, trong sợi tơ sẵn có nhân của tấm vải, trong đất sét sẵn có nhân của cái bình.

“Thiện nam tử! Tất cả phàm phu mê tối vì vô minh nên nói chắc rằng: ‘Hình sắc có nghĩa vướng chấp; tâm có tánh tham muốn.’ Lại nói rằng: ‘Kẻ phàm phu trong tâm có tánh tham, lại cũng có tánh giải thoát. Khi gặp nhân duyên tham thì tâm sanh tham; gặp nhân duyên giải thoát thì được giải thoát.’

“Tuy lập luận như vậy nhưng thật không hợp lý.

“Có những kẻ phàm phu lại nói rằng: ‘Trong hết thảy các nhân đều không có quả.’

“Nhân có hai loại. Một là nhân vi tế, hai là nhân thô lớn. Nhân vi tế là thường, nhân thô lớn là vô thường. Từ nhân vi tế mà chuyển thành nhân thô lớn; từ nhân thô

lớn lại chuyển thành quả. Vì nhân thô lớn là vô thường nên quả cũng vô thường.

“Thiện nam tử! Có những kẻ phàm phu lại nói rằng: ‘Tâm không có nhân, tham cũng không có nhân, do điều kiện môi trường thích hợp nên sanh tâm tham.’

“Những kẻ như vậy vì không hiểu được nhân duyên của tâm nên phải luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ mọi cuộc sanh tử.

“Thiện nam tử! Ví như con chó bị buộc vào cây cột, suốt ngày đi quanh cột mà không thể lìa ra. Hết thấy phàm phu cũng vậy, bị vô minh xiềng xích, buộc vào cây cột sanh tử, đi quanh quẩn trong hai mươi lăm cảnh giới hữu hữu mà không thể lìa ra khỏi.

“Thiện nam tử! Ví như có người rơi xuống hố xí, vừa lên khỏi rồi lại rơi xuống nữa; hoặc như người vừa khỏi bệnh lại mắc phải mầm bệnh; hoặc như người đi đường gặp chỗ hoang vắng, vừa qua khỏi rồi quay trở lại; hoặc như người tắm rửa sạch sẽ rồi lại bôi bùn đất vào... Tất cả phàm phu cũng vậy, họ đã được giải thoát khỏi cảnh giới *Vô sở hữu*, chỉ là chưa thoát khỏi cảnh giới *Phi phi tưởng*;¹ nhưng rồi quay lại sa vào *ba đường ác*.

“Vì sao vậy? Hết thấy phàm phu chỉ quán xét nơi quả mà không quán xét nhân duyên. Ví như con chó đuổi theo cục đất chứ không đuổi theo người [ném đất]. Những kẻ

¹ Vô sở hữu xứ là cảnh giới nằm dưới cảnh giới Phi phi tưởng. Phi phi tưởng và Phi tưởng phi phi tưởng là những cảnh giới thuộc về Vô sắc giới. Khi hành giả tu thiền đạt định, thân thức lên đến cảnh giới Vô sở hữu xứ, vượt qua khỏi Vô sở hữu xứ thì đến Phi phi tưởng xứ. Nhưng Phi phi tưởng xứ cũng không phải cảnh giới hoàn toàn giải thoát, vì vẫn còn trong sanh tử.

phàm phu cũng vậy! Họ chỉ quán xét nơi quả mà không quán xét nhân duyên [đã góp phần tạo thành quả]. Vì không quán xét [nhân duyên như vậy] nên từ cảnh giới *Phi tướng* họ phải thối chuyển, quay trở lại *Ba nẻo ác*.

“Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát không bao giờ nói một cách nhất định rằng *trong nhân có quả* hay *trong nhân không có quả*; cũng không nói là *vừa có vừa không có quả* hoặc *chẳng phải có cũng chẳng phải không có quả*.

“Nếu ai nói chắc rằng trong nhân trước đã có quả, hoặc không có quả, hoặc vừa có vừa không có quả, hoặc chẳng phải có chẳng phải không có quả, nên biết rằng những kẻ ấy đều là bè đảng của ma, bị ma trói buộc, tức là người có tham ái. Người có tham ái như vậy không thể dứt khỏi sự trói buộc của sanh tử, không biết được tướng của tâm và tướng tham dục.

“Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát chỉ bày rõ lý *trung đạo*, [không rơi vào những thiên kiến như trên]. Vì sao vậy? Tuy nói rằng các pháp *chẳng phải có, chẳng phải không*, nhưng không nhất định. Vì lẽ gì? Vì nhân nơi con mắt, nhân nơi hình sắc, nhân nơi ánh sáng, nhân nơi tâm người, nhân nơi ý niệm mà thức được sanh ra. Thức này chắc chắn không ở trong con mắt, trong hình sắc, trong ánh sáng, trong tâm người, trong ý niệm, cũng chẳng ở khoảng giữa [những thứ đó], cũng chẳng phải có, chẳng phải không. Từ nơi các duyên mà sanh *nên gọi là có*; không có tự tánh *nên gọi là không*. Vì thế Như Lai dạy rằng các pháp *chẳng phải có, chẳng phải không*.

“Thiện nam tử! Chư Phật, Bồ Tát chẳng hề nói một cách nhất định rằng tâm có tánh thanh tịnh hoặc bất

tịnh, hoặc có cả tịnh và bất tịnh, vì tâm không có chỗ trụ. Do duyên mà có sanh tham dục, nên nói là *chẳng phải không*; tánh tham vốn là không, nên nói là *chẳng phải có*.

“Thiện nam tử! Do nhân duyên, tâm mới sanh tham; cũng do nhân duyên, tâm được giải thoát.

“Thiện nam tử! Có hai loại nhân duyên, một loại tùy theo sanh tử, một loại tùy theo Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Bởi có nhân duyên nên tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt.

“Lại có trường hợp tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt.

“Lại có trường hợp tâm và tham dục không cùng sanh nhưng cùng diệt.

“Lại có trường hợp tâm và tham dục không cùng sanh cũng không cùng diệt.

“Thế nào là *tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt*?

“Thiện nam tử! Như có những kẻ phàm phu chưa trừ dứt tâm tham dục, dựa trên tâm tham dục mà tu tập. Đối với những kẻ ấy, *tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt*. Đối với tất cả chúng sanh chưa trừ dứt tâm tham thì tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt. Như chúng sanh ở *Dục giới*, tất cả đều có mức thiên *sơ địa*,¹ dù có tu hay không tu cũng thường được thành tựu, khi gặp nhân duyên liền chứng đắc. Nói nhân duyên tức là nói đến lúc có *hỏa tai*.² Tất cả phàm phu cũng vậy; dù có tu hoặc không tu, đều

¹ Thiên Sơ địa: cũng viết: Sơ thiên, Sơ thiên định, Đệ nhất thiên.

² Hỏa tai: Trong kinh Phật dạy rằng khi một đại kiếp sắp chấm dứt thì khởi lên một trận hỏa tai (nạn lửa), tiêu diệt thế giới đến tận cảnh giới Sơ thiên. Đây ý

là *tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt*. Vì sao vậy? Vì chưa trừ dứt tham dục.

“Thế nào là *tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt*? Hàng đệ tử Thanh văn do gặp nhân duyên mà sanh tâm tham dục. Vì sợ tâm tham dục nên tu phép quán xương trắng. Đó gọi là *tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt*.¹

“Lại có trường hợp [khác] *tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt*. Như hàng Thanh văn khi chưa chứng *Bốn quả thánh*,² nếu gặp nhân duyên liền sanh tâm tham dục. Sau khi chứng *Bốn quả thánh* thì tâm tham dục diệt mất. Đó gọi là *tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt*.

“Khi Bồ Tát *Ma-ha-tát* chứng đắc *Bát động địa*³ thì [cũng là trường hợp] *tâm và tham dục cùng sanh nhưng không cùng diệt*.

“Thế nào là *tâm và tham dục không cùng sanh nhưng cùng diệt*? Như Bồ Tát *Ma-ha-tát* đã trừ dứt tâm tham rồi, nhưng vì chúng sanh nên thị hiện có tham dục. Nhờ thị hiện như vậy giúp cho vô lượng vô biên chúng sanh [có thể đến] thưa hỏi và thọ nhận pháp lành, thành tựu trọn vẹn. Đó gọi là *tâm và tham dục không cùng sanh nhưng cùng diệt*.

nói khi hỏa tai xảy ra thì chúng sanh trong cõi Dục giới do nhân duyên đó mà phát tâm tu tập đều đạt được cảnh giới Sơ thiên.

¹ Nhờ tu phép quán xương trắng nên sanh tâm nhàm chán không còn tham dục. Vì diệt được tham dục nên nói là tâm không cùng diệt với tham dục.

² Bốn quả thánh (Tứ thánh quả): là các địa vị tu chứng của hàng Thanh văn, gồm từ thấp lên cao: 1. quả *Tu-dà-hoàn*, 2. quả *Tư-dà-hàm*, 3. quả *A-na-hàm*, 4. quả *A-la-hán*. *A-la-hán* là quả vị cao nhất, cũng gọi là *Niết-bàn* của Tiểu thừa.

³ Bát động địa (Phạn: *acalā-bhūmi*): Địa vị thứ tám trong Thập địa của Bồ Tát.

“Thế nào là *tâm và tham dục không cùng sanh, không cùng diệt*? Đó là nói các vị *A-la-hán*, Duyên giác, chư Phật và chư Bồ Tát, trừ hàng Bồ Tát ở *Bát động địa*. Trường hợp của các vị này gọi là *tâm và tham dục không cùng sanh, không cùng diệt*. Vì nghĩa ấy, chư Phật, Bồ Tát không nói một cách nhất định rằng tánh của tâm vốn là tịnh hay vốn là bất tịnh.

“Thiện nam tử! Tâm này không hòa hợp với phiền não là tham, lại cũng không hòa hợp với sân, với si.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trời, mặt trăng bị che khuất bởi khói bụi, mây mù và thân hình vị *La-hầu*.¹ Do nhân duyên ấy, chúng sanh không thấy được mặt trời, mặt trăng. Tuy không thấy được, nhưng tánh của mặt trời, mặt trăng không hòa hợp với những thứ che khuất ấy. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên mà sanh ra phiền não là tham dục. Tuy chúng sanh cho rằng tâm hợp với tham, nhưng tánh của tâm thật không hợp với tham. Nếu tâm tham tức là có tánh tham; nếu tâm không tham tức là có tánh không tham. Tâm không tham thì không thể tham; tâm phiền não tham thì không thể không tham.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên phiền não tham dục không thể làm ô nhiễm được tâm. Chư Phật, Bồ Tát phá trừ vĩnh viễn phiền não tham dục nên nói rằng tâm được giải thoát. Tất cả chúng sanh, do nhân duyên mà sanh ra phiền não tham dục; cũng do nhân duyên mà [dứt trừ phiền não tham dục,] tâm được giải thoát.

¹ La-hầu: Tức La-hầu A-tu-la vương (Vị vua của loài a-tu-la, tên là La-hầu). Trong quyển 24, Phật có dạy: “Như thân hình vị La-hầu, vua của loài a-tu-la là to lớn nhất trong các thân hình to lớn.”

“Thiện nam tử! Ví như trên Tuyết sơn có chỗ cao vút hiểm trở, con người và loài khỉ đều không đến được. Lại có chỗ loài khỉ đến được nhưng con người không đến được. Lại cũng có chỗ con người và loài khỉ đều đi đến được.

“Thiện nam tử! Ở nơi con người và loài khỉ đều đến được, thợ săn thường lấy keo dính phết trên một tấm ván rồi dùng để bắt khỉ. Vì ngu si, khỉ đi đến lấy tay sờ, liền bị dính chặt tay vào đó. Vì muốn gỡ tay nên dùng chân đạp vào, liền bị dính cả chân. Vì muốn gỡ chân nên dùng miệng cắn vào, liền bị dính cả miệng. Như vậy, cả tay chân và miệng đều không thoát ra được. Khi ấy, thợ săn liền dùng gậy xỏ ngang qua, vác khỉ về nhà.

“Chỗ hiểm trở trên Tuyết sơn là ví như chỗ đạt được Chánh đạo của Phật, Bồ Tát. Con khỉ ví như kẻ phạm phu. Thợ săn ví như Ma *Ba-tuần*. Keo dính ví như phiền não tham dục.

“Chỗ con người và loài khỉ đều không đến được là ví như phạm phu và Ma vương *Ba-tuần* đều không đến được.

“Chỗ loài khỉ đến được, con người không đến được là ví như ngoại đạo có trí tuệ, các loại ác ma... tuy dùng *năm dục* cũng không thể trói buộc họ.

“Chỗ mà con người và loài khỉ đều đến được là ví như tất cả phạm phu và Ma *Ba-tuần* thường ở trong chốn sanh tử, không thể tu hành. Những kẻ phạm phu bị *năm dục* trói buộc, khiến Ma *Ba-tuần* dễ dàng bắt lấy mang đi, như thợ săn dùng keo dính mà bắt khỉ rồi mang về nhà.

“Thiện nam tử! Ví như một vị quốc vương sống ở nước mình, thân tâm đều được an vui. Nếu đến nước khác ắt

phải chịu mọi sự khổ. Tất cả chúng sanh cũng vậy, nếu ở nơi cảnh giới của họ, ắt được an vui; nếu đến cảnh giới khác ắt gặp ác ma, chịu các khổ não. Cảnh giới của họ là chỉ cho *Bốn niệ m xứ*; cảnh giới khác là chỉ cho *năm dục*.

“Thế nào gọi là trói buộc với ma? Có những chúng sanh đối với *vô thường* lại thấy là *thường*, *thường* lại thấy là *vô thường*; đối với *khổ* lại thấy là *vui*, đối với *vui* lại thấy là *khổ*; đối với *bất tịnh* lại thấy là *thanh tịnh*, đối với *thanh tịnh* lại thấy là *bất tịnh*; đối với *vô ngã* thấy là *ngã*; đối với *ngã* thấy là *vô ngã*; không thật giải thoát lại sai lầm thấy là giải thoát; đối với chân thật giải thoát lại thấy là không giải thoát; chẳng phải giáo pháp lại thấy là giáo pháp; đối với giáo pháp lại thấy là chẳng phải giáo pháp. Những người như vậy gọi là trói buộc với ma. Trói buộc với ma thì tâm không được thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu thấy rằng các pháp thật có tướng nhất định, hoặc chung, hoặc riêng, nên biết rằng người ấy khi thấy *sắc* liền tạo ra *tướng sắc*; cho đến thấy *thức* cũng tạo ra *tướng thức*!¹ Khi thấy kẻ nam người nữ liền tạo ra tướng nam, tướng nữ; khi thấy ngày, tháng, năm liền tạo ra các tướng ngày, tháng, năm; cho đến khi thấy các *ám, nhập, giới* liền tạo ra các tướng *ám, nhập, giới*. Cách thấy như vậy gọi là trói buộc với ma. Trói buộc với ma thì tâm không được thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu thấy *bản ngã* là *sắc*, hoặc trong *sắc* có *bản ngã*, hoặc trong *bản ngã* có *sắc*, hoặc *sắc* thuộc về *bản ngã*,... cho đến thấy *bản ngã* là *thức*, hoặc

¹ Từ sắc cho đến thức: là muốn nói tóm gọn cả năm ấm, gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

trong *thức có bản ngã*, hoặc trong *bản ngã có thức*, hoặc *thức thuộc về bản ngã*.¹ Những kẻ thấy như vậy đều là trói buộc với ma, chẳng phải đệ tử Phật.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử Thanh văn lìa xa *Mười hai bộ kinh* của Như Lai, tu tập mọi thứ sách vở của ngoại đạo, chẳng tu hạnh nghiệp tịch diệt xuất gia, làm toàn những việc tại gia thế tục.

“Sao gọi là việc tại gia? Thọ nhận và chứa trữ tất cả những vật không trong sạch như tời tơ trai gái, ruộng vườn, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, heo, dê, mọi thứ lúa nếp; lìa xa những bậc xuất gia, thân cận và nương dựa người thế tục, trái nghịch lời dạy của Phật. Họ nói với những kẻ thế tục rằng: ‘Phật cho phép *tỳ-kheo* thọ nhận và chứa trữ mọi thứ bất tịnh.’ Đó gọi là làm toàn những việc tại gia.

“Có những đệ tử không vì [mục đích đạt đến] *Niết-bàn*, chỉ vì lợi dưỡng mà gần gũi và nghe nhận *Mười hai bộ kinh*, sử dụng những chỗ ở, đồ dùng của chúng tăng và vật cúng dường của tín thí, y phục, thực phẩm... làm tài sản riêng của mình. Họ tham muốn nhà cửa kẻ khác, cho đến bợ đỡ thân cận kẻ quyền thế. Họ dùng bói toán xem việc lành dữ, suy đoán chuyện nên hư, mê chơi đủ các trò cờ bạc, ăn thua... Họ gần gũi các *tỳ-kheo* ni và những thiếu nữ chưa chồng, nuôi hai *sa-di*.² Họ thường đến nhà những người đồ tể, thợ săn, quán rượu và chỗ ở của hạng *chiên-đà-la*. Họ thường làm mọi việc mua bán; tự tay làm món

¹ Đây cũng là nói tóm gọn cả năm ấm, gồm cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

² Theo giới luật thì vị *tỳ-kheo* hay trưởng lão không được cùng lúc nuôi dưỡng hai *sa-di* sống chung với nhau.

ăn; nhận đi sứ đến các nước láng giềng, thông báo tin tức, mệnh lệnh [cho người thế tục]... Nên biết rằng những kẻ như vậy là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử Phật.

“Do nhân duyên ấy nên tâm và tham dục cùng sanh, cùng diệt. Cho đến tâm và si cùng sanh, cùng diệt, cũng giống như vậy.¹

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy nên tánh của tâm chẳng phải *trong sạch*, cũng chẳng phải *không trong sạch*. Cho nên ta nói rằng [có] tâm được giải thoát.

“Nếu có người không thọ nhận, chứa trữ tất cả những vật bất tịnh, vì [mục đích đạt đến] Đại Niết-bàn mà thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ kinh, sao chép, giảng giải, nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của Phật, không đi đến cảnh giới của ác ma *Ba-tuần*. Đó là tu tập *Ba mươi bảy phẩm đạo*. Nhờ tu tập nên tâm và tham dục không cùng sanh, cùng diệt.

“Đó gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ tám.²

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn công đức thứ chín?

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vừa phát khởi năm việc ắt được thành tựu [trọn vẹn công đức thứ chín]. Đó là năm việc gì? Một là *đức tin*, hai là *lòng ngay thẳng*, ba là *trì giới*, bốn là *gần gũi bạn lành*, năm là [*đầy đủ sự*] nghe nhiều.

¹ Đây muốn nói tóm gọn cả tham, sân và si đều là như vậy.

² Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 23, bắt đầu quyển 24, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, phần thứ 6 (Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi lục).

“Thế nào là *đức tin*? Bồ Tát *Ma-ha-tát* vững tin nơi *Tam bảo*, tin rằng việc bố thí có quả báo, tin có hai loại chân lý,¹ tin có đạo *Nhất thừa* chứ không có thừa nào khác, nhưng vì muốn giúp cho chúng sanh mau được giải thoát mà chư Phật, Bồ Tát phân biệt [nói rằng] có *Ba thừa*; tin vào *Đệ nhất nghĩa đế*, tin vào phương tiện khéo léo [giáo hóa chúng sanh]. Đó gọi là [có] *đức tin*.

“Người có đức tin như vậy, dù là *sa-môn* hay *bà-la-môn*, thiên ma, Phạm thiên hay tất cả chúng sanh cũng không thể phá hoại. Nhân lòng tin ấy mà đạt được tánh của bậc thánh, tu hành bố thí dù nhiều hay ít cũng đều được đến gần Đại *Niết-bàn*, không đọa vào sanh tử. Đối với các pháp tu hành *trì giới*, *địa vấn*, *trí tuệ* cũng đều như vậy. Đó gọi là [có] đức tin.

“Tuy có đức tin như vậy nhưng không tự thấy [rằng mình có đức tin]. Đó gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn* thành tựu việc trước nhất [trong công đức thứ chín].

“Thế nào là *lòng ngay thẳng*? Bồ Tát *Ma-ha-tát* lấy lòng ngay thẳng mà đối với chúng sanh. Hết thấy chúng sanh khi gặp nhân duyên ắt sanh lòng dối gian dua nịnh. Bồ Tát không như thế. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ rằng các pháp đều do nhân duyên. Bồ Tát *Ma-ha-tát* tuy thấy những lỗi lầm, tội ác của chúng sanh cũng chẳng bao giờ nói ra [với kẻ khác].² Vì sao vậy? Vì e rằng khởi sanh phiền não. Nếu khởi sanh phiền não ắt đọa vào đường ác. Bồ

¹ Hai chân lý (Nhị đế): tức Tục đế hay Thế đế (chân lý tương đối của thế tục) và Chân đế, Thắng nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa đế (chân lý tuyệt đối của cảnh giới giải thoát).

² Không nói lỗi của người với kẻ khác (vì muốn bêu xấu), khác với việc chỉ lỗi của người khác ra để khuyên răn, dạy bảo.

Tất thấy chúng sanh có chút ít việc lành liền ngợi khen xưng tán. Thế nào là việc lành? Đó là nói *tánh Phật*. Ngợi khen *tánh Phật* nên khiến cho chúng sanh đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Lúc ấy, Bồ Tát *Ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói, Bồ Tát *Ma-ha-tát* ngợi khen *tánh Phật*, khiến chúng sanh phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nghĩa ấy không hợp lý. Vì sao vậy? Khi vừa mở đầu kinh *Niết-bàn* này, Như Lai dạy rằng có ba loại bệnh nhân. Loại thứ nhất, nếu được gặp thầy cho thuốc, được người săn sóc ắt dễ khỏi bệnh; nếu không thì bệnh không khỏi. Loại thứ hai dù có gặp thầy xem bệnh cho thuốc hay không đều không thể khỏi. Loại thứ ba dù có gặp thầy xem bệnh cho thuốc hay không cũng đều được khỏi.¹

“Tất cả chúng sanh cũng đều như vậy. Có những người nếu gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, nghe thuyết pháp nhiệm mầu ắt sẽ phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; nhưng nếu không gặp thì không thể phát tâm như vậy. Đó là nói hàng *Tu-đà-hoàn*, *Tứ-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán*, *Phật Bích-chi*. Lại có những người tuy gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, nghe thuyết pháp mầu, nhưng cũng không thể phát tâm; nếu như không gặp cũng không thể phát tâm. Đó là nói hạng *nhất-xiển-đề*. Lại có những người dù được gặp hay không được gặp [chư Phật, Bồ Tát] cũng đều có thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó là nói hàng Bồ Tát.

“Nếu nói rằng dù gặp hay không gặp được [chư Phật,

¹ Xem lại từ trang 502 của Tập 2, thuộc phẩm Thị hiện bệnh.

Bồ Tát], thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì tại sao nay Như Lai lại dạy rằng do việc ngợi khen tánh Phật khiến chúng sanh phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?

“Bạch Thế Tôn! Nếu như gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, nghe thuyết pháp mầu; hoặc là không gặp được, thấy đều không thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì nghĩa ấy cũng không hợp lý. Vì sao vậy? Vì những người như vậy sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hạng *nhất-xiển-đề*, vì có tánh Phật nên dù nghe hay không nghe cũng đều sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*!

“Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật dạy thì thế nào gọi là *nhất-xiển-đề*? Như nói đó là những kẻ dứt mất căn lành, nghĩa ấy cũng không hợp lý. Vì sao vậy? Vì họ không hề dứt mất tánh Phật. Tánh Phật ấy theo đúng lý là không thể dứt mất, vì sao Phật nói là dứt mất căn lành?

“Như trước đây Phật thuyết *Mười hai bộ kinh*, dạy rằng pháp lành có hai loại: *thường* và *vô thường*. *Thường* thì không bị dứt mất, *vô thường* ắt bị dứt mất. Vì các pháp lành *vô thường* có thể bị dứt mất, nên đọa vào địa ngục; các pháp lành là *thường* không bị dứt mất, sao không ngăn chặn [được tội vào địa ngục]? Tánh Phật không dứt mất thì không phải là *nhất-xiển-đề*, vì sao Như Lai nói đó là *nhất-xiển-đề*?

“Bạch Thế Tôn! Nếu nhân nơi tánh Phật mà phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vì sao Như Lai phải rộng vì chúng sanh mà thuyết giảng *Mười hai bộ kinh*?

“Bạch Thế Tôn! Ví như bốn con sông cái đều từ hồ *A-na-bà-đạp-đa*¹ mà chảy ra. Như có chư thiên, người ta hoặc chư Phật Thế Tôn nói rằng bốn con sông ấy không chảy vào biển cả mà chảy ngược lên nguồn thì lời nói ấy là vô lý! Tâm *Bồ-đề* cũng vậy, người đã có tánh Phật thì dù có được nghe [pháp] hay không nghe [pháp], có giữ giới hay không giữ giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, có trí tuệ hay không có trí tuệ, lẽ ra hết thảy đều sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Bạch Thế Tôn! Như mặt trời mọc lên từ núi *Ưu-đà-diên*, [lệch dần] về hướng nam. Nếu mặt trời nghĩ rằng: ‘Ta không đi về phương tây mà trở lại phương đông.’ Như vậy thật không có lý! Tánh Phật cũng vậy; nếu như [vì] không nghe [pháp], không giữ giới, không bố thí, không tu tập, không có trí tuệ mà không đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thì không có lý!

“Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai dạy rằng tánh của nhân quả là *chẳng phải có, chẳng phải không*. Nghĩa ấy cũng không hợp lý. Vì sao vậy? Nếu trong sữa tươi không sẵn có tánh của kem sữa thì không thể [làm thành] kem sữa! Như trong hạt *ni-câu-đà* nếu không sẵn có tánh cao năm trượng thì không thể sanh ra cây [*ni-câu-đà*] cao năm trượng. Nếu trong tánh Phật không sẵn có cây *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* làm sao sanh ra được cây *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Lấy nghĩa này mà so với lời Phật nói rằng nhân quả là *chẳng phải có chẳng phải không* thì làm sao có thể tương hợp?”

¹ Tên một hồ lớn thường được nhắc đến trong nhiều kinh luận, nằm trên đỉnh Hy-mã-lạp sơn. A-na-bà-đạp-đa được phiên âm từ tiếng Phạn là *Anavatapta*, cũng đọc là A-nậu-đạt, dịch nghĩa là Vô nhiệt hay Vô não nhiệt. Nam bản dùng tên gọi hồ này là A-nậu-đạt.

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Thế gian có hai hạng người rất hiếm gặp, ví như hoa *ưu-đàm*. Một là hạng người không làm điều ác, hai là hạng người có tội biết hối cải. Những người như vậy thật rất hiếm có!

“Lại có hai hạng người: một là người làm ơn, hai là người biết nhớ ơn.

“Lại có hai hạng người: một là người thưa hỏi và thọ nhận pháp mới, hai là người ôn lại việc cũ chẳng quên.

“Lại có hai hạng người: một là người tạo ra việc mới, hai là người củng cố việc cũ.

“Lại có hai hạng người: một là người ưa nghe pháp, hai là người ưa thuyết pháp.

“Lại có hai hạng người: một là người khéo chất vấn, hai là người khéo giải đáp. Người khéo chất vấn chính là ông đó. Người khéo giải đáp chính là Như Lai.

“Thiện nam tử! Nhờ sự khéo chất vấn này mới có thể chuyển được bánh xe pháp *Vô thượng*, có thể làm khô cây đại thụ *Mười hai nhân duyên*, có thể vượt qua con sông lớn sanh tử vô biên, có thể cùng Ma vương *Ba-tuần* giao chiến, có thể xô ngã ngọn cờ chiến thắng mà ma *Ba-tuần* đã dựng lên.

“Thiện nam tử! Như trước đây ta có nói về ba loại bệnh nhân. Có loại bệnh nhân dù gặp thầy giỏi cho thuốc tốt, được người săn sóc; hoặc là không [gặp thầy gặp thuốc] thì bệnh vẫn khỏi. Nghĩa ấy là thế nào?

“Dù gặp cũng như không gặp, đó là nói tuổi thọ đã xác định. Vì sao vậy? Những người ấy trong vô lượng kiếp đã

từng tu tập ba mức pháp lành: bậc cao, bậc vừa và bậc thấp. Nhờ tu ba mức pháp lành ấy, họ được tuổi thọ xác định. Như người ở châu *Uất-dan-việt*¹ có tuổi thọ là một ngàn tuổi; khi họ mắc bệnh, dù có gặp thầy giỏi cho thuốc tốt hay không thì bệnh cũng vẫn khỏi. Vì sao vậy? Vì họ có tuổi thọ xác định.

“Thiện nam tử! Như ta nói có những bệnh nhân nếu gặp thầy giỏi cho thuốc tốt, được người săn sóc ắt bệnh dễ lành; nếu không gặp thầy bệnh không thể lành. Nghĩa ấy là thế nào?”

“Thiện nam tử! Đối với những người ấy, tuổi thọ không xác định. Dù mạng sống họ chưa dứt nhưng nếu gặp chín loại nhân duyên có thể làm cho chết yểu. Chín nhân duyên ấy là gì? Một là biết thức ăn không tốt nhưng vẫn ăn; hai là [tham] ăn quá nhiều; ba là thức ăn cũ chưa tiêu đã ăn thêm vào; bốn là việc đại, tiểu tiện không tùy lúc thích hợp; năm là khi đang bệnh không nghe theo lời thầy thuốc; sáu là không nghe lời người nuôi bệnh; bảy là cố gượng không chịu nôn mửa; tám là đi đêm, vì đi đêm nên bị quỷ ác tấn công; chín là dâm dục quá độ. Vì duyên cơ ấy, ta nói rằng nếu bệnh nhân gặp thầy, gặp thuốc ắt được khỏi bệnh; nếu như không gặp thì không khỏi bệnh.

“Thiện nam tử! Như trước ta nói có những bệnh nhân dù gặp thầy thuốc hay không gặp thì bệnh cũng không thể khỏi. Nghĩa ấy là thế nào?”

“Khi mạng sống người ta sắp dứt, dù cho họ có được gặp thầy thuốc hay không gặp thì bệnh cũng không thể khỏi.

¹ *Uất-dan-việt (Uttarakuru)* hay Bắc Câu-lô châu là một trong bốn đại châu của thế giới, ở về phía bắc núi *Tu-di*.

Vì sao vậy? Vì mạng sống đã [sắp] dứt. Vì nghĩa ấy nên ta nói rằng có những bệnh nhân dù gặp thầy, gặp thuốc hay không gặp thì bệnh cũng không khỏi.

“Chúng sanh cũng vậy, có những người phát tâm *Bồ-đề*, nếu gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, thưa hỏi và thọ nhận giáo pháp thâm sâu, hoặc dù không gặp cũng đều sẽ thành tựu. Vì sao vậy? Vì họ có thể phát tâm *Bồ-đề*, cũng như người ở châu *Uất-đan-việt* có tuổi thọ xác định.

“Như ta có nói, từ hàng *Tu-đà-hoàn* cho đến Phật *Bích-chi*, nếu được nghe thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát thuyết giảng giáo pháp thâm sâu ắt sẽ phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; nếu không được gặp chư Phật, Bồ Tát và chẳng nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu, ắt sẽ không thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cũng giống như những người không có tuổi thọ xác định, do chín nhân duyên có thể phải chết yểu. Những bệnh nhân ấy nếu được gặp thầy, gặp thuốc thì được khỏi bệnh; nếu không gặp thì không khỏi bệnh. Cho nên ta nói rằng: Nếu họ gặp Phật, Bồ Tát và nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu ắt sẽ có thể phát tâm. Nếu như không gặp thì họ không có thể phát tâm *Bồ-đề*.

“Như trước ta nói rằng có những người dù gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát và nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu, hoặc là không gặp, đều không thể phát tâm *Bồ-đề*. Nghĩa ấy là thế nào? Thiện nam tử! Hạng *nhất-xiển-đề*, nếu gặp được thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát và nghe thuyết giảng giáo pháp thâm sâu, hoặc là không gặp, đều không lìa bỏ tâm *nhất-xiển-đề*. Vì sao vậy? Vì họ đã dứt mất pháp lạnh.

“Hạng *nhất-xiển-đề* cũng đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao vậy? Nếu họ có thể phát tâm *Bồ-đề* thì không gọi họ là *nhất-xiển-đề* nữa.

“Thiện nam tử! Do duyên có gì mà ta nói rằng hạng *nhất-xiển-đề* cũng đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Hạng *nhất-xiển-đề* thật ra không thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Họ như bệnh nhân tuổi thọ đã hết, dù gặp thầy hay, thuốc tốt, được người chăm sóc cũng không thể khỏi bệnh. Vì sao vậy? Vì tuổi thọ đã hết.

“Thiện nam tử! *Nhất-xiển* nghĩa là đức tin; *đề* nghĩa là không đủ. *Không đủ đức tin* nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật không phải đức tin; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“Thiện nam tử! *Nhất-xiển* nghĩa là phương tiện khéo léo; *đề* nghĩa là không đủ. Vì tu tập không đầy đủ phương tiện khéo léo nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật không phải việc tu phương tiện khéo; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“*Nhất-xiển* nghĩa là tiến triển; *đề* nghĩa là không đủ. Vì tiến tiến triển không đủ nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật không phải sự tiến triển; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“*Nhất-xiển* nghĩa là niệm tưởng; *đề* nghĩa là không đủ. Vì niệm tưởng không đủ nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật chẳng phải sự niệm tưởng; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“*Nhất-xiển* nghĩa là định tâm; *đề* nghĩa là không đủ. Vì không đủ định tâm nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật

không phải sự định tâm; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“*Nhất-xiển* nghĩa là trí tuệ; *đề* là chẳng đủ. Vì không đủ trí tuệ nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật không phải trí tuệ; chúng sanh không phải sự đầy đủ. Vì không có sự đầy đủ, làm sao có thể dứt mất?

“*Nhất-xiển* nghĩa là pháp lành vô thường; *đề*, là không đủ. Vì không đủ pháp lành vô thường nên gọi là *nhất-xiển-đề*. Tánh Phật là *thường*, chẳng phải lành, chẳng phải không lành. Vì sao vậy? Pháp lành là do phương tiện mà được, nhưng tánh Phật không do phương tiện mà được; cho nên tánh Phật không phải pháp lành. Vì sao tánh Phật cũng chẳng phải không lành? Vì có thể đạt được quả lành. Quả lành đó là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại nữa, pháp lành đó sanh ra rồi mới đạt được; nhưng tánh Phật không phải sanh ra rồi đạt được, cho nên chẳng phải pháp lành. Vì dứt mất việc sanh ra đạt được các pháp lành nên gọi là *nhất-xiển-đề*.

“Thiện nam tử! Như lời ông hỏi: Nếu hạng *nhất-xiển-đề* có tánh Phật, vì sao không ngăn chặn được tội vào địa ngục?

“Thiện nam tử! Hạng *nhất-xiển-đề* không có tánh Phật!

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua nghe tiếng đàn *không hầu*¹ trôi lên thánh thót êm dịu. Lòng vua say mê, vui thích, lưu luyến không muốn rời xa. Vua liền hỏi vị đại thần rằng: ‘Âm thanh êm dịu ấy từ đâu ra vậy?’ Đại thần

¹ Không hầu: một loại đàn có 23 dây.

tâu: ‘Âm thanh êm dịu ấy từ nơi đàn không hầu mà ra.’ Vua bảo: ‘Hãy đem âm thanh ấy đến đây.’ Liền đó, đại thần mang đàn không hầu đến đặt trước vua và tâu rằng: ‘Đại vương! Ngài nên biết rằng vật này chính là âm thanh êm dịu ấy.’ Vua liền bảo cây đàn rằng: ‘Kêu lên đi! Kêu lên đi!’ Nhưng cây đàn im lìm không phát ra tiếng. Vua liền cắt đứt dây đàn, cũng không nghe được tiếng. Vua liền phá tung tất cả vỏ đàn, sườn gỗ, cố tìm âm thanh êm dịu kia mà không được. Lúc ấy, vua liền nổi giận với đại thần: ‘Sao dám nói dối với ta như vậy?’ Đại thần tâu rằng: ‘Muốn nghe âm thanh, không thể làm như vậy. Cần có đủ các duyên và phương tiện khéo léo mới nghe được âm thanh.’

“Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, không có chỗ trụ. Phải dùng phương tiện khéo mới có thể thấy. Nhờ thấy tánh Phật mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hạng *nhất-xiển-đề* không thấy được tánh Phật, làm sao có thể ngăn chặn những tội đọa vào *Ba đường ác*?

“Thiện nam tử! Nếu một người *nhất-xiển-đề* tin rằng có tánh Phật, nên biết rằng người ấy không đọa vào *Ba đường ác*; cũng không gọi là *nhất-xiển-đề* nữa. Vì không tự tin mình có tánh Phật nên mới đọa vào *Ba đường ác*; vì đọa vào *Ba đường ác* nên mới gọi là *nhất-xiển-đề*.

“Thiện nam tử! Như lời ông hỏi: ‘Nếu trong sữa tươi không sẵn có tánh của kem sữa, lẽ ra không thể làm thành kem sữa; nếu hạt *ni-câu-đà* không sẵn có tánh cao năm trượng, lẽ ra không thể mọc thành cây cao năm trượng.’ Chỉ người ngu si mới lập luận như vậy, kẻ có trí

chẳng bao giờ nói những lời như thế. Vì sao vậy? Vì thật không có tánh.

“Thiện nam tử! Nếu trong sữa tươi đã sẵn có tánh của kem sữa, lẽ ra không cần đến tác động của các duyên! Thiện nam tử! Ví như pha nước với sữa tươi rồi chờ đến cả tháng cũng không thành kem sữa. Nhưng nếu cho một giọt nhựa cây vào sữa, liền thành kem sữa.¹ Nếu trong sữa tươi vốn có kem sữa, cần gì phải đợi các duyên? Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy; phải dựa vào các duyên mới thấy được tánh Phật; phải dựa vào các duyên mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nếu phải đợi có các duyên rồi mới thành tựu, tức là không thật có tánh. Vì không thật có tánh nên có thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy, Bồ Tát *Ma-ha-tát* thường ngợi khen điều thiện của người, không nói chỗ khiếm khuyết. Đó gọi là lòng chơn chất ngay thẳng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là lòng chơn chất ngay thẳng của Bồ Tát? Bồ Tát *Ma-ha-tát* thường không phạm vào điều ác. Ví như có lỗi lầm liền lập tức sám hối; đối với thầy dạy hoặc bạn bè không hề che giấu, lại sanh lòng hổ thẹn và tự trách, không dám tái phạm. Đối với tội nhẹ cũng cho là rất nặng. Như có người gạn hỏi liền đáp là quả thật có phạm tội. Nếu lại hỏi việc ấy là tốt hay không tốt, liền đáp là không tốt. Nếu lại hỏi việc ấy là thiện hay bất thiện, liền đáp là bất thiện. Nếu lại hỏi tội ấy mang đến quả lành hay quả dữ, liền đáp rằng tội ấy thật chẳng phải quả lành. Nếu lại hỏi tội ấy do ai tạo ra, không phải

¹ Có lẽ đây là một phương pháp chế biến thuở xưa, nay chúng ta không được biết.

do Phật, Pháp, Tăng tạo ra đó chăng? Liền đáp là không phải do Phật, Pháp, Tăng; chính do tôi tạo ra, do sự tập hợp cấu thành của các phiền não.

“Vì lòng ngay thẳng nên tin có tánh Phật. Vì tin có tánh Phật nên không thể gọi là *nhất-xiển-đề*. Vì lòng ngay thẳng nên gọi là đệ tử Phật, dù thọ nhận của chúng sanh những y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu mềm gối, thuốc men, mỗi loại đến số muôn ngàn cũng chẳng phải là nhiều. Đó gọi là lòng ngay thẳng của Bồ Tát.

“Thế nào là Bồ Tát tu hành trì giới? Bồ Tát *Ma-ha-tát*, thọ trì giới cấm không phải vì muốn sanh lên cõi trời, cũng không vì sự sợ sệt; cho đến không thọ trì các tà giới ngoại đạo như giới chó, giới gà, giới bò, giới trĩ... Trong việc trì giới, Bồ Tát không phá giới, không giữ theo những giới có sự khiếm khuyết, có tỳ vết, có sự hỗn tạp; không chỉ giữ theo các giới của hàng Thanh văn mà thọ trì [đầy đủ] giới hạnh của hàng Đại Bồ Tát, tu tập *Thi-la Ba-la-mật*,¹ được giới trọn vẹn đầy đủ mà không sanh kiêu mạn.

“Đó gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại *Niết-bàn* thành tựu việc thứ ba là trì giới.

“Thế nào là Bồ Tát gần gũi bạn tốt? Bồ Tát *Ma-ha-tát* thường vì chúng sanh thuyết giảng về các đường lành, không nói các đường ác; giảng rõ rằng các đường ác không phải là quả báo [của những việc] lành!

“Thiện nam tử! Thân Như Lai hiện nay tức là thiện tri thức chân thật của tất cả chúng sanh, cho nên có thể dứt sạch tà kiến của *Bà-la-môn Phú-già-la*.

¹ Thi-la (*Śīla*) Ba-la-mật, tức Trì giới Ba-la-mật, một trong sáu pháp ba-la-mật của hàng Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Những chúng sanh nào được gần gũi Như Lai, dù đã có nhân duyên phải sanh vào địa ngục nhưng liền được sanh lên cõi trời. Những người như *Tu-na-sát-đa-la* lẽ ra phải đọa vào địa ngục, nhưng nhờ gặp Như Lai liền dứt trừ nhân duyên địa ngục, được sanh lên cõi trời thuộc *Sắc giới*.

“Tuy có những người như các ông *Xá-lợi-phát*, *Mục-kiền-liên*... nhưng không được gọi là thiện tri thức chân thật của chúng sanh. Vì sao vậy? Vì là nhân duyên sanh tâm *nhất-xiển-đề*.

“Thiện nam tử! Thuở trước khi Như Lai ở thành *Ba-la-nại*, *Xá-lợi-phát* có dạy hai người đệ tử, một người quán tướng xương trắng, một người quán đếm hơi thở. Trải qua nhiều năm, hai người ấy chẳng được định. Vì nhân duyên ấy, họ sanh tà kiến, nói rằng: ‘Không có pháp Vô lậu *Niết-bàn*. Nếu có pháp ấy, lẽ ra tôi đã đạt được rồi. Vì sao vậy? Vì tôi giữ được trọn vẹn giới cấm đã thọ.’

“Thuở ấy, thấy những *tỳ-kheo* kia sanh tà tâm như vậy, Như Lai liền gọi *Xá-lợi-phát* đến quở trách rằng: ‘Ông thật không khéo dạy. Tại sao ông thuyết pháp trái ngược với hai đệ tử ấy? Hai đệ tử của ông tính cách khác nhau. Một người từng làm nghề giặt quần áo, một người từng làm thợ vàng. Đối với người thợ vàng nên dạy phép quán đếm hơi thở. Đối với người thợ giặt, nên dạy phép quán tướng xương trắng. Bởi ông dạy điều ngược lại nên hai người ấy sanh ra tà kiến xấu ác.’ Lúc đó, Như Lai vì hai người ấy mà thuyết pháp tương ứng. Họ nghe rồi liền chứng đắc quả *A-la-hán*.

“Vì thế, Như Lai chính là thiện tri thức chân thật của tất cả chúng sanh, chứ không phải những người như các ông *Xá-lợi-phất*, *Mục-kiên-liên*...

“Nếu những chúng sanh nào có phiền não rất nặng mà gặp được Phật, Phật sẽ dùng phương tiện mà vì họ dứt sạch [những phiền não ấy]. Như em ta là *Nan-đà* có lòng tham dục rất mạnh mẽ, ta đã dùng mọi phương tiện khéo léo mà dứt trừ cho. Lại như *Ương-quật-ma-la* có lòng sân hận rất nặng, nhờ gặp Như Lai mà lòng sân hận liền dứt. Như vua *A-xà-thế* có lòng ngu si nặng, nhờ gặp Như Lai nên lòng ngu si liền dứt hết.

“Như ông trưởng giả *Bà-hy-già* trong vô lượng kiếp đã tích tập phiền não rất nặng, nhờ gặp Như Lai liền được dứt trừ.

“Ví như có những kẻ xấu ác hèn hạ mà gần gũi với Như Lai, làm đệ tử Như Lai, nhờ nhân duyên ấy liền được tất cả mọi người và chư thiên cung kính, thương tưởng đến.

“Như *Thi-ly-cúc-đa* tà kiến rất nặng, nhờ gặp Như Lai nên tà kiến dứt sạch.

“Nhờ gặp Như Lai nên dứt trừ nhân địa ngục, tạo duyên sanh lên cõi trời, như ông *Khi Hư* thuộc hạng *Chiên-đà-la*.

“Vào lúc sắp chết nhờ gặp Như Lai liền được kéo dài thọ mạng, như *Kiều-thi-ca*.¹

¹ Thiên đế *Kiều-thi-ca* khi năm tướng suy đã hiện, biết thọ mạng và phước đức sắp hết, phải thọ sanh xuống thế gian, nhờ nghe lời một vị đại thần tìm đến lễ bái đức Phật, nghe pháp mẫu, liền được tiếp tục kéo dài thọ mạng và hưởng phước nơi thiên giới. Chuyện này đã được vị lương y *Kỳ-bà* kể cho vua *A-xà-thế* nghe khi khuyên ông tìm đến gặp Phật.

“Lòng điên cuồng rối loạn, nhờ gặp Như Lai liền trở lại sáng suốt như xưa, như *Sấu-cù-đàm-di*.

“Con nhà đồ tể thường làm nhiều nghiệp ác, nhờ gặp Như Lai liền lìa bỏ được, như *tỳ-kheo Xiển-đê*.¹

“Nhờ gặp Như Lai nên thà bỏ thân mạng chứ không hủy phạm giới cấm, như *tỳ-kheo Thảo Hệ*.²

“Vì những nghĩa ấy, *tỳ-kheo A-nan* có nói rằng: ‘Được nửa phần *Phạm hạnh* đủ gọi là thiện tri thức’ nhưng Như Lai dạy rằng: ‘Không phải vậy! Đây đủ *Phạm hạnh* mới được gọi là thiện tri thức.’

“Như vậy gọi là gọi là Bồ Tát tu hành Đại Niết-bàn, thành tựu trọn vẹn việc thứ tư, *gần gũi bạn lành*.

“Thế nào là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều?

“Bồ Tát *Ma-ha-tát* vì [mục đích đạt đến] Đại Niết-bàn mà sao chép, tụng đọc, phân biệt giảng nói *Mười hai bộ kinh*. Đó gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trừ ra *Mười một bộ kinh*, chỉ thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng nói một bộ *Tỳ-phật-lược*³ cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trong số *Mười hai bộ kinh* chỉ thọ trì riêng một kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn này, tụng đọc, sao chép, giảng nói đó cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

¹ *Tỳ-kheo Xiển-đê*: Vị *tỳ-kheo* này tuy được gặp Phật mà phát tâm xa lìa ác nghiệp, xuất gia tu hành, nhưng về sau không tin nhân quả, nên người đương thời gọi là *tỳ-kheo Xiển-đê*.

² *Tỳ-kheo Thảo Hệ*: Vị *tỳ-kheo* này bị bọn cướp chặn đường giết lấy áo và bình bát, rồi dùng thân cỏ tươi quấn vào tay chân. Thầy bị trói như vậy, chẳng dám cử động vì sợ làm tróc gốc rễ mà chết cỏ, thành ra phạm giới. Sau có người đi đường trông thấy, gỡ ra cho thầy. Do chuyện này nên người ta gọi thầy là *tỳ-kheo Thảo Hệ* (vị *tỳ-kheo* bị trói bằng cỏ).

³ *Tỳ-phật-lược*, tức kinh Phương quảng Đại thừa.

“Hoặc trong toàn bộ kinh điển này chỉ có thể thọ trì một bài kệ bốn câu; hoặc trừ ra cả bài kệ ấy, chỉ còn có thể luôn ghi nhớ là *Như Lai thường trụ, tánh không biến đổi*, đó cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Hoặc trừ ra [cả] việc [ghi nhớ] ấy, nếu rõ biết được rằng Như Lai thường không thuyết pháp cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ sự nghe nhiều.

“Vì sao vậy? Vì pháp thật không có tánh. Tuy Như Lai thuyết giảng hết thấy các pháp, nhưng thường không có chỗ thuyết.

“Như vậy gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn thành tựu trọn vẹn việc thứ năm, đầy đủ sự nghe nhiều.

“Thiện nam tử! Như có kẻ nam người nữ lòng lành, vì Đại Niết-bàn mà thành tựu trọn vẹn năm việc ấy thì có thể làm được việc khó làm, nhẫn chịu được việc khó nhẫn, thí xả được việc khó thí.

“Thế nào là Bồ Tát làm được việc khó làm?

“Như nghe có người ăn [mỗi ngày] một hạt mè mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vì tin lời ấy cho nên trong vô lượng vô số kiếp thường chỉ ăn mỗi ngày một hạt mè mà thôi.

“Như nghe có người đi vào trong lửa mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vì tin lời ấy nên trong vô lượng kiếp ở tại địa ngục *A-tỳ*, vào trong lửa đỏ. Đó gọi là Bồ Tát làm được việc khó làm.

“Thế nào là Bồ Tát nhẫn chịu được việc khó nhẫn? Như nghe rằng có người chịu khổ bị đánh bằng tay, bằng gậy, bằng dao, bị ném đá... do nhân duyên ấy mà đạt được Đại Niết-bàn, liền trải qua vô lượng vô số kiếp tự mình chịu

đựng hết thấy những việc ấy mà chẳng cho là khổ. Đó gọi là Bồ Tát nhẫn chịu được việc khó nhẫn.

“Thế nào là Bồ Tát thí xả được việc khó thí? Như nghe rằng nhờ bố thí cho người khác [những gì mình sở hữu như] giang san, thành trì, vợ con, đầu mắt, tủy não... mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, liền trải qua vô lượng vô số kiếp mang cả giang san, thành trì, vợ con, đầu mắt, tủy não của mình ra bố thí cho kẻ khác. Đó gọi là Bồ Tát thí xả được việc khó thí.

“Tuy Bồ Tát làm được những việc khó làm, nhưng chẳng bao giờ nghĩ rằng: ‘Đó là việc do ta làm.’ Đối với những việc khó nhẫn chịu và khó thí xả cũng vậy.

“Thiện nam tử! Ví như cha mẹ chỉ có duy nhất một đứa con nên rất thương yêu, cho mặc quần áo đẹp, cho ăn thức ăn ngon, tùy thời nuôi dưỡng không thiếu thốn gì cả. Như đứa con ấy đối với cha mẹ sanh lòng khinh khi, hỗn hào nhục mạ. Nhưng cha mẹ vì thương yêu con chẳng sanh lòng giận, cũng chẳng nghĩ đến việc mình đã nuôi ăn nuôi mặc. Bồ Tát *Ma-ha-tát* cũng vậy, xem tất cả chúng sanh như con một của mình. Nếu con có bệnh, cha mẹ như cũng bệnh theo, lo lắng chạy thầy chạy thuốc, hết lòng điều trị. Đến khi đã khỏi bệnh rồi, cha mẹ cũng chẳng nghĩ đến việc đã khó nhọc lo chữa trị cho con. Bồ Tát cũng thế, thấy chúng sanh mang bệnh phiền não, bèn đem lòng thương tưởng, thuyết pháp cho nghe. Nhờ nghe pháp, phiền não được dứt trừ. Đến khi phiền não dứt rồi, Bồ Tát cũng chẳng nghĩ rằng: ‘Ta đã vì chúng sanh mà dứt trừ phiền não.’ Nếu có ý nghĩ như vậy thì chẳng bao giờ được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Chỉ duy nhất có

một ý nghĩ là: ‘Ta không thuyết pháp với một chúng sanh nào khiến cho được dứt trừ phiền não cả.’

“Bồ Tát *Ma-ha-tát* đối với chúng sanh không giận không vui. Vì sao vậy? Nhờ khéo tu tập pháp *Tam-muội Không*. Nếu Bồ Tát tu pháp *Tam-muội Không* thì còn sanh lòng giận, lòng vui đối với ai?¹

“Thiện nam tử! Ví như núi rừng bị lửa dữ thiêu rụi, hoặc bị người ta chặt đốn, hoặc bị nước lũ tràn ngập, nhưng cây rừng nơi ấy biết đối với ai mà sanh lòng giận, lòng vui? Bồ Tát *Ma-ha-tát* cũng giống như vậy, đối với chúng sanh không giận, không vui. Vì sao vậy? Vì tu pháp *Tam-muội Không*.”

Bấy giờ, Bồ Tát *Ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Tánh của tất cả các pháp tự chúng là *không*, hay vì không có tánh không cho nên không?”

“Nếu tánh [của các pháp] tự [chúng] là không thì lẽ ra không phải tu pháp không rồi sau mới thấy được tánh không! Vì sao Như Lai dạy rằng nhờ có tu pháp không mới thấy được tánh không?”

“Nếu tánh [của các pháp] tự [chúng] chẳng phải không, thì dù có tu pháp không cũng không thể làm cho chúng trở thành không.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh của tất cả các pháp vốn tự chúng là không. Vì sao vậy? Vì tánh của tất cả các pháp là không thể nắm bắt.

¹ Vì tu tập pháp *Tam-muội* này thì quán xét thấy tánh thật của tất cả các pháp đều là không, không có người tạo tác, người thọ nhận; nên cũng không còn có đối tượng của sự mừng vui hay tức giận.

“Thiện nam tử! Tánh của *sắc* không thể nắm bắt. Thế nào là *tánh của sắc*? Tánh của sắc không phải *đất, nước, lửa, gió*,¹ cũng không lìa khỏi *đất, nước, lửa, gió*; không phải *xanh, vàng, đỏ, trắng...*; cũng không lìa khỏi *xanh, vàng, đỏ, trắng...*; chẳng phải có, chẳng phải không. Lẽ nào lại nói rằng sắc có tự tánh? Vì tánh [của sắc] không thể nắm bắt nên nói là không.

“Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Vì chúng tương tự như nhau, liên tục tiếp nối nhau, phàm phu thấy vậy liền nói rằng tánh của các pháp chẳng hề rỗng không vắng lặng. Bồ Tát *Ma-ha-tát* thành tựu đầy đủ năm việc² nên thấy rõ tánh của các pháp vốn là rỗng không vắng lặng.

“Thiện nam tử! Nếu có *sa-môn, bà-la-môn* nào thấy rằng tánh của tất cả các pháp chẳng phải là không, nên biết rằng những người ấy không phải *sa-môn, bà-la-môn*; họ không được tu tập *Bát-nhã Ba-la-mật*, không được vào [cảnh giới] Đại Bát *Niết-bàn*, không được gặp chư Phật, Bồ Tát trong hiện tại. Họ là quyến thuộc của ma.

“Thiện nam tử! Tự tánh của tất cả các pháp vốn là không, nhưng cũng nhân nơi Bồ Tát tu tập pháp không nên thấy các pháp là không.

“Thiện nam tử! Cũng như tánh của tất cả các pháp là vô thường cho nên sự hoại diệt mới có thể diệt mất [các pháp]. Nếu [tánh của các pháp] chẳng phải vô thường thì sự hoại diệt không thể diệt mất [các pháp] được. Những pháp hữu vi vì có tướng sanh nên sự sanh mới có thể sanh

¹ Đây nói về quan điểm tứ đại, bốn yếu tố chính cấu thành mọi sự vật.

² Năm việc (Ngũ sự) vừa nêu ở đoạn trên, là đức tin, lòng ngay thẳng, trì giới, thân cận thiện hữu và đa văn.

ra; vì có tương diệt nên sự diệt mới có thể diệt mất. Hết thủy các pháp vì có tướng khổ nên sự khổ mới có thể làm cho khổ.

“Thiện nam tử! Cũng như tánh của muối là mặn nên có thể làm cho vật khác trở nên mặn. Tánh của đường là ngọt nên có thể làm cho vật khác trở nên ngọt. Tánh của giấm là chua nên có thể làm cho vật khác trở nên chua. Tánh của gừng là cay nên có thể làm cho vật khác trở nên cay. Tánh của cây *ha-lê-lặc*¹ là đắng nên có thể làm cho vật khác trở nên đắng. Tánh của trái *am-la* là nhạt nên có thể làm cho vật khác trở nên nhạt. Tánh của chất độc có thể gây hại nên khiến cho vật khác bị hại. Tánh của chất *cam lộ* cứu người khỏi sự chết, nếu hợp với vật khác cũng có thể cứu người khỏi sự chết.

“Bồ Tát tu pháp không cũng giống như vậy, nhờ tu pháp không nên thấy tánh của tất cả các pháp vốn là rỗng không vắng lặng.”

Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu muối có thể làm cho vật không mặn trở nên mặn, và việc tu pháp *Tam-muội Không* cũng tương tự như vậy, thì nên biết rằng phép định ấy chẳng phải pháp lành, chẳng phải mầu nhiệm, mà tánh của nó là điên đảo. Nếu pháp *Tam-muội Không* chỉ thấy duy nhất một cái không, mà không đã là *không có pháp* thì thấy được cái gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp *Tam-muội Không* này giúp cho hành giả khi nhìn những pháp *chẳng phải không*

¹ Ha-lê-lặc (*haritakī*), cũng phiên âm là Ha-lỵ-lặc, là một loại cây có trái, rễ, thân, cành lá, hoa và hạt đều có vị đắng.

có thể [thấy chúng] trở thành rỗng không vắng lặng, nhưng [như vậy] không phải là điên đảo. Cũng như muối làm cho những vật không mặn trở thành mặn, pháp *Tam-muội Không* ấy làm cho những pháp *chẳng phải không* trở thành *không*.

“Thiện nam tử! Tánh của tham dục là có, chẳng phải *không*. Nếu tánh tham dục là *không*, lẽ ra chúng sanh chẳng do tham dục mà đọa vào địa ngục. Nếu có việc đọa địa ngục, thì tánh của tham dục lẽ nào là không?

“Thiện nam tử! Tánh của *sắc* [cũng] là có. Những gì là *tánh của sắc*? Đó là điên đảo. Vì có điên đảo nên chúng sanh khởi sanh lòng tham. Nếu tánh của sắc chẳng phải điên đảo, làm sao có thể khiến cho chúng sanh khởi sanh lòng tham? Vì có khởi sanh lòng tham nên biết rằng tánh của sắc chẳng phải là không. Vì nghĩa ấy, tu pháp *Tam-muội Không* chẳng phải là điên đảo.

“Thiện nam tử! Tất cả phàm phu khi thấy người nữ liền sanh tướng nữ. Bồ Tát chẳng phải thế, tuy thấy người nữ mà không sanh tướng nữ. Vì không sanh tướng nữ nên chẳng sanh tham dục. Vì tham dục chẳng sanh nên không phải là điên đảo. Vì thế gian thấy có người nữ nên Bồ Tát tùy thuận mà nói có người nữ. Nếu thấy người nam mà nói rằng nữ, đó mới là điên đảo. Cho nên ta có nói với *Xà-đề* rằng: ‘*Bà-la-môn* các ông nếu lấy ngày làm đêm là điên đảo; nếu lấy đêm làm ngày cũng là điên đảo. Như ngày là tướng trạng ngày, đêm là tướng trạng đêm thì làm sao [gọi là] điên đảo?’

“Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát trụ ở *Địa vị thứ chín*¹ đều thấy tánh của pháp là có. Vì thấy như vậy nên không

¹ Địa vị thứ chín (Cửu địa) trong Thập địa, tức Thiện tuệ địa.

thấy tánh Phật. Nếu thấy tánh Phật ắt không còn thấy tánh của tất cả các pháp [là có] nữa. Nhờ tu pháp *Tam-muội Không* như vậy nên không còn thấy tánh các pháp [là có]. Nhờ không thấy tánh các pháp [là có] nên thấy được tánh Phật.

“Chư Phật, Bồ Tát có hai cách giảng thuyết, một là có tánh, hai là không tánh. Vì chúng sanh nên thuyết rằng *có tánh pháp*, vì các vị hiền thánh nên thuyết rằng *không có tánh pháp*.”

“Vì muốn những ai thấy rằng *pháp chẳng phải không* đều thấy được *pháp là không* nên dạy tu pháp *Tam-muội Không*, khiến cho thấy được *pháp là không*. Nhưng những ai thấy rằng không có tánh pháp cũng nhờ tu pháp không nên thấy là không. Vì nghĩa ấy nên người tu pháp không mới thấy được các pháp là không.

“Thiện nam tử! Như lời ông hỏi: “Thấy cái không, nhưng không là *không có pháp* thì thấy được cái gì?”

“Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Bồ Tát *Ma-ha-tát* thật không có chỗ thấy! Không có chỗ thấy tức là không có chỗ có. Không có chỗ có là tất cả các pháp.

“Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu Đại *Niết-bàn*, đối với tất cả các pháp đều không có chỗ thấy. Nếu có chỗ thấy thì không thấy tánh Phật, không thể tu tập *Bát-nhã Ba-la-mật*, không thể vào [cảnh giới] Đại *Niết-bàn*. Cho nên Bồ Tát thấy tánh của tất cả các pháp đều không có chỗ có.

“Thiện nam tử! Bồ Tát chẳng phải chỉ nhờ tu *Tam-muội [Không]* mà thấy được pháp không. *Bát-nhã Ba-la-mật* cũng là không. *Thiền Ba-la-mật* cũng là không. *Tịnh*

tán Ba-la-mật cũng là không. *Nhãn nhục Ba-la-mật* cũng là không. *Trì giới Ba-la-mật* cũng là không. *Bố thí Ba-la-mật* cũng là không. Hình sắc là không, mắt [nhìn thấy] là không, thức [nhận biết] cũng là không. Như Lai cũng là không. Đại *Niết-bàn* cũng là không. Cho nên Bồ Tát thấy tất cả các pháp đều là không.

“Vì thế, khi ở thành *Ca-tỳ-la* ta có bảo *A-nan* rằng: ‘Ông đừng sầu não, bi ai khóc lóc.’ *A-nan* thưa rằng: ‘Như Lai Thế Tôn! Nay quyền thuộc của con đều chết cả rồi. Làm sao con chẳng buồn rầu khóc kể? Như Lai với con đều sanh ra tại thành này, đều là thân thích quyền thuộc trong dòng họ Thích, vì sao chỉ riêng Như Lai là không sầu não, dung nhan càng thêm sáng rỡ?’¹

“Thiện nam tử! Khi ấy ta đáp rằng: ‘*A-nan*! Ông thấy thành *Ca-tỳ-la* là thật có, ta thấy đó là rỗng không vắng lặng, thật không chỗ có. Ông thấy người họ Thích đều là thân quyến, ta tu pháp *Không*, hết thấy đều không có chỗ thấy. Vì nhân duyên ấy nên ông sanh sầu khổ còn ta thì dung nhan càng thêm sáng rỡ.’ Chư Phật, Bồ Tát, nhờ tu tập pháp *Tam-muội Không* nên không sanh sầu não.

“Như vậy gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu trọn vẹn công đức thứ chín.

“Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu trọn vẹn công đức sau hết thứ mười?

“Thiện nam tử! Bồ Tát tu tập *Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo]*, vào cảnh giới Đại *Niết-bàn* với *thường, lạc, ngã,*

¹ Đây nói chuyện xảy ra khi thái tử Lưu-ly cướp ngôi của vua cha là Ba-tư-nặc rồi kéo quân đánh thành *Ca-tỳ-la*, tàn sát những người thuộc dòng họ Thích-ca.

tịnh, vì chúng sanh mà phân biệt giảng thuyết kinh Đại Niết-bàn, chỉ rõ tánh Phật. Nếu hàng *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán*, Phật *Bích-chi*, Bồ Tát tin nhận lời này, thấy đều được vào [cảnh giới] Đại Niết-bàn. Nếu như không tin ắt phải chịu luân hồi sanh tử.”

Lúc ấy, Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Những chúng sanh nào không sanh lòng cung kính đối với kinh này?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sau khi ta vào Niết-bàn, sẽ có những đệ tử Thanh văn ngu si phá giới, ưa thích sanh khởi việc tranh chấp; lìa bỏ Mười hai bộ kinh, tụng đọc mọi thứ điển tịch, văn từ, thủ bút của ngoại đạo; thọ nhận và chứa trữ tất cả những vật bất tịnh, bảo rằng do Phật cho phép.

“Những kẻ ấy [ví như người ngu si] đem gỗ *chiên-đàn* tốt đổi lấy gỗ thường, đem vàng ròng đổi lấy quặng thau, đem bạc quý đổi lấy chì pha thiếc,¹ đem tơ lụa đổi lấy vải thô, đem vị *cam lộ* đổi lấy thuốc độc!

“Thế nào là đem gỗ *chiên-đàn* tốt đổi lấy gỗ thường? Như những đệ tử của ta vì sự cúng dường mà giảng thuyết kinh pháp cho người tại gia; những người tại gia ấy dục tình buông thả, chẳng thích lắng nghe; người tại gia ngồi trên cao, *tỳ-kheo* ở dưới thấp, lại đem đủ thứ món ngon vật lạ mà cung cấp [cho họ] nhưng [họ] cũng chẳng chịu nghe. Đó gọi là đem gỗ *chiên-đàn* đổi lấy gỗ thường.

“Thế nào là đem vàng ròng đổi lấy quặng thau? Quặng thau ví như hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự

¹ Chì pha thiếc: một hợp kim dễ nóng chảy, dùng để hàn các kim loại khác.

xúc chạm. Vàng ròng ví như giới luật. Có những đệ tử của ta vì nhân duyên hình sắc...¹ mà phạm vào giới luật đã thọ nhận. Đó gọi là đem vàng ròng đổi lấy quặng thau.

“Thế nào là đem bạc quý đổi lấy chì pha thiếc? Bạc ví như *Mười điều thiện*. Chì pha thiếc ví như *Mười điều ác*. Có những đệ tử của ta buông bỏ *Mười điều thiện*, làm *Mười điều ác*. Đó gọi là đem bạc quý đổi lấy chì pha thiếc.

“Thế nào là đem tơ lụa đổi lấy vải thô? Vải thô ví như lòng không biết hổ thẹn. Tơ lụa ví như sự biết hổ thẹn. Có những đệ tử của ta buông bỏ [đức tính quý giá là] sự hổ thẹn, tập quen tính không hổ thẹn. Đó gọi là đem tơ lụa mà đổi lấy vải thô.

“Thế nào là đem *cam lộ* đổi lấy thuốc độc? Thuốc độc ví như mọi thứ lợi dưỡng. *Cam lộ* ví như các pháp không phiền não. Có những đệ tử của ta vì lợi dưỡng mà tự khen ngợi mình trước mặt những người cư sĩ tại gia, hoặc tự nói rằng mình chứng đắc quả *vô lậu*. Đó gọi là đem *cam lộ* đổi lấy độc dược.

“Vì những *tỳ-kheo* xấu ác như vậy nên kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này mới [cần phải] lưu hành một cách rộng rãi trong cõi *Diêm-phù-đề*. Vào lúc ấy, có những đệ tử thọ trì, tụng đọc, sao chép kinh này, giảng giải và lưu hành rộng rãi, sẽ bị những *tỳ-kheo* xấu ác như trên hãm hại.

“Bấy giờ, những *tỳ-kheo* xấu ác cùng nhau tụ tập, lập ra quy chế nghiêm ngặt rằng: ‘Nếu có người thọ trì kinh Đại *Niết-bàn*, sao chép, tụng đọc, phân biệt giảng thuyết, thì

¹ Đây nói tóm tắt cả các nhân duyên từ hình sắc cho đến sự xúc chạm, tức năm trần sanh năm dục.

không ai được cùng ở chung, ngồi chung, chuyện trò qua lại với người ấy. Vì sao vậy? Vì kinh *Niết-bàn* không phải do Phật thuyết, mà do những kẻ tà kiến làm ra. Những kẻ tà kiến đó tức thuộc bọn sáu thầy ngoại đạo.¹ Kinh điển của sáu thầy ngoại đạo không phải kinh điển của Phật.

“Vì lẽ gì vậy? Vì tất cả chư Phật đều nói những pháp *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*. Nếu nói các pháp là *thường, lạc, ngã, tịnh*, sao có thể là kinh do Phật thuyết được?

“Chư Phật, Bồ Tát cho phép *tỳ-kheo* chứa trữ mọi vật, còn bọn sáu thầy ngoại đạo không cho đệ tử chứa trữ một vật gì cả. Nghĩa lý như vậy, sao có thể là do Phật thuyết dạy?

“Chư Phật, Bồ Tát không cấm đệ tử ăn thịt bò và năm món chế biến từ sữa bò, còn bọn sáu thầy ngoại đạo thì không cho phép ăn năm thứ muối, năm món chế biến từ sữa bò cùng là mỡ, huyết... Nếu cấm dứt những món này, sao có thể là kinh điển chân chánh của Phật?

“Chư Phật, Bồ Tát thuyết điển *Ba thừa*, nhưng trong kinh này chỉ thuyết duy nhất một thừa là Đại *Niết-bàn*. Những lời như vậy, sao có thể là kinh điển chân chánh của Phật?

“Chư Phật đều dứt bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*, kinh này lại nói rằng Phật là *thường, lạc, ngã, tịnh*, không nhập *Niết-bàn*. Kinh này chẳng có trong số *Mười hai bộ kinh*, tức là do ma thuyết, chẳng phải Phật thuyết.’

¹ Sáu thầy ngoại đạo (Lục sư ngoại đạo): sáu vị thầy của sáu phái ngoại đạo lớn vào thời đức Phật: 1. Phú-lan-na, 2. Mạt-già-lê Câu-xá-ly tử, 3. San-xà-da Tỳ-la-chi tử, 4. A-kỳ-da Sí-xá-khâm-bà-la, 5. Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, 6. Ni-kiền-đà Nhã-đê-tử.

“Thiện nam tử! Những kẻ ấy, tuy là đệ tử của ta nhưng không thể tin theo kinh *Niết-bàn* này.

“Thiện nam tử! Vào thuở ấy, nếu có chúng sanh nào tin nhận kinh điển này, dù chỉ nửa câu, nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của ta. Nhờ tin như vậy liền thấy tánh Phật, được vào [cảnh giới] *Niết-bàn*.”

Lúc ấy, Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Hôm nay Như Lai thật khéo khai mở chỉ bày kinh Đại *Niết-bàn*. Bạch Thế Tôn! Con nhân việc này mà được thấu rõ kinh Đại *Niết-bàn*, dù là một câu, thậm chí nửa câu. Nhờ thấu rõ được một câu, thậm chí nửa câu, nên thấy được đôi chút tánh Phật. Như lời Phật dạy thì con cũng sẽ được vào [cảnh giới] Đại *Niết-bàn*.”

[Phật dạy:] “Như vậy gọi là Bồ Tát tu hành kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* thành tựu trọn vẹn công đức thứ mười.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI SÁU

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN HAI MƯƠI BẢY

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phẩm thứ mười một – Phần một¹

lúc ấy, Phật bảo tất cả đại chúng: “Các thiện nam tử! Nếu các ông còn nghi những việc có Phật hay không có Phật, có Pháp hay không có Pháp, có Tăng hay không có Tăng, có *khổ* hay không có *khổ*, có *tập* hay không có *tập*, có *diệt* hay không có *diệt*, có *đạo* hay không có *đạo*, có *thật* hay không có *thật*, có *ngã* hay không có *ngã*, có *lạc* hay không có *lạc*, có *tịnh* hay không có *tịnh*, có *thường* hay không có *thường*, có *thừa* hay không có *thừa*, có *tánh* hay không có *tánh*, có *chúng sanh* hay không có *chúng sanh*, có *hiện hữu* hay không có *hiện hữu*, có *chân chánh* hay không có *chân chánh*, có *nhân* hay không có *nhân*, có *quả* hay không có *quả*, có *tạo tác* hay không có *tạo tác*, có *nghiệp* hay không có *nghiệp*, có *quả báo* hay không có *quả báo*, nay ta cho phép các ông cứ tùy ý thưa hỏi, ta sẽ vì các ông mà phân biệt giảng giải.

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 25, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hồng thứ 23, phần đầu tiên (Sư Tử Hồng Bồ Tát phẩm đệ nhị thập tam chi nhất).

“Thiện nam tử! Ta thật không thấy có bất cứ ai, dù là trong hàng chư thiên, loài người, chúng ma, *Phạm thiên*, *sa-môn* hay *bà-la-môn*, đến đây thưa hỏi mà ta không thể trả lời được.”

Bấy giờ, trong hội có một vị Bồ Tát tên là Sư Tử Hống liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, chỉnh trang y phục, dung mạo, đến lễ kính dưới chân Phật, rồi quỳ xuống chấp tay bạch Phật: “Thế Tôn! Con vừa muốn hỏi, Như Lai đại từ đã đoái thương cho phép con được hỏi.”

Lúc ấy, Phật bảo Đại chúng rằng: “Các thiện nam tử! Nay các ông nên sanh lòng cung kính sâu xa, tôn trọng, ngợi khen xưng tán vị Bồ Tát này. Nên dùng mọi thứ hương hoa, kỹ nhạc, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng che, y phục, món ăn thức uống, mền gối, thuốc thang, phòng xá, điện đường mà cúng dường vị này, cung kính tiếp đón khi [vị này] đến và lễ tiễn khi [vị này] đi. Vì sao vậy? Vì người này đối trước chư Phật quá khứ đã từng trông sâu căn lành, thành tựu phước đức, nên hôm nay mới đối trước mặt ta muốn cất tiếng [thỉnh pháp hùng hồn như tiếng] sư tử rống.

“Thiện nam tử! Như sư tử chúa tự biết sức của thân mình, [cùng với] sức của răng nanh, vuốt nhọn, liền ngồi xổm bốn chân trên đất, vũng vàng trong động núi cao, đập đuôi và phát lên tiếng rống. Nếu có đủ những tướng như vậy, nên biết là có thể phát tiếng rống như sư tử.

“Quả thật là chúa sư tử thì vừa rạng sáng đã ra khỏi động, duỗi thẳng mình, há họng thật to, nhìn khắp bốn hướng, rồi vì mười một nguyên do mà phát tiếng rống lớn. Những gì là mười một nguyên do?

“Một là vì muốn phá trừ những loài chẳng phải sư tử mà giả làm sư tử.

“Hai là vì muốn thử sức lực của chính mình.

“Ba là vì muốn làm cho chỗ ở của mình được yên tĩnh [không bị quấy nhiễu].

“Bốn là vì muốn cho các sư tử con biết chỗ ở của mình.

“Năm là vì muốn cho cả bầy sư tử không có sự sợ sệt.

“Sáu là vì muốn cho những kẻ ngu mê được tỉnh giấc.

“Bảy là vì muốn cho những con thú lười nhác thôi không lười nhác nữa.

“Tám là vì muốn cho các loài thú đều đến nương dựa với mình.

“Chín là vì muốn điều phục những con voi tơ sung sức to lớn.

“Mười là vì muốn dạy bảo con cái.

“Mười một là vì muốn tạo sự oai vệ nghiêm cẩn cho quyền thuộc của mình.

“Tất cả cầm thú khi nghe tiếng sư tử rống thì loài ở dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài sống trên cạn liền chạy núp vào hang động, loài bay trên không liền rơi xuống, những con voi tơ sung sức to lớn đều sợ chạy vãi cả phần!

“Này các thiện nam tử! Như loài chồn hoang dù đi theo sư tử đến cả trăm năm cũng không thể rống được như sư tử. Nếu là sư tử con thì vừa đủ ba tuổi đã có thể gầm rống như sư tử chúa.

“Thiện nam tử! Như Lai có *Chánh giác, trí tuệ* là nanh vuốt, *Bốn như ý* là chân, *Sáu Ba-la-mật* là thân đầy đủ, *Mười sức* hùng mạnh, *Đại bi* là đuôi, an trụ nơi *Bốn thiên* là hang động thanh tịnh, nên vì chúng sanh phát tiếng [thuyết pháp hùng hồn như tiếng] sư tử rống, phá dẹp

binh ma, chỉ bày cho đại chúng *Mười súc*, rộng mở công hạnh Phật, vì những kẻ tà kiến làm chổ [cho họ] quay về nương tựa; an ủi vỗ về những kẻ sợ sệt trong vòng sanh tử; giác ngộ những chúng sanh ngủ mê trong vô minh; khiến cho những kẻ làm việc ác phải sanh lòng hối tiếc.

“Vì muốn khai mở chỉ bày cho tất cả những chúng sanh tà kiến biết rằng [sự giảng thuyết của] bọn sáu thầy ngoại đạo không phải tiếng sư tử rống; vì muốn phá tan lòng kiêu mạn của bọn *Phú-lan-na*; vì muốn làm cho những người trong hàng *Nhị thừa* sanh lòng tự hối [mà quay sang Đại thừa]; vì muốn dạy cho các vị Bồ Tát trong hàng *Ngũ trụ* sanh tâm *Đại lực*; vì muốn làm cho *Bốn bộ chúng* có *chánh kiến* không sanh lòng sợ sệt đối với những đệ tử *tà kiến*; nên [vị sư tử chúa Như Lai] từ nơi hang động là *Thánh hạnh*, *Phạm hạnh* và *Thiên hạnh* duỗi thẳng mình đi ra; vì muốn cho tất cả chúng sanh phá tan lòng kiêu mạn nên há miệng thật to; vì muốn cho chúng sanh khởi sanh các pháp lành, nên quay nhìn khắp bốn hướng; vì muốn chúng sanh được *Bốn vô ngại*¹ nên ngồi xồm bốn chân trên mặt đất; vì muốn chúng sanh an trụ đầy đủ trong *Trì giới Ba-la-mật*² nên phát tiếng rống như sư tử.

“Tiếng rống như sư tử có nghĩa là giảng thuyết một cách rõ ràng chắc chắn: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; Như Lai là thường trụ không hề biến đổi.’*

“Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác dù đi theo Như Lai Thế Tôn cho đến vô lượng trăm ngàn *a-tăng-kỳ*

¹ Bốn vô ngại (Tứ vô ngại), cũng viết Tứ vô ngại trí, Tứ vô ngại biện, Tứ vô ngại giải, gồm có: 1. Pháp vô ngại, 2. Nghĩa vô ngại, 3. Từ vô ngại, 4. Nhạo thuyết vô ngại.

² Thi Ba-la-mật: trì giới Ba-la-mật, giới độ. Hạnh thứ hai trong lục độ, Sáu hạnh của Bồ Tát.

kiếp cũng không thể [thuyết pháp hùng hồn như] tiếng sư tử rống. Hàng Bồ Tát *Thập trụ* nếu tu hành *Ba hạnh* như trên,¹ nên biết là có thể phát ra tiếng [thuyết pháp hùng hồn như] như sư tử rống.

“Các thiện nam tử! Đại Bồ Tát Sư Tử Hống đây, nay muốn làm đại sư tử phát tiếng rống lớn như vậy. Cho nên các ông phải hết lòng cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen xưng tán.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ Tát Sư Tử Hống: “Thiện nam tử! Nếu ông muốn hỏi, nay có thể tùy ý hỏi.”

Bồ Tát *Ma-ha-tát* Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là tánh Phật? Vì nghĩa gì mà gọi là tánh Phật? Sao lại gọi là *thường, lạc, ngã, tịnh*? Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì sao không thấy được tánh Phật của tất cả chúng sanh? Hàng Bồ Tát *Thập trụ* trụ ở những pháp nào mà không thấy được [tánh Phật] một cách rõ ràng? Phật trụ ở những pháp nào mà thấy được [tánh Phật] rõ ràng? Bồ Tát *Thập trụ* dùng con mắt nào mà không thấy được [tánh Phật] một cách rõ ràng? Phật dùng con mắt nào mà thấy được [tánh Phật] rõ ràng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Nếu ai có thể vì pháp thưa hỏi, người ấy ắt là có đủ hai sự trang nghiêm: một là *trí tuệ*, hai là *phước đức*. Bồ Tát nào có đủ hai sự trang nghiêm ấy ắt rõ biết được tánh Phật, cũng rõ biết được vì sao gọi là tánh Phật, cho đến có thể biết rằng Bồ Tát *Thập trụ* dùng mắt gì để thấy, chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy.”

¹ Tức ba hạnh: Thánh hạnh, Phạm hạnh và Thiên hạnh.

Bồ Tát Sư Tử Hồng lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là *trí tuệ trang nghiêm*? Thế nào gọi là *phước đức trang nghiêm*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trí tuệ trang nghiêm là nói từ *Địa vị thứ nhất* cho tới *Địa vị thứ mười* [của hàng Bồ Tát]. Đó gọi là *trí tuệ trang nghiêm*. Phước đức trang nghiêm là nói từ *Bồ thí Ba-la-mật* cho tới *Bát-nhã*, [nhưng] không phải *Bát-nhã Ba-la-mật*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Trí tuệ trang nghiêm* là nói chư Phật, Bồ Tát. *Phước đức trang nghiêm* là nói hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát trụ ở chín địa vị đầu tiên.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Phước đức trang nghiêm* là *hữu vi, hữu lậu*, có quả báo, có chướng ngại, chẳng phải thường, là pháp phàm phu. *Trí tuệ trang nghiêm* là *vô vi, vô lậu*, không có quả báo, không có chướng ngại, là *thường trụ*.

“Thiện nam tử! Nay ông có đủ hai sự trang nghiêm ấy nên mới có thể thưa hỏi nghĩa lý sâu thẳm nhiệm mầu. Ta cũng có đủ hai sự trang nghiêm ấy nên mới có thể giải đáp nghĩa này.”

Bồ Tát *Ma-ha-tát* Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nào đầy đủ hai sự trang nghiêm như vậy, ắt không nên thưa hỏi về việc, hai việc. Vì sao Thế Tôn nói rằng có thể giải đáp một việc, hai việc? Vì lẽ gì? Vì tất cả các pháp không có [sự phân chia thành] một việc, hai việc. Nếu có [sự phân chia thành] một việc, hai việc, đó là tướng phàm phu.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát nào không có [đủ] hai sự trang nghiêm, ắt không thể rõ biết về [lẽ] một việc,

hai việc. Nếu Bồ Tát nào có đủ hai sự trang nghiêm mới [có thể] rõ biết về [lẽ] một việc, hai việc.

“Nếu nói rằng các pháp không có [sự phân biệt] một, hai; nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu [các pháp] không có [sự phân biệt] một, hai, làm sao có thể nói rằng tất cả các pháp là không có một, không có hai?

“Thiện nam tử! Nếu ai nói rằng: ‘Một, hai là tướng phàm phu’, đó phải gọi là Bồ Tát Thập trụ, chẳng phải hạng phàm phu. Vì sao vậy? Một đó, gọi là *Niết-bàn*; hai đó, gọi là sanh tử.

“Vì sao một gọi là *Niết-bàn*? Vì đó là *thường*. Vì sao hai gọi là sanh tử? Vì đó là *tham ái, vô minh*.

“Sự thường tồn của *Niết-bàn* chẳng phải tướng phàm phu; sự [phân] hai của sanh tử cũng chẳng phải tướng phàm phu. Vì nghĩa ấy, người có đầy đủ hai sự trang nghiêm thì có thể hỏi, có thể đáp.

“Thiện nam tử! Ông có hỏi: ‘Thế nào là tánh Phật?’ Hãy lắng nghe, lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.

“Thiện nam tử! Tánh Phật gọi là *nghĩa không theo đệ nhất nghĩa*.¹ *Nghĩa không theo đệ nhất nghĩa* gọi là trí tuệ. Chỗ nói *không* đó là không thấy cả *cái không* và *chẳng phải không*.

“Người trí vẫn thấy cả *cái không* và *chẳng phải không*, *thường* và *vô thường*, *khổ* và *vui*, *vô ngã* và *ngã*. *Không* là tất cả các pháp trong sanh tử; *chẳng phải không* là Đại *Niết-bàn*... cho đến *vô ngã* là sanh tử; *ngã* là Đại *Niết-bàn*.²

¹ Đệ nhất nghĩa, hay đệ nhất nghĩa đế, là chân lý rốt ráo, dựa vào trí tuệ viên mãn của bậc giác ngộ, phân biệt với đệ nhị nghĩa hay thế đế, là chân lý tương đối trong phạm vi nhận biết, suy diễn của phàm phu, dựa vào các giác quan.

² Câu này muốn tóm ý về tất cả các cặp đối đãi như trên.

“[Nếu] thấy tất cả là *không* mà không thấy chỗ *chẳng phải không*, như vậy không gọi là *trung đạo*. Cho đến [nếu] thấy tất cả là *vô ngã* mà không thấy *ngã* cũng không gọi là *trung đạo*.

“*Trung đạo* gọi là tánh Phật. Vì nghĩa ấy, tánh Phật là thường hằng, không hề biến đổi, chỉ vì vô minh che lấp nên chúng sanh không thể thấy được.

“Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả là *không* mà không thấy chỗ *chẳng phải không*; cho đến thấy tất cả là *vô ngã* mà không thấy [có *chân*] *ngã*. Vì nghĩa ấy, họ không đạt được *nghĩa không* theo *đệ nhất nghĩa*. Vì không đạt được *nghĩa không* theo *đệ nhất nghĩa* nên họ không thực hành *trung đạo*. Vì không [thực hành] *trung đạo* nên không thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Có ba hạng [người] không thấy được *trung đạo*. Một là [những người] theo hạnh lúc nào cũng vui, hai là [những người] theo hạnh lúc nào cũng khổ, ba là [những người] theo hạnh có khổ có vui.

“Tu theo hạnh lúc nào cũng vui chính là các vị Đại Bồ Tát. Vì thương xót tất cả chúng sanh nên tuy vào địa ngục A-tỳ vẫn luôn vui thích như ở cõi trời *Tam thiên*.¹

“Trường hợp lúc nào cũng khổ là nói tất cả những người phàm phu.²

¹ Cõi trời Tam thiên (Đệ tam thiên): thuộc cõi Sắc giới, là một trong ba cõi Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên và Biến tịnh Thiên. Chư thiên ở đó thường được hưởng sự vui thích nhiệm mầu. Hành giả tu thiên chứng đắc Tam thiên thì thân thức cũng đạt đến cõi vui thích này.

² Phàm phu sống ở thế gian, tuy thấy có khổ có vui, nhưng thật ra tất cả đều là khổ. Cái vui giả tạm trong đời sống lại chính là cái nhân của khổ, nên Phật dạy rằng đối với phàm phu thì tất cả đều là khổ (Khổ đế). Chỉ vì chưa tu hành giác ngộ nên người thế gian không thể tự nhận ra điều này.

“Tu theo hạnh có khổ có vui là hàng Thanh văn, Duyên giác. Hàng Thanh văn, Duyên giác tu tập theo hạnh có khổ có vui, [lầm] cho đó là *trung đạo*. Vì nghĩa ấy nên tuy [họ] có tánh Phật nhưng không thể thấy được.

“Như lời ông hỏi: ‘Vì nghĩa gì mà gọi là tánh Phật?’ Thiện nam tử! Tánh Phật là hạt giống *trung đạo* dẫn đến *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề* của tất cả chư Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đạo có ba hạng, đó là bậc thấp, bậc cao và khoảng giữa.

“Bậc thấp là [những người đối với] *Phạm thiên vô thường* mà sai lầm thấy là *thường*.

“Bậc cao là [những người đối với] sanh tử *vô thường* mà sai lầm thấy là *thường*; Tam bảo là *thường* mà sai lầm cho là *vô thường*.

“Vì sao gọi đó là bậc cao? Vì [những người ấy] có khả năng đạt đến quả tối thượng là *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề*.

“Đạo thuộc về khoảng giữa là *nghĩa không theo đệ nhất nghĩa*. [Đó là những người] đối với *vô thường* thấy biết là *vô thường*, *thường* thấy biết là *thường*.

“*Nghĩa không theo đệ nhất nghĩa* chẳng gọi là bậc thấp. Vì sao vậy? Vì tất cả phàm phu không thể đạt đến. Cũng chẳng gọi là bậc cao. Vì sao vậy? Vì [gọi như thế] tức là [thuộc về] bậc cao [theo nghĩa nói trên]. Đạo của chư Phật và Bồ Tát tu hành không phải bậc cao, không phải bậc thấp, vì nghĩa ấy nên gọi là *trung đạo*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Cội gốc của sanh tử có hai loại, một là *vô minh*, hai là *tham ái*. Ở giữa hai thứ [vô minh và tham ái] này ắt phải có những nỗi khổ *sanh, già, bệnh, chết*. [Thấy biết] như vậy gọi là *trung đạo*. *Trung đạo* như

thế có thể phá trừ sanh tử, nên gọi là *trung*. Vì nghĩa ấy nên pháp *trung đạo* gọi là tánh Phật.

“Vì thế, tánh Phật là *thường, lạc, ngã, tịnh*; chúng sanh vì không thể thấy được [tánh Phật] nên là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*; nhưng tánh Phật thật không phải là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*.”

“Thiện nam tử! Ví như trong nhà người nghèo khổ có một kho báu, nhưng người ấy không thấy biết. Vì không thấy biết nên [phải chịu bần cùng khốn khổ, ví như chúng sanh] chỉ biết *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*. Rồi có vị thiện tri thức đến bảo người ấy rằng: “Trong nhà ông có kho báu, vì sao phải chịu bần cùng khốn khổ, không có những sự *thường, lạc, ngã, tịnh*?” [Vị thiện tri thức này] liền dùng phương tiện khiến cho người ấy được thấy biết. Sau khi thấy biết rồi, người ấy liền được [giàu có sung sướng, ví như chúng sanh đạt được] *thường, lạc, ngã, tịnh*.”

“Tánh Phật cũng giống như vậy, chúng sanh không thấy được. Vì không thấy được tánh Phật nên chỉ biết là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*. Nhờ có bậc thiện tri thức là chư Phật, Bồ Tát dùng sức phương tiện với nhiều cách dạy bảo, khiến cho chúng sanh thấy được tánh Phật. Sau khi thấy được tánh Phật rồi, chúng sanh liền đạt được *thường, lạc, ngã, tịnh*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Chỗ thấy biết của chúng sanh khởi lên gồm có hai loại: một là *thường kiến*,¹ hai là *đoạn kiến*.² Hai cách thấy biết ấy không gọi là *trung đạo*. Không

¹ Thường kiến: quan điểm sai lầm cho rằng thân tâm này với các pháp thế gian là thường tồn, không dứt mất, chẳng hạn như cho rằng mỗi con người đều có một linh hồn bất diệt...

² Đoạn kiến: quan điểm sai lầm cho rằng thân tâm này với các pháp thế gian là đoạn diệt, không thường tồn, chẳng hạn như cho rằng đời sống hoàn toàn chấm dứt sau khi chết, không có kiếp sau...

phải *thường* cũng không phải *đoạn* mới gọi là *trung đạo*. Không phải *thường* cũng không phải *đoạn* tức là trí tuệ quán chiếu *Mười hai nhân duyên*. Trí tuệ quán chiếu ấy gọi là tánh Phật.

“Hàng Nhị thừa tuy cũng quán xét nhân duyên nhưng chưa được gọi là tánh Phật.

“Tánh Phật tuy là thường nhưng vì chúng sanh bị vô minh che lấp nên không thể thấy được. Chúng sanh lại cũng như con thỏ, con ngựa, chưa đủ sức lội qua dòng sông lớn *Mười hai nhân duyên*. Vì sao vậy? Vì không thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Trí tuệ quán chiếu *Mười hai nhân duyên* đó chính là hạt giống *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy, *Mười hai nhân duyên* được gọi là tánh Phật. Thiện nam tử! Ví như có loại dưa chuột¹ được gọi là ‘bệnh nhiệt’. Vì sao vậy? Vì loại dưa ấy có thể là nguyên nhân gây bệnh nhiệt. *Mười hai nhân duyên* cũng thế, [có thể là nguyên nhân dẫn đến quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên được gọi là tánh Phật.]

“Thiện nam tử! Tánh Phật có *nhân*, lại có *nhân của nhân*; có *quả* và có *quả của quả*.

“*Nhân* của tánh Phật là *Mười hai nhân duyên*. *Nhân* của nhân ấy là trí tuệ (quán chiếu).

“Quả của tánh Phật là [quả vị] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Quả của quả ấy là *Vô thượng Đại Bát Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như *vô minh* là *nhân*, các *hành* là *quả*; *hành* là *nhân*, *thức* là *quả*... Vì nghĩa ấy nên thể của

¹ Nguyên bản Hán văn là 胡瓜 (hồ qua), các bản trước đây dịch là dưa hấu, bí đỏ, nấm hồ... đều là các loại hoàn toàn khác nhau. Chúng tôi thấy trong các từ điển Hán Việt hiện đại đều ghi rõ 胡瓜 = 黃瓜 (hoàng qua), nghĩa là dưa chuột.

vô minh ấy là nhân, mà cũng là nhân của nhân; thức là quả, mà cũng là quả của quả. Tánh Phật cũng như thế.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên Mười hai nhân duyên là không hiện ra, không diệt mất, không thường không đoạn, chẳng một chẳng hai, chẳng đến chẳng đi, không phải nhân không phải quả.

“Thiện nam tử! Có trường hợp là nhân mà không phải quả, chẳng hạn như tánh Phật. Có trường hợp là quả mà không phải nhân, chẳng hạn như Đại Niết-bàn. Có trường hợp vừa là nhân, vừa là quả, chẳng hạn như các pháp sanh bởi Mười hai nhân duyên.

“Không phải nhân không phải quả gọi là tánh Phật. Vì không phải nhân quả nên thường hằng, không biến đổi.

“Vì nghĩa ấy nên trong các kinh ta dạy rằng ý nghĩa của Mười hai nhân duyên là rất sâu xa, không thể biết, không thể thấy, không thể suy xét. Đó là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt đến.

“Vì nghĩa gì mà hết sức sâu xa? Hành vi tạo nghiệp của chúng sanh là không thường không đoạn, nhưng [thật] có quả báo; tuy mỗi một ý niệm đều liên tục theo nhau diệt mất, nhưng [thật] không có gì mất đi; tuy không có người tạo tác, nhưng [thật] có nghiệp được tạo ra; tuy không có người thọ lãnh, nhưng [thật] có quả báo; người thọ báo tuy mất đi nhưng quả báo [thật] không hề mất; [tuy] không có sự toan tính nhận biết nhưng tự hòa hợp [các nhân duyên] mà có.

“Tất cả chúng sanh tuy sống trong Mười hai nhân duyên nhưng không thấy biết. Vì không thấy biết nên [mãi mãi luân chuyển,] không có khởi đầu, không có kết thúc.

“Hàng Bồ Tát Thập trụ chỉ thấy chỗ kết thúc mà không thấy được chỗ khởi đầu. Chư Phật Thế Tôn thấy rõ chỗ khởi đầu, chỗ kết thúc. Vì nghĩa ấy, chư Phật thấy được tánh Phật một cách rõ ràng.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh vì không thấy rõ được *Mười hai nhân duyên* nên phải chịu luân chuyển [mãi mãi trong sanh tử].

“Thiện nam tử! Ví như con tầm tạo ra cái kén, tự nó sanh ra, tự nó chết đi. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, vì không thấy tánh Phật nên tự tạo nghiệp trôi buộc, luân chuyển mãi trong sanh tử, khác nào như trái cầu [bị người chơi đánh qua lại mãi]!

“Thiện nam tử! Cho nên trong các kinh ta có dạy rằng: ‘Ai thấy được *Mười hai nhân duyên* tức thấy Chánh pháp. Thấy Chánh pháp tức là thấy Phật.’ Phật, đó chính là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì hết thảy chư Phật đều lấy đó làm tánh.

“Thiện nam tử! Trí tuệ quán chiếu *Mười hai nhân duyên* có bốn bậc: bậc thấp, bậc vừa, bậc cao và bậc cao nhất.

“Trí tuệ quán chiếu bậc thấp không thấy được tánh Phật. Vì không thấy [tánh Phật] nên [người tu] chỉ đạt đến quả Thanh văn mà thôi.

“Trí tuệ quán chiếu bậc vừa cũng không thấy được tánh Phật. Vì không thấy [tánh Phật] nên [người tu] chỉ đạt đến quả vị Duyên giác.

“Trí tuệ quán chiếu bậc cao tuy thấy tánh Phật nhưng không thật rõ ràng. Vì thấy [tánh Phật] không thật rõ ràng nên [người tu] trụ ở hàng [Bồ Tát] Thập trụ.

“Trí tuệ quán chiếu bậc cao nhất thấy được tánh Phật một cách rõ ràng nên đạt được đạo *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Vì nghĩa ấy nên *Mười hai nhân duyên* gọi là tánh Phật. Tánh Phật tức là *nghĩa không theo đệ nhất nghĩa*. *Nghĩa không theo đệ nhất nghĩa* gọi là *trung đạo*. Trung đạo gọi là Phật. Phật gọi là *Niết-bàn*.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu Phật và tánh Phật chẳng khác gì nhau thì tất cả chúng sanh cần gì phải tu hành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông hỏi như vậy là không hợp lý. Tuy Phật và tánh Phật chẳng khác gì nhau, nhưng tất cả chúng sanh thấy đều chưa được đầy đủ.

“Thiện nam tử! Ví như có người sanh lòng ác giết hại mẹ. Giết mẹ rồi mới sanh tâm hối cải. Bấy giờ, tuy *Ba nghiệp*¹ đều lành, nhưng vẫn gọi là người của địa ngục. Vì sao vậy? Vì chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Tuy các *ám, nhập, giới* [tạo thành] người ấy hiện không ở trong địa ngục, nhưng vẫn gọi là người của địa ngục.

“Thiện nam tử! Cho nên trong các kinh ta có dạy: ‘Nếu thấy người tu hành điều thiện, đó gọi là thấy chư thiên và loài người; nếu thấy kẻ làm điều ác, đó gọi là thấy địa ngục.’ Vì sao vậy? Vì chắc chắn sẽ thọ quả báo [tương ứng như vậy].

“Thiện nam tử! Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên ta nói: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Nhưng thật ra tất cả

¹ Ba nghiệp (Tam nghiệp): gồm có thân nghiệp (các nghiệp do thân gây ra), khẩu nghiệp (các nghiệp do miệng gây ra, nghĩa là bằng lời nói), và ý nghiệp (các nghiệp do tư tưởng, ý thức gây ra).

chúng sanh đều chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp... Vì nghĩa ấy nên trong kinh này ta có nói kệ:

*Vốn là có mà nay thành không,
Vốn là không mà nay thành có;
Nếu nói trong Ba đời có pháp,¹
Thật không thể có nghĩa như thế!²*

“Thiện nam tử! Về pháp có, chia ra ba loại: một là có trong tương lai, hai là có trong hiện tại, ba là có trong quá khứ.

“Tất cả chúng sanh trong tương lai đều sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đó gọi là tánh Phật.

“Tất cả chúng sanh trong hiện tại đều có phiền não trói buộc, cho nên hiện nay không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp...

“Tất cả chúng sanh trong quá khứ đều có dứt trừ phiền não, nhờ vậy nên trong hiện tại được thấy tánh Phật.

“Vì nghĩa ấy, ta thường dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; cho đến hạng *nhất-xiển-đề* cũng có tánh Phật.’

“Hạng *nhất-xiển-đề* không có pháp lành, nhưng tánh Phật vẫn là lành, vì là trong tương lai sẽ có [pháp lành].

“Tất cả hạng *nhất-xiển-đề* đều có tánh Phật. Vì sao vậy? Vì hạng *nhất-xiển-đề* chắc chắn rồi cũng sẽ được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

¹ Ba đời (Tam thế), tức là quá khứ, hiện tại và vị lai.

² Xem lại trường hợp Phật thuyết bài kệ này trong quyển 10, phẩm Tánh Như Lai, trang 376 của Tập 2.

“Thiện nam tử! Ví như trong nhà người kia hiện có kem sữa. Có người hỏi: ‘Ông có bơ chăng?’ Người ấy đáp: ‘Tôi có.’ Kem sữa thật không phải là bơ, nhưng người ấy phương tiện khéo léo biết chắc mình có thể làm ra được nên đáp là có bơ.

“Chúng sanh cũng vậy, hết thảy đều có tâm. Đã có tâm thì chắc chắn sẽ được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy nên ta thường dạy: ‘*Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.*’

“Thiện nam tử! Về chỗ tất cánh có hai loại, một là *tất cánh trang nghiêm*, hai là *tất cánh cứu cánh*; hoặc một là *tất cánh thế gian*, hai là *tất cánh xuất thế*.

“*Tất cánh trang nghiêm* là sáu pháp *ba-la-mật*; *tất cánh cứu cánh* là chỗ đạt được giáo pháp cao trổi nhất của tất cả chúng sanh. Giáo pháp cao nhất gọi là *tánh Phật*. Vì nghĩa ấy, nên ta dạy rằng: ‘*Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.*’ Tất cả chúng sanh đều có giáo pháp cao trổi nhất, nhưng vì vô minh che lấp nên không thấy được.

“Thiện nam tử! Chúng sanh ở cõi này vì bị quả báo che lấp nên không thể thấy được châu *Uát-đan-việt* và cõi trời *Ba mươi ba*.¹ Cũng giống như vậy, chúng sanh bị các phiền não che lấp nên không thấy được *tánh Phật*.

“Lại nữa, thiện nam tử! *Tánh Phật* tức là *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm*. *Tánh* ấy ví như *đề-hồ*,² tức là mẹ của hết thảy chư Phật. Nhờ sức của *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm* nên khiến cho chư Phật được *thường, lạc, ngã, tịnh*. Tất

¹ Cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên), cũng gọi là cõi trời Đao-lợi.

² Đề-hồ: món ăn ngon được làm ra từ sữa. Trong các món được làm từ sữa thì đề-hồ được xem là quý giá nhất, ngon và bổ dưỡng nhất.

cả chúng sanh cũng đều có *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm* nhưng vì không tu hành nên không thấy được, và vì thế mà không thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm* có năm tên gọi. Một là *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm*, hai là *Bát-nhã Ba-la-mật*, ba là *Tam-muội Kim cang*, bốn là *Tam-muội Sư tử hống*, năm là *tánh Phật*. Tùy theo công năng ở mỗi nơi mà có tên gọi khác nhau.

“Thiện nam tử! Như một *tam-muội* có rất nhiều tên. Như *thiền* gọi là *tứ thiền*; *căn* gọi là *định căn*; *lực* gọi là *định lực*; *giác* gọi là *định giác*; *chánh* gọi là *chánh định*; *bát đại nhân giác* gọi là *định giác*. Phép *định Thủ-lăng-nghiêm* cũng vậy.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có đủ ba mức *định*: bậc cao, bậc trung và bậc thấp.

“Bậc cao là nói *tánh Phật*. Vì vậy ta nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có *tánh Phật*.’

“Bậc trung là nói tất cả chúng sanh đều có *định lực* ở mức *Sơ thiền*, khi gặp nhân duyên liền có thể tu tập; nếu không có nhân duyên thì không thể tu. Nhân duyên có hai loại, một là gặp *hỏa tai*,¹ hai là dứt trừ được những phiền não trói buộc trong *Dục giới*. Vì vậy nên nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có đủ *định lực* bậc trung.’

“Bậc thấp là nói nhiều mức *định* khác nhau của tâm trong *Mười đại địa*.² Vì vậy nên nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có đủ *định lực* bậc thấp.’

¹ Nhân duyên gặp hỏa tai: là nói khi kiếp tận xảy ra hỏa tai thiêu đốt đến tận cảnh trời Sơ thiền, chúng sanh do nhân duyên đó mà phát tâm tu tập đạt được Sơ thiền.

² Về Mười đại địa (Thập đại địa), trong Nhị giải giới thân túc luận (二解界身足論), quyển thượng, từ 1 kể rõ: Một là thụ (受), hai là tưởng (想), ba là tư (思), bốn

“Tất cả chúng sanh đều có *tánh Phật*, nhưng vì phiền não che lấp nên không thấy được. Hàng Bồ Tát *Thập trụ* tuy thấy được giáo pháp cao trỗi nhất [là tánh Phật], nhưng không biết được Như Lai là pháp thường trụ. Vì vậy nên nói rằng: ‘Hàng Bồ Tát *Thập trụ* tuy thấy tánh Phật nhưng không thật rõ ràng.’

“Thiện nam tử! *Thủ-lãng-nghiêm* có nghĩa là ‘hết thảy mọi việc đều hoàn tất rốt ráo’. *Nghiêm* có nghĩa là kiên cố. Hết thảy mọi việc đều hoàn tất rốt ráo và được kiên cố, nên gọi là *Thủ-lãng-nghiêm*. Cho nên nói rằng: ‘*Tam-muội Thủ-lãng-nghiêm* gọi là *tánh Phật*.’

“Thiện nam tử! Thuở trước, khi ta ở bên bờ sông *Ni-liên-thiên* có bảo *A-nan* rằng: ‘Nay ta muốn tắm, ông hãy cầm áo và mang nước làm sạch đến.’¹ Khi ta đã xuống nước, tất cả những loài chim bay, các loài dưới nước, trên cạn đều tụ tập đến để chiêm ngưỡng thân ta. Khi ấy lại có năm trăm *Phạm-chí*² cũng vừa đến bờ sông. Nhân khi đến chỗ ta, họ bảo nhau rằng: ‘[Ông ấy] làm sao lại được thân kim cang [tốt đẹp đến] như thế? Giá như ông *Cô-dàm*³ ấy không thuyết lẽ *đạo kiến* ắt chúng ta sẽ theo ông ấy mà thỉnh thọ giáo pháp.’⁴

“Thiện nam tử! Khi ấy ta dùng *Tha tâm trí* biết được

là xúc (觸), nắm là tác ý (作意), sáu là dục (欲), bảy là thắng giải (勝解), tám là niệm (念), chín là tam-ma-địa (三摩地) và mười là tuệ (慧).

¹ Nguyên văn dùng tháo đậu (澡豆), chỉ loại nước làm sạch, có công dụng như xà-phòng ngày nay. Loại nước này thường được chế biến bằng cách ngâm tro bếp rồi gạn lấy nước trong.

² Phạm-chí: Người xuất gia theo đạo *Bà-la-môn*, chọn sống nơi rừng núi, dứt sự trôi buộc với nhà cửa, vợ con, tài sản... Dịch nghĩa là Tịnh hạnh giả.

³ *Cô-dàm* (Gautama): Những người ngoại đạo đương thời thường gọi Phật bằng tên này.

⁴ Trai Pháp: phép tu hành trong sạch và có quy tắc, tức là Pháp giáo của Phật.

suy nghĩ của các *Phạm-chí* ấy, liền hỏi họ rằng: ‘Vì sao các ông cho rằng ta thuyết lẽ *đoạn kiến*?’

“Vị *Phạm-chí* ấy đáp: ‘Trước đây, khi giảng kinh ngài luôn nói rằng tất cả chúng sanh đều *không có ngã*. Đã nói là *vô ngã*, sao còn nói là không phải *đoạn kiến*? Nếu là *vô ngã* thì ai là người giữ giới, ai là người phá giới?’

“Ta đáp: ‘Ta không chỉ nói ‘Tất cả chúng sanh đều không có ngã’, ta còn tuyên thuyết: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật’. Tánh Phật đó, há chẳng phải *ngã* sao? Vì nghĩa ấy, ta không hề thuyết lẽ *đoạn kiến*. Tất cả chúng sanh vì không thấy *tánh Phật* cho nên là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*. Như vậy mới gọi là thuyết lẽ *đoạn kiến*.’

“Khi ấy, các *Phạm-chí* nghe nói *tánh Phật* tức là *ngã*, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tức thời xuất gia tu học đạo *Bồ-đề*. Tất cả các loài chim bay cùng các loài dưới nước, trên cạn cũng đều phát tâm *Vô thượng Bồ-đề*. Phát tâm rồi, liền được xả bỏ thân cầm thú.

“Thiện nam tử! Tánh Phật ấy thật chẳng phải *ngã*, nhưng vì chúng sanh nên gọi đó là *ngã*.

“Thiện nam tử! Vì có nhân duyên nên Như Lai nói *vô ngã* là *ngã*, nhưng thật ra đó là *vô ngã*. Tuy nói như vậy nhưng không có sự hư dối.

“Thiện nam tử! Vì có nhân duyên nên nói *ngã* là *vô ngã*, nhưng quả thật đó là *ngã*. Tuy nói *vô ngã* nhưng vì [tùy thuận] thế gian nên không hề có sự hư dối.

“Tánh Phật là *vô ngã*, Như Lai nói là *ngã*, vì [tánh Phật] đó là *thường*.

“Như Lai là *ngã* nhưng nói là *vô ngã*, vì [Như Lai đã] được [hoàn toàn tự do] tự tại.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, cũng như lực sĩ kim cang,¹ vì sao tất cả chúng sanh lại không thấy được?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như hình sắc tuy có xanh, vàng, đỏ, trắng khác nhau, hoặc hình dáng dài, ngắn... nhưng người mù không thấy được. Cho dù [người mù] không thấy nhưng cũng không thể nói rằng không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng hoặc hình dạng dài, ngắn... khác nhau. Vì sao vậy? Vì người mù tuy không thấy nhưng người sáng mắt vẫn thấy.

“Tánh Phật cũng vậy. Tất cả chúng sanh tuy không thấy được, nhưng Bồ Tát *Thập trụ* thấy được một phần nhỏ; đức Như Lai thấy được trọn vẹn. Bồ Tát *Thập trụ* thấy tánh Phật ví như người ta thấy hình sắc vào ban đêm; đức Như Lai thấy tánh Phật rõ ràng như người ta thấy hình sắc vào ban ngày.

“Thiện nam tử! Ví như mắt bệnh kéo mây thì nhìn thấy hình sắc không rõ. Gặp thầy thuốc giỏi trị liệu cho mắt; nhờ tác dụng của thuốc liền được thấy rõ ràng. Bồ Tát *Thập trụ* cũng vậy, tuy thấy tánh Phật nhưng không thật rõ, nhờ tác dụng của *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm* nên mới thấy được rõ ràng.

¹ Lực sĩ kim cang, cũng gọi là Chấp kim cang hay Chấp kim cang thân, là vị thần có thân hình to lớn, mạnh mẽ, phát nguyện hộ trì bảo vệ Phật pháp. Chúng tôi hơi phân vân về phần ví dụ được xen vào ở đây, dường như có phần không hợp lý. Nếu bỏ hẳn phần “cũng như lực sĩ kim cang” thì câu hỏi này vẫn hoàn toàn trọn nghĩa, trong khi đặt phần này vào thì ý nghĩa lại có phần hơi mơ hồ, không được rõ rệt. Rất có thể đã có nhầm lẫn trong việc khắc bản ở câu này chăng?

“Thiện nam tử! Nếu ai thấy tất cả các pháp là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*, lại thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp cũng là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*, người ấy không thấy được *tánh Phật*.

“*Tất cả các pháp* đó gọi là sanh tử; *không thuộc về tất cả các pháp* đó gọi là *Tam bảo*.

“Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*; lại thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp cũng là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*. Vì nghĩa ấy họ không thấy *tánh Phật*.

“Hàng Bồ Tát *Thập trụ* thấy tất cả các pháp là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*; thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp có một phần là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì nghĩa ấy, trong mười phần *tánh Phật* liền thấy được một phần.

“Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả các pháp là *vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh*; thấy những gì không thuộc về tất cả các pháp là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Do đó thấy rõ *tánh Phật* như người ta nhìn trái *a-ma-lạc* đặt trong lòng bàn tay. Vì nghĩa ấy nên phép định *Thủ-lăng-nghiêm* gọi là hoàn tất rốt ráo.

“Thiện nam tử! Ví như mặt trăng trong đêm đầu tháng, tuy không thể nhìn thấy nhưng không thể nói là không có. *Tánh Phật* cũng thế, tất cả phàm phu tuy không thấy được nhưng không thể nói rằng không có *tánh Phật*.

“Thiện nam tử! *Tánh Phật* đó là nói *Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, Ba chỗ niệm* của tâm đại bi.¹ Tất cả chúng

¹ Ba chỗ niệm: Ba chỗ niệm (Tam niệm xứ): cũng gọi là Tam niệm trụ hay Tam chánh niệm xứ. Đệ nhất niệm xứ thấ nhất: Đức Phật khi thuyết pháp niệm

sanh đều có ba thứ ấy; nếu phá trừ hết phiền não sẽ được thấy tánh Phật. Hạng *nhất-xiển-đề* thì sau khi phá trừ tánh *nhất-xiển-đề* mới có thể đạt được *Mười sức*, *Bốn đức chẳng sợ*, *Ba chỗ niệm* của tâm đại bi. Vì nghĩa ấy, ta thường tuyên thuyết: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’*

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có đủ *Mười hai nhân duyên*, cả trong lẫn ngoài. Những gì là mười hai?

“Phiền não đời quá khứ gọi là *vô minh*.

“Nghệp đời quá khứ gọi là *hành*.

“Lúc mới thọ thai trong đời hiện tại này gọi là *thức*.

“Vào thai năm phần, bốn căn chưa đủ, gọi là *danh sắc*.

“Bốn căn đầy đủ lúc chưa gọi là *xúc* thì gọi là *lục nhập*.

“[Tiếp cận trần cảnh mà] chưa phân biệt khổ, vui gọi là *xúc*.

“Quen nhiệm sự ưa mến, đó gọi là *thọ*.

“Gần gũi ưa muốn *năm dục*, đó gọi là *ái*.

“Tham cầu [những đối tượng] bên trong và bên ngoài, đó gọi là *thủ*.

“Vì các sự việc bên trong và bên ngoài mà khởi lên ba nghiệp *thân*, *khẩu* và *ý*, đó gọi là *hữu*.

“Thức của đời hiện tại chuyển sang đời sống kế tiếp gọi là *sanh*.

tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng suy giảm, nên dù chúng sanh không hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm lo lắng. Đệ nhị niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng không có tướng tăng tiến, nên dù chúng sanh hết lòng nghe pháp cũng chẳng sanh tâm vui mừng. Đệ tam niệm xứ: Đức Phật khi thuyết pháp niệm tưởng pháp giới bình đẳng, rốt cùng các tướng sanh tử, Niết-bàn đều không thể nắm bắt, vì thế thường sanh tâm buông xả, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sanh nhưng không hề có ý niệm mình đang làm lợi ích chúng sanh.

“Các yếu tố *đanh sắc, lục nhập, xúc, thọ* của đời hiện tại [chấm dứt để] chuyển sang đời sống kế tiếp gọi là *lão bệnh tử*.

“Đó gọi là *Mười hai nhân duyên*.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh tuy có *Mười hai nhân duyên* như vậy, nhưng cũng có những chúng sanh không đầy đủ. Như những đứa trẻ chết khi còn ở trong thai ắt không có đủ *Mười hai nhân duyên*. Trái từ lúc sanh ra cho đến khi [già] chết thì có đủ *Mười hai nhân duyên*.

“Chúng sanh *Sắc giới* không có ba loại *thọ*, ba loại *xúc*, ba loại *ái*, không có *lão bệnh*, nhưng cũng gọi là đủ *Mười hai nhân duyên*. Chúng sanh *Vô sắc giới* không có từ [*đanh*] *sắc* cho đến *lão bệnh*, nhưng cũng gọi là đủ *Mười hai nhân duyên*. Vì lẽ nhất định [rồi sẽ] có [trong luân hồi]. Vì những lẽ đó nên nói là tất cả chúng sanh đều có đủ *Mười hai nhân duyên* bình đẳng như nhau.

“Thiện nam tử! Tánh Phật cũng thế. Vì lẽ tất cả chúng sanh nhất định rồi sẽ được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên ta nói rằng: ‘*Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật*.’

“Thiện nam tử! Trên Tuyết sơn có một thứ cỏ gọi là *nhãn nhục*. Bò ăn cỏ ấy thì vắt sữa ra thành *đề-hồ*. Lại có những loại cỏ khác, nếu bò ăn vào thì vắt sữa không thành *đề-hồ*. Tuy [vắt sữa bò ra] không thành *đề-hồ*, nhưng cũng không thể [vì thế mà] nói là Tuyết sơn không có cỏ nhãn nhục.

“Tánh Phật cũng thế. Tuyết sơn ví như Như Lai, cỏ *nhãn nhục* ví như kinh *Đại Niết-bàn*, những cỏ khác ví như *Mười hai bộ kinh*. Nếu chúng sanh có thể nghe và thọ

nhận, thưa hỏi về kinh Đại Bát Niết-bàn, ắt sẽ thấy được tánh Phật. Trong Mười hai bộ kinh tuy không nghe nói có tánh Phật, nhưng cũng không thể [vì thế mà] nói rằng không có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Tánh Phật vừa là sắc, vừa là chẳng phải sắc, vừa không phải sắc cũng không chẳng phải sắc; vừa là tướng, vừa là chẳng phải tướng, vừa chẳng phải tướng cũng không chẳng phải tướng; vừa là duy nhất, vừa là không duy nhất, vừa không duy nhất cũng không chẳng phải duy nhất; vừa không phải thường, vừa không phải đoạn, vừa không phải chẳng thường, không phải chẳng đoạn; vừa có, vừa không, vừa chẳng phải có, chẳng phải không; vừa dứt mát, vừa chẳng dứt mát, vừa chẳng phải dứt mát cũng chẳng phải không dứt mát; vừa là nhân, vừa là quả, vừa chẳng phải nhân cũng chẳng phải quả; vừa là nghĩa lý vừa không phải nghĩa lý, vừa không phải nghĩa lý cũng không chẳng phải nghĩa lý; vừa là vẫn tự, vừa không phải vẫn tự, vừa không phải vẫn tự cũng không chẳng phải vẫn tự; vừa là khổ, vừa là vui, vừa chẳng phải khổ cũng chẳng phải vui; vừa là ngã, vừa không phải ngã, vừa không phải ngã cũng không chẳng phải ngã; vừa là không, vừa chẳng phải không, vừa không phải không cũng không chẳng phải không.

“Vì sao [tánh Phật] là sắc? Vì [chư Phật] có thân kim cang. Vì sao [tánh Phật] là chẳng phải sắc? Vì Mười tám pháp bất cộng¹ [của chư Phật] không thuộc về sắc pháp. Vì sao [tánh Phật] là không phải sắc cũng không chẳng phải sắc? Vì sắc và chẳng phải sắc đều không có tướng nhất định.

¹ Mười tám pháp bất cộng: là mười tám pháp chỉ có chư Phật Như Lai đạt được, còn hàng Thanh văn, Duyên giác thì không.

“Vì sao [tánh Phật] là *tướng*? Vì [chư Phật] có *Ba mươi hai tướng tốt*. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải tướng*? Vì những tướng ấy không hiện ra ở tất cả chúng sanh. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải tướng* cũng *không chẳng phải tướng*? Vì *tướng* và *chẳng phải tướng* đều không [có sự] quyết định chắc chắn.

“Vì sao [tánh Phật] là *duy nhất*? Vì tất cả chúng sanh chỉ [hướng theo] *một thừa duy nhất*¹ mà thôi. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải duy nhất*? Vì [Như Lai phương tiện] thuyết giảng thành *Ba thừa*. Thế nào là không *duy nhất* cũng không *chẳng phải duy nhất*? Vì có vô số pháp.

“Vì sao [tánh Phật] là không phải *thường*? Vì [chúng sanh] do duyên mà thấy [được tánh Phật]. Vì sao [tánh Phật] là không phải *đoạn*? Vì [tánh Phật] lìa khỏi *đoạn kiến*. Vì sao [tánh Phật] là không phải *chẳng thường* cũng không phải *chẳng đoạn*? Vì [tánh Phật] không có khởi đầu, không có kết thúc.

“Vì sao [tánh Phật] là *có*? Vì tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì sao [tánh Phật] là *không*? Vì [chúng sanh] phải nhờ phương tiện mới thấy được [tánh Phật]. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải có*, *chẳng phải không*? Vì [tánh Phật đồng] như tánh hư không.

“Vì sao [tánh Phật] là *dứt mất*? Vì [thấy tánh Phật là] đạt được *Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm*. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải dứt mất*? Vì tánh Phật là thường. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải dứt mất* cũng *chẳng phải không dứt mất*? Vì [thấy tánh Phật là] đã trừ bỏ tất cả các tướng dứt mất.

¹ Một thừa duy nhất, hay Nhất thừa, chỉ Phật thừa hay Như Lai thừa, cũng gọi là Tối thượng thừa, là sự thuyết giảng rốt ráo cuối cùng của đức Phật về con đường giải thoát, hướng đến Đại Niết-bàn.

“Vì sao [tánh Phật] là *nhân*? Vì [thấy tánh Phật là] đã thấu rõ được *nhân*. Vì sao [tánh Phật] là *quả*? Vì [thấy tánh Phật là] đã quyết định chắc chắn. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải nhân chẳng phải quả*? Vì tánh Phật là thường.

“Vì sao [tánh Phật] là *nghĩa lý*? Vì [thấy tánh Phật là] có thể nắm bắt nghĩa lý một cách không ngăn ngại. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải nghĩa lý*? Vì không thể [dùng lời lẽ để] giảng thuyết [tánh Phật]. Vì sao [tánh Phật] là không phải *nghĩa lý* cũng không *chẳng phải nghĩa lý*? Vì [xét đến chỗ] rốt ráo [thì tất cả] đều là không.

“Vì sao [tánh Phật] là *văn tự*? Vì [tánh Phật] có tên gọi. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải văn tự*? Vì [tên gọi đó cũng chỉ là] gọi tên cái không tên. Thế nào là không phải *văn tự* cũng không *chẳng phải văn tự*? Vì [thấy tánh Phật là] đã dứt trừ hết thấy *văn tự*.

“Vì sao [tánh Phật] là *vừa khổ, vừa vui*? Vì các cảm thụ đều do duyên mà sanh khởi. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải khổ* cũng *chẳng phải vui*? Vì đã dứt trừ hết thấy mọi cảm thụ.

“Vì sao [tánh Phật] là *ngã*? Vì tánh Phật là thường. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải ngã*? Vì [thấy tánh Phật rồi nhưng vẫn] chưa được đầy đủ *tám đức tự tại*.¹ Vì sao [tánh Phật] là không phải *ngã* cũng không *chẳng phải ngã*? Vì [tánh Phật là] không tạo tác, không lãnh chịu.

“Vì sao [tánh Phật] là *không*? Vì [tánh Phật] là *nghĩa không* theo *Đệ nhất nghĩa*. Vì sao [tánh Phật] là *chẳng phải không*? Vì tánh Phật là thường. Vì sao [tánh Phật]

¹ Về Tám đức tự tại, đức Phật đã giảng rõ ở cuối quyển 23. Xin xem lại bắt đầu từ trang 498 của Tập 4. Chỉ có chư Phật đã nhập Đại Niết-bàn mới có đủ tám đức tự tại này.

là không phải *không* cũng không *chẳng phải không*? Vì có thể tạo tác gieo nhân cho mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể suy xét hiểu rõ những ý nghĩa như vậy của kinh Đại *Niết-bàn*, nên biết rằng người ấy ắt sẽ thấy tánh Phật. Tánh Phật đó không thể suy xét luận bàn, chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai, không phải chỗ hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác!

“Thiện nam tử! Tánh Phật không phải *ám, giới, nhập*; không phải vốn là không mà nay thành có; không phải đã có rồi trở lại không; [nhưng là] do nhân duyên lành mà chúng sanh thấy được [tánh Phật].

“Ví như sắt vốn màu đen, cho vào lửa nung thành màu đỏ; khi lấy ra để nguội thì trở lại màu đen. Màu đen ấy chẳng phải ở trong [sắt], chẳng phải ở ngoài [sắt], là do nhân duyên mà có vậy.

“Tánh Phật cũng thế. Tất cả chúng sanh khi dập tắt lửa phiền não ắt sẽ có thể nghe thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Như khi hạt giống vỡ, mầm cây sanh ra. Mầm cây ấy chẳng phải ở trong [hạt giống], chẳng phải ở ngoài [hạt giống], cho đến hoa, trái cũng là như vậy, đều do nhân duyên mà có.

“Thiện nam tử! Kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Tánh Phật cũng thế, đều là chỗ thành tựu của vô lượng vô biên công đức.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp mới thấy được tánh Phật mà vẫn chưa thấy được rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà thấy được rõ ràng tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát thành tựu đầy đủ

mười pháp, tuy thấy tánh Phật nhưng không được sáng rõ. Những gì là mười? Một là *ít ham muốn*, hai là *tự biết đủ*, ba là *tịch tĩnh*, bốn là *tinh tấn*, năm là *chánh niệm*, sáu là *chánh định*, bảy là *chánh tuệ*, tám là *giải thoát*, chín là *tán thân giải thoát*, mười là dùng pháp Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sanh.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! *Ít ham muốn* và *tự biết đủ* có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Ít ham muốn* là không mong cầu, không nắm giữ; *tự biết đủ* là khi có được [món gì] dù ít trong lòng cũng không bực tức tiếc nuối.¹ *Ít ham muốn* là [trong lòng] có ít sự ham muốn; *tự biết đủ* là [đối với] mọi sự vật² [dù được ít hay nhiều] trong lòng cũng không buồn bực.

“Thiện nam tử! *Ham muốn* có ba loại: *ham muốn xấu ác*, *ham muốn quá nhiều*³ và *ham muốn [thỏa mãn] sự ham muốn*.

¹ Nguyên bản Hán văn dùng “hối hận”. Đây là một từ hầu như đã được Việt hóa hoàn toàn, nên ý nghĩa trong tiếng Việt không còn giống với ý nghĩa trong Hán văn được dùng ở đây. Vì thế, nếu nói “dù có được ít lòng không hối hận” thì ý nghĩa của hai chữ “hối hận” sẽ bị hiểu khác đi so với ý muốn nói trong Hán văn, dẫn đến câu văn trở thành khó hiểu, thậm chí không hợp lý. Nhưng nếu chúng ta tách rời hai chữ này ra để hiểu đúng nghĩa gốc của chúng trong Hán văn thì hối (悔) là hối tiếc, tiếc nuối về một việc đã qua không như ý muốn; hận (恨) là bực tức, giận dữ vì không đạt được mong muốn. Như vậy, ý nghĩa sẽ phù hợp hơn với văn cảnh ở đây.

² Nguyên bản Hán văn dùng “pháp sự”, các bản trước đây đều hiểu như là “những việc phụng sự Chánh pháp”, nhưng trong văn cảnh này thì ý nghĩa đó hoàn toàn không thích hợp. Chúng tôi tin rằng chữ “pháp” ở đây được dùng với nghĩa rộng, chỉ chung tất cả mọi sự vật, sự việc, và như thế thì cụm từ “đăn vi pháp sự” phải được hiểu là “đối với mọi sự vật”. Như vậy mới phù hợp với ý nghĩa “tự biết đủ” đang được giảng giải ở đây.

³ Nguyên bản Hán văn dùng “đại dục”. Sách Tam giải pháp uẩn túc luận, quyển 8, trang 11 có giải thích: “Vấn hà đại dục? Vị đa tham giả, vị đắc quảng đại tài lợi đẳng cố vi khởi ư dục...” (Thế nào là đại dục? Là nói quá nhiều tham muốn, vì muốn được thật nhiều các món tài lợi mà khởi lên lòng ham muốn...)

“*Ham muốn xấu ác* là [những trường hợp] như có *tỳ-kheo* sanh tâm tham dục, mong muốn được làm bậc thượng thủ trong đại chúng để tất cả chúng tăng đều nghe theo mình; để cho cả *Bốn bộ chúng* đều cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng mình; để mình được thuyết pháp trước hết với *Bốn chúng*, khiến cho hết thảy đều tin nhận lời mình; cũng để cho vua chúa, đại thần, trưởng giả đều cung kính mình; để mình được nhiều y phục, đồ ăn thức uống, giường ghế, thuốc thang, phòng ốc, nhà cửa cao đẹp. Đó là sự ham muốn [dẫn đến] sanh tử, nên gọi là *ham muốn xấu ác*.”

“Thế nào là *ham muốn quá nhiều*? Như có *tỳ-kheo* sanh tâm tham dục, mong muốn làm thế nào cho *Bốn bộ chúng* đều biết rằng mình đã chứng đắc địa vị *Sơ trụ*, cho đến *Thập trụ*; chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn*, cho đến quả *A-la-hán*; chứng đắc *Bốn thiên*, cho đến *Bốn trí vô ngại*, [mà thật chưa hề có những sự chứng đắc như vậy.] Đó là vì [tham cầu] lợi dưỡng nên gọi là *ham muốn quá nhiều*.”

“Thế nào là *ham muốn [thỏa mãn] sự ham muốn*? Như có *tỳ-kheo* mong muốn sanh lên các cõi Phạm thiên, Ma thiên, Tự tại thiên, hoặc muốn làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc *sát-ly*, cư-sĩ, *bà-la-môn*... [chỉ là để] mọi sự đều được tùy theo ý thích của mình. Đó là vì [tham cầu] lợi dưỡng, [không có mục đích gì khác] nên gọi là *ham muốn [thỏa mãn] sự ham muốn*.”

“Nếu ai không bị ba loại ham muốn xấu xa đó làm hại thì gọi là *ít ham muốn*.”

“*Ham muốn* tức là sự ưa thích luyến mến *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*. Nếu không ưa thích luyến mến *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* thì gọi là *ít ham muốn*.”

“Không mong cầu những sự tham muốn trong tương lai, đó gọi là *ít ham muốn*. Có được mà không trói buộc vướng mắc, đó gọi là *tự biết đủ*.”

“Không cầu được sự cung kính, đó gọi là *ít ham muốn*. Có được mà không tích lũy, gom giữ, đó gọi là *tự biết đủ*.”

“Thiện nam tử! Có những trường hợp *ít ham muốn* mà không gọi là *biết đủ*. Có những trường hợp *biết đủ* mà không gọi là *ít ham muốn*. Cũng có trường hợp vừa *ít ham muốn* vừa *biết đủ*. Lại cũng có trường hợp không *biết đủ* cũng không *ít ham muốn*.”

“*Ít ham muốn* [mà không gọi là *biết đủ*] là nói các vị Tu-đà-hoàn.”

“*Biết đủ* [mà không gọi là *ít ham muốn*] là nói các vị Phật Bích-chi.”

“Vừa *ít ham muốn* vừa *biết đủ* là nói các vị A-la-hán.”

“Không *ít ham muốn* cũng không *biết đủ* là nói các vị Bồ Tát.”

“Thiện nam tử! Lại có hai loại *ít ham muốn* và *biết đủ*. Một là *thiện*, hai là *bất thiện*. *Bất thiện* là nói hạng phàm phu; *thiện* là nói các bậc thánh nhân, Bồ Tát.”

“Tất cả thánh nhân tuy chứng đắc đạo quả nhưng không tự xưng mình chứng đắc. Vì không tự xưng nên lòng không buồn giận. Đó gọi là *biết đủ*.”

“Thiện nam tử! Bồ Tát Ma-ha-tát tu tập kinh Đại thừa Đại Niết-bàn, vì muốn thấy tánh Phật nên tu tập *ít ham muốn*, *biết đủ*.”

“Thế nào là *tịch tĩnh*? *Tịch tĩnh* có hai loại: một là tâm *tịch tĩnh*, hai là thân *tịch tĩnh*.”

“Thân *tịch tĩnh* là thân chẳng bao giờ tạo tác ba nghiệp ác.¹

¹ Ba nghiệp ác của thân là giết hại, trộm cướp và dâm dục.

“*Tâm tịch tĩnh*, là ý chẳng bao giờ tạo tác *ba nghiệp ác*.¹

“Đó gọi là *thân tâm tịch tĩnh*.

“*Thân tịch tĩnh* là chẳng bao giờ gần gũi với *Bốn chúng*, chẳng tham dự công việc của *Bốn chúng*.

“*Tâm tịch tĩnh* là chẳng bao giờ nhiễm tập những sự tham dục, sân khuể, si mê.

“Đó gọi là *thân tâm tịch tĩnh*.

“Có những *tỳ-kheo*, thân tuy *tịch tĩnh* nhưng tâm không *tịch tĩnh*; hoặc thân không *tịch tĩnh* nhưng tâm *tịch tĩnh*. Hoặc có những trường hợp thân và tâm đều *tịch tĩnh*. Lại có những trường hợp thân và tâm đều không *tịch tĩnh*.

“Thân tuy *tịch tĩnh* nhưng tâm không *tịch tĩnh*, đó là trường hợp các *tỳ-kheo* ngồi thiền ở chốn vắng lặng, lìa xa *Bốn chúng*, nhưng lòng thường chất chứa tham dục, sân khuể, si mê. Đó gọi là thân tuy *tịch tĩnh* nhưng tâm không *tịch tĩnh*.

“Thân không *tịch tĩnh* mà tâm *tịch tĩnh*, đó là trường hợp các *tỳ-kheo* thân cận *Bốn chúng*, vua chúa, đại thần... nhưng lòng đã dứt hẳn tham dục, sân khuể, si mê. Đó gọi là thân không *tịch tĩnh* nhưng tâm *tịch tĩnh*.

“*Thân tâm tịch tĩnh*, đó là chư Phật, Bồ Tát.

“Thân tâm đều không *tịch tĩnh*, đó là phàm phu. Vì sao vậy? Những kẻ phàm phu tuy thân tâm an tĩnh nhưng không thể quán xét sâu xa những lẽ *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*. Vì nghĩa ấy, những nghiệp về thân, khẩu, ý của phàm phu đều không thể *tịch tĩnh*. Hàng *nhất-xiển-đề*, những kẻ phạm *bốn trọng cấm*, làm *năm tội nghịch*, những kẻ như thế cũng không gọi là *thân tâm tịch tĩnh*.

¹ Ba nghiệp ác của ý là tham lam, sân hận và si mê (tà kiến).

“Thế nào là *tinh tấn*? Như có *tỳ-kheo* vì muốn cho các nghiệp *thân, khẩu, ý* được trong sạch, bèn lìa xa tất cả những nghiệp ác, tu tập tất cả các nghiệp lành. Đó gọi là *tinh tấn*.

“Người siêng năng *tinh tấn* luôn chú tâm nhớ nghĩ đến sáu điều,¹ gồm có: Phật, Pháp, Tăng, trì giới, bố thí và chư thiên. Như vậy gọi là *chánh niệm*.

“Người có đầy đủ *chánh niệm*, đạt được *tam-muội*, như vậy gọi là *chánh định*.

“Người có đầy đủ *chánh định*, quán chiếu và thấy các pháp [thể tánh] dường như hư không. Như vậy gọi là *chánh tuệ*.

“Người có đầy đủ *chánh tuệ*, lìa xa hết thấy mọi sự trói buộc của phiền não. Đó gọi là *giải thoát*.

“Người đạt được *giải thoát* rồi, vì chúng sanh mà ca ngợi sự tốt đẹp của việc *giải thoát*, nói cho [chúng sanh] biết rằng *giải thoát* ấy là thường còn, không biến đổi. Đó gọi là *tán thán giải thoát*.

“*Giải thoát* tức là Vô thượng Đại *Niết-bàn*. *Niết-bàn* tức là ngọn lửa phiền não trói buộc đã tắt hẳn. Lại nữa, *Niết-bàn* gọi là *nơi trú ẩn*. Vì sao vậy? Vì có thể ngăn che mưa gió độc hại phiền não. Lại nữa, *Niết-bàn* gọi là *chỗ nương về*. Vì sao vậy? Vì có thể vượt khỏi tất cả mọi sự sợ sệt. Lại nữa, *Niết-bàn* gọi là *hải đảo*.² Vì sao vậy? Vì bốn con

¹ Sáu điều nhớ nghĩ này tức là Lục niệm xứ.

² Nguyên văn dùng “châu chử”, chỉ hòn đảo hay cồn đất lớn nổi lên giữa sông, biển; trong nhiều kinh văn thường được dùng để ví với cảnh giới *giải thoát*, *Niết-bàn*, vì giống như giữa biển sanh tử nổi lên hòn đảo lớn, có thể an trú nơi đó, cách biệt hẳn với Ba cõi.

sông lớn hung bạo không thể cuốn trôi. Những gì là bốn con sông hung bạo? Một là sự hung bạo của *tham dục*, hai là sự hung bạo của *chấp hữu*,¹ ba là sự hung bạo của *kiến chấp*,² bốn là sự hung bạo của *vô minh*. Vì thế nên *Niết-bàn* gọi là hải đảo.

“Lại nữa, *Niết-bàn* gọi là chỗ *rót ráo quay về*. Vì sao vậy? Vì có thể đạt được mọi niềm vui *rót ráo*.

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* thành tựu đầy đủ *muội pháp* như vậy sẽ thấy được tánh Phật, tuy chưa được sáng rõ.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên không đạt được bốn quả *sa-môn*.³ Bốn thứ bệnh đó là gì? Đó là nói bốn sự ham muốn xấu: một là ham muốn y phục, hai là ham muốn thức ăn, ba là ham muốn chỗ ngồi nằm, bốn là ham muốn sở hữu. Đó gọi là bốn sự tham muốn xấu.

“Có bốn phương thuốc hay có thể trị những bệnh ấy của người xuất gia. Một là dùng *phấn tảo y*⁴ có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn là y phục. Hai là theo pháp *khất thực* có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn thức ăn. Ba là ngủ dưới gốc cây có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn chỗ ngồi nằm. Bốn là thân tâm tịch tĩnh có thể trị bệnh xấu ác là ham muốn sở hữu.

¹ Hữu, hay chấp hữu, cho rằng thực sự có sự tồn tại trong Ba cõi. Vì chấp hữu nên mới khởi sanh vòng sanh tử luân hồi.

² Kiến, hay kiến chấp, chỉ những quan điểm, định kiến sai lầm khiến người ta không thể nhận biết chánh pháp.

³ Bốn quả sa-môn: chỉ bốn thánh quả từ Tu-dà-hoàn đến A-la-hán.

⁴ Phấn tảo y: có nghĩa là áo may bằng những mảnh vải nhặt từ chỗ người đời vất bỏ, mang về giặt sạch rồi may thành áo. Vì gồm nhiều mảnh vụn nên cũng gọi là nạp y.

“Dùng bốn phương thuốc ấy, người xuất gia trừ được bốn thứ bệnh. Đó gọi là *Thánh hạnh*. Có Thánh hạnh ấy thì được gọi là *thiểu dục, tri túc*.

“*Tịch tĩnh* có bốn niềm vui. Những gì là bốn? Một là niềm vui xuất gia, hai là niềm vui vắng lặng an tĩnh, ba là niềm vui dứt tuyệt mãi mãi, bốn là niềm vui rốt ráo trọn vẹn. Có được bốn niềm vui ấy gọi là *tịch tĩnh*.

“Vì có đủ *Bốn tinh tấn*¹ nên gọi là *tinh tấn*.

“Vì có đủ *Bốn niệm xứ* nên gọi là *chánh niệm*.

“Vì có đủ *Bốn thiền* nên gọi là *chánh định*.

“Vì thấy được *Bốn Thánh thật*,² nên gọi là *chánh tuệ*.

“Vì dứt trừ mãi mãi những phiền não trói buộc nên gọi là *giải thoát*.

“Vì chê trách hết thảy lỗi lầm phiền não nên gọi là *tán thán giải thoát*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* an trụ đầy đủ nơi *mười pháp* kể trên sẽ thấy được tánh Phật, nhưng vẫn chưa được rõ ràng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* nghe được kinh này rồi liền thường gần gũi tu tập theo [nghĩa lý trong] kinh, lìa xa tất cả những việc thế gian. Đó gọi là *thiểu dục*.

¹ Bốn tinh tấn (Tứ tinh tấn), tức Tứ chánh cần, là bốn sự chuyên cần tu dưỡng. Một là chuyên cần phát khởi mọi điều thiện, hai là chuyên cần phát triển điều thiện đã có, ba là chuyên cần ngăn ngừa mọi điều ác, bốn là chuyên cần dứt bỏ điều ác đã có, quyết không tái phạm.

² Bốn Thánh thật (Tứ Thánh thật), tức Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; cũng gọi là Tứ chánh đế.

“Sau khi xuất gia chẳng sanh lòng hối tiếc. Đó gọi là *biết đủ*.”

“Bồ Tát có được sự biết đủ rồi, thường ở những nơi vắng vẻ cô tịch, lìa xa chốn náo nhiệt ồn ào. Đó gọi là *tịch tĩnh*.”

“Người không *biết đủ* thì không thích những nơi vắng vẻ cô tịch. Nếu là người *biết đủ* ắt thường ưa thích những nơi vắng vẻ cô tịch. Ở những nơi vắng vẻ cô tịch, người ấy thường suy xét rằng: ‘Hết thấy người đời đều cho rằng ta đã chứng đắc đạo quả *sa-môn*, nhưng nay ta thật chưa chứng đắc. Vậy làm sao ta lại dối gạt mọi người?’ Suy xét như vậy rồi, người ấy liền tinh cần tu tập đạo quả *sa-môn*. Đó gọi là *tinh tấn*.”

“Gần gũi tu tập theo kinh Đại Niết-bàn, đó gọi là *chánh niệm*. Tùy thuận *hạnh chư thiên*, đó gọi là *chánh định*. Trụ yên trong định ấy với *chánh kiến*, *chánh tri*, đó gọi là *chánh tuệ*.”

“Người có chánh tri kiến, lìa xa các phiền não trói buộc, đó gọi là *giải thoát*.”

“Bồ Tát ở hàng *Thập trụ*, vì chúng sanh nên khen ngợi *Niết-bàn*, đó gọi là *tán thán giải thoát*.”

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* an trụ đầy đủ trong mười pháp nói trên sẽ thấy được tánh Phật, nhưng vẫn chưa được rõ ràng.”

“Lại nữa, thiện nam tử! *Ít ham muốn* là [nói trường hợp] như có *tỳ-kheo* ở chỗ vắng vẻ, ngồi ngay ngắn không nằm; hoặc trụ yên dưới gốc cây; hoặc ở những bãi tha ma; hoặc ngồi trên bãi cỏ nơi trống trải; khát thực nuôi thân, tùy chỗ xin được [ít nhiều] đều thấy đủ; hoặc chỉ ngồi ăn duy nhất một lần [trong ngày]; chỉ giữ dùng *ba tấm y*, là

loại áo xấu may bằng vải vụn hoặc dệt bằng lông.¹ Đó gọi là *ít ham muốn*.

“Tu hành như vậy rồi, trong lòng không thấy hối tiếc. Đó gọi là *biết đủ*.

“Tu pháp *Tam-muội Không*, đó gọi là *tịch tĩn*.

“Chúng đắc *Bốn quả thánh*² rồi nhưng đối với quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* lòng vẫn mong cầu không ngừng nghỉ. Đó gọi là *tinh tấn*.

“Chú tâm suy xét ý nghĩa Như Lai là thường tồn, không biến đổi; đó gọi là *chánh niệm*.

“Tu tập *Tám giải thoát*, đó gọi là *chánh định*.

“Chúng đắc *Bốn vô ngại*, đó gọi là *chánh tuệ*.

“Lìa xa *Bảy lậu hoặc*,³ đó gọi là *giải thoát*.

“Khen ngợi *Niết-bàn* không có mười tướng, đó gọi là *tán thán giải thoát*. Mười tướng ấy là: *sanh, lão, bệnh, tử, sắc, thanh, hương, vị, xúc* và *vô thường*.

“Lìa xa mười tướng ấy gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát *Ma-ha-tát* trụ yên đầy đủ trong mười pháp nói trên, tuy thấy tánh Phật nhưng vẫn chưa được rõ ràng.

¹ Ba tấm y (Tam y): là một bộ áo gồm ba loại: đại y (hay y tăng-già-lê) là tấm y dùng đắp khi hành lễ hoặc đi ra đường; thượng y (hay y uất-đa-la-tăng) là tấm y dùng đắp khi sanh hoạt thường ngày trong tự viện hoặc khi ở một mình, không hành lễ; nội y (hay y an-đà-hội) là tấm y dùng mặc trong cùng, thay cho áo lót. Theo giới luật thì mỗi vị tỳ-kheo chỉ được dùng một bộ gồm đủ 3 tấm y này, không được tích chứa nhiều hơn.

² Bốn quả thánh (Tứ quả hay Tứ thánh quả): là bốn quả vị của hàng Thanh văn thừa, gồm có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

³ Bảy lậu hoặc (Thất lậu, cũng gọi là Thất chủng hữu lậu): chỉ bảy loại phiền não lậu hoặc, gồm có kiến lậu, tu lậu, căn lậu, ác lậu, thân cận lậu, thọ lậu và niệm lậu. Dùng chỉ chung hết thấy phiền não lậu hoặc.

“Lại nữa, thiện nam tử! Vì nhiều ham muốn nên gần gũi các hàng vua chúa, đại thần, trưởng giả, sát-ly, *bà-la-môn*, *tỳ-xá*, *thủ-đà*, tự xưng rằng mình chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả *A-la-hán*. Vì muốn được lợi dưỡng nên trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến đang lúc đại, tiểu tiện, nếu thấy kẻ *đàn-việt* đi đến liền tỏ sự cung kính đón tiếp chuyện trò.

“Trừ bỏ mọi ham muốn xấu ác nên gọi là *ít ham muốn*.

“Tuy chưa thể dứt sạch mọi phiền não trói buộc, nhưng có thể cùng dự vào chỗ làm của Như Lai, đó gọi là *biết đủ*.

“Thiện nam tử! Hai pháp *ít ham muốn* và *biết đủ* là nhân duyên gần gũi của *niệm* và *định*. Người có hai pháp ấy thường được bậc thầy trong tông môn và các bạn đồng học khen ngợi. Khắp trong các kinh điển ta cũng thường khen ngợi hai pháp ấy. Nếu ai có đủ hai pháp ấy ắt được đến gần chỗ vào Đại Niết-bàn và được hưởng năm sự vui thích. Đó gọi là *tịch tĩnh*.

“Kiên trì giới luật gọi là *tinh tấn*.

“Biết sanh lòng hổ thẹn gọi là *chánh niệm*.

“Không thấy có tướng của tâm gọi là *chánh định*.

“Không mong cầu nơi các pháp, tánh, tướng, nhân duyên, đó gọi là *chánh tuệ*.

“Vì không có tướng nên phiền não phải dứt mất, đó gọi là *giải thoát*.

“Khen ngợi kinh Đại Niết-bàn này gọi là *tán thán giải thoát*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát *Ma-ha-tát* trụ yên trong *mười pháp* kể trên được thấy tánh Phật, nhưng vẫn chưa thấy được rõ ràng.

“Thiện nam tử! Theo như lời ông hỏi: ‘Hàng Bồ Tát Thập trụ dùng con mắt nào để thấy tánh Phật mà không được rõ ràng; chư Phật Thế Tôn dùng con mắt nào mà thấy được tánh Phật một cách rõ ràng.’

“Thiện nam tử! Dùng *tuệ nhãn* mà thấy tánh Phật thì thấy không được rõ ràng. Dùng *Phật nhãn* mà thấy mới được rõ ràng.

“Vì còn tu hành đạo *Bồ-đề* nên thấy chẳng rõ ràng. Nếu không còn có chỗ phải tu hành, ắt được thấy rõ ràng.

“Trụ nơi mười địa vị, tuy thấy nhưng vẫn không được rõ. Không có chỗ trụ, không có chỗ đi nên thấy được rõ ràng.

“Bồ Tát *Ma-ha-tát* dùng trí tuệ làm *nhân* nên thấy chẳng rõ. Chư Phật Thế Tôn dứt hết nhân quả nên thấy được rõ.

“Bậc đã giác ngộ tất cả gọi là tánh Phật. Hàng Bồ Tát *Thập trụ* chưa gọi là giác ngộ tất cả nên tuy thấy mà không được rõ.

“Thiện nam tử! Có hai cách thấy biết. Một là dùng mắt thấy, hai là do nghe biết mà thấy. Chư Phật Thế Tôn dùng mắt thấy tánh Phật, như nhìn trái *a-ma-lặc* giữa lòng bàn tay. Hàng Bồ Tát *Thập trụ* nghe biết mà thấy tánh Phật, nên thấy chẳng rõ. Hàng Bồ Tát Thập trụ chỉ có thể tự biết chắc mình sẽ được chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nhưng không thể [thấy] biết rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI BẢY

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN HAI MƯƠI TÁM

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phẩm thứ mười một – Phần hai¹

Thiện nam tử! Lại có trường hợp dùng mắt thấy tánh Phật. Đó là chư Phật Như Lai và hàng Bồ Tát *Thập trụ*. Lại có trường hợp nhờ nghe biết mà thấy tánh Phật. Đó là tất cả chúng sanh cho đến hàng Bồ Tát trụ ở *Cửu địa*.

“Nếu Bồ Tát nghe rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nhưng không sanh khởi lòng tin thì không gọi là nghe thấy.

“Thiện nam tử! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được thấy Như Lai, cần phải tu tập *Mười hai bộ kinh*, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng giải.”

Bồ Tát *Ma-ha-tát* Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh không thể biết được tướng [trạng] của tâm Như Lai, nên quán sát như thế nào để biết được?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh thật không thể biết được tướng trạng của tâm Như Lai. Nếu muốn

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 26, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hồng, phần thứ hai (Sư Tử Hồng Bồ Tát phẩm chi nhị).

quán sát để biết được thì có hai nhân duyên: Một là dùng mắt thấy, hai là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy *thân nghiệp* của Như Lai liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. Nếu quán xét *khẩu nghiệp* của Như Lai liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy dung mạo hình sắc của tất cả chúng sanh đều không thể sánh được liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. Nếu nghe giọng nói vi diệu tối thắng không giống với âm thanh của tất cả chúng sanh liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy Như Lai biến hóa thân thông chỉ vì chúng sanh mà không vì lợi dưỡng liền biết đó là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. Nếu quán xét khi Như Lai dùng *Tha tâm trí* quán sát chúng sanh, vì chúng sanh mà thuyết giảng, không vì lợi dưỡng, nên biết đó là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“[Nếu Bồ Tát quán xét những việc] Như Lai thọ thân như thế nào? Vì sao thọ thân? Vì ai mà thọ thân? Đó gọi là dùng mắt thấy. Nếu quán xét [những việc] Như Lai thuyết pháp như thế nào? Vì sao thuyết pháp? Vì ai mà thuyết pháp? Đó gọi là nghe biết mà thấy.

“[Vì thấy người] tăng thêm nghiệp ác của thân mà không có lòng sân hận nên biết đó chính là Như Lai, như vậy gọi là dùng mắt thấy. [Vì thấy người] tăng thêm nghiệp ác của miệng mà chẳng có lòng sân hận nên biết đó chính là Như Lai, như vậy gọi là nghe biết mà thấy.

“Nếu thấy Bồ Tát¹ vào lúc mới sanh ra hướng về mười phương, mỗi phương đều bước đi bảy bước, có hai vị Đại tướng quý thân là *Ma-ni-bạt-đà*² và *Phú-na-bạt-đà*³ cầm phướng, lọng theo che, làm chấn động vô số thế giới, chiếu tỏa hào quang vàng chói sáng đẹp khắp hư không; có hai vị Long vương là *Nan-đà* và *Bạt-nan-đà* dùng sức thần thông mà tắm gội thân thể Bồ Tát; hình tượng chư thiên đều [đứng dậy] nghênh tiếp, lễ bái; tiên nhân *A-tu-đà* chấp tay cung kính; đến tuổi trưởng thành Bồ Tát lìa bỏ mọi sự ham muốn như những thứ như nhớp, không bị những niềm vui thế tục làm mê hoặc, xuất gia tu đạo, ưa thích những nơi vắng vẻ tịch tĩnh; vì muốn phá trừ tà kiến nên trải qua sáu năm khổ hạnh; đối với chúng sanh bình đẳng không phân biệt; tâm thường an định, không chút tán loạn; đầy đủ các tướng tốt và vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân; Bồ Tát đi đến nơi nào thì mặt đất mấp mô đều trở nên bằng phẳng; y phục cách thân bốn tấc⁴ chẳng rơi xuống; khi đi nhìn thẳng chẳng quay nhìn hai bên; bát cứ món gì Bồ Tát ăn vào đều [có vị ngon] hoàn hảo; chỗ Bồ Tát ngồi rồi đứng dậy, cỏ không giập rối; vì điều phục chúng sanh nên Bồ Tát hiện đến thuyết pháp với tâm không kiêu mạn; nếu thấy [tất cả những sự việc] như vậy gọi là dùng mắt thấy được tướng trạng của tâm Như Lai.

¹ Từ đoạn này trở đi danh xưng Bồ Tát được dùng để chỉ hóa thân Bồ Tát (tức thái tử Tát-đạt-đa) trước khi thành Phật trong kiếp sống thị hiện này.

² *Ma-ni-bạt-đà* (*Mañibhadra*), một trong tám vị Đại tướng Dạ-xoa, được dịch nghĩa là Bảo Hiền (寶賢).

³ *Phú-na-bạt-đà* (*Pūrṇabhadra*), tên một vị Thần tướng, được dịch nghĩa là Mãn Hiền (滿賢).

⁴ Bốn tấc cổ của Trung Hoa, mỗi tấc là khoảng 3,3 cm. Bốn tấc chỉ khoảng hơn 13 cm.

“Nếu nghe rằng Bồ Tát sau khi bước đi bảy bước rồi nói rằng: *‘Thân này của ta là thân cuối cùng’*; [lại nghe rằng] tiên nhân *A-tư-đà* chấp tay nói: ‘Đại vương nên biết, Thái tử *Tất-đạt* chắc chắn sẽ thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, không bao giờ ở lại thế tục mà làm *Chuyển luân Thánh vương*. Vì sao vậy? Vì có các tướng quý sáng rõ. *Chuyển luân Thánh vương* [tuy có] các tướng quý [nhưng] không được sáng rõ, còn thái tử *Tất-đạt* thân tướng xán lạn rõ ràng, nên chắc chắn sẽ thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

“[Lại cũng nghe rằng] khi nhìn thấy những sự già, bệnh, chết, Bồ Tát lại nói: ‘Tất cả chúng sanh thật đáng thương thay! Thường mãi chạy theo những sự khổ sanh, già, bệnh, chết mà không thể quán xét biết được mình đang chịu khổ. Ta sẽ trừ dứt sự khổ đau ấy.’ Bồ Tát theo vị tiên nhân ngũ thông *A-la-la*¹ thọ học phép định *Vô tướng*. Học thành tựu rồi liền chỉ ra chỗ sai lầm của phép định ấy. Sau đó Bồ Tát theo vị tiên *Uất-dà-già*² thọ học phép định *Phi hữu tướng phi vô tướng*. Thành tựu phép định ấy rồi liền giảng rõ đó chẳng phải *Niết-bàn*, chỉ là pháp sanh tử. Bồ Tát trải qua sáu năm khổ hạnh mà không đạt được gì, liền nói rằng: ‘Tu khổ hạnh như vậy chỉ là rỗng không, chẳng đạt được gì. Nếu là pháp thật, hẳn ta đã có chỗ đạt được. Vì là hư dối nên ta không có chỗ đạt được. Đó là tà thuật, chẳng phải chánh đạo.’

¹ *A-la-la (Ārāḍakālāma)*: vị thầy đầu tiên thái tử *Tất-đạt-da* tìm đến tham học. Tên vị này cũng dịch là Giải Đãi.

² *Uất-dà-già (Udraka)*, cũng gọi là *Uất-đầu-lam-phất (Udraka Rāmaputra)*, là vị thầy thứ hai thái tử *Tất-đạt-da* tìm đến thọ học.

“[Lại nghe] sau khi [Bồ Tát] thành đạo, Phạm thiên khuyến thỉnh rằng: ‘Cầu xin Như Lai vì chúng sanh mở rộng bầu cam lộ, thuyết giảng pháp vô thượng!’ Phật dạy rằng: ‘Phạm vương! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che lấp, không thể thọ nhận lời dạy Chánh pháp của ta.’ Phạm vương lại thưa thỉnh: ‘Thế Tôn! Trong tất cả chúng sanh có ba hạng. Hạng căn trí lanh lợi, hạng căn trí trung bình và hạng ngu độn. Những chúng sanh căn trí lanh lợi có thể thọ nhận, xin Phật thuyết giảng.’ Phật dạy: ‘Phạm vương! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Nay ta sẽ vì tất cả chúng sanh, khai mở pháp môn *cam lộ*.’ Liền đó, Phật chuyển bánh xe Chánh pháp tại thành *Ba-la-nại*, tuyên thuyết *trung đạo*.

“Tất cả chúng sanh không phá trừ phiền não trói buộc, không phải không thường phá trừ. Không phá trừ, cũng không phải không phá trừ [phiền não], đó gọi là *trung đạo*.

“Không hóa độ chúng sanh, cũng không phải không thường hóa độ, đó gọi là *trung đạo*.

“Không phải là thành tựu tất cả, cũng không phải là không thành tựu, đó gọi là *trung đạo*.

“Mỗi khi có thuyết giảng đều không tự xưng là thầy, cũng không nói là đệ tử, đó gọi là *trung đạo*.

“Thuyết giảng không vì lợi ích nhưng không phải là không đắc quả, đó gọi là *trung đạo*.

“[Nghe biết rằng] lời nói của Như Lai là chân chánh, đúng thật, hợp thời, không hư dối, nhiệm mầu sâu xa bậc

nhất, như vậy gọi là nghe biết mà thấy được tướng trạng của tâm Như Lai.

“Thiện nam tử! Tướng trạng của tâm Như Lai thật không thể thấy! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn thấy Như Lai, phải y theo hai loại nhân duyên nói trên [mới có thể thấy được].”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như trước đây Phật có nói thí dụ về trái *am-la* [rất khó phân biệt để] ví với bốn hạng người. Hạng thứ nhất [giữ giới] hạnh tinh tế mà trong tâm không chân chánh, ngay thật; hạng thứ hai trong tâm tinh tế mà giới hạnh không chân chánh, ngay thật; hạng thứ ba trong tâm tinh tế, giới hạnh cũng chân chánh, ngay thật; hạng thứ tư trong tâm không tinh tế, giới hạnh cũng không chân chánh, ngay thật.

“[Bạch Thế Tôn!] Đối với hạng người thứ nhất và thứ hai đó làm sao có thể rõ biết [phân biệt] được?

“Theo lời Phật dạy đó, nếu chỉ y theo hai nhân duyên nói trên thì thật không thể biết được [tướng trạng của tâm Như Lai]!”¹

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ví như trái *am-la*,² hai hạng người ấy thật khó rõ biết [phân biệt] được! Vì khó rõ biết [phân biệt] nên trong kinh ta có

¹ Câu hỏi của Bồ Tát Sư Tử Hống có ý muốn nói, việc phân biệt giữa những người trì giới hay phá giới đã rất khó khăn, huống chi chỉ dựa vào những gì nhìn thấy hoặc nghe biết thì làm sao có thể nhận biết được Như Lai?

² Trái *am-la* rất khó phân biệt giữa trái chín và trái sống, ví cho sự lẫn lộn giữa các hạng người này thật khó phân biệt, không thể xác định họ là thuộc hạng người nào.

dạy là phải sống chung với họ. Nếu sống chung mà vẫn không biết, nên ở lâu ngày với họ. Nếu ở lâu ngày với họ mà vẫn không biết, nên dùng trí tuệ. Nếu dùng trí tuệ mà vẫn không biết, nên quán sát thật sâu xa. Nhờ sự quán sát sẽ rõ biết phân biệt được giữa người trì giới với người phá giới.

“Thiện nam tử! Chỉ khi nào thực hiện đủ bốn việc: sống chung, ở lâu, dùng trí tuệ, dùng sự quán sát, thì sau đó mới phân biệt được người trì giới, người phá giới.

“Thiện nam tử! Giới có hai loại, nên người trì giới cũng có hai hạng. Một là giới cứu cánh, hai là giới không cứu cánh. Có người vì nhân duyên [nào đó] nên thọ trì giới cấm, người có trí nên quán sát xem người ấy trì giới là vì lợi dưỡng hay vì cứu cánh.

“Thiện nam tử! Giới của Như Lai không có nhân duyên, nên gọi là giới cứu cánh. Vì nghĩa này nên Bồ Tát tuy bị các chúng sanh xấu ác làm tổn hại vẫn không sanh tâm giận dữ, ngu si. Vì thế Như Lai được tôn xưng là thành tựu rất ráo việc trì giới, là bậc trì giới cứu cánh.

“Thiện nam tử! Ngày trước, có một lúc ta cùng với *Xá-lợi-phất* và năm trăm người đệ tử cùng ở tại thành *Chiêm-bà*, nước *Ma-già-đà*. Bấy giờ có người thợ săn đuổi theo một con chim bồ câu. Chim ấy hoảng sợ bay đến núp dưới cái bóng của *Xá-lợi-phất* nhưng vẫn còn run rẩy như cây chuối [bị gió lay]. Khi nó đến núp vào cái bóng của Như Lai thì thân tâm đều an ổn, không còn sợ hãi. Vì thế, phải biết rằng Như Lai Thế Tôn là bậc trì giới rất ráo, cho đến cái bóng của ngài cũng có được năng lực dưỡng ấy!

“Thiện nam tử! Người giữ theo những giới không cứu cánh, cho đến các quả vị Thanh văn, Duyên giác cũng không thể chứng đắc, huống chi là quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?

“Lại nữa, có hai hạng người [trì giới], một là vì lợi dưỡng, hai là vì Chánh pháp. Nếu người vì lợi dưỡng mà thọ trì giới cấm, nên biết rằng người ấy không thấy được tánh Phật và Như Lai, tuy có nghe nói về tánh Phật và danh hiệu của Như Lai nhưng không gọi là nghe thấy. Nếu người trì giới vì Chánh pháp, nên biết rằng người ấy có thể thấy được tánh Phật và Như Lai. Đó gọi là dùng mắt thấy, cũng gọi là nghe biết mà thấy.

“Lại có hai hạng người [trì giới], một hạng có gốc rễ sâu vững khó chuyển, một hạng là gốc cạn dễ lay động. Như người có thể tu tập các pháp *tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện*, đó gọi là gốc sâu khó chuyển. Như người không tu tập ba pháp *tam-muội* ấy, tuy có thực hành tu tập cũng là vì [hướng đến] *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*, đó gọi là gốc cạn dễ lay động.

“Lại có hai hạng người [trì giới], một là vì tự thân, hai là vì chúng sanh. Hạng người [trì giới] vì chúng sanh thì có thể thấy được tánh Phật và Như Lai.

“Người trì giới lại có hai hạng. Một là hạng người do tâm tánh có thể tự mình [phát nguyện] trì giới, hai là hạng người cần sự dạy bảo của người khác [mới trì giới].

“Nếu người sau khi thọ giới rồi, trải qua vô số kiếp không hề có chút sơ suất. Dù sanh ra trong đất nước xấu

ác, gặp bạn bè xấu ác, thời thế xấu ác, phải sống chung với bọn gian tà, hung ác, tà kiến, gặp phải lúc [thế gian] không có pháp thọ giới, nhưng vẫn tu trì như trước, không hề hủy phạm. Đó gọi là [người trì giới] do tâm tánh có thể tự mình trì giới.

“Nếu người nhờ gặp được chư Tăng làm thầy, bạch bốn *Yết-ma*¹ rồi mới được giới. Tuy được giới rồi, còn phải nương cậy nơi hòa thượng, các bậc sư trưởng, các vị đồng học và bạn tốt răn dạy khuyến dụ, mới có thể tu sửa dần dần các oai nghi như đi đứng, nghe pháp, thuyết pháp... Đó gọi là [người trì giới] cần sự dạy bảo của người khác.

“Thiện nam tử! Nếu là [người trì giới] do tâm tánh có thể tự mình trì giới thì [có thể] dùng mắt thấy tánh Phật và Như Lai, cũng gọi là nghe biết mà thấy.

“Giới lại có hai loại, một là giới Thanh văn, hai là giới Bồ Tát.

“[Nếu trì giới] từ lúc mới phát tâm [câu đạo] cho đến lúc được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đó gọi là giới Bồ Tát.

“[Nếu trì giới] từ lúc quán tướng xương trắng cho đến khi chứng đắc quả *A-la-hán*, đó gọi là giới Thanh văn.

“Nếu ai thọ trì giới Thanh văn, nên biết rằng người ấy không thể thấy được tánh Phật và Như Lai. Nếu ai thọ trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người ấy [sẽ] đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, có thể thấy được tánh Phật, Như Lai, *Niết-bàn*.”

¹ Bạch Yết-ma: theo nghi thức truyền giới cho người xuất gia, vị giới tử (người thọ giới) phải tác bạch với thầy yết-ma, được sự đồng thuận thì việc thọ giới mới thành tựu.

Bồ Tát Sư Tử Hồng lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thọ trì giới cấm?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó là vì tâm không hối tiếc. Vì sao không hối tiếc? Vì được hưởng niềm vui. Vì sao được hưởng niềm vui? Vì tu tập hạnh xa lìa. Vì sao phải xa lìa? Vì để được an ổn. Vì sao được an ổn? Vì tu thiền định. Vì sao tu thiền định? Vì có tri kiến chân thật. Vì sao là tri kiến chân thật? Vì thấy được những sự tai hại của sanh tử. Vì sao thấy được những tai hại của sanh tử? Vì tâm không tham lam vướng mắc. Vì sao tâm không tham lam vướng mắc? Vì được giải thoát. Vì sao được giải thoát? Vì đạt được *Vô thượng Đại Niết-bàn*. Vì sao đạt được *Vô thượng Đại Niết-bàn*? Vì được các pháp *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì sao được *thường, lạc, ngã, tịnh*? Vì đạt được [cảnh giới] *không sanh không diệt*. Vì sao được *không sanh không diệt*? Vì thấy được tánh Phật.

“Cho nên, Bồ Tát do nơi tâm tánh tự mình có thể trì giới thanh tịnh cứu cánh.

“Thiện nam tử! Vị *tỳ-kheo* trì giới, tuy không phát nguyện cầu được tâm không hối tiếc, nhưng tự nhiên đạt được tâm không hối tiếc. Vì sao vậy? Vì tánh pháp vốn là như vậy.

“Tuy chẳng mong cầu được hưởng niềm vui, được lìa xa, được an ổn, được thiền định, được chân thật tri kiến, được thấy tai hại của sanh tử, được tâm không tham lam vướng mắc, được giải thoát, *Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, không sanh không diệt*, được thấy tánh Phật, nhưng tự nhiên cũng đạt được đầy đủ. Vì sao vậy? Vì tánh pháp vốn là như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu do nhân trì giới mà được kết quả là tâm không hối tiếc, do nhân giải thoát mà được quả *Niết-bàn*, như vậy thì giới ắt là không có nhân, *Niết-bàn* là không có quả. Nếu giới là không có nhân ắt phải gọi là thường; *Niết-bàn* có nhân ắt phải là vô thường. Nếu là như vậy, *Niết-bàn* ắt trước vốn là không mà nay thành có. Nếu trước vốn là không mà nay thành có tức là vô thường, giống như việc thắp ngọn đèn lên. Nếu *Niết-bàn* là như vậy, sao có thể gọi là *ngã, lạc, tịnh?*”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Ông đã từng ở nơi vô số chư Phật trông các căn lành nên mới có thể thưa hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như vậy!

“Thiện nam tử! Có phải ông không quên ý nghĩ xưa kia nên mới hỏi ta như vậy? Ta nhớ thuở xưa, cách nay đã vô số kiếp, ở thành *Ba-la-nại* có Phật ra đời, hiệu là Thiện Đức. Bảy giờ, đức Phật ấy giảng thuyết kinh Đại *Niết-bàn* này trong suốt ba trăm ngàn năm. Khi ấy, ta và ông đều ở trong pháp hội đó. Ta có đem việc này thưa hỏi đức Phật ấy. Đức Như Lai khi ấy vì chúng sanh mà nhập *Tam-muội* Chánh thọ, chưa giải đáp nghĩa này. Lành thay, Đại sĩ! Ông có thể nhớ tưởng việc xưa như vậy. Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà nói!

“Việc trì giới cũng có nhân, đó là do được nghe Chánh pháp. Việc nghe Chánh pháp cũng có nhân, đó là do gần gũi bạn lành. Gần gũi bạn lành cũng có nhân, đó là do có lòng tin. Việc khởi lòng tin cũng có nhân, chia làm hai loại. Một là do nghe Chánh pháp, hai là suy xét ý nghĩa.

“Thiện nam tử! Lòng tin ấy nhân ở việc được nghe Chánh pháp, việc nghe Chánh pháp lại nhân ở lòng tin. Như vậy, hai pháp ấy vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả.

“Thiện nam tử! Ví như những người phái *Ni-kiền* làm cái giá đỡ bình; bình và giá ấy làm nhân quả cho nhau, không tách lìa nhau.¹

“Thiện nam tử! Như *vô minh* là duyên của *hành*, *hành* là duyên của *vô minh*. *Vô minh* và *hành* vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả... Cho đến *sanh* là duyên của *già chết*, *già chết* lại là duyên của *sanh*. *Sanh* và *già chết* vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả.²

“Thiện nam tử! *Sanh* có thể sanh ra các pháp, nhưng không thể tự sanh. Vì không thể tự sanh nên là *do sanh* mà *sanh ra sanh*. Việc *sanh ra sanh* cũng không thể tự sanh, lại phải nhờ vào cái *sanh* mà *sanh*. Cho nên hai pháp *sanh* và *sanh ra sanh* cũng vừa là nhân, vừa là nhân của nhân; vừa là quả, vừa là quả của quả.

“Thiện nam tử! Đối với việc có lòng tin và nghe Chánh pháp cũng [quan hệ với nhau] giống như vậy.

“Thiện nam tử! Là quả mà không phải nhân, đó là Đại *Niết-bàn*. Vì sao gọi là quả? Vì là quả cao cả, vì là quả của hàng *sa-môn*, vì là quả của hàng *bà-la-môn*, vì là dứt

¹ Phái ngoại đạo Ni-kiền sử dụng loại bình tròn không có đế, nhưng theo giới của họ thì không được để bình chạm đất. Vì thế, họ dùng 3 cái cây làm thành giá đỡ bình. Khi đã làm ra rồi thì giá không lìa bình, bình không lìa giá.

² Đây nói tóm gọn mối tương quan của 12 nhân duyên, từ vô minh cho đến già chết, đều là như vậy.

hắn sanh tử, vì là phá trừ phiền não. Vì những điều ấy nên gọi là quả, vì là chỗ chống nghịch với các phiền não. Vì thế, *Niết-bàn* gọi là quả; phiền não thì gọi là lỗi lầm chồng chất lỗi lầm.

“Thiện nam tử! *Niết-bàn* không do nhân, nhưng tự thể của *Niết-bàn* là quả. Vì sao vậy? Vì không sanh diệt, vì không có chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì là thường trụ không biến đổi, vì không có xứ sở, vì không có khởi đầu, không có kết thúc.

“Thiện nam tử! Nếu *Niết-bàn* là do nhân ắt không thể gọi là *Niết-bàn*. Nói *bàn* là nghĩa *nhân*; nói *bát niết* là nghĩa *không*. Vì không do nơi *nhân* nên gọi là *Niết-bàn*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Như Phật dạy *Niết-bàn* không do nơi nhân, nghĩa này thật không hợp lý!

“Nếu nói là không ắt phải hợp với sáu nghĩa:

“Một là vì xét đến rốt ráo là không nên gọi là không. Như tất cả các pháp đều không có *bản ngã*, không có gì là [vật] của ta.

“Hai là vì có lúc không nên gọi là không. Như người đời nói rằng: Sông hồ không có nước, không có mặt trời mặt trăng.

“Ba là vì quá ít nên gọi là không. Như người đời đối với thức ăn ít mọn gọi là không mọn; nước uống ít ngọt gọi là không ngọt.

“Bốn là vì không nhận lãnh nên gọi là không. Như giai cấp *chiên-đà-la* không thể thọ nhận pháp *bà-la-môn* nên gọi là không có *bà-la-môn*.

“Năm là vì thọ nhận pháp xấu ác nên gọi là không. Như người đời nói: Kẻ thọ nhận pháp xấu ác chẳng đáng gọi là *sa-môn*, *bà-la-môn*; vì vậy nên gọi là không có *sa-môn*, *bà-la-môn*.

“Sáu là vì không có cái ngược lại, nên gọi là không. Ví như đen gọi là không trắng, tối gọi là không sáng.

“Bạch Thế Tôn! *Niết-bàn* cũng vậy, cũng có lúc không có nhân nên gọi là *Niết-bàn*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông có nói ra sáu nghĩa như vậy, vì sao không lấy nghĩa [thứ nhất] ‘rốt ráo là không’ để ví với *Niết-bàn*, lại dùng nghĩa [thứ hai là] ‘có lúc không’?”

“Thiện nam tử! Bản thể của *Niết-bàn* [xét đến] rốt ráo không do nơi nhân, cũng như không có ‘cái ta’ và ‘vật của ta’.

“Thiện nam tử! Pháp thế gian và *Niết-bàn* không hề đối đãi nhau, nên không thể lấy sáu việc trên mà so sánh.

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều không có *ngã*; nhưng *Niết-bàn* là chân thật có *ngã*. Vì nghĩa ấy nên *Niết-bàn* không do nơi nhân, mà bản thể là quả. Là nhân mà chẳng phải quả, đó gọi là *tánh Phật*, vì chẳng phải do nhân sanh ra. Là nhân mà chẳng phải quả, là vì không phải quả *sa-môn* nên gọi là không phải quả.

“Vì sao gọi là nhân? Vì [*Niết-bàn*] là nhân thành tựu.

“Thiện nam tử! Nhân có hai loại, một là *nhân sanh ra*, hai là *nhân thành tựu*.

“Thường sanh ra các pháp, đó gọi là *nhân sanh ra*. Ngọn đèn làm sáng rõ mọi vật [khiến người nhìn thấy được], nên gọi là *nhân thành tựu*.

“Các phiền não trói buộc gọi là *nhân sanh ra*; cha mẹ của chúng sanh [sanh ra họ] gọi là *nhân thành tựu*.

“Như hạt giống ngũ cốc gọi là *nhân sanh ra*; [các điều kiện] đất, nước, phân bón [làm cho lớn lên]... gọi là *nhân thành tựu*.

“Lại có các *nhân sanh ra* như [do tu tập] sáu pháp *Ba-la-mật* [mà đạt được] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.¹

“Lại có *nhân thành tựu* như [nhờ thấy] tánh Phật [mà đạt được] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại có *nhân thành tựu* như [nhờ tu tập] sáu pháp *ba-la-mật* [nên thấy được] tánh Phật.

“Lại có *nhân sanh ra*, như [do tu tập] pháp *Tam-muội Thủ lăng nghiêm* [mà đạt được] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại có *nhân thành tựu*, như [nhờ tu tập] Tám Chánh đạo [mà đạt được] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại có các *nhân sanh ra* như [do] đức tin [mà đạt được] sáu pháp *ba-la-mật*.”

¹ Bản Hán văn đoạn này viết rất cô đọng: “謂六波羅蜜阿耨多羅三藐三菩提。 - Vị lục ba-la-mật, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. Các bản trước (kể cả các bản Anh ngữ) đều hiểu là “sáu ba-la-mật và A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. Bản Anh ngữ viết: “which is the six paramitas and unsurpassed Enlightenment”. Chúng tôi so sánh toàn văn cảnh có sự lặp lại ở những câu sau không hợp lý, vì như thế thì A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề vừa là nhân sanh ra (sanh nhân) vừa là nhân thành tựu (liễu nhân). Tham khảo Đại Bát Niết-bàn kinh tập giải thấy giải thích rằng: “由六度而成菩提。故曰生也” (Do lục độ nhi thành Bồ-đề, cố viết sanh nhân. - Do sáu pháp ba-la-mật mà thành tựu Bồ-đề nên gọi là nhân sanh ra.) Chúng tôi cho rằng cách hiểu này hợp lý hơn, và do đó các câu tiếp theo cũng được hiểu tương tự theo cách này.

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Thế Tôn! Như Phật có nói việc thấy Như Lai và tánh Phật, nghĩa ấy thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, không dài không ngắn, không trắng không đen, không có xứ sở phương hướng, không ở trong *Ba cõi*, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải do *nhãn thức* nhận biết được. Vậy làm sao thấy được thân ấy? Tánh Phật cũng giống như vậy, [làm sao thấy được?]

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có hai loại thân Phật, một là *thường*, hai là *vô thường*.

“Thân Phật *vô thường*, là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên Như Lai dùng phương tiện mà thị hiện. Đó gọi là [dùng] mắt thấy [được].

“Thân Phật *thường tồn*, là thân giải thoát của Như Lai Thế Tôn. Đó gọi là dùng mắt thấy, cũng gọi là nghe biết mà thấy.

“Tánh Phật cũng có hai loại, một là *có thể thấy*, hai là *không thể thấy*.

“Tánh Phật có thể thấy, đó là [ở nơi các vị] Bồ Tát Thập trụ, chư Phật Thế Tôn.

“Tánh Phật không thể thấy, đó là [ở nơi] tất cả chúng sanh.

“Mắt thấy, là nói Bồ Tát Thập trụ, chư Phật Như Lai dùng mắt thấy được tánh Phật chúng sanh sẵn có.

“Nghe biết mà thấy, là nói tất cả chúng sanh cho đến hàng Bồ Tát *Cửu trụ*, [nhờ] nghe nói [mà biết là] có tánh Phật.

“Thân Như Lai lại có hai loại, một là *có hình sắc*, hai là *không có hình sắc*.

“[Thân] hình sắc, [đó là nói] sự giải thoát của Như Lai.

“[Thân] không có hình sắc, là vì Như Lai đã dứt trừ vĩnh viễn gốc rễ của tướng trạng hình sắc.

“Tánh Phật lại cũng có hai loại, một là *hình sắc*, hai là *không hình sắc*.

“Tánh Phật có hình sắc, đó là [đối với bậc thành tựu quả] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Tánh Phật không hình sắc, đó là [đối với] phàm phu cho đến hàng Bồ Tát *Thập trụ*. Bồ Tát *Thập trụ* [tuy] thấy tánh Phật [nhưng] không được rõ ràng nên gọi là không hình sắc.

“Thiện nam tử! Tánh Phật lại có hai loại, một là *có hình sắc*, hai là *không hình sắc*.

“Tánh Phật có hình sắc là nói [ở nơi chư] Phật, Bồ Tát.

“Tánh Phật không hình sắc, là [nơi] tất cả chúng sanh.

“[Thấy được tánh Phật] có hình sắc gọi là [dùng] mắt thấy. [Thấy được tánh Phật] không hình sắc gọi là nghe [biết mà] thấy.

“Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Tuy chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, nhưng không hư hoại mất. Vì thế nên nói rằng: *‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’*”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, cũng như trong sữa tươi có kem sữa; [lại có dạy rằng] tánh Phật của Lực sĩ

Kim cang hay của chư Phật đều trong sạch như *đề-hồ*, vì sao Như Lai còn dạy rằng tánh Phật chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta không nói rằng trong sữa tươi có kem sữa. [Chỉ vì] kem sữa từ sữa tươi sanh ra nên nói là *có kem sữa* thôi.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng thưa: “Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp được sanh ra đều phải có thời điểm [và điều kiện] thích hợp.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lúc đang là sữa tươi thì không có kem sữa, cũng không có bơ, không có *đề-hồ*... Tất cả chúng sanh đều gọi đó là sữa, nên ta nói rằng *trong sữa không có kem sữa*. Nếu sữa ấy có kem sữa, sao không gọi nó bằng hai tên, cũng như người làm hai nghề [thợ vàng và thợ bạc] được gọi là thợ vàng bạc? Cũng vậy, đang khi là kem sữa thì không có sữa, không có bơ, cũng không có *đề hồ*. Chúng sanh đều bảo rằng đó là kem sữa, chẳng phải sữa, chẳng phải bơ, chẳng phải *đề-hồ*...

“Thiện nam tử! Nhân có hai loại, một là *nhân chính*, hai là *nhân tùy thuộc*.

“*Nhân chính*, là như sữa [làm nhân] sanh ra kem sữa.

“*Nhân tùy thuộc*, là như các thứ men ủ, hơi ấm...

“[Chỉ] vì kem sữa từ sữa sanh ra nên mới nói rằng trong sữa có tánh chất của kem sữa, [chứ thật ra trong sữa không hề có tánh kem sữa].”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu trong sữa không có tánh kem sữa, thì trong cái sừng cũng không có, vì sao từ nơi sừng không sanh ra được kem sữa?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sừng cũng có thể [góp phần] sanh ra kem sữa. Vì sao vậy? Vì ta có nói có các *duyên tùy thuộc* như men ủ, hơi ấm... Sừng có hơi ấm nên cũng có thể [góp phần] sanh ra kem sữa.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu sừng có thể sanh ra kem sữa, sao những người làm kem sữa chỉ dùng sữa tươi mà không dùng chất sừng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì thế ta mới nói rằng có *nhân chính* và *nhân tùy thuộc*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Nếu trước đó trong sữa không có kem sữa, về sau mới có, vậy trước đây trong sữa cũng không có cây *am-ma-la*, vì sao không thể sanh ra cây *am-ma-la*? Vì cả hai thứ ấy đều không có như nhau.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sữa cũng có thể [góp phần trong việc] sanh ra cây *am-ma-la*. [Chẳng hạn nh] nếu dùng sữa tươi mà tưới thì trong một đêm cây ấy sẽ cao thêm năm thước.¹ Vì nghĩa ấy nên ta nói có hai loại nhân.

“Thiện nam tử! Nếu tất cả các pháp đều chỉ do một nhân sanh ra thì mới có thể cật vấn rằng vì sao trong sữa không thể sanh ra cây *am-ma-la*.

“Thiện nam tử! Cũng như *Bốn đại* là nhân duyên cho tất cả hình sắc, nhưng mỗi một hình sắc đều khác biệt nhau, vật này chẳng giống vật kia. Vì nghĩa ấy nên từ sữa không thể sanh ra cây *am-ma-la*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật nói có hai loại nhân, *nhân chính* và *nhân tùy thuộc*, vậy tánh Phật của chúng sanh thuộc loại nhân nào?”

¹ Thước cổ, mỗi thước bằng khoảng 33 cm.

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh cũng có hai loại nhân, một là *nhân chính*, hai là *nhân tùy thuộc*. *Nhân chính* là [bản thân các] chúng sanh; *nhân tùy thuộc* là sáu pháp *Ba-la-mật*.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con biết chắc rằng trong sữa tươi có tánh kem sữa. Vì sao vậy? Vì con thấy người đời khi muốn làm kem sữa thì chỉ dùng sữa tươi chứ không bao giờ dùng nước. Vì vậy nên biết rằng trong sữa tươi có tánh kem sữa.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Câu hỏi của ông đó thật không hợp lý. Vì sao vậy? Ví như có người muốn nhìn thấy khuôn mặt mình bèn cầm lấy con dao [sáng bóng để soi mặt vào].”

Bồ Tát Sư Tử Hồng thưa: “Bạch Thế Tôn! Chính vì nghĩa ấy nên nói trong sữa có tánh kem sữa. Nếu trong con dao không có khuôn mặt, vì sao lại chọn lấy con dao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu trong con dao đúng là có khuôn mặt, vì sao có sự thay đổi không thật: Khi cầm dao đứng thì thấy mặt quá dài, cầm dao ngang thì thấy mặt quá rộng? Nếu đó là mặt mình, vì sao lại thấy nó dài? Nếu là mặt người khác, sao có thể nói đó là mặt mình? Nếu nhân nơi mặt mình mà thấy mặt người khác, sao chẳng thấy trong [con dao] ấy những mặt lửa, mặt ngựa?”

Bồ Tát Sư Tử Hồng thưa: “Bạch Thế Tôn! Do tia nhìn của mắt thấu đến nơi đó nên thấy được hình dáng khuôn mặt.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nhưng tia nhìn của mắt thật không thấu đến nơi đó. Vì sao vậy? Vì cùng lúc nhìn thấy

cả vật gần lẫn vật xa [nhưng] không nhìn thấy những vật nằm ở khoảng giữa.

“Thiện nam tử! Nếu do tia nhìn của mắt thấu đến đó mà thấy được, thì tất cả chúng sanh đều nhìn thấy lửa, sao chẳng bị thiêu cháy [tia nhìn ấy]? [Nếu tia nhìn của mắt có thể thấu đến vật nhìn thấy, thì] người từ xa trông thấy một vật màu trắng, lẽ ra không phải sanh nghi: Là con hạc chẳng, là lá phướn chẳng, là con người chẳng, là cây cối chẳng...? Nếu do tia nhìn của mắt thấu đến [vật mà nhìn thấy], thì làm sao thấy được những vật trong [bình] thủy tinh, hoặc những con cá, tảng đá nằm dưới vực sâu? Còn nếu tia nhìn của mắt không thấu đến mà vẫn thấy được, vì sao thấy được vật trong [bình] thủy tinh mà không thấy được những hình sắc bên kia vách tường? Cho nên nói rằng tia nhìn của mắt thấu đến đó mà thấy được khuôn mặt dài thì thật không hợp lý.

“Thiện nam tử! Như ông nói trong sữa tươi có kem sữa, sao người bán sữa chỉ lấy tiền sữa mà thôi, không tính thêm giá trị của kem sữa? Cũng như người bán con ngựa cái chỉ tính tiền ngựa cái mà thôi, không tính thêm giá trị ngựa con?

“Thiện nam tử! Người đời vì không có con cái nên cưới vợ. Nếu khi người vợ đã mang thai thì không thể gọi là con gái. Nếu nói rằng vì trong cô gái ấy đã sẵn có con nên mới cưới làm vợ thì không hợp lý. Vì sao vậy? Nếu nói là sẵn có con thì cũng có thể nói là sẵn có cháu. Nếu sẵn có cháu, thì [con với cháu ấy] là anh em với nhau rồi! Vì sao vậy? Vì cùng một mẹ sanh ra. Cho nên ta nói rằng: Cô gái kia không sẵn có tánh con.

“Nếu trong sữa sẵn có tánh kem sữa, sao cùng lúc không thấy được cả năm món [làm từ sữa]? Nếu trong hạt cây sẵn có cây *ni-câu-đà* năm trượng, sao cùng lúc không thấy những hình dạng khác nhau như mầm non, thân cây, cành lá, hoa quả?

“Thiện nam tử! Khi là sữa thì có màu sắc khác, vị nếm cũng khác, [dùng đến có] kết quả khác, cho đến khi là *đề-hồ* cũng vậy, sao có thể nói rằng trong sữa có sẵn tánh kem sữa?

“Thiện nam tử! Ví như có người sáng ngày sẽ dùng món bơ sữa mà lúc này đã cho là có mùi hôi. Như nói rằng trong sữa nhất định có tánh kem sữa, ý nghĩa cũng giống như vậy!

“Thiện nam tử! Như người có đủ bút, giấy, mực, bèn hợp lại viết thành chữ. Nhưng trong giấy ấy vốn không có chữ. Vì trước đó vốn là *không* nên phải dựa vào các duyên mới thành. Nếu trước vốn là *sẵn có* thì cần chi đến các duyên? Ví như màu xanh da trời và màu vàng pha với nhau thành màu xanh lá cây. Nên biết rằng hai màu ấy vốn không sẵn có tánh của màu xanh lá cây. Nếu trước vốn sẵn có màu xanh lá cây, cần chi phải pha trộn mới thành?

“Thiện nam tử! Cũng giống như chúng sanh nhờ vào thức ăn mà có mạng sống, nhưng trong thức ăn thật không có mạng sống. Nếu trong thức ăn sẵn có mạng sống, thì khi chưa ăn lẽ ra thức ăn đã là mạng sống rồi!

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp vốn không có tánh [nhất định]. Vì nghĩa ấy nên ta nói kệ rằng:

*Vốn là có mà nay thành không,
Vốn là không mà nay thành có,
Nếu nói trong Ba đời có pháp,
Thật không thể có nghĩa như thế!*

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều do nhân duyên mà sanh, do nhân duyên mà diệt.

“Thiện nam tử! Nếu trong chúng sanh sẵn có tánh Phật [theo nghĩa như ông nói], thì lẽ ra đều có thân Phật như ta đây.

“Tánh Phật của chúng sanh không bị phá hoại, không bị dẫn dắt, trói buộc, [nhưng chúng sanh còn phiền não thì không tự thấy được.] Cũng như trong chúng sanh sẵn có hư không, tất cả chúng sanh đều có hư không, không có sự ngăn ngại, nhưng tất cả đều không tự thấy có hư không ấy. Nếu như chúng sanh không có hư không, ắt là không có những sự tới lui, đi đứng, nằm ngồi, không có sự sanh trưởng. Vì nghĩa ấy, trong kinh này ta có dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có phạm vi hư không của mình. Phạm vi hư không đó gọi là hư không.’

“Tánh Phật của chúng sanh cũng vậy. Hàng Bồ Tát Thập trụ có đôi chút khả năng thấy được tánh Phật [một phần rất nhỏ] như hạt châu kim cang.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh hay cảnh giới chư Phật không nằm trong phạm vi hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Tất cả chúng sanh vì không thấy tánh Phật nên thường bị phiền não trói buộc, trôi lăn trong sanh tử. Nhờ thấy được tánh Phật nên mọi

phiền não không thể trói buộc, thoát khỏi sanh tử, đạt được Đại Niết-bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều có tánh của *tánh Phật*, cũng như trong sữa có tánh của kem sữa. Nếu trong sữa không có tánh của kem sữa, vì sao Phật nói là có hai thứ nhân: *nhân chính* và *nhân tùy thuộc*? *Nhân tùy thuộc* là những điều kiện như men ủ, hơi ấm... Hư không vốn không có tánh, nên không có *nhân tùy thuộc*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu như trong sữa nhất định có tánh của kem sữa thì cần chi đến *nhân tùy thuộc*?”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch: “Thế Tôn! Vì có tánh nên cần có *nhân tùy thuộc*. Vì sao vậy? Vì muốn thấy được rõ ràng [tánh ấy]. *Nhân tùy thuộc* chính là *nhân thành tựu*.

“Bạch Thế tôn! Ví như trong chỗ tối sẵn có đồ vật. Vì muốn thấy rõ đồ vật ấy nên dùng đèn soi vào. Nếu trước vốn không có đồ vật thì đèn soi vào [có thấy] cái gì? Cũng như trong đất sét đã sẵn có cái bình, nên cần có người nặn, có nước, có dụng cụ, khuôn nặn... làm *nhân thành tựu*. Lại như hạt *ni-câu-đà* cần có đất, nước, phân... làm *nhân thành tựu* [để mọc thành cây]. Đối với sữa tươi cũng vậy, cần có các điều kiện men ủ, hơi ấm... làm *nhân thành tựu* [mới thành kem sữa]. Vì vậy, tuy sẵn có tánh mà cần phải dựa vào các *nhân thành tựu* thì mới thấy rõ được vật. Vì nghĩa ấy nên biết chắc chắn rằng trong sữa đã sẵn có tánh của kem sữa.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu như trong sữa chắc chắn đã có tánh của kem sữa, thì đó chính là *nhân thành tựu*. Nếu đã là *nhân thành tựu* thì cần gì phải thành tựu nữa?

“Thiện nam tử! Nếu *nhân thành tựu* ấy tánh của nó là thành tựu, thì lẽ ra nó phải thường tự thành tựu. Nếu nó chẳng tự thành tựu, làm sao thành tựu cho vật khác được? Nếu nói rằng *nhân thành tựu* ấy có hai loại tánh: một là tự thành tựu, hai là làm cho sự vật khác thành tựu, thì nghĩa ấy không hợp lý. Vì sao vậy? Vì *nhân thành tựu* chỉ có một pháp, làm sao có hai? Nếu là có hai, lẽ ra sữa cũng phải có hai. Nếu nói trong sữa không có hai tướng, vì sao chỉ riêng *nhân thành tựu* kia lại là có hai?”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Thế Tôn! Như người đời nói: ‘Bọn chúng tôi có tám người’, [thì trong chúng tôi ấy là có cả mình và người khác]. Nhân thành tựu cũng vậy, chúng tự thành tựu và làm cho sự vật khác thành tựu.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nhân thành tựu là như thế, ắt không phải là nhân thành tựu. Vì sao vậy? Việc đếm số là có thể đếm được hình sắc của mình với người khác, nên nói là tám [người]. Nhưng tánh của hình sắc ấy tự nó không có tướng thành tựu. Vì không có tướng thành tựu nên cần phải có tánh của trí óc mới đếm được mình và người khác. Vậy thì cái nhân thành tựu đó không thể tự thành tựu, cũng không thể làm cho vật khác thành tựu.

“Thiện nam tử! Nếu tất cả chúng sanh sẵn có tánh Phật, vì sao phải tu tập vô lượng công đức? Nếu nói tu tập là *nhân thành tựu*, thì cũng như cái lý ‘*kem sữa*’ kia đã bị bác bỏ. Nếu nói trong *nhân* nhất định có sẵn *quả*, thì *giới*, *định* và *trí tuệ* ắt không có tăng trưởng. Ta thấy người đời vốn không sẵn có *giới cảm*, *thiền định*, *trí tuệ*, nhờ theo thầy mà thọ nhận, rồi sau đó mới dần dần phát triển. Nếu nói sự truyền dạy của thầy là *nhân thành tựu*,

thì đang lúc thầy dạy người học chưa có *giới, định, trí tuệ*. Nếu là thành tựu thì lẽ ra phải thành tựu lúc chưa có, sao phải đợi đến khi biết được *giới, định, tuệ* rồi mới khiến cho dần dần tăng trưởng?”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu *nhân thành tựu* là không có, làm sao thành tên gọi [phân biệt] có sữa tươi, có kem sữa?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có ba cách giải đáp những lời vấn nạn ở thế gian.

“Một là đáp bằng cách giải thích tuần tự các việc liên quan, gọi là *chuyển đáp*, như trước đây ta giảng: ‘*Sao gọi là giới? Vì chẳng sanh lòng hối tiếc...*’ cho đến ‘*...vì đạt được Đại Niết-bàn.*’

“Hai là đáp bằng cách lặng thinh, gọi là *mặc nhiên đáp*. Như khi có vị *Phạm chí* đến hỏi ta rằng: ‘*Có phải ngã là thường chăng?*’ Ta đáp lại bằng cách lặng thinh.

“Ba là đáp bằng cách đặt nghi vấn ngược lại để làm rõ vấn đề, gọi là *nghi đáp*. Như trong kinh này có nói: ‘*Nếu nhân thành tựu là hai pháp, đáng lẽ cũng có hai tướng sữa?...*’

“Thiện nam tử! Nay ta sẽ dùng cách *chuyển đáp*. Như người đời nói có sữa, có kem sữa, là vì họ chắc chắn sẽ có kem sữa, cho nên mới nói rằng: có sữa, có kem sữa. Tánh Phật cũng thế; có chúng sanh, có tánh Phật, vì [chắc chắn] rồi sẽ thấy được tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy đó, nghĩa lý không thích hợp. Quá khứ đã dứt rồi,

tương lai còn chưa đến, làm sao gọi là có? Nếu nói rằng sẽ có mà gọi là có, thật không hợp nghĩa. Như người thế gian thấy kẻ không con cái thì nói là không con. Tất cả chúng sanh [hiện nay thấy là] *không có tánh Phật*, vì sao lại nói rằng tất cả chúng sanh *đều có tánh Phật?*”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Quá khứ cũng nói là có. Ví như trồng cây quít, khi mầm sanh ra thì hạt giống hoại mất. Mầm ấy có vị nhạt, cho đến khi sanh trái cũng vẫn là vị nhạt. Nhưng lúc trái chín thì có vị chua.

“Thiện nam tử! Vị chua đó, từ khi còn là hạt giống, mầm non, cho tới lúc sanh trái, vốn không sẵn có. Đến lúc quả chín thì hình sắc tướng mạo mới sanh ra vị chua. Vị chua ấy vốn trước là không mà nay thành có. Tuy trước là không mà nay thành có nhưng không phải là không nhân nơi nguồn gốc ban đầu. Như vậy, cái hạt giống nguồn gốc ban đầu đó tuy là quá khứ nhưng cũng gọi là có. Vì nghĩa ấy nên quá khứ cũng nói là có.

“Vì sao nói rằng tương lai là có? Ví như người gieo mè, có kẻ đến hỏi rằng: ‘Vì sao gieo trồng thứ này?’ Người ấy đáp: ‘Vì nó có dầu.’ Thật ra [lúc ấy] chưa có dầu, phải đến khi mè chín, gặt lấy hạt, mang về hấp nóng, giã ép... rồi mới có dầu. Nhưng phải biết rằng người ấy không hề nói dối. Vì nghĩa ấy nên [nói rằng] tương lai là có.

“Vì sao lại nói rằng quá khứ là có? Thiện nam tử! Ví như có người lén lút mắng chửi vua. Trải qua nhiều năm, vua mới nghe được việc ấy. Vua nghe rồi liền hỏi: ‘Vì sao người mắng chửi ta?’ Người ấy đáp: ‘Đại vương! Tôi không có mắng chửi. Vì sao vậy? Người mắng chửi đã mất rồi.’

Vua nói: ‘Người mắng chửi [là người] với bản thân ta, cả hai đều đang tồn tại, sao nói là đã mất?’ Vì duyên có ấy, người [mắng chửi vua] phải mất mạng.

“Thiện nam tử! Cả hai việc [là người mắng chửi và sự mắng chửi] quả thật là không [vì đã qua rồi], nhưng hậu quả của chúng không mất. Vì thế nói rằng quá khứ là có.

“Vì sao lại gọi rằng tương lai là có? Như có người đến chỗ thợ lò gốm, hỏi rằng: ‘Có bình chăng?’ Người ấy đáp: ‘Có bình.’ Nhưng người thợ lò gốm ấy thật ra chưa có bình. Vì sẵn có đất sét nên nói rằng có bình. Nên biết rằng người thợ ấy không hề nói dối.

“Trong sữa có kem sữa, chúng sanh có tánh Phật, cũng là như vậy. Muốn thấy tánh Phật, cần phải có sự quán sát hình sắc, thời điểm, điều kiện thích hợp... Cho nên ta nói rằng: ‘*Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật*’, thật chẳng phải là nói dối.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Nếu tất cả chúng sanh không sẵn có tánh Phật [cũng như trong sữa không sẵn có tánh kem sữa], vậy làm sao có thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?”

Phật dạy: “Nhờ có *nhân chính* nên chúng sanh đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. *Nhân chính* đó là gì? Chính là *tánh Phật*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu trong hạt *ni-câu-đà* không có sẵn [tánh của] cây *ni-câu-đà*, tại sao người ta chỉ gọi hạt ấy là hạt *ni-câu-đà* mà không gọi là hạt *khư-đà-la*?”

“Bạch Thế Tôn! Cũng như họ *Cô-đàm* không thể gọi là họ *A-trì-da*, họ *A-trì-da* cũng không được gọi là họ *Cô-đàm*. Hạt *ni-câu-đà* cũng vậy, không được gọi là hạt *khư-đà-la-ni*, hạt *khư-đà-la-ni* chẳng được gọi là hạt *ni-câu-đà*. Cũng như Thế Tôn không thể lìa bỏ dòng họ *Cô-đàm*. Tánh Phật của chúng sanh cũng là như vậy. Vì nghĩa ấy nên biết rằng chúng sanh đều sẵn có tánh Phật.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng trong hạt đã sẵn có cây *ni-câu-đà*, nghĩa ấy không đúng. Nếu đã sẵn có, vì sao không thấy?

“Thiện nam tử! Những vật ở thế gian do tám nhân duyên mà không nhìn thấy được. Thế nào là tám nhân duyên? Một là vì quá xa nên không nhìn thấy, như dấu chim bay trên không; hai là gần quá nên không thấy, như lông mi vào trong mắt; ba là vì hư hoại nên không thấy, như người bị hỏng mắt; bốn là vì loạn tưởng nên chẳng thấy, như người tâm trí không tập trung; năm là vì quá nhỏ nên không thấy, như hạt bụi cực nhỏ; sáu là vì bị che chướng nên không thấy, như mây che [không thấy] các vì sao; bảy là vì nhiều quá nên chẳng thấy, như cỏ dại [khuất] trong đám lúa; tám là vì tương tự nên không thấy, như cây đậu mọc trong đám đậu.

“Cây *ni-câu-đà* không thuộc về tám nhân duyên không thấy kể trên; vậy nếu cây ấy là có, vì sao lại không thấy? Nếu nói rằng vì quá nhỏ hay vì bị che chướng thì không hợp lý. Vì sao vậy? Vì tướng của cây ấy to lớn! Nếu nói rằng tánh của nó là nhỏ, thì làm sao lớn lên? Nếu nói vì bị che chướng thì lẽ ra phải mãi mãi không thấy! Trước kia vốn không có tướng to lớn, nay mới thấy tướng to lớn,

nên biết rằng sự to lớn ấy vốn không có tánh [nhất định]! Trước vốn không có tánh thấy mà nay thấy được, vậy nên biết rằng sự thấy ấy cũng không có tánh [nhất định]! Về hạt [cây *ni-câu-đà*] cũng vậy, vốn trước *không có cây* mà ngày nay nhìn thấy thì có gì là không hợp lý?”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch rằng: “Như Phật dạy có hai loại nhân, một là *nhân chính*, hai là *nhân thành tựu*. Hạt *ni-câu-đà* dùng các điều kiện đất, nước, phân... làm *nhân thành tựu* nên từ chỗ rất nhỏ [không nhìn thấy được] mà sau trở nên to lớn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu đã sẵn có thì cần gì đến *nhân thành tựu*? Nếu vốn không có tánh thì thành tựu là thành tựu cái gì? Nếu trong hạt *ni-câu-đà* vốn không có tướng to lớn, nhờ nhân thành tựu mới sanh ra tướng to lớn, vì sao chẳng sanh ra cây *khư-đà-la* [to lớn], vì cả hai loại cây này trước đó đều không có?

“Thiện nam tử! Nếu là quá nhỏ không thấy, thì cái lớn phải thấy được. Ví như một hạt bụi nhỏ không nhìn thấy, nhưng nhiều hạt bụi hợp lại thì có thể thấy được [cả đám] bụi. Như cái lớn trong hạt giống kia lẽ ra phải thấy được. Vì sao vậy? Trong đó đã có đủ mầm cây, thân cây, hoa, quả. Trong mỗi quả lại có rất nhiều hạt, trong mỗi hạt lại có rất nhiều cây! Vì vậy nên gọi là lớn. Đã lớn như vậy nên lẽ ra phải nhìn thấy được!

“Thiện nam tử! Nếu trong hạt *ni-câu-đà* sẵn có tánh của cây *ni-câu-đà* mới sanh ra cây ấy, vậy khi nhìn thấy hạt ấy bị lửa đốt cháy thì tánh cháy ấy lẽ ra cũng sẵn có rồi! Nếu tánh cháy đã sẵn có thì cây không thể sanh ra!

Nếu tất cả các pháp vốn sẵn có [tánh] sanh diệt, vì sao phải trước sanh, sau diệt, không cùng một lúc? Vì nghĩa ấy nên biết rằng không có tánh [nhất định].”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Thế Tôn! Nếu hạt *ni-câu-đà* vốn không sẵn có tánh cây nhưng sanh ra cây, vì sao hạt ấy chẳng sanh ra dầu, vì dầu với cây trước đó cũng đều là không có?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong hạt ấy cũng có khả năng sanh ra dầu. Tuy vốn không sẵn có tánh, nhưng là do nhân duyên mà có.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “[Vây dầu sinh ra ấy] vì sao chẳng gọi là dầu mè?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì [hạt ấy] không phải là mè.

“Thiện nam tử! Như duyên của lửa thì sanh ra lửa, duyên của nước thì sanh ra nước. Tuy đều là nương theo duyên, nhưng cái này có không thể thay cho cái kia. Hạt *ni-câu-đà* với dầu mè cũng vậy, tuy đều nương theo duyên nhưng không sanh ra nhau. Tánh của hạt *ni-câu-đà* trị được chứng lạnh, tánh của dầu mè trị được chứng phong.

“Thiện nam tử! Ví như cây mía, do nhân duyên mà sanh ra các thứ đường phèn, đường đen. Tuy cùng một duyên nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị nóng, đường đen trị lạnh.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như sữa không sẵn có tánh kem sữa, mè không sẵn có tánh dầu, hạt *ni-câu-đà* không sẵn có tánh cây *ni-câu-đà*, đất sét không sẵn có tánh bình, thì tất cả chúng sanh cũng không

sẵn có tánh Phật được! [Vì thế,] như trước đây Phật dạy: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nên có thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’ Nghĩa ấy không hợp lý.

“Vì sao vậy? Vì con người với chư thiên đều không có tánh [nhất định]. Vì không có tánh [nhất định] nên con người có thể sanh làm chư thiên, chư thiên có thể tái sanh làm người. Đó là do nghiệp và nhân duyên, chẳng phải do tánh [nhất định]. [Như vậy thì] Bồ Tát *Ma-ha-tát* [cũng] do nghiệp và nhân duyên nên đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì nhân duyên gì mà hạng *nhất-xiển-đề* dứt mất căn lành, đọa vào địa ngục? Nếu tâm *Bồ-đề* là tánh Phật, lẽ ra những kẻ *nhất-xiển-đề* không thể dứt mất [căn lành]. Nếu có thể dứt mất [căn lành], làm sao có thể nói rằng *tánh Phật là thường*? [Nhưng] nếu không phải thường thì không gọi là tánh Phật! Nếu các chúng sanh đều có tánh Phật, vì sao [có người] gọi là mới phát tâm? Sao [có những người] gọi là [ở địa vị] thối chuyển hoặc không thối chuyển? Nếu là [ở địa vị] thối chuyển, nên biết rằng người đó không có tánh Phật!

“Bạch Thế Tôn! Bồ Tát *Ma-ha-tát* một lòng hướng đến [thành tựu] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, khởi lòng đại từ đại bi, thấy được những sự lỗi lầm tai hại của phiền não [trong sự] sanh, già, chết; quán xét Đại *Niết-bàn* không có những lỗi lầm tai hại của phiền não [trong sự] sanh, già, chết; tin sâu nơi *Tam bảo*, tin có nghiệp,

quả báo [nên] thọ trì giới cấm. Những pháp như vậy gọi là *tánh Phật*. [Vi] nếu là những pháp ấy mà có tánh Phật thì cần chi đến những pháp ấy làm nhân duyên?

“Bạch Thế Tôn! Như sữa không nhờ duyên cũng có thể thành kem sữa; nhưng bơ thì khác, phải có đầy đủ nhân duyên như là: người làm, nước, bình, cây khuấy, dây.¹ Chúng sanh cũng vậy, nếu có tánh Phật thì lẽ ra không cần nhân duyên cũng đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*! Nếu chắc chắn là có tánh Phật, vì sao người tu hành khi thấy các nỗi khổ trong *Ba nẻo ác* [hoặc] sanh, già, bệnh, chết... liền sanh lòng thối chuyển? [Nếu có tánh Phật, lẽ ra] cũng không cần tu sáu pháp *Ba-la-mật* mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*! Như sữa không nhờ duyên cũng có thể thành kem sữa, nhưng [người tu hành] nhất định phải nhờ tu tập sáu pháp *Ba-la-mật* mới thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*! Vì nghĩa ấy nên biết rằng chúng sanh đều không có tánh Phật!

“Như trước đây Phật có dạy: ‘*Tăng bảo* là thường.’ Nếu là *thường* ắt không phải *vô thường*. Không phải *vô thường* thì làm sao [chư tăng có thể] đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Còn nếu *Tăng bảo* là thường, vì sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật?

“Bạch Thế Tôn! Nếu như chúng sanh từ trước đến nay không có tâm *Bồ-đề* cũng không có tâm [hướng đến] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, mà về sau mới có, thì tánh Phật của chúng sanh lẽ ra cũng giống như vậy, trước

¹ Tức là những điều kiện cần thiết trong quy trình chế biến sữa thành bơ.

vốn không có, rồi về sau mới có. Vì nghĩa ấy, tất cả chúng sanh lẽ ra đều *không có tánh Phật!*”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông từ lâu đã hiểu rõ nghĩa lý về tánh Phật, nhưng vì chúng sanh nên thưa hỏi như vậy. [Này thiện nam tử!] Tất cả chúng sanh *quả thật có tánh Phật.*”

“Ông có nói rằng: ‘Nếu các chúng sanh đều có tánh Phật, lẽ ra không có kẻ mới phát tâm.’ Thiện nam tử! Tâm [mà ông nói đó] chẳng phải tánh Phật. Vì sao vậy? Vì [tâm ấy] là *vô thường*, còn tánh Phật là *thường*.”

“Ông lại có hỏi: ‘[Nếu có tánh Phật,] tại sao lại có những kẻ sanh tâm thối chuyển?’”

“Thật ra không có sự thối tâm. Nếu tâm có thối chuyển thì [người tu hành] không bao giờ có thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Chỉ vì *chậm đạt đến* nên gọi là *thối chuyển*.”

“Tâm *Bồ-đề* ấy thật chẳng phải tánh Phật. Tại sao vậy? Hạng *nhất-xiển-đề* vì dứt mất thiện căn nên đọa vào địa ngục. Nếu tâm *Bồ-đề* là tánh Phật thì hạng *nhất-xiển-đề* không thể gọi là *nhất-xiển-đề*, và tâm *Bồ-đề* cũng không thể gọi là *vô thường*. Vì thế nên biết chắc rằng tâm *Bồ-đề* thật không phải tánh Phật.”

“Thiện nam tử! Ông có hỏi: ‘Nếu chúng sanh có tánh Phật, lẽ ra không cần nhờ đến các duyên [để thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*], cũng như sữa [không nhờ đến duyên vẫn] thành kem sữa! Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu [ông đã] nói nhờ năm duyên [là người

làm, nước, bình, cây khuấy, dây] mà thành món bọ, thì nên biết rằng tánh Phật cũng giống như vậy.

“Ví như trong các thứ quặng mỏ có vàng, có bạc, có đồng, có sắt... thấy đều do nơi *Bốn đại* [tạo thành], mà mỗi chất có một tên riêng, một thực thể riêng, khi sản xuất ra cũng không giống nhau. Phải nhờ đến các duyên như phước đức của chúng sanh, lò nung, sức người... mới làm ra được [các thứ kim loại trên]. Vì thế nên biết rằng trước đó vốn không sẵn có [những] tánh vàng, [bạc, đồng, sắt...]

“Tánh Phật của chúng sanh không thể gọi là Phật; nhờ có các công đức, nhân duyên [tu tập] hòa hợp nên được thấy tánh Phật, sau đó mới thành Phật.

“Ông lại có hỏi: ‘Chúng sanh đều có tánh Phật, tại sao không thấy được tánh Phật?’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì các nhân duyên chưa hòa hợp.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên ta có nói hai loại nhân: *nhân chính* và *nhân tùy thuộc*. Nhân chính ở đây là *tánh Phật*. Nhân tùy thuộc là sự phát tâm *Bồ-đề*. Nhờ hai nhân duyên ấy mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cũng như từ nơi quặng mỏ lấy ra được chất vàng...

“Thiện nam tử! Ông có hỏi rằng: ‘Nếu *Tăng bảo* là thường thì tất cả chúng sanh không có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Tăng, gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai loại. Một là hòa hợp theo người thế gian, hai là hòa hợp theo *đệ nhất nghĩa*. Hòa hiệp theo thế gian gọi là *Thanh văn Tăng*, hòa hợp theo *đệ nhất nghĩa* gọi là *Bồ Tát Tăng*.

“Tăng hòa hợp theo thế gian là *vô thường*, tánh Phật là *thường*. Tánh Phật là *thường*, Tăng hòa hợp theo *đệ nhất nghĩa* cũng là *thường*.

“Lại nữa, khi có *Tăng bảo* thì gọi là hòa hợp Chánh pháp. Hòa hợp Chánh pháp là nói *Mười hai bộ kinh*. *Mười hai bộ kinh* là *thường*, cho nên ta nói *Pháp bảo, Tăng bảo* là *thường*.

“Thiện nam tử! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp tức là *Mười hai nhân duyên*. Trong *Mười hai nhân duyên* cũng có tánh Phật. *Mười hai nhân duyên* là *thường*, tánh Phật cũng là *thường*. Vì thế ta nói: ‘*Tăng có tánh Phật*.’

“Lại nữa, *Tăng bảo* đó là sự hòa hợp của chư Phật. Vì thế ta nói: ‘*Tăng có tánh Phật*.’

“Thiện nam tử! Ông hỏi rằng: ‘Nếu [tất cả] chúng sanh đều có tánh Phật, vì sao lại có người thối chuyển, có người không thối chuyển?’ Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng giải.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *Ma-ha-tát* nếu có *mười ba pháp* sau đây ắt sẽ thối chuyển. Là những pháp nào? Một là không có đức tin; hai là tâm không khởi làm; ba là sanh tâm nghi ngờ; bốn là tham tiếc thân mạng, tài vật; năm là đối với *Niết-bàn* sanh lòng khiếp sợ: ‘*Sao [Niết-bàn này] lại khiến cho chúng sanh diệt mất mãi mãi?*’; sáu là không có lòng kham nhẫn; bảy là tâm không điều phục, nhu nhuyễn; tám là trong lòng sầu não; chín là trong lòng không vui; mười là buông thả biếng nhác; mười một là tự khinh thân mình; mười hai là tự thấy phiền não không

thể dứt trừ; mười ba là không ưa thích các pháp tiến lên quả vị *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Đó là mười ba pháp khiến cho Bồ Tát thối chuyển đối với *Bồ-đề*.

“Lại có sáu pháp phá hoại tâm *Bồ-đề*. Là những pháp nào? Một là tham tiếc ôm giữ giáo pháp; hai là sanh tâm bất thiện đối với chúng sanh; ba là gần gũi bạn xấu; bốn là không chuyên cần tinh tấn; năm là tự cao, kiêu mạn; sáu là theo đuổi sự nghiệp thế tục. Sáu pháp ấy có thể phá hoại Tâm *Bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Như có người được nghe lời này: ‘Chư Phật Thế Tôn là bậc thầy của hai cõi trời người; là bậc cao quý nhất trong chúng sanh, không ai sánh bằng, vượt hơn hẳn các hàng Thanh văn, Phật *Bích-chi*. Ngài có mắt pháp sáng tỏ, nhìn thấu các pháp không ngăn ngại; có thể cứu độ chúng sanh qua khỏi biển khổ não.’

“Nghe rồi, người ấy liền phát đại thệ nguyện rằng: ‘Nếu thế gian này có người như vậy, tôi nguyện sẽ được như người ấy.’ Vì nhân duyên ấy liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Hoặc có người được người khác khuyên dạy liền phát tâm *Bồ-đề*. Lại nghe nói rằng: ‘Bồ Tát trải qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, sau đó mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*!’ Nghe vậy liền suy nghĩ rằng: ‘Nay ta không chịu nổi sự khổ hạnh như vậy, làm sao có thể đạt được [*A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*]? Vì vậy nên có người thối chuyển.

“Thiện nam tử! Lại có năm pháp làm cho tâm *Bồ-đề* thối chuyển. Đó là những pháp nào? Một là ưa thích việc xuất gia theo ngoại đạo; hai là không tu tập tâm đại từ; ba là thích tìm những lỗi lầm của người giảng pháp; bốn là thường ưa thích ở trong chốn sanh tử; năm là không vui thích trong việc thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*. Đó là năm pháp làm cho tâm *Bồ-đề* thối chuyển.

“Lại có hai pháp làm cho tâm *Bồ-đề* thối chuyển. Là hai pháp gì? Một là tham đắm năm dục, hai là không biết cung kính tôn trọng *Tam bảo*. Vì các nhân duyên ấy, tâm *Bồ-đề* phải thối chuyển.

“Sao gọi là *tâm không thối chuyển*? Như có người được nghe lời này: ‘Phật có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Ngài không theo thầy học hỏi mà tự tu tập và đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’ [Nghe như vậy rồi, người ấy liền phát nguyện rằng:] ‘Nếu đạo *Bồ-đề* là có thể đạt được thì tôi sẽ tu tập cho đến khi đạt được đạo ấy.’ Vì nhân duyên như vậy, người ấy phát tâm *Bồ-đề*, thành tựu bao nhiêu công đức, dù nhiều hay ít đều hồi hướng tất cả về quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Người ấy phát thệ nguyện rằng: ‘Nguyện cho tôi thường được gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thường được nghe giáo pháp sâu xa, được năm giác quan đầy đủ. Dù gặp khổ nạn cũng không bỏ mất tâm này!’

“Người ấy lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho chư Phật và đệ tử của Phật thường đối với tôi sanh lòng hoan hỷ. Nguyện cho tôi có đủ năm căn lành! Nếu các chúng sanh

nào đâm chém cắt xẻo thân tôi, chặt đứt tay chân, đầu, mắt... của tôi, đối với những người ấy tôi vẫn sẽ sanh tâm đại từ. Tôi cũng thật lòng hân hoan vui sướng vì những người ấy là nhân duyên giúp tôi tăng trưởng [tâm] *Bồ-đề*. Nếu không có họ, tôi sẽ do duyên gì để thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?

“Người ấy lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện cho tôi không phải sanh làm người khiếm khuyết *nam căn*, *ái nam ái nữ* hoặc làm thân nữ nhân! Nguyện cho tôi không chịu sự phụ thuộc vào người khác, không gặp chủ nhân xấu ác, không phụ thuộc vua chúa hung bạo, không sanh vào những cõi nước xấu ác! Nguyện cho tôi dù được thân tướng tốt đẹp, dòng họ chân chánh, giàu sang phú quý cũng không sanh tâm kiêu mạn. Nguyện cho tôi thường được nghe biết *Mười hai bộ kinh*, thọ trì đọc tụng, sao chép giảng giải. Nếu tôi vì chúng sanh mà giảng thuyết diễn giải [kinh điển ấy], nguyện cho người nghe pháp sẽ cung kính tin nhận không nghi ngờ và đối với tôi thường không sanh tâm xấu ác! Tôi thà nghe ít mà hiểu nghĩa nhiều, quyết không nghe nhiều mà không rõ nghĩa! Nguyện làm bậc thầy [điều phục] tâm chứ không để tâm làm thầy [sai sử] mình! Nguyện cho ba nghiệp *thân, khẩu, ý* của tôi không liên quan đến những sự xấu ác, có thể mang đến an vui cho tất cả chúng sanh. Nguyện cho *giới hạnh của thân và trí tuệ của tâm* tôi đều vững chãi như quả núi lớn, không thể lay chuyển.

“Vì muốn thọ trì Chánh pháp vô thượng nên tôi chẳng sanh lòng tham tiếc keo lặn đối với thân mạng, tài sản;

đối với những vật bất tịnh chẳng lấy đó làm phước nghiệp; tự sống theo Chánh mạng, tâm không gian tà, siểm khúc; đã chịu ơn ai thì thường luôn nhớ đến, dù chịu ơn nhỏ cũng cố sức báo đáp lớn lao.

“Nguyện cho tôi thông thạo mọi nghề nghiệp của thế gian, hiểu rõ mọi cách nói theo phương ngôn, tục ngữ của chúng sanh. Nguyện đọc tụng, sao chép *Mười hai bộ kinh* chẳng sanh lòng biếng nhác, trễ nãi. Nếu chúng sanh không ưa thích nghe giảng kinh thuyết pháp, tôi sẽ dùng phương tiện dẫn dụ, tiếp nhận, khiến cho họ ưa thích nghe.

“Nguyện tôi thường nói ra những lời mềm mỏng, nhu hòa; không nói những điều xấu ác. Nguyện khi tập thể bất hòa, tôi có thể làm cho trở nên hòa hợp. Nguyện khi có những kẻ lo rầu sợ sệt, tôi sẽ khiến cho họ lìa khỏi sự lo sợ ấy. Nguyện khi đói kém mất mùa, tôi sẽ khiến cho [mọi người] được no đủ, dư dả. Nguyện khi có tật bệnh trong đời, tôi sẽ làm vị Đại y vương tự có đủ thuốc men và tài vật cần dùng, nhờ đó mà giúp cho mọi kẻ tật bệnh đều được khỏe mạnh. Nguyện khi có tai kiếp đao binh, tôi sẽ là người có thể lực lớn, dứt trừ hết sạch mọi sự tàn hại của nạn binh lửa.

“Nguyện tôi có thể dứt trừ mọi nỗi khiếp sợ của chúng sanh như bị giết, bị giam cầm, bị đánh đập, gặp nạn lũ lụt, hỏa hoạn, bị vua chúa, giặc cướp [bức hại], bị nghèo cùng, hủy phạm cấm giới, chịu tiếng xấu, rơi vào đường dữ... Tất cả những nỗi sợ ấy, [tôi nguyện giúp cho chúng sanh] thấy đều trừ hết.

“Nguyện đối với cha mẹ, sư trưởng, tôi sẽ hết lòng cung kính sâu xa; đối với những kẻ oán ghét thì sanh tâm đại từ. Nguyện thường tu *sáu chánh niệm*,¹ pháp môn *Tam-muội Không*, *Mười hai nhân duyên*, các phép quán sanh, diệt, hơi thở ra vào, tu tập *Thiên hạnh*, *Phạm hạnh* và *Thánh hạnh*, *Tam-muội* Kim cang và phép định *Thủ lãng nghiêm*. Nếu ở nơi không có *Tam bảo*, nguyện cho tôi tự mình có được tâm tịch tĩnh!

“Cho dù gặp lúc thân tâm chịu đựng những nỗi khổ não to lớn, tôi nguyện cũng không để mất tâm cầu *Vô thượng Bồ-đề*, không cho rằng những tâm cầu Thanh văn, Phật *Bích-chi* đã là đầy đủ. Nguyện khi ở những nơi không có *Tam bảo*, tôi thường xuất gia theo pháp ngoại đạo, vì phá tà kiến của họ chứ không vì học theo đạo ấy. Nguyện tôi đạt được sự tự tại đối với các pháp, được tâm tự tại; đối với các pháp hữu vi đều thấy rõ mọi sự lỗi lầm tai hại.

“Nguyện cho tôi sợ sệt những quả vị của *Nhị thừa*² như kẻ tham tiếc thân mạng lo sợ phải chết! Nguyện vì chúng sanh mà vui thích ở trong *Ba nẻo dữ* chẳng khác nào chúng sanh ưa thích cõi trời *Đao-lợi*. Nguyện vì mỗi một chúng sanh mà trong vô lượng kiếp chịu khổ ở địa ngục, không sanh lòng hối tiếc. Nguyện khi thấy người khác

¹ Sáu chánh niệm, là sáu pháp nghĩ nhớ chân chánh, cũng gọi là sáu niệm xứ, gồm có: niệm Phật (thường nghĩ nhớ đến chư Phật), niệm Pháp (thường nghĩ nhớ đến Chánh pháp), niệm Tăng (thường nghĩ nhớ đến chư Tăng), niệm thí (thường nghĩ nhớ đến việc thực hành bố thí), niệm giới (thường nghĩ nhớ đến giới luật đã thọ nhận) và niệm thiên (thường nghĩ nhớ đến mọi điều lành, là nhân được sanh lên cõi trời).

² Sợ sệt quả vị của Nhị thừa: vì chỉ một lòng hướng đến Phật quả, không muốn bị đắm chấp, vướng mắc vào các quả vị của hàng Thanh văn, Duyên giác...

được lợi không sanh lòng ganh tỵ, thường vui sướng theo như chính mình được hưởng niềm vui ấy.

“Nguyện khi được gặp *Tam bảo*, tôi sẽ cúng dường mọi thứ y phục, thức ăn uống, giường nằm, chỗ ở, thuốc men, đèn đuốc, hương hoa, âm nhạc, phước lọng bảy báu. Nguyện khi được thọ nhận giới cấm của Phật, tôi sẽ kiên cố hộ trì, chẳng hề phát sanh tư tưởng hủy phạm. Nếu nghe rằng việc tu hành khổ hạnh của Bồ Tát là rất khó khăn, nguyện sanh tâm vui vẻ, không có sự hối tiếc ân hận. Nguyện tôi tự biết những việc đã qua trong các đời trước, không hề tạo tác những nghiệp tham lam, sân hận, si mê; không vì [mong cầu] quả báo mà tích lũy huân tập nhân duyên; đối với sự vui trong hiện tại [nguyện] không sanh tâm tham trước.’

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể phát nguyện như vậy, đó gọi là Bồ Tát, [vị ấy] sẽ không bao giờ thối chuyển tâm *Bồ-đề*. Đó cũng gọi là bậc thí chủ, có thể nhìn thấy Như Lai, rõ biết tánh Phật, có thể điều phục chúng sanh, độ thoát sanh tử; có thể khéo léo hộ trì Chánh pháp vô thượng, có thể đạt được đầy đủ sáu pháp *Ba-la-mật*.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên *tâm không thối chuyển* không gọi là tánh Phật.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI TÁM

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN
QUYỂN HAI MƯƠI CHÍN
PHẨM BỒ TÁT SỬ TỬ HỒNG

Phẩm thứ mười một – Phần ba

Thiện nam tử! Ông không thể vì việc có kẻ thói chuyển tâm *Bồ-đề* mà nói rằng chúng sanh không có tánh Phật.

“Ví như có hai người kia đều nghe rằng ở phương xa có một ngọn núi bằng bảy báu, trên núi có suối nước trong, mùi vị ngon ngọt. Nếu ai đến được ngọn núi ấy thì mãi mãi không còn nghèo túng; uống được nước [suối nơi ấy] thì tuổi thọ tăng đến muôn năm. Chỉ có điều là đường xa hiểm trở, rất nhiều sự nguy nan.

“Bấy giờ, hai người ấy đều muốn đi đến đó. Một người thì chuẩn bị đầy đủ mọi thứ hành trang, còn người kia thì chỉ đi hai tay không, chẳng mang theo gì cả.

“Hai người cùng lên đường, bỗng gặp một người [đi ngược chiều] mang rất nhiều trân bảo quý giá, đầy đủ bảy món báu. Hai người liền đến trước người ấy hỏi rằng: ‘Này ông, ở nơi ấy quả thật có núi thất bảo chăng?’

“Người đó đáp rằng: ‘Thật có không sai. Chính tôi đã lấy được của báu và uống nước suối ở đó. Chỉ có điều là đường sá nguy hiểm, rất nhiều giặc cướp, hầm hố, gai gộc, thiếu nước [uống] và cỏ [cho ngựa ăn]. Muôn ngàn người ra đi nhưng rất ít người đến được!’

“Nghe lời ấy rồi, một người liền sanh tâm hối tiếc nói rằng: ‘Đường sá xa xôi, gian nan chẳng ít; người đi vô số, kẻ đến chẳng bao nhiêu! Vậy ta làm sao có thể đến đó? Sản nghiệp của ta ngày nay, tuy không nhiều nhưng cũng đủ chi tiêu. Nếu dấn thân lên đường ấy, e là mất mạng! Thân mạng đã không giữ được, lấy gì trường thọ?’

“Còn người kia lại nói: ‘Có người đã đến được thì ta cũng [có thể] đến được. Nếu ta đạt kết quả, ắt sẽ được như ý nguyện: lấy được trân bảo, uống nước suối ngọt. Bằng như không đạt được cũng quyết dốc lòng đến chết mới thôi!’

“Bấy giờ, trong hai người ấy, một người hối tiếc mà quay trở về, còn người kia quyết lòng tiến tới. Người này đi đến núi ấy, lấy được nhiều trân bảo, uống được nước suối như ý nguyện, mang về què hương rất nhiều của cải, phụng dưỡng cha mẹ và giúp đỡ khắp họ hàng thân tộc.

“Khi ấy, người đã hối tiếc quay về thấy được việc ấy lại sanh ra hăng hái, nói rằng: ‘Người ấy đã đi tới đích rồi về, lẽ nào tôi chịu ở yên đây?’ Ông ta liền chuẩn bị mọi thứ, [lại] lên đường ra đi.

“Núi thất bảo đó là ví như Đại Niết-bàn; nước suối ngon ngọt đó là ví như tánh Phật. Hai người ra đi đó là ví như hai vị Bồ Tát mới phát tâm. Đường gian nan nguy hiểm đó là ví như vòng luân hồi sanh tử. Người mà cả hai gặp

khi mới lên đường là ví như đức Phật Thế Tôn. Những kẻ giặc cướp trên đường là ví như *bốn thứ ma*. Hàm hố, gai góc là ví như các phiền não. Không đủ nước [uống] và cỏ [cho ngựa ăn] là ví như việc không tu tập đạo *Bồ-đề*. Một người thối chí mà trở về là ví như Bồ Tát thối chuyển tâm *Bồ-đề*. Người [quyết tâm] đi thẳng tới đích là ví như vị Bồ Tát không thối chuyển.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh là thường trụ, không biến đổi. Như con đường nguy hiểm kia, không thể nói rằng vì có người hối tiếc quay lại mà làm cho đường ấy trở nên *vô thường*. Tánh Phật cũng thế.

“Thiện nam tử! Trong đạo *Bồ-đề* thật ra không có kẻ thối chuyển. Thiện nam tử! Như kẻ hối tiếc quay về kia nhìn thấy người bạn trước của mình trở về mang nhiều của báu, được thế lực tự tại, phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ thân quyến, hưởng nhiều an vui. Thấy như vậy rồi liền sanh ra hăng hái, chuẩn bị đầy đủ mọi thứ hành trang, lại theo đường cũ mà đi, chẳng tiếc thân mạng, chịu đựng mọi sự gian nguy hoạn nạn, cuối cùng cũng đến được ngọn núi bảy báu kia. Bồ Tát thối chuyển cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh chắc chắn rồi sẽ thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy nên trong kinh ta dạy rằng: “Tất cả chúng sanh, thậm chí là những kẻ phạm *năm tội nghịch, bốn trọng cấm và hạng nhất-xiển-đề*, thấy đều có tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát lại có [những vị] thối chuyển hoặc không thối chuyển?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát tu tập những nghiệp nhân duyên [dẫn đến có được] *Ba mươi hai tướng tốt* của Như Lai¹ thì được gọi là không thối chuyển, được gọi là Đại Bồ Tát, là bậc không động chuyển, là bậc thương xót tất cả chúng sanh, là vượt hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác; gọi là bậc [đạt đến địa vị] *Bất thối chuyển*.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* giữ giới không lay chuyển, tâm bố thí không thay đổi, trụ yên nơi lời nói chân thật, vững vàng như núi *Tu-di*; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lòng bàn chân bằng phẳng như đáy hộp.²

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* đối với cha mẹ, hòa thượng, sư trưởng... cho đến đối với loài súc vật, dùng của cải kiếm được một cách chân chính mà cúng dường, [bố thí], nuôi dưỡng, cung cấp; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn nan hoa.³

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* không giết hại, không trộm cướp, đối với cha mẹ, sư trưởng... thường sanh lòng hoan hỷ; nhờ nghiệp duyên ấy được ba tướng: Một là ngón tay thon dài,⁴ hai là gót chân thon dài,⁵ ba là thân hình nở nang, ngay thẳng.⁶ Ba tướng ấy cùng một nghiệp duyên.

¹ Ba mươi hai tướng tốt của Như Lai: chư Phật thị hiện hóa thân đều có đủ ba mươi hai tướng tốt mà chúng sanh không ai có được, trừ vị Chuyển luân Thánh vương. Phạn ngữ gọi chung 32 tướng tốt này là *dvātriṃśan mahā-puruṣa-lakṣaṇāni*. Các đoạn tiếp theo sẽ lần lượt nói đủ về 32 tướng và nhân duyên tu tập để đạt được các tướng này.

² Tướng này gọi là Túc hạ an bình lập tướng 足下安平立相, Sanskrit: *supraṭiṣṭhitapāda*.

³ Tướng này gọi là Túc hạ nhị luân tướng 足下二輪相, Sanskrit: *cakrāṅkita-hastapāda-tala*.

⁴ Tướng này gọi là Trường chỉ tướng 長指相, Sanskrit: *dīrghāṅguli*.

⁵ Tướng này gọi là Túc cân phu trường tướng 足跟跌長相, Sanskrit: *āyata-pādapārṣṇi*.

⁶ Tướng này gọi là Đại trực thân tướng 大直身相, Sanskrit: *rjugaṭratā*.

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu *Bốn pháp thâm nhiếp*,¹ nhiếp phục được chúng sanh; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng kẽ ngón tay, ngón chân đều có màng da mỏng, như chân ngỗng chúa trắng.²

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* vào khi cha mẹ, sư trưởng... lâm bệnh khổ, tự tay lau rửa, giặt giũ, nắm giữ, nâng đỡ, xoa bóp chăm sóc; nhờ nghiệp duyên ấy, được tướng tay chân mềm mại.³

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* giữ giới, nghe pháp, thường bố thí giúp người không chán nản; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng mu bàn chân đầy đặn cong lên,⁴ lông trên người mọc thẳng đứng.⁵

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* chuyên tâm nghe pháp, diễn thuyết chánh giáo; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng chân thon dài như chân nai chúa.⁶

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* đối với chúng sanh không sanh tâm gây hại, ăn uống biết đủ, thường ưa thích việc bố thí,

¹ Bốn pháp thâm nhiếp (Tứ nhiếp pháp): Bốn phương pháp thu phục, nhiếp phục lòng người, bao gồm: Bố thí nhiếp: bố thí tài vật, pháp ngữ... để nhiếp phục lòng người; Ái ngữ nhiếp: dùng lời dịu ngọt, nhu hòa để mến để nhiếp phục lòng người; Lợi hành nhiếp: dùng những sự việc mang lại lợi ích để nhiếp phục lòng người; Đồng sự nhiếp: dùng cách làm việc chung cùng, hòa đồng để nhiếp phục lòng người. Mục đích chung của bốn pháp thâm nhiếp này là để dẫn dắt chúng sanh đi theo mình trên con đường tu tập, hướng thượng.

² Tướng này gọi là Thủ túc chỉ man vông tướng 手足指縵網相, Sanskrit: *jālāvanaddha-hasta-pāda*.

³ Tướng này gọi là Thủ túc nhu nhuyễn tướng 手足柔軟相, Sanskrit: *mṛdu-taruṇa-hasta-pāda-tala*.

⁴ Tướng này gọi là Túc phu cao mãn tướng 足趺高滿相, Sanskrit: *ucchankha-pāda*.

⁵ Tướng này gọi là Mao thượng hướng tướng, 毛上向相, Sanskrit: *ūrdhvamga-roma*.

⁶ Tướng này gọi là Y-ni-diên-đoán tướng 伊泥延踰相, Sanskrit: *aiṇeya-jaṅgha*.

chăm sóc bệnh, cung cấp thuốc men...; nhờ nghiệp duyên ấy, thân thể được cao lớn như cây *ni-câu-đà*;¹ khi đứng thẳng tay buông xuống dài quá đầu gối;² trên đỉnh đầu có khối thịt mềm là tướng không ai nhìn thấy được.³

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* thấy kẻ sợ sệt liền cứu giúp, bảo vệ; thấy kẻ thiếu thốn liền giúp cho y phục; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng *nam căn* ẩn kín.⁴

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* gần gũi hàng trí giả, lìa xa kẻ ngu si, khéo ưa thích sự hỏi đáp, quét dọn đường xá; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng da mỏng và mịn,⁵ lông trên mình uốn về bên phải.

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* thường đem y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, hương hoa, đèn đuốc... mà bố thí cho người khác; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng thân màu vàng ròng⁶ và tướng thân thường tỏa hào quang.⁷

“Nếu Bồ Tát trong khi thực hành bố thí, sở hữu những vật quý báu đều thí xả không tiếc, không phân biệt [người nhận cúng dường, bố thí đó] là phước điền hay chẳng phải phước điền; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng bảy chỗ đầy

¹ Tướng này cũng gọi là Thân quảng trường đẳng tướng 身廣長等相, Sanskrit: *nyagrodha-parimaṇḍala*.

² Tướng này gọi là Chánh lập thủ ma tất tướng 正立手摩膝相, Sanskrit: *sthitānavanata-pralamba-bāhutā*.

³ Tức Vô kiến đỉnh tướng, cũng gọi là Đảnh kế tướng 頂髻相, Sanskrit: *uṣṇīṣa-śiraskatā*.

⁴ Tướng này gọi là Âm tàng tướng 陰藏相, Sanskrit: *kośopagata-vasti-guhya*.

⁵ Tướng này gọi là Tế bạc bì tướng 細薄皮相, Sanskrit: *sūkṣma-suvarṇa-cchavi*.

⁶ Tướng này gọi là Kim sắc tướng 金色相, Sanskrit: *suvarṇa-varṇa*.

⁷ Tướng này gọi là Đại quang tướng 大光相, cũng gọi là Thường quang nhất tâm tướng 常光一尋相 hay Viên quang nhất tâm tướng 圓光一尋相.

đặn; đó là hai lòng bàn chân, hai lòng bàn tay, hai vai và đầu.¹

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* trong khi bố thí lòng không nghi ngờ [về kết quả việc làm]; nhờ nghiệp duyên ấy, được giọng nói êm dịu, thanh tao.

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* làm ra tiền bạc của cải một cách chân chính, rồi dùng tiền bạc của cải ấy mà bố thí; nhờ nghiệp duyên ấy, được các tướng hai nách đầy đặn;² thân thể oai nghiêm như dáng sư tử;³ cùi chỏ tay tròn đầy và nhỏ.

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* lìa xa những lời nói đâm thọc, lời nói độc ác và lòng sân hận; nhờ nghiệp duyên ấy được các tướng hàm răng bốn mươi chiếc,⁴ răng trắng sạch,⁵ đều và khít.⁶

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu tập tâm đại từ đại bi đối với chúng sanh; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng có hai răng cửa [ở mỗi hàm].⁷

¹ Tướng này gọi là Thất xứ long mãn tướng 七處隆滿相, Sanskrit: *sapta-utsada*.

² Tướng này gọi là Lưỡng dịch hạ long mãn tướng 兩腋下隆滿相, Sanskrit: *citāntarāṃsa*.

³ Thượng thân như sư tử tướng 上身如獅子相, Sanskrit: *siṃha-pūrvārdha-kāya*.

⁴ Tướng này gọi là Tứ thập xỉ tướng 四十齒相, Sanskrit: *catvā-riṃśad-danta*.

⁵ Tướng này gọi là Nha bạch tướng 牙白相, Sanskrit: *suśukla-danta*.

⁶ Tướng này gọi là Xỉ tề tướng 齒齊相, Sanskrit: *sama-danta*.

⁷ Phật học Bách khoa toàn thư xếp tướng này chung với Nha bạch tướng và đưa ra tên gọi khác là Tứ nha bạch tịnh tướng (四牙白淨相) rồi giải thích như sau: 四牙, 謂四十齒外, 上下各有二牙 - Tứ nha, vị tứ thập xỉ ngoại, thượng hạ các hữu nhị nha. (Bốn chiếc răng, đó là nói ngoài bốn mươi chiếc ra, mỗi hàm trên dưới đều có [thêm] hai chiếc.) Phật Quang Đại từ điển cũng trình bày và giải thích tương tự. Tuy nhiên, kinh văn ở đây rõ ràng tách riêng 2 tướng này với nghiệp duyên khác nhau.

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* thường phát nguyện rằng: ‘Nếu có ai đến xin điều gì, ta đều tùy ý họ mà giúp cho’; nhờ nghiệp duyên ấy, được tướng hai gò má đầy đặn như sư tử chúa.¹

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* tùy theo chỗ cần món ăn thức uống của chúng sanh đều cung cấp đầy đủ; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng nước bọt thơm ngon, dù ăn bất cứ món gì cũng cảm thấy ngon như cao lương mỹ vị.²

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* tự tu hành *Mười điều thiện* và giáo hóa người khác cùng tu hành như vậy; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lưỡi rộng dài.³

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* không chê bai những chỗ khiếm khuyết của người khác, không phỉ báng Chánh pháp; nhờ nghiệp duyên ấy được giọng nói của Phạm thiên.⁴

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* thấy những kẻ oán ghét mình đều sanh tâm vui vẻ; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng tròn mắt màu xanh trong.⁵

“Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* không che giấu đức độ của người khác, lại ngợi khen điều thiện của họ; nhờ nghiệp duyên ấy được tướng lông trắng ở khoảng giữa hai chân mày.⁶

¹ Tướng này gọi là Sư tử giáp tướng 獅子頰相, cũng gọi là Giáp xa như sư tử tướng 頰車如師子相, Sanskrit: *siṃha-hanu*.

² Tướng này gọi là Vị trung đắc thượng vị tướng 味中得上味相, Sanskrit: *rasa-rasāgratā*.

³ Tướng này gọi là Đại thiệt tướng 大舌相, cũng gọi là Quảng trường thiệt tướng 廣長舌相, Sanskrit: *prabhūta-tanu-jihva*.

⁴ Giọng nói của Phạm thiên (Phạm âm thanh), cũng viết là Phạm âm, nên tướng này gọi là Phạm thanh tướng 梵聲相, Sanskrit: *brahma-svara*. Giọng nói này có năm đặc tính: 1. Nghe rền vang như tiếng sấm; 2. Tiếng trong trẻo nghe rất xa, và ai nghe cũng lấy làm vui vẻ, sung sướng; 3. Ai nghe cũng sanh lòng kính mến; 4. Tiếng giảng giải đạo lý rất giản dị, dễ hiểu; 5. Người nghe không thấy chán.

⁵ Tướng này gọi là Chân thanh nhãn tướng 真青眼相, Sanskrit: *abhinīla-netra*.

⁶ Tướng này gọi là Bạch mao tướng 白毛相, Sanskrit: *ūrṇā-keśa*.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát *Ma-ha-tát* tu tập nghiệp nhân duyên *Ba mươi hai tướng* ấy,¹ ắt được tâm *Bồ-đề* không thối chuyển.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh không thể nghĩ bàn; cảnh giới của chư Phật, nghiệp quả và tánh Phật cũng là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì bốn pháp ấy đều là *thường*; vì là *thường* nên không thể nghĩ bàn.

“Tất cả chúng sanh vì [thường bị] phiền não che ngăn nên gọi là *thường*. Vì dứt trừ những phiền não thường có đó nên gọi là *vô thường*. Nếu nói tất cả chúng sanh là *thường*, vì sao phải tu tập *Tám Thánh đạo*? Vì để dứt trừ mọi sự khổ não. Nếu mọi khổ não đều đã dứt, ắt gọi là *vô thường*; niềm vui được hưởng [lúc ấy] ắt phải gọi là *thường*. Vì thế ta nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh vì phiền não che ngăn nên không thấy tánh Phật. Vì không thấy tánh Phật nên không đạt được *Niết-bàn*.’”²

¹ Theo sự giảng giải 32 tướng ở đây so với được ghi trong Phật Quang đại từ điển thì có hai khác biệt nhỏ. Có 2 tướng không thấy nói đến trong Phật Quang là “giọng nói êm dịu thanh tao” và “lông trên mình hướng về bên phải”. Về tướng thứ nhất, có lẽ trùng lặp với tướng “Phạm âm thanh”, vì trong các tính chất của Phạm âm đã có tính chất này. Về tướng thứ hai “lông trên mình hướng về bên phải” không hợp với tướng “lông trên người mọc thẳng đứng”. Thay vào hai tướng này, trong Phật Quang có ghi thêm hai tướng mà ở đây không thấy nói: một là tướng lông thân đầy đủ, mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông. Tướng này gọi là Nhất nhất khổng nhất mao sanh tướng 一一孔一毛生相, Sanskrit: *ekaika-roma-pradaksināvarta*; và hai là con mắt to tròn giống mắt trâu chúa. Tướng này gọi là Ngưu nhãn tiệp tướng, 牛眼睫相, Sanskrit: *go-pakṣmā*. Phần liệt kê này của Phật Quang được căn cứ vào Tam thập thị tướng kinh trong Trung A-hàm (quyển 11), Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa kinh (quyển 381), Bồ Tát thiện giới kinh (quyển 9), Quá khứ hiện tại nhân quả kinh (quyển 1) và Du-già-sư-địa luận (quyển 49). Xin nêu ra đây để đọc giả tiện tham khảo.

² Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 26, bắt đầu quyển 27, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phần thứ ba (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi tam).

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy: ‘Tất cả các pháp có hai loại nhân, *nhân chính* và *nhân tùy thuộc*.’ Vì có hai loại nhân ấy, lẽ ra không có sự trói buộc và giải thoát. Như *năm ấm* [hợp thành thân] này, trong mỗi một niệm¹ đều [liên tục] sanh ra, diệt đi. Nếu *năm ấm* sanh và diệt [liên tục] như thế thì ai là người chịu trói buộc hay được giải thoát?”

“Bạch Thế Tôn! Do *năm ấm* này mà sanh ra *năm ấm* tiếp theo sau. Nhưng *năm ấm* này tự chúng diệt mất, không chuyển thành *năm ấm* sau đó. Tuy không chuyển thành, nhưng [năm ấm trước] có thể sanh ra *năm ấm* sau. Cũng như nhân hạt giống sanh ra mầm cây. Hạt giống không chuyển thành mầm cây; tuy không chuyển thành nhưng có thể sanh ra mầm cây. Chúng sanh cũng vậy, làm sao [có sự] trói buộc, làm sao [có sự] giải thoát?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng giải.

“Thiện nam tử! Khi người ta sắp lìa bỏ mạng sống phải chịu sự khổ não rất lớn, họ hàng thân thích vây quanh khóc kể thảm thiết. Người ấy hoảng sợ, không còn biết nương dựa, cầu cứu nơi đâu. Tuy có năm giác quan nhưng lúc đó không còn nhận biết gì cả. Toàn thân đều run rẩy, không thể tự kiềm chế; thân thể lạnh dần, hơi ấm sắp dứt, liền nhìn thấy hiện tượng báo ứng của những việc lành, việc dữ đã làm.

¹ Niệm: chỉ một khoảng thời gian rất ngắn, tương tự như nhiều nơi khác trong kinh dùng sát-na. Cách dùng chữ niệm để chỉ thời gian xuất phát từ khái niệm về “niệm tưởng” trong Phật giáo, vì Phật giáo cho rằng dòng tư tưởng của chúng ta thật ra là do vô số những “niệm tưởng” nối tiếp nhau tạo thành, mỗi một niệm tưởng chỉ tồn tại trong thời gian cực kỳ ngắn ngủi.

“Thiện nam tử! Như khi mặt trời sắp lặn thì núi đồi đổ bóng về phương đông, không có lý nào lại đổ về phương tây! Nghiệp quả của chúng sanh cũng vậy. Khi [năm] ám này diệt mất, [năm] ám kia [tự nhiên] nối tiếp sanh ra; như khi thấp đèn lên thì bóng tối mất, đèn tắt rồi thì bóng tối hiện ra.

“Thiện nam tử! Ví như dùng dấu sáp ấn vào khối đất sét ướt [để nung thành đồ vật]. Dấu sáp với đất sét hợp lại cùng nhau. [Khi nung xong thì] dấu sáp mất đi, hoa văn [trên vật nung] hiện ra. Nhưng dấu sáp ấy không biến mất vào đất sét, còn hoa văn kia không phải từ đất sét ra, cũng không phải từ nơi khác đến. Do nhân duyên là dấu sáp nên tạo thành hoa văn ấy.

“[Năm] ám hiện tại diệt mất thì [năm] ám của thân trung ấm¹ sanh ra. [Năm] ám hiện tại không biến thành năm ám của thân trung ấm; năm ám của thân trung ấm cũng không phải tự sanh ra, cũng không phải từ nơi khác đến. Do nhân là năm ám hiện tại nên sanh ra năm ám của thân trung ấm; cũng như dấu sáp kia in vào đất sét, dấu sáp mất đi rồi thành ra những hoa văn. Tên gọi [của năm ám trước sau] tuy không khác nhưng thời điểm và điều kiện đã khác hẳn. Cho nên ta nói: ‘Năm ám của thân trung ấm mắt thường không thấy được, chỉ thiên nhãn mới [có thể] thấy.’

“[Chúng sanh mang thân] trung ấm có ba cách ăn: một là ăn bằng sự suy tưởng, hai là ăn bằng sự xúc chạm, ba là ăn bằng ý niệm.

¹ Thân trung ấm: Thần thức chúng sinh sau khi chết đi vào giai đoạn trung gian chuyển tiếp trước khi thọ sinh vào một đời sống mới. Trong giai đoạn này, chúng sinh mang thân trung ấm. Điều này được nhắc đến trong rất nhiều kinh luận, cũng như việc tùy nghiệp tái sinh được giảng rất rõ trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 8.

“Có hai loại thân *trung ấm*, một là do quả báo của nghiệp tốt lành, hai là do quả báo của nghiệp xấu ác. Nhân nơi nghiệp lành mà được các giác quan tốt đẹp, nhân nơi nghiệp xấu ác mà có các giác quan xấu ác.

“Vào lúc cha mẹ cùng nhau giao hợp, tùy theo nghiệp nhân duyên [mà thân *trung ấm*] hướng đến chỗ thọ sanh. [Thân *trung ấm* ấy] đối với mẹ sanh tâm *ái luyến*, đối với cha sanh tâm *sân hận*, vào lúc người cha xuất tinh liền cho [tinh trùng] đó là [thân mình] hiện hữu, nên nhìn thấy rồi sanh lòng vui thích. Do ba loại nhân duyên phiền não [là *ái luyến*, *sân hận* và *vui thích*] nên thân *trung ấm* liền diệt mất, [ngay khi đó] sanh ra *năm ấm* tiếp theo sau; cũng như dầu sáp in vào đất sét, dầu sáp mất rồi thì hoa văn hình thành.

“Khi [chúng sanh được] sanh ra, các căn có thể đầy đủ hoặc khiếm khuyết. Người có đủ các căn, khi thấy hình sắc thì khởi lòng tham muốn. Vì khởi lòng tham muốn nên có *ái luyến*. Vì [bị hình sắc] mê hoặc nên sanh tham muốn, đó gọi là *vô minh*. Do hai nhân duyên là *tham ái* và *vô minh* nên mọi cảnh giới [chúng sanh] nhìn thấy đều là điên đảo, như *vô thường* thấy là *thường*, *vô ngã* thấy là *ngã*, không vui thấy là vui, không trong sạch thấy là trong sạch. Vì bốn sự điên đảo ấy mà làm ra những việc lành, dữ. [Từ đó] phiền não tạo ra nghiệp, nghiệp tạo ra phiền não. Đó gọi là *trói buộc*. Vì *ngã* ấy nên gọi là *năm ấm* sanh ra.

“Nếu người được gần gũi Phật và đệ tử Phật, các bậc thiện tri thức, ắt sẽ được nghe và thọ nhận *Mười hai bộ kinh*. Nhờ nghe Chánh pháp, quán chiếu cảnh giới lành,

được *đại trí tuệ*. Đại trí tuệ đó gọi là tri kiến chân chánh. Nhờ được tri kiến chân chánh nên đối với chốn sanh tử sanh tâm hối tiếc. Nhờ sanh tâm hối tiếc nên không thấy vui thích. Vì không thấy vui thích nên có thể trừ được tâm tham dục. Nhờ trừ được tâm tham dục nên tu tập *Tám Thánh đạo*. Nhờ tu tập *Tám Thánh đạo* nên đạt đến chỗ không còn sanh tử. Nhờ không có sanh tử nên gọi là được giải thoát, như lửa không gặp củi gọi là diệt mất. Vì diệt mất sanh tử nên gọi là *diệt độ*. Vì *ngĩa ấy nên gọi là năm ấm diệt mất.*”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như trong không trung không có gai, làm sao gọi là nhỏ [gai] ra? [*Năm*] *ấm* không ràng buộc, vì sao [nói là] trói buộc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Do gông cùm là phiền não nên trói buộc *năm ấm*. Lìa *năm ấm* ra không thể riêng có phiền não; lìa phiền não ra cũng không riêng có *năm ấm*.

“Thiện nam tử! Như những cây cột chống đỡ cái nhà; lìa nhà ra thì không có cột, lìa cột ra thì không có nhà. *Năm ấm* của chúng sanh cũng vậy. Vì có phiền não nên gọi là trói buộc, vì không phiền não nên gọi là giải thoát.

“Thiện nam tử! Như bàn tay và cái nắm tay, sự nắm lại, ba pháp ấy [tự chúng] hợp tan, sanh diệt chứ ngoài ra không có pháp nào khác nữa. *Năm ấm* của chúng sanh cũng vậy. Vì có phiền não nên gọi là trói buộc, vì không phiền não nên gọi là giải thoát.¹

¹ Câu này lấy ý theo sát ví dụ vừa nêu trên: cũng như bàn tay (chưởng) nắm lại thì nắm tay (quyển) sanh ra, bàn tay buông ra thì cái nắm tay mất đi, nhưng thật là tự chúng hợp, tan, sanh, diệt chứ không có pháp nào khác bên ngoài thêm vào. Năm ấm của chúng sanh với sự trói buộc và giải thoát cũng vậy, chỉ là do có

“Thiện nam tử! Như nói *danh sắc*¹ trói buộc chúng sanh. Nếu *danh sắc* diệt mất thì không có chúng sanh, là *danh sắc* ra không riêng có chúng sanh, là chúng sanh ra không riêng có *danh sắc*. Nên nói rằng *danh sắc* trói buộc chúng sanh, mà cũng [có thể] nói là chúng sanh trói buộc *danh sắc*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như con mắt vốn không tự thấy, ngón tay không tự xúc chạm, con dao không tự cắt, sự thọ nhận không tự thọ nhận, sao Như Lai nói rằng *danh sắc* trói buộc *danh sắc*?”

“Vì sao vậy? Vì nói *danh sắc* đó tức là chúng sanh, nói chúng sanh tức là *danh sắc*. Nếu nói *danh sắc* trói buộc chúng sanh cũng tức là *danh sắc* trói buộc *danh sắc*!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như khi hai bàn tay chấp lại, không có pháp nào khác đến chấp cả. *Danh* với *sắc* cũng vậy. Vì nghĩa ấy, ta nói rằng *danh sắc* trói buộc chúng sanh. Nếu là *danh sắc* ắt được giải thoát. Cho nên ta nói chúng sanh được giải thoát.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu có *danh sắc* tức là trói buộc, thì các vị *A-la-hán* chưa là khỏi *danh sắc*, lẽ ra cũng là bị trói buộc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có hai loại giải thoát, một là *dứt nhân*, hai là *dứt quả*. Nói *dứt nhân* là dứt trừ phiền

hay không có phiền não mà thôi, chẳng có pháp nào khác thêm vào. Khi còn có phiền não thì gọi là trói buộc; khi dứt trừ phiền não thì gọi là giải thoát.

¹ *Danh sắc*: tên gọi khác của năm ấm (hay năm uẩn). Trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành và thức) thì sắc được tách riêng vì có thể nhận biết bằng các giác quan; còn thọ, tưởng, hành và thức được gọi chung là “*danh*” vì chúng là những pháp trừu tượng, không có hình sắc, không thể nhận biết bằng các giác quan mà chỉ có thể đề cập đến bằng tên gọi (*danh*).

não. Các vị *A-la-hán* đã dứt trừ phiền não, các mối phiền não đều đã hoại diệt. Cho nên các nhân phiền não không thể trói buộc. Nhưng vì chưa *dứt quả* nên gọi là trói buộc nơi quả. Các vị *A-la-hán* không thấy *tánh Phật*. Vì không thấy tánh Phật nên không thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì nghĩa ấy có thể nói là còn trói buộc nơi quả, nhưng không thể nói là trói buộc nơi *đanh sắc*.

“Thiện nam tử! Ví như việc thắp đèn, khi dầu chưa hết thì ánh sáng chưa mất. Nếu dầu đã cạn thì chắc chắn ánh sáng phải diệt mất. Thiện nam tử! *Dầu* là ví như các phiền não, *đèn* là ví như chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh còn có *dầu phiền não* nên không thể nhập *Niết-bàn*, nếu dứt hết phiền não ắt sẽ nhập *Niết-bàn*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Đèn và dầu là hai thứ có tánh chất khác nhau; chúng sanh và phiền não thì khác, vì chúng sanh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sanh; chúng sanh gọi là *năm ấm*, *năm ấm* gọi là chúng sanh; *năm ấm* gọi là phiền não, phiền não gọi là *năm ấm*. Vì sao Như Lai lại ví với [việc thắp] đèn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có tám cách ví dụ. Một là xuôi theo trình tự diễn tiến mà ví dụ, [gọi là *thuận dụ*], hai là ngược với trình tự diễn tiến mà ví dụ, [gọi là *ngịch dụ*], ba là nêu sự việc trước mắt mà ví dụ, [gọi là *hiện dụ*], bốn là dùng sự việc không có [nhưng hợp nghĩa] mà ví dụ, [gọi là *phi dụ*], năm là nêu ví dụ trước rồi đặt vấn đề sau, [gọi là *tiên dụ*], sáu là đặt vấn đề trước rồi nêu ví dụ sau, [gọi là *hậu dụ*], bảy là nêu ví dụ cả trước và sau để làm rõ vấn đề, [gọi là *tiên hậu dụ*], và tám là dùng sự biến đổi [tương tự của sự việc] để làm ví dụ, [gọi là *biến dụ*].

“Thế nào là *xuôi theo trình tự diễn tiến mà ví dụ?* Như trong kinh dạy rằng: “Trời đổ mưa lớn, nương rãnh đều đầy; vì nương rãnh đầy nên các vũng nhỏ đầy; vì các vũng nhỏ đầy nên vũng lớn đầy; vì vũng lớn đầy nên suối nhỏ đầy; vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy; vì suối lớn đầy nên hồ nhỏ đầy; vì hồ nhỏ đầy nên hồ lớn đầy; vì hồ lớn đầy nên sông con đầy; vì sông con đầy nên sông cái đầy; vì sông cái đầy nên biển cả đầy.

“Như Lai đổ cơn mưa pháp cũng giống như vậy, làm cho giới hạnh của chúng sanh được trọn vẹn đầy đủ; vì giới hạnh trọn vẹn đầy đủ nên tâm không hối tiếc được trọn vẹn đầy đủ; vì tâm không hối tiếc được trọn vẹn đầy đủ nên sự hoan hỷ được trọn vẹn đầy đủ. Vì sự hoan hỷ được trọn vẹn đầy đủ nên hạnh xa lìa [thế tục] được trọn vẹn đầy đủ. Vì hạnh xa lìa [thế tục] được trọn vẹn đầy đủ nên sự an ổn được trọn vẹn đầy đủ. Vì sự an ổn được trọn vẹn đầy đủ nên chánh định được trọn vẹn đầy đủ. Vì chánh định được trọn vẹn đầy đủ nên tri kiến chân chánh được trọn vẹn đầy đủ. Vì tri kiến chân chánh được trọn vẹn đầy đủ nên hạnh chán lìa [sanh tử] được trọn vẹn đầy đủ. Vì hạnh chán lìa được trọn vẹn đầy đủ nên sự chê trách [sanh tử] được trọn vẹn đầy đủ. Vì sự chê trách [sanh tử] được trọn vẹn đầy đủ nên giải thoát được trọn vẹn đầy đủ. Vì giải thoát được trọn vẹn đầy đủ nên *Niết-bàn* được trọn vẹn đầy đủ.

“Đó gọi là *xuôi theo trình tự diễn tiến mà ví dụ.*

“Thế nào là *ngược với trình tự diễn tiến mà ví dụ?* [Như nói rằng] biển cả có nguồn gốc là sông cái; sông cái có nguồn gốc là sông con; sông con có nguồn gốc là hồ lớn; hồ

lớn có nguồn gốc là hồ nhỏ; hồ nhỏ có nguồn gốc là suối lớn; suối lớn có nguồn gốc là suối nhỏ; suối nhỏ có nguồn gốc là vũng lớn; vũng lớn có nguồn gốc là vũng nhỏ; vũng nhỏ có nguồn gốc là mương rãnh; mương rãnh có nguồn gốc là cơn mưa lớn.

“*Niết-bàn* [cũng vậy,] có nguồn gốc là giải thoát; giải thoát có nguồn gốc là chê trách [sanh tử]; chê trách [sanh tử] có nguồn gốc là chán lìa [sanh tử]; chán lìa [sanh tử] có nguồn gốc là tri kiến chân chánh; tri kiến chân chánh có nguồn gốc là chánh định; chánh định có nguồn gốc là an ổn; an ổn có nguồn gốc là hạnh xa lìa [thế tục]; hạnh xa lìa [thế tục] có nguồn gốc là hoan hỷ; hoan hỷ có nguồn gốc là tâm không hối tiếc; tâm không hối tiếc có nguồn gốc là giữ theo giới luật; giữ theo giới luật có nguồn gốc là cơn mưa Chánh pháp.

“Đó gọi là *ngược với trình tự diễn tiến mà ví dụ*.

“Thế nào là *nêu sự việc trước mắt mà ví dụ*? Như trong kinh dạy rằng: “Tâm tánh chúng sanh ví như loài khỉ. Tánh của loài khỉ là buông cái này chộp lấy cái kia. Tâm tánh chúng sanh cũng vậy, luôn vướng mắc vào hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp, không lúc nào tạm dừng.

“Đó gọi là *nêu sự việc trước mắt mà ví dụ*.

“Thế nào là *dùng sự việc không có [nhưng hợp nghĩa]* mà ví dụ? Như xưa có lần ta bảo vua *Ba-tu-nặc* rằng: ‘Đại vương! Như có những kẻ thân tín từ bốn phương đến đây, thả đều trâu rằng: Đại vương! Có bốn quả núi lớn từ bốn phương đang tiến dần lại đây, sắp hại nhân dân. Vua

nghe vậy rồi nên lập kế sách gì?’ Vua đáp: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu có những quả núi tiến dần lại đây như thế thì không có chỗ nào trốn tránh được, chỉ nên hết lòng *trì giới* và *thực hành bố thí* mà thôi.’ Ta liền ngợi khen rằng: ‘Lành thay, đại vương! Ta nói bốn hòn núi ấy tức là *sanh, già, bệnh, chết* của chúng sanh. *Sanh, già, bệnh, chết* thường đến bức người, vì sao đại vương chẳng lo tu tập *trì giới, bố thí*?’ Vua hỏi: ‘Bạch Thế Tôn! *Trì giới, bố thí* được những kết quả gì?’ Ta đáp: ‘Đại vương! [Tu tập như vậy] sẽ được hưởng nhiều khoái lạc ở cõi người, cõi trời.’ Vua hỏi: ‘Bạch Thế Tôn! Như cây *ni-câu-đà* [nếu] *trì giới, bố thí* thì có được hưởng sự an ổn ở cõi người, cõi trời chăng?’ Ta đáp: ‘Đại vương! Cây *ni-câu-đà* không thể *trì giới, bố thí*. Nhưng nếu cây ấy có thể *trì giới, bố thí*, ắt cũng sẽ được thọ hưởng [như vậy] không khác gì.

“Đó gọi là dùng *sự việc không có [nhưng hợp nghĩa]* mà ví dụ.

“Thế nào là *nêu ví dụ trước rồi đặt vấn đề sau*? Như trong kinh ta có dạy rằng: ‘Ví như có người tham đóa hoa đẹp, khi đưa tay hái lấy liền bị nước cuốn trôi. Chúng sanh cũng vậy, tham muốn ưa thích *năm món dục* nên bị dòng nước sanh tử cuốn trôi nhận chìm. Đó gọi là *nêu ví dụ trước rồi đặt vấn đề sau*.

“Thế nào là *đặt vấn đề trước rồi nêu ví dụ sau*? Như trong kinh *Pháp cú* có kệ rằng:

*Chớ khinh tội nhỏ,
Cho rằng không hại;
Giọt nước tuy nhỏ,
Dần đầy hồ to!*

“Đó gọi là *đặt vấn đề trước rồi nêu ví dụ sau*.

“Thế nào là *nêu ví dụ cả trước và sau để làm rõ vấn đề*? Ví như cây chuối sau khi cho trái rồi ắt phải chết. Kẻ ngu được lợi dưỡng cũng giống như vậy. Lại như con la¹ mang thai thì mạng sống chẳng còn bao lâu! [Đó gọi là *nêu ví dụ cả trước và sau để làm rõ vấn đề*.]

“Thế nào là *dùng sự biến đổi tương tự của sự việc để làm ví dụ*? Như trong kinh có nói: ‘Cõi trời *Ba mươi ba* có cây *ba-ly-chất-đa*, rễ cây ăn xuống đất sâu đến năm *do-diên*,² bề cao một trăm *do-diên*; cành lá tỏa ra bốn phía che phủ năm mươi *do-diên*; lá già úa chuyển sang màu vàng, chư thiên nhìn thấy liền sanh tâm vui vẻ. Không bao lâu thì lá rụng, chư thiên nhìn lá rụng lại sanh tâm vui vẻ. Rồi không bao lâu cành cây cũng đổi màu. Khi cành cây đổi màu, chư thiên [nhìn thấy cũng] lại sanh tâm vui vẻ. Rồi không bao lâu màu sắc này cũng mất, cành sanh nụ hoa. Nhìn thấy nụ hoa, chư thiên lại sanh tâm vui vẻ. Chẳng bao lâu, nụ hoa sanh ra búp hoa. Nhìn thấy búp hoa, chư thiên lại sanh ra vui vẻ. Rồi không bao lâu, búp nở ra hoa. Khi hoa nở hương thơm bay xa đến năm mươi *do-diên*, ánh sáng chiếu xa tới tám mươi *do-diên*. Bấy giờ, trong ba tháng mùa hạ chư thiên ở dưới cây ấy mà thọ hưởng mọi sự khoái lạc.

“Thiện nam tử! Các đệ tử của ta cũng giống như vậy. Lá màu vàng là ví như những đệ tử có ý muốn xuất gia.

¹ Loài ngựa và lừa giao hợp với nhau sanh ra giống vật lai là con loa (驃), ta quen gọi là con la.

² Do-diên hay du-thiện-na, thường gọi là do-tuần (yojana), tương đương khoảng 9.216 mét. Tuy nhiên, trong kinh điển thường dùng đơn vị này với ý nghĩa tượng trưng hơn là đo lường.

Lá rụng là ví như những đệp tử cạo bỏ râu tóc. Cành cây đổi màu là ví như các đệp tử bạch *Tứ yết-ma*, thọ giới *cụ túc*. Thoạt tiên sanh ra nụ hoa là ví như các đệp tử phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Búp hoa là ví như các vị Bồ Tát hàng *Thập trụ* được thấy *tánh Phật*. Hoa nở là ví như các vị Bồ Tát đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hương thơm là ví như vô lượng chúng sanh mười phương thọ trì giới cấm. Ánh sáng là ví như danh hiệu Như Lai rộng truyền khắp mười phương không gì ngăn ngại. Ba tháng mùa hạ là ví như ba pháp *Tam-muội*.¹ Chư thiên ở cảnh trời *Ba mươi ba* thọ hưởng khoái lạc là ví như chư Phật nơi cảnh giới *Đại Niết-bàn* được các đức *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Đó gọi là dùng sự biến đổi [tương tự của sự việc] để làm ví dụ.

“Thiện nam tử! Khi dẫn ra các ví dụ, không nhất thiết phải dùng trọn hết ý nghĩa. Có khi chỉ dùng một phần nhỏ, hoặc có khi dùng một phần lớn, cũng có khi dùng trọn. Như nói khuôn mặt Như Lai ví như vàng trắng tròn, đó là chỉ dùng một phần nhỏ [ý nghĩa của ví dụ].

“Thiện nam tử! Ví như có người chưa từng thấy sữa, hỏi người khác rằng: ‘Sữa là món gì vậy?’ Người kia đáp rằng: ‘Sữa giống như nước, như đường, như vỏ sò.’ Dùng nước là [để nêu nghĩa] chất lỏng, dùng đường là [để nêu nghĩa] vị ngọt, dùng vỏ sò là [để nêu nghĩa có] màu [trắng đục]. Tuy dẫn ra ba ví dụ, nhưng vẫn chưa phải thật là sữa.

¹ Tức ba pháp Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội và Vô tác (cũng gọi là Vô nguyện) Tam muội.

“Thiện nam tử! Ta dùng đèn làm ví dụ để so với chúng sanh, cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Cũng như lia khỏi nước thì không có con sông; lia khỏi *năm ấm* thì không thể riêng có chúng sanh.

“Thiện nam tử! Cũng như lia khỏi thùng xe, trục, bánh, nan hoa, vành... thì không riêng có cái xe. Chúng sanh [và *năm ấm*] cũng giống như thế.

“Thiện nam tử! Nếu muốn nhận hiểu được ví dụ cây đèn, hãy lắng nghe, lắng nghe thật kỹ. Ta sẽ giảng giải.

“Tim đèn là ví như *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*; dầu để thắp đèn là ví như ái dục; ánh sáng là ví như trí tuệ; phá tan sự tăm tối là ví như phá trừ vô minh; hơi nóng là ví như các Thánh đạo.

“Như dầu hết thì đèn tắt; ái dục của chúng sanh vừa dứt liền thấy được *tánh Phật*. [Khi ấy,] tuy có danh sắc cũng không thể trôi buộc được, tuy ở trong *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* nhưng không bị những cảnh giới ấy làm cho ô nhiễm.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! *Năm ấm* của chúng sanh vốn là không, không thuộc về ai cả, vậy ai là người nhận sự giáo hóa, tu tập Chánh đạo?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có tâm nhớ nghĩ, tâm trí tuệ, tâm phát khởi, tâm chuyên cần tinh tấn, tâm tin nhận, tâm an định. Các pháp như vậy tuy nối nhau diệt mất trong từng niệm tưởng, nhưng vì có sự tương tự, tiếp nối nhau không dứt cho nên gọi là [có người] tu tập Chánh đạo.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Các pháp ấy đều diệt mất trong mỗi một niệm. Sự diệt mất trong mỗi một niệm ấy cũng tương tự, tiếp nối nhau không dứt, vậy làm sao tu tập?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ngọn đèn kia tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng vẫn có ánh sáng phá tan sự tăm tối. Tất cả các pháp như tâm nhớ nghĩ.v.v... cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Như món ăn của chúng sanh, tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng cũng giúp cho kẻ đói được no lòng. Ví như phương thuốc hay, tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng cũng có thể làm cho khỏi bệnh. Ánh sáng mặt trời mặt trăng, tuy [có sự liên tục] diệt mất trong mỗi một niệm, nhưng cũng có thể làm tăng trưởng cỏ cây rừng rậm.¹

“Thiện nam tử! Ông có hỏi rằng: ‘Nói nhau diệt mất trong từng niệm, làm sao [tu tập] tăng trưởng?’ [Đó là] vì tâm thức không dứt đoạn nên gọi là tăng trưởng.

“Thiện nam tử! Như người tụng đọc kinh sách, từng chữ từng câu không thể cùng lúc; câu trước chẳng đến câu giữa, câu giữa chẳng đến câu sau; người với câu chữ cũng như tâm tưởng đều nói nhau diệt mất trong từng niệm tưởng. Nhưng tu tập lâu ngày thì vẫn được thông thuộc.

“Thiện nam tử! Ví như người thợ kim hoàn, từ nhỏ tập làm nghề cho đến lúc tuổi già; tuy mỗi một niệm đều nói

¹ Khi nói “ánh sáng mặt trời... .. làm tăng trưởng cỏ cây...” đức Phật cho thấy ngài đã thấy biết được về sự quang hợp giúp nuôi lớn tất cả các loài thực vật. Đây là một kiến thức khoa học mà phải rất nhiều thế kỷ sau sự nhập diệt của ngài con người mới thực sự biết được.

nhau diệt mất, niệm trước chẳng đến niệm sau, nhưng do sự tích chứa quen thuộc [lâu ngày] nên tay nghề thật khéo léo, hoàn hảo. Do đó mới được khen là thợ kim hoàn giỏi. Người đọc tụng kinh sách cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như hạt giống kia, đất không dạy rằng: ‘*Mày phải sanh mầm*’, nhưng do tánh [tự nhiên] của pháp [là như vậy] nên mầm tự nhiên sanh. Đến như hoa kia cũng không dạy rằng: ‘*Mày phải kết quả*.’ Nhưng do tánh [tự nhiên] của pháp [là như vậy] nên quả tự nhiên sanh. Chúng sanh tu tập đạo pháp cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như phép đếm số, một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, tuy mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất nhưng vẫn [đếm được] đến số ngàn, số vạn... Chúng sanh tu tập đạo pháp cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như ngọn đèn, trong mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất. Ngọn lửa trước, khi diệt mất không bảo ngọn lửa sau rằng: ‘*Khi ta diệt thì mày phải sanh ra để xua tan bóng tối*.’ [Nhưng do tánh tự nhiên của pháp là như vậy nên ánh sáng vẫn tự nhiên nối tiếp nhau mà xua tan được bóng tối.]

“Thiện nam tử! Ví như con nghé vừa sanh ra liền tìm vú sữa mà bú. Cái trí khôn biết tìm vú sữa đó thật không do ai dạy bảo. Tuy mỗi một niệm đều nối nhau diệt mất, nhưng [thật có] trước đối, sau no. Cho nên phải biết rằng, [việc trước việc sau] chẳng phải tương tự; nếu là tương tự thì lẽ ra chẳng sanh khác biệt. Chúng sanh tu tập đạo pháp cũng giống như vậy; ban đầu chưa có sự tăng trưởng, nhưng nhờ tu lâu mà có thể phá trừ tất cả phiền não!”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy: ‘Người đã chứng quả *Tu-đà-hoàn* rồi, tuy sanh vào cõi nước xấu ác cũng vẫn giữ giới, không phạm vào những việc giết hại, trộm cắp, dâm loạn, nói đâm thọc, uống rượu say.’ *Năm ấm* của vị *Tu-đà-hoàn* đã diệt mất ở cõi này, không đến nơi cõi nước xấu ác kia. Việc tu tập đạo pháp cũng thế, không hề đến cõi nước xấu ác kia. Nếu là tương tự, vì sao chẳng sanh nơi cõi nước thanh tịnh nhiệm mầu? Nếu *năm ấm* ở cõi nước xấu ác kia chẳng phải là *năm ấm* [trước đây] của vị *Tu-đà-hoàn*, vì sao [có được khả năng] không tạo nghiệp ác?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vị *Tu-đà-hoàn* tuy sanh nơi cõi nước xấu ác vẫn không mất đi danh hiệu *Tu-đà-hoàn*. Vì *năm ấm* [trước và sau] không tương tự nên ta mới dẫn trường hợp con nghé làm ví dụ. Vị *Tu-đà-hoàn* tuy sanh vào cõi nước xấu ác, nhưng do có đạo lực nên không tạo các nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Ví như ở Hương sơn, vì có sư tử chúa nên không có dấu vết của tất cả các loài chim thú, vì chẳng con nào dám đến gần. Có khi sư tử chúa ấy bỏ đi vào trong Tuyết sơn, nhưng tất cả các loài chim thú vẫn không dám đến đó. Vị *Tu-đà-hoàn* cũng vậy, tuy không tu tập đạo pháp, nhưng nhờ đạo lực nên không tạo các nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Ví như có người uống nước *cam lộ*. Tuy *cam lộ* ấy tiêu mất rồi nhưng do năng lực của nó nên người ấy được sống lâu không chết.

“Thiện nam tử! Như ở núi *Tu-di* có vị thuốc rất hay tên là *Lăng-già-ly*. Người uống thuốc ấy, tuy mỗi một niệm đều nói nhau diệt mất nhưng nhờ năng lực của thuốc nên không phải chịu sự bệnh hoạn khổ não.

“Thiện nam tử! Ví như chỗ ngồi của vị *Chuyển luân vương*, tuy lúc vắng mặt vua cũng không ai dám đến gần. Vì sao vậy? Vì oai lực của nhà vua.

“Vị *Tu-đà-hoàn* cũng vậy, tuy sanh nơi cõi nước xấu ác, không tu tập đạo pháp, nhưng do đạo lực [từ trước] nên không hề tạo các nghiệp ác.

“Thiện nam tử! *Năm ấm* của vị *Tu-đà-hoàn* thật đã diệt mất ở cõi này; tuy sanh *năm ấm* khác, nhưng vẫn không mất đi *ấm* của *Tu-đà-hoàn*.

“Thiện nam tử! Như chúng sanh vì muốn được [ăn] quả nên đối với hạt giống làm đủ mọi điều khó nhọc như bón phân, chăm sóc, tưới nước... Trong khi chưa được ăn quả, hạt giống đã diệt mất. Nhưng cũng có thể nói rằng, nhân nơi hạt giống mà có được quả. *Năm ấm* của vị *Tu-đà-hoàn* cũng vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người giàu có, nhiều tiền của, nhưng chỉ có một đứa con trai duy nhất. Ông qua đời trước người con trai. Người con trai này lại có một đứa con trai đang ở nước khác. Ít lâu sau, thành linh người con trai cũng qua đời. Đứa cháu nội của người nhà giàu ấy nghe tin liền trở về thừa kế sản nghiệp. Tuy biết rằng của cải ấy chẳng phải do anh ta làm ra, nhưng khi anh ta nhận lấy thì không ai ngăn cản. Vì sao vậy? Vì là người trong

dòng họ. Vị *Tu-đà-hoàn* [với năm ấm đã từng tu tập] cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Như Phật có nói kệ:

*Nếu tỳ-kheo tu tập
Giới, định và trí tuệ;
Vị ấy không thối chuyển,
Gần gũi Đại Niết-bàn.*

“Bạch Thế Tôn! Thế nào là tu *giới*? Thế nào là *tu định*? Thế nào là tu *trí tuệ*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như có người thọ trì giới cấm chỉ vì sự lợi ích riêng mình, muốn được hưởng khoái lạc trong hai cõi trời, người, không phải vì sự độ thoát tất cả chúng sanh, không vì sự ủng hộ *Chánh pháp Vô thượng*; chỉ vì sự lợi dưỡng, vì sợ sệt *ba đường ác*; vì muốn được mạng sống, hình sắc, thế lực, sự an ổn, tài biện thuyết hơn người; vì sợ phép vua luật nước, vì sợ tiếng tăm xấu ác, vì sự nghiệp thế tục... Người giữ giới [vì những nguyên nhân] như vậy không được gọi là *tu tập giới*.

“Thiện nam tử! Thế nào gọi là tu tập giới một cách chân chánh? Nếu khi thọ trì giới cấm là vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì ủng hộ *Chánh pháp*; vì hóa độ những ai chưa được hóa độ, giải thoát cho những ai chưa được giải thoát, làm cho những ai chưa *quy y* [Tam bảo] quay về quy y, những ai chưa nhập *Niết-bàn* được nhập *Niết-bàn*; trong khi tu tập như vậy lại không thấy có giới cấm, không thấy có hình tướng của giới, không thấy có người giữ giới, không thấy có quả báo, không thấy có sự hủy phạm giới. Thiện nam tử! Nếu có thể [tu tập trì giới] như vậy, đó gọi là *tu tập giới*.

“Sao gọi là *tu tập định*?¹ Như người tu định là vì muốn độ thoát lấy mình, vì lợi dưỡng; chẳng vì chúng sanh, không vì sự hộ trì *Chánh pháp*; vì thấy những lỗi lầm [tai hại] của tham dục, thức ăn như nhớp và sự bất tịnh của *nam căn, nữ căn*, của chín lỗ² trong thân; [vì thấy những sự] tranh đấu, kiện tụng, đánh, đâm, sát hại lẫn nhau. Nếu vì những nguyên nhân ấy mà tu định thì không gọi là *tu tập định*.

“Thiện nam tử! Sao gọi là tu tập định một cách chân chánh? Nếu vì chúng sanh mà tu tập định, được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; vì muốn giúp cho chúng sanh được pháp không thối chuyển; vì muốn cho chúng sanh được tâm của bậc thánh; vì muốn cho chúng sanh đạt được *Đại thừa*; vì muốn hộ trì *Chánh pháp Vô thượng*; vì muốn giúp cho chúng sanh không thối chuyển tâm *Bồ-đề*; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được phép định *Thủ-lăng-nghiêm*; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được phép định Kim cương; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được *Đà-la-ni*; vì muốn giúp cho chúng sanh đạt được *Bốn pháp vô ngại*; vì muốn giúp cho chúng sanh thấy được tánh Phật; trong khi tu tập những công hạnh như vậy lại không thấy có định, không thấy có hình tướng của định, không thấy người tu tập, không thấy có quả báo. Thiện nam tử! Nếu có thể [tu tập] như vậy, đó gọi là *tu tập định*.

¹ Bản Hán văn dùng chữ “tam-muội”, ở đây đồng nghĩa với “định”. Nhưng trong câu hỏi của Bồ Tát Sư Tử Hống dùng chữ “định”, nên chúng tôi cũng dịch nhất quán là “định” để đọc giả tiện theo dõi.

² Chín lỗ (cửu khổng, hay cửu khiếu): chỉ các lỗ thông giữa cơ thể và môi trường bên ngoài, gồm 2 mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, miệng và 2 lỗ đại, tiểu tiện. Chín lỗ này thường bài tiết ra những chất như nhớp không sạch nên gọi là bất tịnh.

“Sao gọi là *tu trí tuệ*? Nếu người tu hành có ý nghĩ rằng: ‘Nếu ta tu tập trí tuệ như thế này, ắt sẽ được giải thoát, ra khỏi *ba đường ác*. Ai là người có thể làm lợi ích tất cả chúng sanh? Ai là người có thể cứu độ mọi người thoát khỏi đường sanh tử? Đức Phật ra đời thật khó gặp, như hoa *Ưu-đàm-bát*, nay ta có khả năng dứt trừ được mọi phiền não trói buộc, đạt được quả vị giải thoát, vậy ta phải siêng năng tu tập trí tuệ để mau chóng dứt trừ phiền não, mau chóng được độ thoát.’ Nếu tu tập như thế thì không gọi là *tu tập trí tuệ*.”

“Sao gọi là tu tập trí tuệ một cách chân chánh? Người trí nếu quán xét rằng: ‘Sanh, già, chết đều là khổ. Tất cả chúng sanh bị vô minh che lấp nên không biết tu tập *Chánh đạo vô thượng*. Ta nguyện đem thân này thay thế tất cả chúng sanh chịu sự khổ não cùng cực. Nguyện cho những tâm bần cùng, hạ tiện, phá giới và những nghiệp tham lam, sân hận, si mê của tất cả chúng sanh thấy đều tụ tập vào thân ta! Nguyện cho chúng sanh không khởi tâm tham lam, bám giữ, không bị *danh sắc* trói buộc! Nguyện cho tất cả chúng sanh sớm vượt ra khỏi vòng sanh tử, dù riêng mình ta ở lại trong sanh tử cũng không chán ngán! Nguyện cho tất cả đều đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*!’ Trong khi tu tập như vậy, không thấy có trí tuệ, không thấy có hình tướng của trí tuệ, không thấy có người tu, không thấy có quả báo. Như thế gọi là *tu tập trí tuệ*.”

“Thiện nam tử! Người tu tập giới, định, trí tuệ như vậy gọi là Bồ Tát. Ai không thể tu *giới, định, tuệ* như vậy gọi là Thanh văn.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Sao lại gọi là *tu tập giới*? Là có thể phá trừ mười sáu điều xấu ác của tất cả chúng sanh. Những gì là mười sáu? Một là vì lợi mà nuôi dê con hay dê, đến khi béo mập thì bán đi. Hai là vì lợi mà mua những con dê ấy về giết thịt. Ba là vì lợi mà nuôi lợn con hoặc lợn, đến khi béo mập thì bán đi. Bốn là vì lợi mà mua những con lợn ấy về giết thịt. Năm là vì lợi mà nuôi bò hoặc nghé con, đến khi béo mập thì bán đi. Sáu là vì lợi mà mua những con bò ấy về giết thịt. Bảy là vì lợi mà nuôi gà cho béo mập rồi bán. Tám là vì lợi mà mua gà về giết thịt. Chín là câu cá. Mười là săn bẫy thú. Mười một là cướp giạt. Mười hai là làm kẻ đao phủ hành hình đồng loại.¹ Mười ba là giăng lưới bắt chim. Mười bốn là nói hai lưỡi [cố ý gây chia rẽ]. Mười lăm là làm kẻ cai ngục [hành hạ người một cách phi lý].² Mười sáu là học dùng bùa chú [tà vạy] để bắt các loài rồng, rắn³... [làm vui.]

¹ Nguyên bản Hán văn là khôi khoái (魁膾), các bản trước đây đều dịch là người hàng thịt, bán thịt hoặc băm thịt làm nem chả... Đó chỉ là suy đoán từ nghĩa của chữ khoái (膾). Trong Tạng A-tì-dàm tâm luận, quyển 3, xếp đây là nghiệp ác thứ 8 và giải thích như sau: 魁膾，指為官操刀行刑之人。謂人本同類，彼雖犯法，理固當死，然習操刀之業以害其生，實為惡行。(Khôi khoái, chỉ vì quan thao đao hành hình chi nhân. Vị nhân bản đồng loại, bĩ tuy phạm pháp, lý cố đương tử, nhiên tập thao đao chi nghiệp dĩ hại kỳ sanh, thật vi ác hạnh.) Như vậy, rõ ràng những cách dịch trước đây đều không đúng. Chúng tôi căn cứ sự giải thích ở đây để dịch như trên.

² Về nghiệp ác này, Tạng A-tì-dàm tâm luận, quyển 3 ghi là “thủ ngục” (守獄), xếp vào nghiệp ác thứ 9 và giải thích như sau: 守獄，指獄吏。謂守其牢獄，以桎械枷鎖，非理凌虐罪囚，無慈善心，是為惡行。(Thủ ngục, chỉ ngục lại, vị thủ kỳ lao ngục, dĩ sừu giới già tảo, phi lý lăng ngược tội tù, vô từ thiện tâm, thị vi ác hạnh.) Chúng tôi căn cứ sự giải thích này để thêm phần phụ dịch cho rõ nghĩa, tránh sự nhầm lẫn.

³ Nguyên bản dùng hai chữ “chú long” cũng rất khó hiểu. Trong Tạng A-tì-dàm tâm luận, quyển 3, giải thích như sau: 咒龍：謂習諸邪法咒術，咒于龍蛇，以為戲樂。(Chú long, vị tập chú chú thuật, chú vu long xà, dĩ vi hí lạc.) Chúng tôi căn cứ vào sự giải thích này để dịch như trên.

“Nếu ai có thể vì chúng sanh trừ dứt *mười sáu nghiệp ác* đó thì gọi là *tu giới*.

“Sao gọi là *tu định*? Là có thể dứt trừ tất cả các phép định của tất cả thế gian, chẳng hạn như là: phép định *Vô thân*, có thể khiến chúng sanh sanh tâm điên đảo, cho đó là *Niết-bàn*; các phép định *Hữu vô biên tâm*, *Tịnh tụ*, *Thế biên*, *Thế đoạn*, *Thế tánh*, *Thế trượng phu*, *Phi tướng phi phi tướng*. Những phép định ấy khiến cho chúng sanh sanh tâm điên đảo, cho đó là *Niết-bàn*. Nếu ai có thể dứt trừ vĩnh viễn những phép định [thế gian] ấy thì gọi là *tu tập định*.

“Sao gọi là *tu tập trí tuệ*? Là có thể phá trừ những sự thấy biết xấu ác của thế gian. Tất cả chúng sanh đều có sự thấy biết xấu ác, chẳng hạn như thấy *sắc* đó tức là *ngã*, cũng là những *vật của ta*; hoặc thấy trong *sắc* có *ngã*, trong *ngã* có *sắc*... Cho đến đối với *thức* cũng thấy biết như vậy.¹ Hoặc thấy rằng cái thường còn là *ngã*; tuy *sắc* diệt mất nhưng *ngã* vẫn còn. Hoặc thấy rằng *sắc* tức là *ngã*, nên *sắc* diệt mất thì *ngã* diệt mất. Lại như có người nói: ‘Người tạo tác là *ngã*, người thọ nhận là *sắc*.’ Hoặc có người nói: ‘Người tạo tác là *sắc*, người thọ nhận là *ngã*.’ Hoặc có người nói: ‘Không có tạo tác, không có thọ nhận, tự sanh tự diệt, thấy đều không có nhân duyên.’ Hoặc có người nói: ‘Không có tạo tác, không có thọ nhận, hết thấy đều do đấng *Tự tại* làm ra.’ Hoặc như có người nói: ‘Không có người tạo tác, không có người thọ nhận, thấy đều do thời tiết làm ra.’ Hoặc có người lại nói: ‘Người tạo tác, kẻ

¹ “Cho đến đối với thức”, là ý nói tóm lược đối với tất cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

thọ nhận đều là không có. Chỉ có *Năm đại* như đất, nước v.v... gọi là chúng sanh.

“Thiện nam tử! Nếu ai phá trừ được những sự thấy biết xấu ác đó của tất cả chúng sanh thì gọi là tu tập trí tuệ.

“Thiện nam tử! Tu tập giới là làm cho thân được vắng lặng an tĩnh. Tu tập định là làm cho tâm được vắng lặng an tĩnh. Tu tập trí là trừ diệt lòng nghi ngờ. Trừ diệt lòng nghi ngờ là để tu tập theo đạo. Tu tập đạo là để thấy *tánh Phật*. Thấy *tánh Phật* là để đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* là để đạt đến *Vô thượng Đại Niết-bàn*. Đạt đến *Đại Niết-bàn* là để dứt trừ tất cả sanh tử của chúng sanh, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả các cảnh giới hiện hữu, dứt trừ tất cả các *giới*,¹ [cho đến] dứt trừ tất cả các *chân lý*. Dứt trừ tất cả từ *sanh tử* cho đến các *chân lý* là để đạt được các pháp *thường, lạc, ngã, tịnh*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có dạy: ‘Nếu không sanh không diệt thì gọi là *Đại Niết-bàn*. Pháp sanh ra đó cũng là không sanh không diệt như vậy, tại sao chẳng được gọi là *Niết-bàn*?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Pháp sanh ấy tuy cũng là không sanh không diệt, nhưng lại có khởi đầu, có kết thúc.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Pháp sanh tử cũng không có khởi đầu, không có kết thúc. Nếu

¹ Đây có lẽ chỉ 18 giới, tức 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) thiệp nhập với 6 trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, các pháp) và 6 thức ở giữa. Tất cả 18 pháp này đều là nơi sinh khởi mọi vọng tình của chúng sanh, nên gọi chung là 18 giới (thập bát giới).

không có khởi đầu, không có kết thúc thì gọi là *thường tồn*. *Thường* tức là *Niết-bàn*, vì sao không gọi sanh tử là *Niết-bàn*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp sanh tử ấy đều có nhân quả. Vì có nhân quả nên không gọi là *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì bản thể của *Niết-bàn* là không có nhân quả.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! *Niết-bàn* đó cũng có nhân quả. Như Phật có nói kệ rằng:

Do nhân mà sanh cõi trời,
Do nhân mà đọa đường ác,
Do nhân mà được Niết-bàn,
Nên tất cả đều có nhân.

“Như lúc trước, Phật có dạy chư *tỳ-kheo* rằng: ‘Nay ta sắp nói về đạo quả của *sa-môn*. *Sa-môn* là người có thể tu tập đầy đủ *giới, định, trí tuệ*. Đạo, là Tám Thánh đạo. Quả của *sa-môn* là nói *Niết-bàn*.’

“Bạch Thế Tôn! *Niết-bàn* là như vậy, há chẳng phải quả sao? Vì sao Phật nói rằng: ‘Bản thể của *Niết-bàn* là không có nhân quả?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chỗ tuyên thuyết của ta về nhân *Niết-bàn* đó, là nói *tánh Phật*. *Tánh* của *tánh Phật* không sanh ra *Niết-bàn*. Cho nên ta nói *Niết-bàn* không có nhân. Vì có thể phá trừ phiền não nên gọi là quả lớn; vì không do đạo mà sanh ra nên gọi là không có quả. Cho nên *Niết-bàn* là không có nhân, không có quả.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch rằng: “Thế Tôn! *Tánh Phật* của chúng sanh là chung nhau hay mỗi người đều riêng

có? Nếu là chung nhau, thì khi một người đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*, lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đều đạt được!

“Bạch Thế Tôn! Ví như hai mươi người có chung một mối oán thù. Nếu một người trừ được mối oán thù đó, mười chín người kia cũng được dứt trừ. Tánh Phật cũng vậy, khi một người đạt được, những người khác lẽ ra cũng đều đạt được!

“Còn nếu mỗi người đều riêng có, ắt phải là *vô thường*. Vì sao vậy? Vì [là pháp] tính đếm được. Nhưng Phật có dạy: ‘Tánh Phật của chúng sanh không phải một, không phải hai.’ Nếu mỗi người đều riêng có, lẽ ra không thể nói rằng: ‘*Chư Phật là bình đẳng*.’ Cũng không thể nói rằng: ‘*Tánh Phật như hư không*.’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh không phải một, không phải hai. Chư Phật là bình đẳng, giống như hư không. Tất cả chúng sanh đồng có chung tánh Phật; nếu ai có thể tu tập *Tám Thánh đạo*, nên biết rằng người ấy sẽ được thấy rõ.

“Thiện nam tử! Nơi Tuyết sơn có một thứ cỏ tên là nhãn nhục.¹ Nếu bò ăn cỏ ấy thì [sữa của nó hóa] thành *đề-hồ*. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật nói cỏ nhãn nhục đó, vậy chỉ có một hay là có nhiều? Nếu chỉ có một, bò ăn rồi ắt phải hết. Nếu cỏ ấy có nhiều, làm sao nói rằng tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy?”

¹ Ví dụ này đã được Phật nêu ra ở trang 282 của tập kinh này.

“Như lời Phật dạy: ‘Nếu ai tu tập *Tám Thánh đạo* ắt sẽ thấy *tánh Phật*.’ Nghĩa ấy chẳng đúng! Vì sao vậy? Nếu đạo là một, như cỏ nhãn nhục, lẽ ra phải [có lúc] hết. Như đạo ấy [có thể] hết thì một người tu rồi, những người khác ắt không còn [đạo] để tu! Nếu đạo là nhiều, làm sao có thể nói rằng tu tập đầy đủ? [Người tu tập thành đạo rồi] cũng không thể gọi là [thành tựu] *Nhất thiết chủng trí!*”¹

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như con đường bằng phẳng, tất cả chúng sanh đều đi trên đường, không có chướng ngại. Giữa đường có cây lớn che bóng mát, người đi đường đều dừng lại nghỉ ngơi dưới đó. Bóng mát của cây ấy là thường tồn, không biến đổi, không tiêu mất, không ai mang đi được.

“Con đường ấy ví như [Tám] Thánh đạo, bóng mát của cây ví như *tánh Phật*.

“Thiện nam tử! Ví như thành lớn chỉ có một cửa. Tuy có nhiều người do cửa ấy mà ra vào, cũng không có ai [thấy] chướng ngại, không ai hủy hoại [cửa ấy] mà mang đi.

“Thiện nam tử! Ví như cây cầu bắc ngang sông, [nhiều] người đi trên đó cũng không ai bị ngăn cản, cũng không ai hủy hoại [cây cầu ấy] mà mang đi.

“Thiện nam tử! Ví như vị lương y trị khắp các bệnh, cũng không ai có thể ngăn cản vị ấy phải trị nơi này, bỏ nơi kia. Các Thánh đạo và *tánh Phật* cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Những ví dụ vừa dẫn ra đó, ý nghĩa chẳng đúng. Vì sao vậy? Kể đi

¹ Nguyên bản Hán văn dùng “Tát-bà-nhã” (*Sarvajña*), dịch nghĩa là Nhất thiết chủng trí, hay cũng gọi tắt là Nhất thiết trí, chỉ trí tuệ của bậc giác ngộ viên mãn, vì có thể thấu suốt tất cả mọi sự vật, thấu suốt cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

trước trên đường làm ngăn trở kẻ đi sau, vì sao nói rằng không có chướng ngại? Các ví dụ khác cũng đều như thế. Nếu Thánh đạo và tánh Phật là như vậy, thì một người đang tu lẽ ra phải làm ngăn trở những người khác!”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lời ông nói đó là không hợp nghĩa. Ví dụ con đường mà ta dẫn ra là loại ví dụ chỉ lấy một phần ý nghĩa, không phải tất cả.

“Thiện nam tử! Như đường đi của thế gian ắt phải có chướng ngại, chỗ này khác với chỗ kia, không hề giống nhau. Con đường *vô lậu* không giống như vậy, có thể khiến chúng sanh không có chướng ngại, bình đẳng không hai, không có chỗ ngăn trở, không có chỗ này khác với chỗ kia. Con đường *Chánh đạo* như vậy có thể làm *nhân thành tựu* cho *tánh Phật* của tất cả chúng sanh, chẳng phải [thuộc loại] *nhân sanh ra*. Cũng như ngọn đèn soi sáng rõ mọi vật, [thật không hề sanh ra mọi vật, nhưng nhờ nó mà người ta thấy được rõ ràng mọi vật.]

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều [có] *vô minh* làm nhân duyên với *hành*, không thể nói rằng: ‘Vô minh của một người đã là nhân duyên với *hành* rồi thì những người khác lẽ ra là không.’ Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhân duyên với *hành*. Cho nên nói rằng: ‘Đối với *Mười hai nhân duyên*, tất cả [chúng sanh] đều bình đẳng.’ *Chánh đạo vô lậu* mà chúng sanh tu tập cũng giống như vậy, đều dứt trừ mọi phiền não là nhân sanh vào các cảnh giới hiện hữu. Vì nghĩa ấy nên gọi là bình đẳng. Như người đã chứng đắc thì sự thấy biết chỗ này hay chỗ kia đều không có chướng ngại. Đó gọi là *Nhất thiết chủng trí*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh không phải cùng một loại thân, hoặc mang thân người, hoặc thân súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Như vậy là nhiều thân khác nhau, chẳng phải một loại; vì sao nói rằng *tánh Phật* là một?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như có người bỏ thuốc độc vào sữa. Từ sữa cho đến *đê-hồ*, thấy đều có độc. Sữa không gọi là kem sữa, kem sữa không gọi là sữa; cho đến *đê-hồ* cũng vậy. Tên gọi tuy thay đổi nhưng *tánh* độc vẫn không mất. Trong cả năm món [chế biến từ sữa] thấy đều có độc. Như ăn món *đê-hồ* ấy có thể bỏ mạng, nhưng thật ra [thì người kia] không bỏ thuốc độc vào *đê-hồ*! *Tánh Phật* của chúng sanh cũng vậy, tuy ở trong *Năm đường*,¹ thọ lấy các thân khác nhau, nhưng *tánh Phật* ấy vẫn là một, thường không biến đổi.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Trong mười sáu nước lớn có sáu thành lớn là *Xá-bà-đê*, *Bà-chỉ-đa*, *Chiêm-bà*, *Tỳ-xá-ly*, *Ba-la-nại* và *Vương-xá*.² Sáu thành ấy hiện là lớn nhất đời nay, vì sao Như Lai bỏ những thành ấy mà đến chốn hẻo lánh tôi tàn chật hẹp là thành *Câu-thi-na* này để nhập *Niết-bàn*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông chớ nên nói rằng thành *Câu-thi-na* này là chốn hẻo lánh tôi tàn chật hẹp, mà nên nói rằng: ‘Thành này được trang nghiêm bởi công đức vi diệu.’ Vì sao vậy? Vì đây là chỗ đi đến của chư Phật, Bồ Tát.

¹ Năm đường (Ngũ đạo): chỉ chung các cảnh giới tái sanh của chúng sanh, gồm địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người và cõi trời.

² Tên Phạn ngữ của các thành này lần lượt theo thứ tự kể trên là *Śravastī*, *Sāketa*, *Campa*, *Vaiśālī*, *Barāṇasī* và *Rājagriha*.

“Thiện nam tử! Như nhà của kẻ nghèo hèn, nếu có vua ghé qua thì nên khen ngợi là trang nghiêm tốt đẹp, thành tựu phước đức, nên mới có thể khiến đức vua xa giá ngự đến.

“Thiện nam tử! Như một người đang bệnh nặng, uống một vị thuốc xấu tệ. Uống xong liền khỏi bệnh. Người ấy liền lấy làm vui vẻ, khen rằng: ‘Vị thuốc này là nhiệm mầu kỳ diệu nhất, có thể giúp ta khỏi bệnh!’

“Thiện nam tử! Như người đi thuyền giữa biển cả, bỗng nhiên thuyền chìm, không biết bám vào đâu. Rồi nhờ bám một cái xác chết mà [sống sót] vào được trong bờ. Khi vào bờ rồi, người lấy làm vui mừng, khen ngợi xác chết ấy rằng: ‘Ta nhờ gặp xác chết này mới được bình an.’

“Thành *Câu-thi-na* này cũng vậy, thật là chỗ chư Phật, Bồ Tát đi đến, sao lại gọi là nơi hẻo lánh tồi tàn chật hẹp?

“Thiện nam tử! Ta nhớ thuở xưa, cách nay vô số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vào một kiếp tên là Thiện Giác, có vị Thánh vương họ *Kiêu-thi-ca* đầy đủ bảy món báu¹ và một ngàn người con trai. Vua ấy bắt đầu tạo lập thành này, hai bề ngang dọc đều rộng mười hai *do-diên*, trang nghiêm bằng bảy món báu. Trong vùng này có nhiều con sông nước chảy hiền hòa, trong trẻo và ngọt mát.

¹ Bảy món báu (Thất bảo) của vị Chuyển luân Thánh vương, do phước đức chiêu cảm mà tự có, gồm: Luân bảo (bánh xe báu, có thể cưỡi bay đi khắp thiên hạ), tượng bảo (voi báu), mã bảo (ngựa báu), ma-ni bảo (hạt châu như ý), nữ bảo (mỹ nhân xinh đẹp và hiền thực nhất, có thể hiểu được ý vua), tạng bảo (hay chủ tạng thân bảo, là vị quan coi giữ kho tàng có khả năng tìm ra mọi kho tàng trong thiên hạ, dưới biển sâu, để vua tùy ý tiêu dùng), binh bảo (hay chủ binh thân bảo, là vị tướng soái tài giỏi nắm giữ binh quyền, có thể giúp vua chinh phục thiên hạ).

Đó là các sông *Ni-liên-thiên*, *Y-la-bạt-đê*, *Hy-liên-thiên*, *Y-sưu-vị-viên*, *Tỳ-bà-xá-na*... Tất cả có đến năm trăm con sông [như vậy]. Dọc theo ven sông, ở hai bờ đều có cây cối rậm rạp, hoa quả tươi ngon.

“Thuở ấy, nhân dân sống lâu vô cùng. Bấy giờ, vị *Chuyển luân Thánh vương* đã qua một trăm năm rồi liền nói rằng: ‘Theo lời Phật dạy thì tất cả các pháp đều là *vô thường*. Nếu ai có thể tu tập *Mười điều lành* ắt dứt trừ được nỗi khổ vô thường lớn lao đó.’ Nhân dân nghe được lời ấy, thấy đều cùng nhau kính cẩn tu tập theo *Mười điều lành*.

“Thuở ấy, ta được nghe danh hiệu Phật, thọ trì *Mười điều lành*, suy xét và tu tập, lần đầu tiên khởi phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Phát tâm như vậy rồi, ta lại đem pháp ấy mà truyền dạy cho khắp vô lượng vô biên chúng sanh, rằng tất cả các pháp đều là *vô thường*, biến đổi, hư hoại.

“Cho nên nay ta trở lại xứ này, cũng dạy rằng các pháp là vô thường, biến đổi, hư hoại, chỉ riêng nói rằng thân Phật là pháp thường trụ mà thôi!

“Ta nhớ lại nhân duyên thuở trước đã từng đến đây, nên ngày nay mới đến nơi này mà nhập *Niết-bàn*, cũng là báo đáp ơn xưa của vùng đất này. Vì nghĩa ấy, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Là đệ tử Phật, khi đã thọ ân thì phải lo việc báo đáp.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Thuở xưa, chúng sanh sống lâu đến vô lượng tuổi. Bấy giờ, thành này tên là *Câu-xá-bạt-đê*, ngang dọc đều rộng năm mươi *do-diên*. Thuở ấy, trong

cõi *Diêm-phù-đề*, dân cư làng mạc kế cận nhau, gần gũi như trong tầm bay của con gà.¹ Có một vị *Chuyển luân vương* tên là Thiện Kiến, có đủ bảy món báu và một ngàn người con trai, cai trị khắp *Bốn cõi thiên hạ*. Vị thái tử lớn nhất của ngài nhờ [tu tập] suy xét Chánh pháp mà đắc quả Phật *Bích-chi*.

“Thuở ấy, vị *Chuyển luân vương* sau khi thấy thái tử của mình thành Phật *Bích-chi*, oai nghi sáng rõ, thần thông ít có, liền thần nhiên từ bỏ ngôi vua như người ta nhỏ bãi nước bọt, đến xuất gia giữa rừng cây *sa-la* này. Trong suốt tám vạn năm ngài tu tập tâm từ. Rồi đối với các tâm bi, tâm hỷ và tâm xả, ngài cũng tu tập mỗi tâm trong suốt tám vạn năm như vậy.

“Thiện nam tử! Thánh vương Thiện Kiến thuở ấy nay chính là ta đây. Cho nên ngày nay ta thường ưa thích an trụ trong bốn pháp *từ, bi, hỷ, xả*. Bốn pháp ấy gọi là *Tam-muội*. Vì nghĩa ấy, thân Như Lai là *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, hôm nay ta đến tại thành *Câu-thi-na* này, giữa rừng cây *sa-la* mà vào Chánh định.

“Thiện nam tử! Ta lại nhớ thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp, thành này tên là *Ca-tỳ-la-vệ*. Vua trong thành tên là Bạch Tịnh, phu nhân của vua tên là *Ma-da*. Vua có một con trai tên là *Tất-đạt-đa*. Thuở ấy, thái tử không

¹ Nguyên bản Hán văn dùng “kê phi tương cập”, Niết-bàn kinh sơ giải thích là: 鷄飛相及言其近也以鷄飛不遠故 - Kê phi tương cập, ngôn kỳ cận dã, dĩ kê phi bất viễn cố. (Kê phi tương cập, đó là nói gần gũi nhau, con gà bay cũng không thấy xa.)

cần thầy dạy, tự mình suy xét mà thành tựu chánh quả Vô thượng *Bồ-đề*. Ngài có hai đệ tử là *Xá-lợi-phất* và Đại *Mục-kiền-liên*, vị đệ tử thị giả tên là *A-nan*. Thuở ấy, đức Thế Tôn ở giữa hai cây [*sa-la*] mọc sòng đôi mà diễn thuyết kinh Đại *Niết-bàn* này.

“Thuở ấy ta ở trong pháp hội, được nghe giảng pháp, rằng tất cả chúng sanh đều có *tánh Phật*. Ta nghe như vậy rồi, đối với đạo *Bồ-đề* liền được địa vị không còn thối chuyển, bèn tự phát nguyện rằng: ‘Nguyện trong đời vị lai, khi ta thành Phật thì cha mẹ, quốc độ, danh hiệu, đệ tử, người thị giả, cho đến việc thuyết pháp giáo hóa đều giống hệt như đức Thế Tôn hiện nay, không có gì khác. Vì nhân duyên ấy, nay ta đến tại nơi này rộng bày giảng thuyết kinh Đại *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Khi ta mới xuất gia, chưa chứng đắc quả Phật, vua *Tân-bà-sa-la* có sai sứ đến nói rằng: ‘Nếu Thái tử *Tất-đạt-đa* lên ngôi Thánh vương, tôi sẽ làm phận bày tôi. Nếu ngài không thích sống đời thế tục thì khi thành Chánh quả, nguyện đến thành *Vương-xá* này trước hết để thuyết pháp độ người, thọ lễ cúng dường của tôi!’ Bấy giờ, ta im lặng nhận lời thỉnh nguyện ấy.

“Thiện nam tử! Khi vừa mới thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, ta đi về phía nước *Kiệt-xà*.¹ Bấy giờ, ở vùng sông *Y-liên-thiên* có người *Bà-la-môn* họ *Ca-diếp* cùng với năm trăm đệ tử ở bên sông ấy cầu đạo vô thượng. Ta vì người ấy nên đến thuyết pháp.

¹ Nước *Kiệt-xà*, tức là nước *Ma-kiệt-dà*, hay *Ma-già-dà* (*Magadha*), là nước của vua *Tân-bà-sa-la*, kinh đô là thành *Vương-xá*.

“*Ca-diếp* nói rằng: ‘*Cô-đàm*! Nay tôi già yếu, đã một trăm hai mươi tuổi. Nhân dân nước *Ma-già-đà* cho đến Đại vương *Tần-bà-sa-la* đều cho rằng tôi đã chứng quả *A-la-hán*. Nay nếu tôi ở trước mặt ông mà nghe và thọ nhận giáo pháp, e rằng hết thấy nhân dân sẽ nghĩ ngược lại rằng: ‘Đại đức *Ca-diếp* chẳng phải là bậc *A-la-hán* sao?’ *Cô-đàm*! [Vì thế tôi] cầu xin ông hãy mau đi đến xứ khác! Nếu nhân dân ở đây biết chắc rằng *Cô-đàm* có công đức hơn tôi, thì bọn chúng tôi không do đâu mà nhận được sự cúng dường [của nhân dân] nữa!’

“Khi ấy ta đáp rằng: ‘*Ca-diếp*! Nếu ông không quá lo lắng rằng ta là kẻ nhiều sân hận, xin vui lòng cho ta ngụ lại một đêm, sáng mai sẽ đi sớm.’

“*Ca-diếp* nói: ‘*Cô-đàm*! Tôi không có ý gì khác, cũng rất yêu mến ngài. Chỉ có điều là nơi tôi ở đây có một con rồng độc, tánh rất hung bạo, e nó sẽ làm hại ngài.’

“Ta đáp: ‘*Ca-diếp*! Trong tất cả các thứ độc không gì hơn *Ba độc*!¹ Ta nay đã dứt trừ [ba độc ấy] rồi, các thứ độc của thế gian ta không hề sợ.’

“*Ca-diếp* nói: ‘Nếu ngài không sợ thì tốt lắm, xin mời ở lại.’

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ, vì muốn hóa độ *Ca-diếp* nên ta hiện ra mười tám cách biến hóa như trong kinh [*A-hàm*] có nói. Khi ấy, *Ca-diếp* cùng với năm trăm người đồng bọn được thấy, nghe như vậy rồi, liền chứng quả *A-la-hán*.

“Lúc đó, *Ca-diếp* còn có hai người em là *Già-da Ca-diếp*

¹ Ba độc (Tam độc): chỉ ba tâm độc hại là tham lam, sân hận và si mê.

và *Na-đê Ca-diếp*, [mỗi người] cũng có số đệ tử là năm trăm người, thấy đều được chứng quả *A-la-hán*.

“Bấy giờ, những đồ đệ của bọn sáu thầy [ngoại đạo] ở thành *Vương-xá* nghe được việc ấy liền đối với ta sanh lòng độc ác.

“Vì đã nhận lời thỉnh cầu của vua [*Tần-bà-sa-la* trước đây], ta liền đến thành *Vương-xá*. Khi ta còn trên đường chưa đến nơi thì nhà vua cùng với rất đông dân chúng đã kéo đến nghênh tiếp. Ta liền vì họ mà thuyết pháp.

“Lúc bấy giờ, khi nghe pháp rồi thì chư thiên ở cõi trời *Dục giới* có tám mươi sáu ngàn vị phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Trong số những người đi theo vua *Tần-bà-sa-la* có một trăm hai mươi ngàn người chứng quả *Tu-đà-hoàn*.

“Có vô số chúng sanh được thành tựu tâm nhẫn nhục.

“Khi vào thành rồi, ta hóa độ *Xá-lợi-phất* và *Đại Mục-kiền-liên* cùng với các đệ tử của họ là hai trăm năm mươi người, thấy đều buông bỏ những [tà kiến] trước đây, xuất gia học đạo.

“Ta liền ở lại thành *Vương-xá*, thọ nhận sự cúng dường của vua *Tần-bà-sa-la*. Bọn sáu thầy ngoại đạo liền tụ họp rồi kéo nhau bỏ đi sang thành *Xá-vệ*.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN HAI MƯƠI CHÍN

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phẩm thứ mười một – Phần bốn

Đấy giờ, ở thành *Xá-vệ* có một vị trưởng giả tên *Tu-đạt-đa*, đến thành *Vương-xá* để lo việc cưới vợ cho con, đang ngụ tại nhà trưởng giả *San-đàn-na*. Khi ấy, chủ nhà nửa đêm thức dậy bảo người nhà rằng: ‘Mọi người hãy mau mau thức dậy, cùng nhau quét dọn trang hoàng nhà cửa và bày biện các món ăn ngon.’

“*Tu-đạt-đa* nghe vậy, tự nghĩ rằng: ‘Chẳng phải là họ muốn thỉnh vua nước *Ma-già-đà* đây sao? Hay là vì có hôn nhân nên muốn hội họp vui vẻ?’

“Suy nghĩ như vậy rồi liền đến hỏi chủ nhà rằng: ‘Có phải đại nhân muốn thỉnh vua *Tần-bà-sa-la* của nước *Ma-già-đà* hay chăng? Hay vì có hôn nhân nên mở hội vui vẻ chăng? Vì sao phải gấp rút đến như vậy?’

“Trưởng giả đáp rằng: ‘Cư sĩ! Không phải vậy. Sáng mai tôi sẽ thỉnh Phật, là đấng *Pháp vương Vô thượng*.’

“Trưởng giả *Tu-đạt* vừa nghe đến danh hiệu Phật thì [bỗng dưng không hiểu vì sao] toàn thân rung động, liền hỏi lại: ‘Phật là gì vậy?’

“Chủ nhà đáp: ‘Ông thật chưa nghe biết gì sao? Ở thành *Ca-tỳ-la* có một vị trong dòng *Thích-ca*, tên là *Tất-đạt-đa*,

họ *Cô-đàm*, con vua Bạch Tịnh.¹ Vị ấy sanh ra chưa bao lâu thì có một thầy tướng đoán rằng về sau sẽ làm *Chuyển luân Thánh vương*. Việc ấy rõ ràng chắc chắn như người ta nhìn thấy rõ trái *am-la* trong lòng bàn tay. Nhưng nếu ngài không ưa thích việc ấy, từ bỏ ra đi xuất gia thì sẽ không thầy mà tự giác ngộ, đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vị ấy đã dứt trừ hoàn toàn tham, sân, si, là bậc thường trụ không biến đổi, không sanh không diệt, không còn lo sợ. Lòng ngài đối với tất cả chúng sanh đều bình đẳng, thương yêu như cha mẹ đối với đứa con duy nhất. Thân tâm của ngài cao quý hơn hẳn trong tất cả chúng sanh, nhưng ngài không vì thế mà sanh lòng kiêu mạn. Đối với sự tôn xưng cung kính hay oán ghét gây hại, ngài vẫn giữ lòng bình đẳng không phân biệt. Ngài có trí tuệ thông đạt, đối với tất cả các pháp không có sự ngăn ngại, thành tựu đầy đủ *Mười sức*, *Bốn đức chẳng sợ*, *Ngũ trí Tam-muội*,² *Đại từ*, *Đại bi* và *Ba niệm xứ*. Vì thế nên

¹ Vua Bạch Tịnh: tên khác của vua Tịnh Phạn.

² *Ngũ trí Tam-muội*: Theo đức Phật giảng giải trong kinh Đại Bát Niết-bàn này ở quyển 31 (trang 76, Tập 6) thì Ngũ trí Tam-muội gồm: 1. Tam-muội Vô thực, 2. Tam-muội Vô quá, 3. Tam-muội Thân ý thanh tịnh nhất tâm, 4. Tam-muội Nhân quả câu lạc, 5. Tam-muội Thường niệm. Năm phép tam-muội này giúp sanh khởi trí tuệ, nên tùy theo mức độ phá trừ phiền não cũng được giảng giải thành năm bậc như sau: 1. Sơ trí: Hành giả khi tu tập nếu khởi sanh phiền não, liền ngay khi ấy khởi sanh trí tuệ dứt trừ phiền não, làm cho tâm định được thanh tịnh như bậc thánh. 2. Đệ nhị trí: Tâm được thanh tịnh như bậc thánh, tự biết đó không phải là chỗ phạm phu có thể đạt được, mà là chỗ hàng trí giả ngợi khen xứng tán. Vì đạt được trí tuệ của bậc thánh, không gọi là phạm phu. Phân biệt như vậy phá được giả danh, gọi là đệ nhị trí. 3. Đệ tam trí: Dứt trừ hết thủy phiền não tham ái nên gọi là tịch diệt. Vì tịch diệt nên đạt đến sự nhiệm mầu. Lìa các phiền não nên gọi là xa lìa. Đạt được trí này thì lìa xa cõi dục, gọi là đệ tam trí. 4. Đệ tứ trí: Tùy sự chứng đắc dứt trừ phiền não mà được an ổn tịch diệt, lìa xa sự vui thế tục nên gọi là hiện tại an vui, về sau cũng an vui. Hiện tại an vui là cái vui dứt trừ phiền não; về sau an vui là cái vui Niết-bàn. Đó gọi là đệ tứ trí. 5. Đệ ngũ trí: Hành giả thường thực hành tâm vô tướng, đạt được sự nhất tâm xuất định nhập định, gọi là đệ ngũ trí. Chứng đắc năm trí này tức là

xưng hiệu ngài là Phật. Ngài nhận lời mời thỉnh của tôi, sáng mai sẽ đến đây. Cho nên cần phải gấp gáp, không có thời gian thư thả mà tiếp đãi ông.’

“*Tu-đạt-đa* nói: ‘Lành thay! Đại nhân, đức Phật mà ông nói đó, công đức thật không ai bằng! Vậy hiện nay ngài đang ở đâu?’

“Trưởng giả đáp: ‘Hiện ngài đang ở thành *Vương-xá* này, tại tinh xá Trúc Lâm, nơi rừng *Ca-lan-đà*.’

“Khi ấy [đang còn trong đêm], ông *Tu-đạt-đa* hết lòng nghĩ nhớ đến các công đức của Phật như *Mười sức*, *Bốn đức chẳng sợ*, *Ngũ trí Tam-muội*, *Đại từ*, *Đại bi* và *Ba niệm xứ*. Đang khi nghĩ nhớ, bỗng nhiên có ánh sáng rực rỡ, dường như lúc ban ngày. Ông liền theo ánh sáng ấy mà đi ra, đến dưới cửa thành. Do thần lực của Phật, [tuy chưa đến giờ mà] cửa thành tự nhiên mở rộng. Ông đi ra khỏi thành rồi, chợt thấy có một miếu thờ thiên thần bên đường, liền vào đó lễ bái cung kính. Khi ấy trời tối đen trở lại, khiến ông hoảng hốt muốn quay trở về chỗ ngụ.

“Bấy giờ, ở cửa thành ấy có một vị thiên thần hiện đến nói với *Tu-đạt-đa*: ‘Này ông, nếu ông đến chỗ đức Như Lai, ông sẽ được nhiều sự tốt đẹp, ích lợi.’

“*Tu-đạt-đa* hỏi: ‘Tốt đẹp, ích lợi như thế nào?’

“Vị thiên thần đáp: ‘Trưởng giả! Nếu có người dùng những vật như chân bảo kết thành râu, trăm con tuần

chúng quả Tam-muội, nên gọi là *Ngũ trí Tam-muội*. Lại theo Niết-bàn kinh số giải dẫn Thành luận quyển 6, phẩm Ngũ trí, thì Ngũ trí này gồm: 1. Pháp trụ trí (法住智): rõ biết sự sanh khởi của tất cả các pháp; 2. Nê-hoàn trí (泥洹智): rõ biết sự diệt mất của tất cả các pháp; 3. Vô tranh trí (無爭智): rõ biết lẽ chân thật không còn phải tranh cãi, biện luận với bất cứ ai; 4. Nguyện trí (願智): đối với tất cả các pháp không còn có sự chướng ngại; 5. Biên tế trí (邊際智): đạt được trí tuệ tối thượng, đối với tất cả các pháp thiên định đều có thể tu tập tăng trưởng, được sức tự tại.

mã, trăm thớt voi tơ, trăm cỗ xe báu, vàng đúc thành người có đến số trăm, nữ nhân đoan chánh thân đeo chuỗi ngọc, các thứ của báu đầy đầy, cung điện cao đẹp, nhà cửa nguy nga điêu khắc chạm trổ, mâm vàng lúa bạc, mâm bạc lúa vàng, mỗi thứ đủ số một trăm... mang bố thí cho một người. Rồi lại bố thí cho một người khác, cứ như vậy dần dần bố thí đủ khắp cho tất cả mọi người trong cõi *Diêm-phù-đê*. Công đức mà người ấy có được cũng không bằng công đức của người phát tâm đi đến chỗ đức Như Lai chỉ vừa nhắc chân đi một bước.'

"*Tu-đạt-đa* liền hỏi: "Thiện nam tử! Ông là ai vậy?"

"Thiên thân đáp: "Trưởng giả! Tôi là Thắng Tướng, con nhà *Bà-la-môn*, trước đây từng là thiện tri thức của ông. Ngày trước, nhân được gặp hai vị *Xá-lợi-phất* và *Đại Mục-kiền-liên*, tôi sanh lòng hoan hỷ. Khi bỏ thân rồi, tôi được sanh làm con của *Tỳ-sa-môn Thiên vương* ở phương Bắc, có phận sự thủ hộ thành *Vương-xá* này. Tôi nhờ lễ bái những vị như *Xá-lợi-phất* và sanh lòng hoan hỷ mà được thân hình tốt đẹp như thế này, hướng chi được gặp bậc Đại Sư là đức Như Lai và lễ bái cúng dường?"

"Trưởng giả *Tu-đạt* nghe như vậy rồi liền trở ra đường, [lập tức] tìm đến chỗ Phật. Khi đến nơi, ông cung kính lễ bái, đầu và mặt đều cúi sát chân Như Lai. Lúc ấy, Như Lai liền vì ông ấy mà thuyết pháp thích ứng. Trưởng giả nghe rồi liền chứng quả *Tu-đà-hoàn*. Khi chứng quả rồi liền có lời thỉnh cầu rằng: 'Như Lai đại từ! Xin ngài hạ cố đến thành *Xá-vệ*, thọ nhận sự cúng dường nhỏ mọn của con!'

"Ta liền hỏi: 'Ở thành *Xá-vệ* có cảnh tinh xá nào có thể làm chỗ an trụ cho đại chúng hay không?'

“*Tu-đạt-đa* thưa: ‘Nếu Phật rủ lòng thương nhận lời đến đó, con sẽ cố hết sức lo liệu việc xây cất.’

“Thiện nam tử! Khi ấy ta lặng thinh chấp nhận lời thỉnh cầu của *Tu-đạt*.

“Được sự nhận lời của ta, trưởng giả *Tu-đạt* liền bạch rằng: ‘Từ trước tới nay con chưa hề làm việc này, xin Như Lai cho ngài *Xá-lợi-phất* theo con để chỉ bảo cách thức xây dựng.’

“Ta liền bảo *Xá-lợi-phất* đi theo trợ giúp. Liền đó, *Xá-lợi-phất* và *Tu-đạt-đa* cùng đi chung một cỗ xe, thẳng sang thành *Xá-vệ*. Do thần lực của ta, chỉ qua một ngày đêm họ đã đến nơi.

“Lúc ấy, *Tu-đạt-đa* thưa với *Xá-lợi-phất* rằng: ‘Bạch Đại đức! Phía ngoài thành lớn này, không biết nơi nào có cảnh đất chảng gần chảng xa, có nhiều suối ao, rừng cây tốt đẹp, hoa quả sum sê, thanh tịnh thoáng rộng? Con nguyện sẽ vì đức Phật Thế Tôn và chư *tỳ-kheo* mà tạo lập nơi ấy một ngôi tinh xá.’

“*Xá-lợi-phất* đáp: ‘Cảnh vườn rừng [của trưởng giả] *Kỳ-đà*¹ là chảng gần chảng xa, thanh tịnh tịch tịch, có nhiều suối ao, cây cối hoa quả bốn mùa đều có. Nơi ấy là tốt nhất, có thể xây dựng tinh xá.’

“Lúc ấy, *Tu-đạt-đa* nghe vậy rồi liền đến nhà trưởng giả *Kỳ-đà*, thưa rằng: ‘Nay tôi muốn vì đấng *Vô thượng*

¹ Nhiều kinh luận khác khi đề cập đến vị chủ nhân khu vườn rừng này đều cho là thái tử *Kỳ-đà*, nhưng theo kinh văn ghi ở đây thì rõ ràng ông này chỉ là một vị trưởng giả. Nếu là một vị thái tử quyền thế thì hẳn không có chuyện hai người đưa nhau đến nhờ người phân xử như được nói ở đoạn tiếp theo.

Pháp vương mà tạo lập chỗ an trú cho *Chư tăng*. Chỉ có cảnh vườn đất của ngài là thích hợp để xây dựng, nay tôi muốn mua đất ấy, ngài có chịu bán chăng?”

“*Kỳ-đà* đáp rằng: ‘Giá như ông mang vàng ròng đến trải đầy mặt đất nơi ấy, tôi cũng không giao đất ấy cho ông!’

“*Tu-đạt-đa* liền nói: ‘Lành thay, *Kỳ-đà*! Xem như rừng đất ấy đã thuộc về tôi, ngài hãy nhận lấy vàng.’

“*Kỳ-đà* hỏi lại: ‘Vườn đất tôi không bán, sao lại nhận lấy vàng?’

“*Tu-đạt-đa* liền nói: ‘Nếu ngài không thật rõ ý, chúng ta hãy cùng nhau nhờ người phân xử vậy.’

“Khi ấy, hai vị trưởng giả cùng đi đến chỗ người phân xử. Người ấy nói rằng: ‘Vườn đất thuộc ông *Tu-đạt*, ông *Kỳ-đà* hãy nhận lấy vàng.’

“Trưởng giả *Tu-đạt* tức thời sai người dùng xe ngựa chở vàng đến trải khắp trên đất ấy. Ngay trong ngày, chỉ còn một khoảnh năm trăm bước là chưa kín vàng mà thôi.

“*Kỳ-đà* nói: ‘Trưởng giả! Nếu ông hối tiếc, tôi đồng ý cho ông hủy bỏ việc [mua bán] này!’

“*Tu-đạt* đáp: ‘Tôi không hối tiếc, chỉ đang nghĩ xem sẽ xuất kho nào cho vừa đủ số vàng này.’

“*Kỳ-đà* thâm nghĩ: ‘Đấng *Pháp vương Như Lai* quả thật không ai bằng! Ngài thuyết giảng Chánh pháp nhiệm mầu, thanh tịnh không cấu nhiễm, nên mới khiến cho người này xem nhẹ của cải đến như thế!’

“Ông liền bảo *Tu-đạt*: ‘Chỗ còn thiếu đó không cần đem vàng tới nữa, xin để cho tôi góp phần. Tôi sẽ vì Phật mà

tự mình xây dựng cửa lầu, đức Như Lai sẽ thường ra vào thông qua cửa ấy.’ Rồi trưởng giả *Kỳ-đà* tự mình xây dựng cửa lầu [ngay ở lối vào tinh xá].

“Trong vòng bảy ngày, trưởng giả *Tu-đạt* xây dựng xong phòng lớn đủ ba trăm căn, chỗ thiền phòng an tịnh là sáu mươi ba nơi; thất mùa đông, nhà mùa hạ, thủy đều riêng biệt; nhà trù, phòng tắm, chỗ rửa chân, nhà xí... không thiếu gì cả.

“Xây dựng xong, trưởng giả *Tu-đạt* hai tay nâng lư hương hướng về phía thành *Vương-xá* mà khẩn rằng: ‘Việc xây dựng đã xong, nguyện đức Như Lai từ bi thương xót, vì chúng sanh mà thọ nhận chỗ ở này!’

“Lúc đó, Như Lai từ nơi xa biết được tâm ý của trưởng giả *Tu-đạt*, liền cùng đại chúng ra khỏi thành *Vương-xá*. Trong thời gian nhanh như một tráng sĩ co duỗi cánh tay đã đến thành *Xá-vệ*, trong khu vườn rừng *Kỳ-đà*, tinh xá *Tu-đạt*. Khi đến nơi rồi, trưởng giả *Tu-đạt* liền đem toàn bộ khu tinh xá đã xây dựng đó mà dâng cúng cho ta. Ta thọ nhận rồi, liền an trụ nơi đó.¹

“Khi ấy, bọn sáu thầy ngoại đạo sanh lòng ganh ghét, cùng họp nhau đến tâu lên vua *Ba-tư-nặc* rằng: ‘Đại vương nên biết rằng, đất đai của đại vương là trong sạch an ổn, vắng vẻ yên tĩnh, đúng là chỗ mà hàng xuất gia an trụ. Chúng tôi vì vậy nên mới đến đây. Đại vương dùng chánh pháp mà cai trị, nên trừ hại cho dân. *Sa-môn Cồ-đàm* là người tuổi nhỏ, sức học còn cạn cợt, đạo thuật không có.

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 27, bắt đầu quyển 28, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phân thứ tư (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi tứ).

Ở nước này từ trước đã có những bậc kỳ cựu đầy đủ đức hạnh. *Cồ-đàm* ý mình thuộc dòng vua, chẳng sanh lòng cung kính những bậc kỳ cựu ấy. Nếu là dòng vua, theo phép lễ ra phải lo việc trị dân; còn nếu đã xuất gia, lẽ ra phải kính trọng người có đủ đức hạnh.

“Đại vương hãy nghe cho kỹ đây! *Sa-môn Cồ-đàm* thật chẳng phải sanh trong dòng vua. Nếu *Sa-môn Cồ-đàm* có cha mẹ, vì sao lại đi cướp đoạt cha mẹ của người khác?”

“Đại vương! Trong kinh của chúng tôi có nói rằng: ‘Qua một ngàn năm sẽ có một yêu tinh dáng vẻ tốt đẹp, dùng phép huyền hóa hiện ra mọi vật.’ Chính là nói *Sa-môn Cồ-đàm* đó!”

“Nên phải biết rằng, *Sa-môn Cồ-đàm* không có cha mẹ. Nếu có cha mẹ, sao lại dạy rằng: ‘Các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, không có kẻ tạo tác, không có người thọ nhận?’ Ông ấy dùng huyền thuật mà dối gạt chúng sanh, những kẻ ngu mới tin nhận, người có trí đều lià bỏ.”

“Đại vương! Người làm vua là cha mẹ của thiên hạ, như đòn cân, như mặt đất, như gió, như lửa, như đường sá, như con sông, như cây cầu, như ngọn đèn, như mặt trời, mặt trăng... phải theo đúng pháp mà xử việc, không phân biệt kẻ oán, người thân. *Sa-môn Cồ-đàm* không để cho chúng tôi được sống, chúng tôi đi đâu cũng bị người xua đuổi chẳng thôi! Xin đại vương cho phép chúng tôi với *Cồ-đàm* so nhau đạo lực. Nếu ông ấy thắng được chúng tôi, chúng tôi sẽ chịu phụ thuộc ông ấy; còn nếu chúng tôi thắng, ông ấy phải phụ thuộc chúng tôi.”

“Vua nói: ‘Đại đức! Các vị mỗi bên đều có chỗ an trụ, tu hành truyền pháp cũng không giống như nhau. Nay

trầm biết chắc rằng đức Như Lai Thế Tôn đối với các ông không có sự ngăn trở.’

“Bọn sáu thầy đáp: ‘Sao lại không ngăn trở? *Sa-môn Cồ-đàm* dùng pháp huyền thuật mà lừa dối dụ dỗ mọi người và hàng *bà-la-môn*, khiến họ đã quy phục hết cả rồi. Nếu vua cho phép chúng tôi với người ấy so nhau đạo lực thì danh thơm của vua truyền khắp tám phương;¹ nếu vua không chấp thuận thì tiếng xấu ngập đường.’

“Vua nói: ‘Đại đức! Các ông còn chưa biết rằng đạo lực, oai thần của Như Lai cao vút, nên mới đòi so sánh. Nếu các ông biết rõ được, ắt phải sợ mình không đủ sức.’

“Bọn sáu thầy ngoại đạo nói: ‘Đại vương! Hay là ngài đã thọ nhận pháp hư huyền của *Cồ-đàm* rồi? Xin đại vương hãy lưu ý nghe và suy xét, đừng xem thường việc chúng tôi nêu ra là không đúng thật, chỉ bằng cứ thử xem để biết [thế nào] là đúng thật.’

“Vua liền đồng ý, nói: ‘Được lắm, được lắm, [hãy cứ làm như vậy]!’

“Cả bọn sáu thầy ngoại đạo lấy làm vui vẻ, ra về.

“Bấy giờ, vua *Ba-tu-nặc* truyền chuẩn bị xa giá nghiêm trang, đi đến chỗ Phật, cung kính lễ bái, đầu mặt cúi sát chân Như Lai, rồi đi quanh ba vòng cung kính, lui lại ngồi một bên, bạch Phật: “Thế Tôn! Sáu thầy ngoại đạo vừa đến chỗ con thỉnh cầu việc so sánh đạo lực với ngài. Con không lượng định được sự việc, đã mạn phép đồng ý với họ rồi.’

¹ Đây là một chi tiết khá thú vị. Trong kinh điển đức Phật luôn dùng khái niệm “mười phương”, còn các thầy ngoại đạo ở đây lại dùng “tám phương”, chứng tỏ họ không hề biết đến hai phương trên và dưới (thượng phương, hạ phương).

“Phật dạy: ‘Đại vương! Lành thay, lành thay! Giờ chỉ nên lo việc xây dựng thêm chỗ ở cho chúng tăng ở khắp nơi trong nước này. Vì sao vậy? Nếu ta với họ so nhau về thần lực thì trong đồ chúng của họ sẽ có nhiều người thọ nhận sự giáo hóa [của ta]. Chốn này nhỏ hẹp, làm sao đủ dung chứa hết?’

“Thiện nam tử! Khi ấy ta vì bọn sáu thầy ngoại đạo mà thị hiện những thần thông biến hóa lớn lao chưa từng thấy, suốt từ ngày mồng một cho đến ngày rằm. Trong quãng thời gian ấy, có vô lượng chúng sanh phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; vô lượng chúng sanh đối với *Tam bảo* phát khởi lòng tin chẳng còn nghi ngờ, vô lượng đồ chúng của sáu thầy ngoại đạo đều lìa bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo Chánh pháp; vô lượng chúng sanh đạt được tâm không thoái chuyển đối với quả vị *Bồ-đề*; vô lượng chúng sanh đạt được pháp *Đà-la-ni*, các môn *Tam-muội*; vô lượng chúng sanh chúng đắc từ quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả *A-la-hán*.

“Bấy giờ, bọn sáu thầy ngoại đạo lấy làm hổ thẹn trong lòng, liền kéo nhau đến thành *Bà-chỉ-đà*, dạy cho nhân dân ở đó tin nhận theo tà pháp, bảo họ rằng: ‘*Sa-môn Cồ-đàm* chỉ dạy có một việc “*không*” mà thôi!’

“Thiện nam tử! Khi ấy, ta vì mẹ mà hiện lên cõi trời *Dao-lợi*, an cư thuyết pháp dưới cội cây *Ba-lợi-chất-đa*.

“Trong khi đó, bọn sáu thầy ngoại đạo rất vui mừng, bảo nhau rằng: ‘Hay thay! Nay nhà huyền thuật *Cồ-đàm* đã đi mất rồi!’ Họ lại truyền dạy [những điều làm] cho vô lượng vô số chúng sanh tăng trưởng tà kiến.

“Bấy giờ, vua *Tần-bà-sa-la*, vua *Ba-tư-nặc* cùng với *Bốn bộ chúng* liền bạch với *Mục-kiền-liên* rằng: ‘Đại đức! Cõi *Diêm-phù-đề* này tà kiến tăng trưởng, chúng sanh thật đáng thương, đi vào nơi hết sức tối tăm, u ám! Thỉnh cầu đại đức lên cõi trời kia, đánh lễ đức Thế Tôn, chuyển bạch những lời của chúng tôi như thế này: Như nghe con vừa sanh ra chưa bao lâu, nếu không có sữa bú thì chắc chắn phải chết. Chúng sanh cõi này cũng giống như vậy! Cầu xin Như Lai thương xót chúng sanh, trở lại trụ nơi đây!’

“Lúc đó, *Mục-kiền-liên* lặng thính nhận lời. Rồi chỉ trong khoảng thời gian như người đại lực sĩ co duỗi cánh tay, ông lên đến cảnh trời *Đao-lợi*, đến chỗ Thế Tôn bạch rằng: ‘*Bốn chúng* trong cõi *Diêm-phù-đề* thấy đều khát ngưỡng Như Lai, mong được gặp Phật, nghe Pháp. Vua *Tần-bà-sa-la*, vua *Ba-tư-nặc* cùng với *Bốn chúng* đều dập đầu dưới chân ngài thưa rằng: Chúng sanh trong cõi *Diêm-phù-đề* này, tà kiến tăng trưởng, đi vào chỗ hết sức tối tăm u ám, thật đáng thương thay! Như nghe con vừa sanh ra chưa bao lâu, nếu không có sữa chắc chắn sẽ chết. Chúng con cũng vậy, nguyện cầu Như Lai vì các chúng sanh mà quay trở lại cõi *Diêm-phù-đề*!’

“Phật bảo *Mục-kiền-liên*: ‘Nay ông hãy cấp tốc trở về cõi *Diêm-phù-đề*, bảo với các vị quốc vương và *Bốn bộ chúng* rằng, sau bảy ngày nữa, Như Lai sẽ trở xuống. Ta sẽ vì [việc khuất phục] bọn sáu thầy ngoại đạo mà đến tại thành *Bà-chỉ-đà*.’

“Qua bảy ngày sau, đức Phật cùng với *Đế-thích*, *Phạm thiên*, *Ma thiên*, vô lượng chư thiên [cõi trời *Đao-lợi*] và chư thiên cõi trời Tịnh Cư; tất cả chư thiên như vậy cùng

với mọi người đều vây quanh Như Lai, cùng đi đến thành *Bà-chỉ-đà*. Như Lai phát ra tiếng [giảng pháp rền vang như tiếng] sư tử rống, dạy rằng: ‘Chỉ trong Chánh pháp của ta mới thật có hàng *sa-môn* và *bà-la-môn*. Tất cả các pháp đều là *vô thường*, *vô ngã*; *Niết-bàn* là vắng lặng an tĩnh, lìa khỏi mọi sự lỗi lầm xấu ác. Nếu nói rằng trong pháp khác cũng có *sa-môn* và *bà-la-môn*, có *thường*, có *ngã*, có *Niết-bàn*, đó là lời nói hoàn toàn vô lý.’

“Khi ấy, có vô lượng vô biên chúng sanh [nghe được lời ấy liền] phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Bấy giờ, bọn sáu thầy ngoại đạo lại bảo nhau rằng: ‘Nếu trong pháp của chúng ta thật không có *sa-môn*, *bà-la-môn*, vì sao lại được thế gian cúng dường?’ Nói vậy rồi, bọn họ lại tụ họp nhau cùng đi đến thành *Tỳ-xá-ly*.

“Thiện nam tử! Sau một thời gian, ta cũng đến thành *Tỳ-xá-ly*, nơi khu rừng *Am-la*. Khi ấy, nàng *Am-la* biết ta đang ở đó nên muốn tìm đến. Vào lúc đó ta dạy chư *tỳ-kheo* rằng: ‘Nên quán [bốn] niệm xứ [là *thân*, *thọ*, *tâm*, *pháp*], khéo tu trí tuệ; tùy chỗ tu tập, đừng để tâm buông thả, lười nhác.’

“Sao gọi là quán [bốn] niệm xứ? Nếu *tỳ-kheo* nào quán sát trong thân chẳng thấy có gì là ‘*ta*’ và ‘*vật của ta*’, quán sát bên ngoài thân và khắp trong ngoài thân cũng chẳng thấy có gì là ‘*ta*’ và ‘*vật của ta*’. Đối với các cảm thọ, với tâm, với các pháp cũng đều quán sát như vậy. Đó gọi là [quán bốn] niệm xứ.

“Sao gọi là tu tập trí tuệ? Nếu *tỳ-kheo* nào thấy biết chân thật về *khổ*, *tập*, *diệt*, *đạo*, đó gọi là *tỳ-kheo* tu tập trí tuệ.

“Sao gọi là tâm không buông thả, lười nhác? Nếu *tỳ-kheo* nào *niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả,¹ niệm thiên*, đó gọi là *tỳ-kheo* tâm không buông thả, lười nhác.’

“Khi ấy, nàng *Am-la* đi đến chỗ ta, cúi đầu và mặt làm lễ sát chân ta, đi quanh ba vòng tỏ lòng cung kính, rồi lui lại ngồi sang một bên.

“Thiện nam tử! Lúc đó ta vì nàng *Am-la* mà thuyết pháp thích hợp. Nghe xong, nàng ấy phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Bấy giờ, trong thành ấy có đến năm trăm người thuộc họ *Lê-xa²* cùng đi đến chỗ ta, cúi đầu và mặt làm lễ sát chân ta, đi quanh ba vòng tỏ lòng cung kính, rồi lui lại ngồi sang một bên. Lúc đó ta lại vì những người họ *Lê-xa* mà thuyết pháp thích hợp với họ rằng: ‘Các thiện nam tử! Nếu ai buông thả, lười nhác thì phải chịu năm loại quả báo. Những gì là năm? Một là về tài lợi không được đầy đủ như ý, hai là tiếng xấu lan truyền đâu đâu cũng biết, ba là không ưa thích bố thí rộng rãi cho người nghèo khổ, bốn là không ưa thích gặp gỡ *Bốn chúng*, năm là không được thân chư thiên cõi trời.

“Các thiện nam tử! Do việc không buông thả, lười nhác mà có thể sanh ra các pháp thế gian cùng pháp xuất thế gian. Nếu ai muốn đạt được quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cần phải siêng năng tu tập pháp không buông thả, lười nhác.

¹ Niệm xả cũng là niệm bố thí, vì tu tập bố thí tức là buông xả, không bám giữ vật sở hữu. Các pháp trình bày ở đây gọi chung là Lục niệm xứ.

² Họ *Lê-xa* (*Liçavi*), cũng phiên âm là *Lục-sĩ*, là một dòng họ lớn đang rất có thế lực tại thành *Tỳ-xá-ly* vào thời bấy giờ.

“Người buông thả, lười nhác lại có mười ba loại quả báo. Những gì là mười ba? Một là việc làm đều vì [các pháp] thế gian, hai là ưa thích nói ra những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu mê ngủ, bốn là ưa thích nói việc thế gian, năm là thường ưa thích gần gũi bạn xấu, sáu là thường ưa biếng nhác chậm trễ, bảy là thường bị người khác khinh chê, tám là có những việc được nghe lại thường quên mất, chín là ưa thích ở nơi xa xôi hẻo lánh, mười là không thể điều phục các căn, mười một là ăn uống không biết vừa đủ, mười hai là không ưa thích sự vắng lặng, an tĩnh, mười ba là chỗ thấy biết không chân chánh. Đó là mười ba loại quả báo.

“Thiện nam tử! Nếu là người buông thả, lười nhác, tuy được gần Phật và đệ tử Phật nhưng cũng giống như ở xa!”

“Những người họ *Lê-xa* bạch rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Chúng con tự biết mình là những người buông thả, lười nhác. Vì sao vậy? Nếu chúng con không phải người buông thả, lười nhác thì đấng Pháp vương Như Lai hẳn đã ra đời nơi đất nước của chúng con!’

“Khi ấy, trong pháp hội có một *bà-la-môn* tên là Vô Thắng, nói với những người họ *Lê-xa* rằng: ‘Lành thay, lành thay! Đúng như lời các ông vừa nói. Vua *Tần-bà-sa-la* đã được lợi ích lớn, Như Lai Thế Tôn xuất hiện nơi đất nước của vua ấy, cũng như trong ao lớn sanh ra hoa sen màu nhiệm, tuy sanh trong nước nhưng không bị [bùn] nước làm hoen ố.

“Các vị *Lê-xa*! Đức Phật cũng vậy, tuy ngài sanh ra ở nước kia, nhưng chẳng bị pháp thế gian làm ngăn ngại,

trì trệ. Chư Phật Thế Tôn thật không có sự xuất nhập, nhưng vì chúng sanh nên xuất hiện ở đời, không bị pháp thế gian làm ngăn ngại, trì trệ.

“Chỉ vì các ông tự mình mê muội, đắm say trong năm dục, không biết gần gũi, tìm đến chỗ Như Lai, cho nên gọi là người buông thả, lười nhác. Không phải vì Phật xuất hiện ở nước *Ma-già-đà* [của vua *Tần-bà-sa-la*] mà các ông mang tiếng là buông thả, lười nhác. Vì sao vậy? Đức Như Lai Thế Tôn như mặt trời mặt trăng, không phải chỉ vì một người, hai người mà xuất hiện ở đời.”

“Bấy giờ, nghe được lời ấy rồi, những người họ *Lê-xa* liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, lại ngợi khen rằng: ‘Lành thay, lành thay! Chàng Vô Thắng này có thể sáng khoái nói ra những lời nhiệm mầu sâu xa như thế!’

“Lúc đó, những người họ *Lê-xa* đều cởi áo đang mặc trên người mà cúng dường Vô Thắng. Vô Thắng nhận áo rồi mang dâng tất cả cho ta, thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con đã nhận được những áo này từ những người họ *Lê-xa*, xin nguyện đức Như Lai thương xót chúng sanh mà thọ nhận sự hiến cúng của con.’

“Khi ấy, ta vì lòng thương Vô Thắng nên thọ nhận. Những người họ *Lê-xa* liền cùng nhau chấp tay bạch rằng: ‘Xin nguyện đức Như Lai an cư một thời gian nơi đây, thọ nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của chúng con.’ Ta im lặng chấp nhận lời thỉnh cầu ấy.

Bọn sáu thầy ngoại đạo nghe biết việc ấy, liền cùng nhau dẫn dắt đồ chúng đi sang thành *Ba-la-nại*.

“Bấy giờ, ta lại sang thành *Ba-la-nại*, ở nơi bờ sông *Ba-la*. Khi ấy, ở *Ba-la-nại* có một chàng con nhà trưởng giả tên là Bảo Xung, đắm say năm món dục, không biết đó là vô thường. Nhờ có ta đến nơi ấy, Bảo Xung liền tự nhiên đạt được phép quán xương trắng, nhìn thấy các nàng hầu, mỹ nữ trong nhà mình chỉ toàn là những bộ xương trắng mà thôi. Chàng ấy lòng sanh ghê sợ như nhìn thấy đao kiếm, rắn độc, giặc cướp, lửa dữ... liền bỏ chạy ra khỏi nhà, tìm đến chỗ ta, trên đường đi luôn miệng nói rằng: ‘*Sa-môn Cồ-đàm!* Nay con như bị giặc cướp rượt đuổi, khiếp sợ vô cùng, xin ngài cứu giúp!’

“Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Phật, Pháp, Tăng là an ổn, không sợ sệt.’ Chàng trưởng giả bạch rằng: ‘Nếu trong *Tam bảo* không có sự sợ sệt, nay con nguyện cũng sẽ được sự không sợ sệt ấy.’ Ta liền cho phép Bảo Xung xuất gia nhập đạo.

“Khi ấy, Bảo Xung lại có năm mươi người bạn, nghe tin Bảo Xung chán bỏ sự vui hưởng dục mà xuất gia liền đồng lòng cùng nhau xuất gia. Bọn sáu thầy ngoại đạo nghe biết sự việc liền dần dà kéo nhau sang cả bên thành lớn *Chiêm-bà*.

“Bấy giờ tại thành *Chiêm-bà*, tất cả nhân dân đều phụng sự đồ chúng của bọn sáu thầy ngoại đạo, chưa từng nghe biết đến các danh xưng Phật, Pháp, Tăng, nên có rất nhiều người phạm vào những việc cực ác. Khi ấy, ta vì [thương xót] chúng sanh nên đến thành *Chiêm-bà*.

“Trong thành lúc ấy có một đại trưởng giả không con nối dõi, lo việc phụng sự cho bọn sáu thầy ngoại đạo để cầu được có con.

“Rồi chẳng bao lâu, vợ người ấy mang thai. Trưởng giả biết vợ có thai liền đến chỗ bọn sáu thầy ngoại đạo, vui vẻ hỏi rằng: ‘Vợ tôi mang thai, đó là trai hay gái?’ Bọn sáu thầy ngoại đạo đáp: ‘Chắc chắn sẽ sanh con gái.’

“Nghe như vậy, trưởng giả lấy làm sầu não. Khi ấy có người trí thức đến hỏi trưởng giả rằng: ‘Tại sao ông sầu não như vậy?’ Trưởng giả đáp: ‘Vợ tôi mang thai, tôi chưa biết là trai hay gái, nên tôi đến hỏi sáu thầy ngoại đạo. Họ dạy rằng: Như tướng pháp của ta, quyết định sẽ sanh con gái. Nghe lời ấy rồi, tôi tự nghĩ mình tuổi đã già, giàu có vô cùng, nếu không có con trai thì biết lấy ai thừa kế? Vì vậy nên tôi buồn rầu.’

“Người trí thức kia liền khuyên rằng: ‘Ông thật không có trí tuệ, từ trước tới nay không nghe biết gì sao? Anh em ông *Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp* là đệ tử của ai? Là đệ tử Phật hay đệ tử sáu thầy ngoại đạo? Nếu sáu thầy ngoại đạo là những người biết tất cả, tại sao ông *Ca-diếp* bỏ đi mà chẳng thờ, lại đến làm đệ tử Phật? Lại nữa, các ông *Xá-lợi-phất*, *Mục-kiền-liên*... các vị quốc vương như vua *Tần-bà-sa-la*... các bậc hoàng hậu, phu nhân như bà *Mạt-lợi*... các vị trưởng giả ở các nước như bọn ông *Tu-đạt-đa*... Những người như vậy, chẳng phải đều là đệ tử Phật cả sao? Lại như quý thân Khoáng Dã, vua *A-xà-thế*, voi say Hộ Tài, *Ưong-quật-ma-la* ác tâm mãnh liệt muốn giết hại mẹ mình, những trường hợp như vậy há chẳng phải đều do đức Như Lai điều phục hay sao?

“Trưởng giả! Đức Như Lai Thế Tôn đối với tất cả các pháp đều rõ biết không ngăn ngại nên được xưng là Phật. Lời ngài nói ra chân thật duy nhất nên gọi là Như Lai. Ngài đã dứt trừ hết mọi phiền não nên gọi là bậc Ứng

Cúng, [xứng đáng nhận sự cúng dường của tất cả chúng sanh]. Lời dạy của đức Thế Tôn bao giờ cũng là chân thật duy nhất. Bọn sáu thầy ngoại đạo không được như thế, làm sao có thể tin được? Hiện nay đức Như Lai đang ở gần đây, nếu muốn biết sự thật thì ông nên đến chỗ Phật.’

“Khi đó, trưởng giả liền đi với người ấy đến chỗ ta, cúi đầu và mặt lễ bái sát chân ta, đi quanh ba vòng cung kính, rồi chấp tay quỳ mọp, thưa rằng: “Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không phân biệt; kẻ oán, người thân đều xem như nhau. Con nay bị dây luyến ái trói buộc, không thể không phân biệt kẻ oán, người thân. Nay con muốn thưa hỏi Như Lai Thế Tôn, nhưng tự trong lòng cảm thấy xấu hổ, sợ sệt không dám nói ra. Bạch Thế Tôn! Vợ con mang thai, sáu thầy ngoại đạo đều nói chắc rằng sẽ sanh con gái. Việc ấy là thế nào?”

“Phật dạy: ‘Trưởng giả! Đứa con trong thai vợ ông đó chắc chắn là trai. Đứa trẻ ấy sanh ra rồi, phước đức không ai bằng.’

“Khi ấy, trưởng giả nghe lời ta dạy rồi, hết sức vui vẻ, bèn trở về nhà. Bọn sáu thầy ngoại đạo nghe ta nói trước rằng đứa trẻ chưa sanh kia là con trai và có phước đức lớn, liền sanh lòng ganh ghét. Họ dùng trái *am-la* trộn thuốc độc vào, mang đến nhà trưởng giả, nói rằng: ‘Sung sướng thay! *Cô-đàm* khéo nói ra được tướng này! Khi nào vợ ông sắp sanh, nên cho uống thuốc này. Uống thuốc này rồi thì đứa con sẽ được đoan chánh, người mẹ không có bệnh hoạn.’

“Trưởng giả vui vẻ nhận lãnh thuốc độc, [đến lúc gần sanh] đưa cho vợ uống. Bà uống thuốc rồi liền chết ngay!

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lấy làm mừng rỡ, đi khắp trong thành thị lớn tiếng rêu rao rằng: ‘*Sa-môn Cồ-đàm* nói trước rằng vợ trưởng giả ấy sẽ sanh con trai, đứa con ấy sẽ có phước đức trong thiên hạ không ai hơn. Nay đứa trẻ chưa sanh ra mà người mẹ đã bỏ mạng!’

“Khi ấy, trưởng giả đối với ta lại mất lòng tin, liền y theo pháp thế gian mà khâm liệm quan quách, đưa ra ngoài thành, chất nhiều củi khô, [chuẩn bị] dùng lửa thiêu.

“Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc ấy, liền bảo *A-nan*: ‘Mang y đến cho ta, ta muốn đến nơi đó phá trừ tà kiến.’

“Ngay lúc đó, Thiên vương *Tỳ-sa-môn* liền bảo vị Đại tướng *Ma-ni-bạt-đà* rằng: ‘Nay Như Lai muốn ngự đến chỗ bãi tha ma ấy. Khanh mau tới đó dọn dẹp, quét rửa, đặt tòa ngồi sư tử, tìm những loại hương hoa thơm đẹp để làm trang nghiêm vùng đất ấy.’

“Khi ấy, bọn sáu thầy ngoại đạo từ xa nhìn thấy ta đi đến, liền bảo nhau rằng: ‘*Sa-môn Cồ-đàm* đến bãi tha ma này, chắc là muốn ăn thịt chằng?’

“Bấy giờ, có nhiều người chưa chứng đắc pháp nhãn trong số các cư sĩ nam, thấy đều lấy làm hổ thẹn, thưa với ta rằng: ‘Người đàn bà ấy đã chết, xin Phật không nên đến đó.’

“Lúc đó, *A-nan* liền nói bảo mọi người rằng: ‘Hãy đợi một chút! Không bao lâu nữa Như Lai sẽ mở rộng cảnh giới của chư Phật.’

“Khi ta đến nơi, liền ngự trên tòa sư tử. Trưởng giả cất vấn ta rằng: ‘Vì nói lời chân thật duy nhất nên ngài được xưng là Thế Tôn. Nhưng nay người mẹ đã chết rồi, làm sao sanh con trai?’

“Ta nói: ‘Trưởng giả! Lúc trước ông không hề hỏi ta về mạng số người mẹ dài hay ngắn, ông chỉ hỏi ta về cái thai đó là trai hay gái mà thôi. Chư Phật Như Lai nói ra đều là lời chân thật duy nhất, cho nên phải biết rằng ông chắc chắn sẽ được con trai.’

“Lúc ấy, tử thi bị lửa thiêu, bụng nứt ra, rồi từ trong bụng hiện ra đứa con, ngồi ngay ngắn trong lửa như chim uyên ương đậu trên tòa sen.

“Bọn sáu thầy ngoại đạo thấy vậy liền nói: ‘Yêu mị thay! *Cô-đàm* thật khéo làm ảo thuật!’

“Trưởng giả nhìn thấy như vậy trong lòng mừng rỡ, quở trách sáu thầy ngoại đạo rằng: ‘Nếu nói là ảo thuật, sao các ông không làm được như vậy?’

“Lúc ấy, ta bảo *Kỳ-bà*:¹ ‘Ông hãy vào trong lửa, bế đứa bé ấy ra đây.’

“*Kỳ-bà* vừa chuẩn bị bước đi, bọn sáu thầy ngoại đạo liền đến trước mặt ngăn lại, bảo *Kỳ-bà* rằng: ‘Sự biến hóa ảo thuật của *sa-môn Cô-đàm* không phải lúc nào cũng vậy, có khi được, có khi chẳng được. Nếu như chẳng được thì ông có thể bị hại. Sao ông lại tin lời ấy?’

“*Kỳ-bà* đáp: ‘Giá như đức Như Lai sai tôi vào địa ngục *A-tỳ* thì lửa dữ nơi ấy cũng sẽ không thể đốt được tôi, huống chi là lửa ở thế gian!’

“Liền đó, *Kỳ-bà* bước vào trong đám lửa, dường như đi vào dòng nước sông mát mẻ, bế lấy đứa bé rồi trở ra đi đến chỗ ta, trao nó cho ta. Ta nhận đứa bé rồi, bảo trưởng

¹ *Kỳ-bà*: vị này chính là vị đại y sư, em cùng cha khác mẹ với vua *A-xà-thế*, người đã thuyết phục vua *A-xà-thế* đến quy y với Phật.

giả rằng: ‘Thọ mạng của tất cả chúng sanh không có gì chắc chắn, chỉ như bọt trên mặt nước. Nếu chúng sanh có nghiệp quả lớn lao thì lửa không thiêu được, thuốc độc không hại được. Việc này là do nghiệp quả của đứa bé, không phải do ta làm được!’

“Khi ấy, trưởng giả bạch rằng: ‘Lành thay, Thế Tôn! Nhờ có được đứa bé này con mới thấu rõ được nghiệp quả, nguyện Như Lai đặt tên cho nó.’

“Phật dạy: ‘Trưởng giả! Đứa bé này sanh ra trong lửa dữ. Lửa gọi là *thọ-đề*,¹ vậy nên đặt tên nó là *Thọ-đề*.’

“Bấy giờ, những người có mặt nơi ấy đều được thấy ta biến hóa thân thông, nên có vô lượng chúng sanh liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lúc đó, bọn sáu thầy ngoại đạo đã đi qua khắp sáu thành lớn nhưng chẳng được dừng chân ở đâu cả, phải cúi đầu hổ thẹn. Rồi họ lại đến thành *Câu-thi-na* này. Khi đến đây rồi, họ tuyên bố rằng: ‘Mọi người nên biết, *sa-môn Cô-đàm* là nhà ảo thuật lớn, đối gạt thiên hạ trong khắp sáu thành lớn. Ví như một nhà ảo thuật giả đối tạo ra bốn loại quân: quân dùng xe, quân cưỡi ngựa, quân cưỡi voi, quân đi bộ. Người ấy lại còn giả đối tạo ra mọi thứ như chuỗi ngọc, thành quách, cung điện, sông rạch, hồ ao, cây cối... *Sa-môn Cô-đàm* cũng vậy, ông ấy giả đối tạo tác thân vua. Vì sự thuyết pháp nên ông hóa làm thân *sa-môn*, thân *bà-la-môn*, thân nam, thân nữ, thân nhỏ hoặc thân lớn. Có khi ông làm thân súc sanh, thân quỷ thần. Hoặc ông thuyết *vô thường*, hoặc ông thuyết *hữu*

¹ Phạn ngữ *teja* có nghĩa là ngọn lửa, phiên âm là *thọ-đề*.

thường; có khi ông thuyết là khổ, có khi ông thuyết là vui; hoặc ông thuyết *hữu ngã*, hoặc ông thuyết *vô ngã*; hoặc ông thuyết *hữu tịnh*, hoặc ông thuyết *bất tịnh*; có lúc ông thuyết *hữu*, có lúc ông thuyết *vô*. Việc làm của ông ấy là hư vọng, nên gọi là *ảo*.

“Ví như do nơi hạt giống mà có được quả; *sa-môn Cồ-đàm* cũng vậy, do nơi bà *Ma-da* mà sanh ra. Mẹ là huyền,¹ con không thể không là huyền! *Sa-môn Cồ-đàm* không có chỗ thấy biết chân thật. Các thầy *bà-la-môn* trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh, giữ gìn giới cấm, còn nói là chưa có sự thấy biết chân thật, hướng chi *Cồ-đàm*, tuổi trẻ học cạn, không tu khổ hạnh, làm sao có được chỗ thấy biết chân thật? Nếu có thể tu tập trọn đủ bảy năm khổ hạnh, chỗ thấy biết còn chưa nhiều, hướng chi ông ấy tu tập chưa được sáu năm! Chỉ những kẻ ngu si không có trí tuệ mới tin nhận lời dạy của *Cồ-đàm*. Như nhà ảo thuật lớn dối gạt những kẻ ngu, *sa-môn Cồ-đàm* cũng giống như vậy.”

“Thiện nam tử! Bọn sáu thầy ngoại đạo ấy cố hết sức làm cho chúng sanh trong thành này tăng trưởng tà kiến. Thiện nam tử! Ta thấy việc ấy sanh lòng thương xót, bèn dùng thần lực triệu thỉnh chư Đại Bồ Tát Mười phương tụ hội về nơi rừng này, đầy khắp trong một vùng ngang dọc là bốn mươi *do-diên*, ta ở giữa nơi này mà phát tiếng [pháp âm rền vang như tiếng] rống của sư tử chúa.

“Thiện nam tử! Dù có giảng thuyết nhiều ở nơi vắng vẻ cũng không gọi là như tiếng rống của sư tử. [Thuyết

¹ Ở đây bọn sáu thầy ngoại đạo dùng lối xảo ngữ, lấy tên của hoàng hậu là *Māyā* (mẹ đức Phật), có nghĩa là “huyền ảo, không thật” để gán ghép với sự tuyên truyền của họ, cho rằng đức Phật là nhà ảo thuật, huyền sư.

pháp] giữa đại chúng toàn những bậc trí tuệ như thế này mới thật là [rền vang như tiếng rống của] sư tử chúa! Thuyết pháp đó, là giảng nói rằng tất cả các pháp đều *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*; chỉ riêng nói rằng Như Lai là *thường, lạc, ngã, tịnh* mà thôi!

“Lúc ấy, bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói rằng: ‘Nếu *Cô-đàm* có *ngã*, chúng ta cũng có *ngã*. Nói *ngã* đó, là người nhìn thấy [vật] gọi là *ngã*. *Cô-đàm*! Ví như có người nhìn theo một hướng mà thấy vật. Cái *ngã* cũng như vậy. Hướng là ví với con mắt, người thấy đó là ví với *ngã*.’

“Phật bảo bọn sáu thầy ngoại đạo rằng: ‘Nếu nói người thấy đó là *ngã*, nghĩa ấy chẳng đúng. Vì sao vậy? Như ví dụ mà các ông dẫn ra đó: ‘*nhìn theo một hướng mà thấy*’, người ở tại một hướng mà dùng đủ sáu căn, nếu quyết định là có một cái *ngã* nhân nơi con mắt mà thấy, vì sao trong một [nhãn] căn của người kia không nhận biết được tất cả các trần? Nếu trong một căn không thể cùng lúc nghe thấy nhận biết cả sáu trần, nên biết rằng [trong đó] thật không có *ngã*.’

“Theo các ông nói rằng ‘*hướng là ví với con mắt*’, thì dù trải qua trăm năm, người thấy là nhân nơi hướng nên chỗ thấy [lẽ ra] không thay đổi! Nếu con mắt đúng là như thế, thì khi tuổi già mắt yếu, lẽ ra [chỗ thấy] cũng không thay đổi. Lại nữa, người và hướng khác nhau nên thấy trong, thấy ngoài; nếu con mắt đúng là như các ông nói, lẽ ra cũng cùng lúc thấy trong, thấy ngoài. Nếu là không thấy, làm sao có *ngã*?’

“Sáu thầy ngoại đạo lại nói rằng: ‘*Cô-đàm*! Nếu không có *ngã* thì ai là người có khả năng thấy đó?’

“Phật dạy: ‘Có hình sắc, có ánh sáng, có tâm thức, có con mắt, bốn điều kiện này hợp lại gọi là *thấy*. Trong [sự thấy] đó thật không có *người nhìn thấy*, không có *đối tượng được thấy*. Chúng sanh điên đảo nói rằng có *người nhìn thấy* và có *đối tượng được thấy*. Vì nghĩa ấy, chỗ thấy của tất cả chúng sanh là điên đảo, chỗ thấy của chư Phật, Bồ Tát là chân thật.

‘Này các ông! Nếu nói rằng *sắc* là *ngã*, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì *sắc* thật không phải *ngã*. Nếu *sắc* là *ngã*, lẽ ra không có những hình mạo thô xấu [không ai mong muốn]! Vì sao lại có bốn dòng tộc khác nhau mà không duy nhất chỉ một dòng *Bà-la-môn*? Vì sao phải phụ thuộc vào những điều kiện khác mà không được như ý muốn, như người các căn khiếm khuyết, sanh ra đã không đầy đủ? Vì sao không tạo ra thân chư thiên [tốt đẹp] mà phải nhận chịu những thân địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ đủ loại? Nếu *không thể tùy ý làm ra*, nên biết chắc chắn là vì không có *ngã*. Vì không có *ngã* nên gọi là *vô thường*. Vì *vô thường* nên *khổ*. Vì *khổ* nên là không [thật]. Vì không [thật] nên là điên đảo. Do điên đảo mà tất cả chúng sanh đều phải trôi lăn trong sanh tử. [Các *ám*] *thọ, tưởng, hành, thức* cũng [giống như *sắc*] vậy.

“Này các ông! Đấng Như Lai Thế Tôn đã dứt trừ mãi mãi sự trói buộc của *sắc* cho đến sự trói buộc của *thức*.¹ Vì thế nên xưng là *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Lại nữa, *sắc* tức là nhân duyên. Nếu là nhân duyên thì gọi là *vô ngã*. Nếu là *vô ngã* thì là *khổ*, là *không [thật]*.

¹ Tức là nói tóm gọn về sự trói buộc của cả năm *ám*: *sắc, thọ, tưởng, hành* và *thức*.

Thân Như Lai không phải nhân duyên. Vì không phải nhân duyên nên gọi là có *ngã*. Nếu có *ngã* tức là *thường, lạc, ngã, tịnh*.’

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói: ‘*Cồ-đàm!* *Sắc* cũng không phải *ngã*, cho đến *thức* cũng không phải *ngã*; cái *ngã* đó biến hiện khắp mọi nơi, cũng như hư không.’

“Phật dạy: ‘Nếu có sự biến hiện, ắt không thể nói rằng: *Trước đây tôi không thấy*. Nếu *trước đây không thấy*, nên biết rằng cái thấy ấy là *trước không mà sau mới có*. Nếu trước là không sau mới có thì gọi là *vô thường*. Nếu là *vô thường*, làm sao nói là biến hiện? Nếu có sự biến hiện, thì trong năm nẻo lẽ ra đều có [hiện] đủ các thân. Nếu có [nhiều] thân [như vậy], lẽ ra mỗi thân đều thọ quả báo. Nếu mỗi thân đều thọ quả báo, làm sao nói rằng [có sự] chuyển sanh [thọ thân] ở hai cõi trời, người?’

“Các ông nói *biến hiện*, vậy đó là *một* hay là *nhiều*? Nếu *ngã* là *một*, ắt sẽ không có [phân ra] cha, con, kẻ oán, người thân, hoặc chẳng oán chẳng thân. Nếu *ngã* là *nhiều* thì *năm căn* của tất cả chúng sanh lẽ ra phải bình đẳng như nhau; nghiệp báo, trí tuệ cũng giống như nhau. Nếu là như vậy, sao nói rằng có người các căn đầy đủ, có người không đầy đủ; có nghiệp lành, nghiệp dữ; có kẻ ngu, người trí khác nhau?”

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói: ‘*Cồ-đàm!* Cái *ngã* của chúng sanh là [cùng khắp] không có giới hạn, nhưng *pháp* và *phi pháp* thì có sự phân chia rõ ràng. Chúng sanh tu tập theo *pháp* ắt được thân tốt đẹp, nếu làm những việc *phi pháp* thì phải chịu thân xấu xí. Vì nghĩa ấy, nghiệp quả của chúng sanh không thể không sai khác.’

“Phật dạy: ‘Này các ông! Nếu *pháp* và *phi pháp* là như vậy thì cái *ngã* không có sự biến hiện [như các ông nói]. Nếu cái *ngã* có biến hiện, ắt phải đến được khắp mọi nơi. Nếu nó đến khắp mọi nơi, thì người tu thiện lẽ ra cũng có ác, kẻ làm ác lẽ ra cũng có thiện! Nếu không phải như thế, sao gọi là *biến hiện*?’

“Sáu thầy ngoại đạo lại biện bạch: ‘*Cô-đàm*! Ví như thắp lên trăm ngàn ngọn đèn trong một căn phòng, đèn này chiếu sáng không làm ngăn ngại đèn khác. Cái *ngã* của chúng sanh cũng giống như vậy, việc tu thiện và làm ác không lẫn lộn nhau.’

“Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Nếu các ông nói rằng cái *ngã* như ngọn đèn, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Ánh sáng của ngọn đèn là do duyên mà có, đèn càng lớn thì ánh sáng càng mạnh. Cái *ngã* của chúng sanh không phải vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn phát ra, trụ ở nơi khác. Cái *ngã* của chúng sanh không giống như thế, [không phải] từ thân mà ra, trụ ở nơi khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia vốn cùng tồn tại với bóng tối. Vì sao vậy? Như trong căn phòng tối, thắp lên một ngọn đèn thì không đủ sáng rõ. Đến khi thắp lên nhiều ngọn đèn thì mới sáng rõ. Nếu ngọn đèn đầu tiên đã phá trừ bóng tối thì không cần đến những ngọn đèn sau. Nếu đã cần đến những ngọn đèn sau, thì nên biết rằng ánh sáng ban đầu vẫn cùng tồn tại với bóng tối.’

“Bọn sáu thầy ngoại đạo lại nói: ‘*Cô-đàm*! Nếu không có *ngã* thì ai là người làm thiện, làm ác?’

“Phật dạy: ‘Nếu là cái *ngã* làm, sao gọi là thường? Nếu *ngã* là thường, sao có thể khi làm thiện, khi làm ác? Nếu

nói rằng có khi làm thiện, có khi làm ác, sao có thể nói rằng *ngã* là [cùng khắp] không có giới hạn? Nếu là cái *ngã* làm, vì sao lại có sự quen làm ác? Nếu cái *ngã* có làm, có biết, sao lại sanh lòng nghi rằng chúng sanh không có *ngã*? Vì nghĩa ấy, trong pháp ngoại đạo [của các ông] chắc chắn không có *ngã*.

“Nếu nói có *ngã*, ắt *ngã* đó phải là Như Lai. Vì sao vậy? Vì thân [Như Lai] là [cùng khắp] không có giới hạn; vì không còn có những sự nghi ngờ. Vì [Như Lai] không tạo tác, không thọ nhận nên gọi là *thường*. Vì [Như Lai] không sanh không diệt nên gọi là *lạc*. Vì [Như Lai] không có phiền não nhiễm ô nên gọi là *tịnh*. Vì [Như Lai] không có mười tướng¹ nên gọi là *không*. Vì thế, Như Lai là *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*, là rỗng không, không có các hình tướng.’

“Các thầy ngoại đạo thưa rằng: ‘Nếu nói Như Lai là *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*, vì không có tướng nên rỗng không, thì nên biết rằng giáo pháp mà *Cô-đàm* thuyết dạy chẳng phải là [chấp lấy] không. Nay chúng tôi xin cung kính thọ nhận và hành trì.’

“Bấy giờ, có vô số ngoại đạo phát khởi lòng tin đối với pháp Phật, xuất gia theo Phật.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy nên nay ta ở giữa rừng cây *sa-la* mọc sồng đôi này [thuyết giảng giáo pháp rền vang như tiếng] sư tử rống. Thuyết pháp [như tiếng sư tử rống], đó gọi là *Đại Niết-bàn*.

¹ Chỉ chung các tướng thế gian, bao gồm các tướng: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, sanh ra, tồn tại, diệt mất và hai tướng phân biệt nam, nữ.

“Thiện nam tử! Những cây sóng đôi ở phương đông là phá sự *vô thường* mà được *thường*... cho đến những cây sóng đôi ở phương bắc là phá sự *bất tịnh* mà được *tịnh*.¹

“Thiện nam tử! Những chúng sanh nơi đây vì các cây *sa-la* mọc sóng đôi mà gìn giữ bảo vệ rừng *sa-la*, không để cho người ngoài đến lấy đi cành lá hay chặt phá. Ta cũng vì *bốn pháp* mà khiến cho các đệ tử hộ trì pháp Phật. Những pháp nào là bốn? Đó là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Những cây sóng đôi ở bốn phương đó do bốn vua gìn giữ. Ta vì bốn vua ấy hộ trì *Chánh pháp* nên ở trong rừng này mà nhập *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Những cây *sa-la* mọc sóng đôi này thường có hoa quả sum suê, làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường làm lợi ích cho hàng Thanh văn, Duyên giác. Hoa là ví với *ngã*, quả là ví với *lạc*. Vì nghĩa ấy nên ta ở tại nơi đây, giữa những cây *sa-la* mọc sóng đôi mà nhập *Chánh định Đại tịch*. *Chánh định Đại tịch* gọi là *Đại Niết-bàn*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Vì sao Như Lai nhập *Niết-bàn* vào tháng hai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tháng hai nhằm mùa xuân. Những tháng trong tiết dương xuân, muôn vật đều sanh trưởng, cây trồng bén rễ, hoa quả phô bày tươi tốt, sông ngòi tràn đầy, trăm loài thú đua nhau sanh nở. Lúc này,

¹ Ở đây dùng bốn phương để ví với bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh, cho nên đoạn này mang ý nghĩa tóm gọn, có thể hiểu là cây ở phương đông ví với sự phá vô thường, được thường; phương nam ví với sự phá khổ, được lạc; phương tây ví với sự phá vô ngã, được chân ngã; phương bắc ví với sự phá bất tịnh, được tịnh.

có nhiều chúng sanh khởi lên tư tưởng [cho rằng các pháp là] thường tồn. Vì muốn phá cái tâm thường ấy của chúng sanh nên phải dạy rằng ‘tất cả các pháp đều là *vô thường*’, chỉ riêng nói Như Lai là thường trụ, không biến đổi.

“Thiện nam tử! So với các mùa khác trong năm, vào đầu mùa đông [thời tiết] đã khô khan, suy kiệt, mọi người không ai ưa thích; còn tiết xuân thì ấm áp ôn hòa, mát mẻ, ai ai cũng ham muốn, ưa thích. Vì muốn phá cái vui [tạm bợ] của thế gian nên phải giảng thuyết những lẽ *thường, lạc*.

“Đối với các lẽ *ngã, tịnh* cũng vậy. Như Lai vì muốn phá cái *ngã* [giả tạm] của thế gian, cái *tịnh* [giả tạm] của thế gian, nên mới giảng thuyết rằng Như Lai là *ngã* chân thật, là *tịnh* chân thật.

“Nói tháng hai là ví như hai loại Pháp thân của Như Lai.¹ Mùa đông chẳng ai ưa thích là ví với hàng trí giả không ưa thích việc Như Lai *vô thường*, nhập *Niết-bàn*. Tháng hai ai cũng ưa thích là ví với hàng trí giả ưa thích việc Như Lai là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Trồng cây [bén rễ] là ví với chúng sanh nghe Chánh pháp [sanh lòng] hoan hỷ, bèn phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, trồng các căn lành. Sông ngòi [tràn đầy] là ví với chư Đại Bồ Tát Mười phương đều tụ hội về chỗ Như Lai, thưa hỏi và thọ nhận kinh điển Đại *Niết-bàn* này. Trăm loài thú đua nhau sanh nở là ví với các đệ tử Phật sanh khởi các căn lành. Hoa là ví với *Bảy giác chi*, quả là ví với *Bốn thánh quả*.

¹ Hai loại Pháp thân, tức Pháp tánh Pháp thân và Phương tiện Pháp thân, cũng gọi là Lý Pháp thân và Trí pháp thân.

“Vì những nghĩa ấy nên ta nhập Đại *Niết-bàn* vào tháng hai.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Các ngày đản sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển Pháp luân của Như Lai đều là mồng tám, vì sao khi nhập *Niết-bàn* lại duy nhất chọn vào ngày rằm?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Vào ngày rằm, mặt trăng tròn đầy không khuyết. Chư Phật Như Lai cũng vậy, lúc vào *Niết-bàn* là tròn đầy không khuyết. Vì nghĩa ấy nên Phật chọn ngày rằm mà nhập *Niết-bàn* rất ráo.

“Thiện nam tử! Mặt trăng tròn sáng vào đêm rằm có mười một công năng. Những gì là mười một? Một là có thể phá trừ bóng tối; hai là giúp chúng sanh nhận ra đường đi; ba là giúp chúng sanh phân biệt đường đi đúng, sai; bốn là trừ được sự nóng bức, mang lại sự mát mẻ vui thích; năm là có thể phá trừ lòng cao ngạo của lửa đom đóm; sáu là ngăn chặn mọi ý tưởng trộm cướp; bảy là giúp chúng sanh không còn lo sợ thú dữ; tám là giúp cho hoa *ưu-bát-la* nở; chín là khiến cho hoa sen khép lại; mười là gây sự phấn khởi trong lòng người đi đường, khiến họ mạnh mẽ dần bước đi tới; mười một là khiến cho những chúng sanh ưa thích *năm dục* được nhiều khoái lạc.

“Thiện nam tử! Vàng trắng tròn Như Lai cũng giống như vậy, [cũng có mười một công năng]. Một là phá trừ bóng tối vô minh tràn khắp; hai là diễn thuyết [phân biệt] *chánh đạo, tà đạo*; ba là khai mở chỉ bày rằng sanh tử là hiểm ác, tà vạy, *Niết-bàn* là an bình, chánh trực; bốn là

khiến người lìa xa sự nóng bức của tham dục, sân khuể, ngu si; năm là phá tan ánh sáng [le lói] của ngoại đạo; sáu là phá trừ giặc phiền não trói buộc; bảy là trừ diệt lòng sợ sệt đối với *năm sự ngăn che* [trong tu tập]; tám là làm hiển lộ tâm muốn gieo trồng căn lành của chúng sanh; chín là che lấp ngăn chặn tâm [ham mê] *năm dục* của chúng sanh; mười là làm sanh khởi hạnh tu tiến của chúng sanh hướng về Đại Niết-bàn; mười một là khiến các chúng sanh ưa thích sự tu tập giải thoát.

“Vì những nghĩa ấy nên ta [thị hiện] nhập Đại Niết-bàn vào ngày rằm, nhưng thật ra ta không hề nhập Niết-bàn.

“Trong những đệ tử của ta, chỉ những kẻ xấu ác ngu si mới nói chắc rằng Như Lai đã nhập Niết-bàn. Ví như một người mẹ có nhiều con, bỏ đi đến một nước khác. Trong thời gian người mẹ chưa trở về, những đứa con đều nói rằng: ‘Mẹ tôi đã chết.’ Nhưng thật ra người mẹ ấy không hề chết!”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Những *tỳ-kheo* nào có thể làm trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này?”

“Thiện nam tử! Nếu *tỳ-kheo* nào thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ kinh, sửa đúng câu văn, thông đạt nghĩa lý sâu xa; vì người khác mà giảng giải phần đầu, phần giữa và phần cuối đều là tốt lành; vì muốn làm lợi ích vô lượng chúng sanh nên diễn thuyết hạnh thanh tịnh; vị *tỳ-kheo* như vậy ắt có thể làm trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như chỗ con hiểu lời Phật dạy thì *tỳ-kheo A-nan* chính là người ấy.

Vì sao vậy? Vì *tỳ-kheo A-nan* thọ trì, đọc tụng *Mười hai bộ kinh*, vì người khác mở bày giảng thuyết, lời chân chánh, nghĩa chân chánh. Giống như việc rót nước [từ bình này] sang bình khác, *tỳ-kheo A-nan* theo Phật nghe [Chánh pháp] rồi y theo chỗ được nghe mà thuyết giảng lại [đầy đủ với mọi người khác].”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào được thiên nhãn trong sạch, thấy khắp *Tam thiên Đại thiên thế giới* trong mười phương như người ta nhìn trái *a-ma-lặc* đặt trong lòng bàn tay; vị *tỳ-kheo* như vậy cũng có thể làm trang nghiêm rừng *sa-la* mọc đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì *tỳ-kheo A-na-luật*¹ chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì *A-na-luật* chứng đắc thiên nhãn, nhìn thấy mọi sự vật trong khắp *Tam thiên Đại thiên thế giới*, cho tới trong cõi trung ấm, một cách rõ ràng không gì chướng ngại.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào ít ham muốn, tự biết đủ, ưa thích sự vắng lặng an tĩnh, siêng năng tu hành các pháp *tinh tấn, niệm, định, trí tuệ, giải thoát*; vị *tỳ-kheo* như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng *sa-la* mọc đôi này.

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì *tỳ-kheo Ca-diếp*² chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì *tỳ-kheo Ca-diếp* khéo tu các pháp ít ham muốn, tự biết đủ... [đủ các pháp như Phật vừa kể trên].”

¹ Nguyên bản Hán văn dùng A-ni-lâu-đà (阿尼樓駄), phiên âm từ Phạn ngữ *Aniruddha*. Tuy nhiên, tên vị *tỳ-kheo* này trong nhiều kinh điển khác thường được phiên âm là A-na-luật (阿那律). Chúng tôi chọn dịch sang tên này vì thấy phổ biến, được nhiều người biết hơn.

² *Tỳ-kheo Ca-diếp*, tức *Đại Ca-diếp*, vị đệ tử Thanh văn được Phật ngợi khen là Đệ nhất đầu đà. Xin lưu ý khác với vị Bồ Tát *Ca-diếp* đã thưa hỏi trong kinh này.

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào vì việc ích lợi cho chúng sanh, không vì lợi dưỡng riêng, tu tập thông đạt pháp *tam-muội Vô tranh, Thánh hạnh, Không hạnh*; vị *tỳ-kheo* như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì *tỳ-kheo Tu-bồ-đề* chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì *Tu-bồ-đề* khéo tu phép *Vô tranh, Thánh hạnh, Không hạnh*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào khéo tu thần thông, trong khoảng một niệm tưởng có thể thực hiện mọi sự biến hóa thần thông, dùng một tâm an định mà tạo ra hai kết quả [đối nghịch] như là: nước, lửa... vị *tỳ-kheo* như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu như vậy thì *tỳ-kheo Mục-kiền-liên* chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì *Mục-kiền-liên* khéo tu thần thông, biến hóa vô lượng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào tu tập các pháp trí tuệ được trí lớn lao, trí sắc bén, trí nhanh nhạy, trí giải thoát, trí sâu xa, trí rộng lớn, trí không giới hạn, trí không ai vượt qua, trí chân thật; thành tựu đầy đủ căn bản trí tuệ như vậy; lòng không phân biệt kẻ oán với người thân; nếu nghe nói Như Lai là vô thường, nhập *Niết-bàn*, lòng không lo buồn; nếu nghe nói Như Lai là thường trụ, chẳng nhập *Niết-bàn*, lòng cũng không vui thích; vị *tỳ-kheo* như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hống thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì *tỳ-kheo Xá-lợi-phất* chính là người ấy. Vì sao vậy? Vì *Xá-lợi-phất* khéo thành tựu đầy đủ trí tuệ như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào có thể giảng thuyết rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, *tỳ-kheo* ấy được thân kim cang, không có giới hạn, *thường, lạc, ngã, tịnh*, thân tâm không ngăn ngại, đạt được *tám đức tự tại*;¹ vị *tỳ-kheo* như vậy ắt có thể trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch rằng: “Thế Tôn! Nếu như vậy thì duy nhất chỉ có Như Lai là người như vậy mà thôi. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai là kim cang, là không giới hạn, là *thường, lạc, ngã, tịnh*, là thân tâm không ngăn ngại, mới có đủ *tám đức tự tại*.”

“Bạch Thế Tôn! Chỉ riêng Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng *sa-la* mọc sóng đôi này mà thôi! Nếu không có Như Lai, ắt [nơi này] chẳng được đoan nghiêm. Xin nguyện đức Như Lai mở lòng đại từ bi, vì sự trang nghiêm như vậy mà thường trụ ở rừng *sa-la* này.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bản tánh của tất cả các pháp là trụ ở nơi không có chỗ trụ, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ [ở rừng *sa-la* này]?”

¹ Tám đức tự tại này đã được giảng rõ trong quyển 23. Tám đức ấy là: 1. Có thể hiện một thân thành nhiều thân, không có ngăn ngại; 2. Có thể thị hiện một thân nhỏ như hạt bụi trùm khắp đại thiên thế giới, không có ngăn ngại; 3. Có thể thị hiện thân lớn lao mà nhẹ nhàng bay đến bất cứ nơi xa xôi nào, không có ngăn ngại; 4. Có thể thị hiện thành vô số loài chúng sanh khác nhau thường sống trong cùng một thế giới, không có ngăn ngại; 5. Có thể sử dụng các căn hỗ trợ, thay thế cho nhau, như mắt có thể nghe, tai có thể thấy... một căn có thể nhận biết cả sáu trần, không có ngăn ngại; 6. Có thể chứng đắc tất cả các pháp không ngăn ngại nhưng không hề khởi lên ý tưởng có sự chứng đắc; 7. Có thể giảng thuyết ý nghĩa của một bài kệ trải qua vô số kiếp, không có ngăn ngại; 8. Có thể biến hiện một thân trùm khắp mọi nơi như hư không, không có ngăn ngại, khiến cho tất cả chúng sanh đều được trông thấy; dù trông thấy được, nhưng thân ấy thật cũng như hư không, không có hình tướng. Xem lại sự giảng giải chi tiết hơn về tám đức tự tại này trong quyển 23, bắt đầu từ trang 498 của Tập 4.

“Thiện nam tử! Nếu nói *trụ* thì đó là pháp thuộc về *sắc*. Do nhân duyên sanh nên mới gọi là *trụ*. Vì nhân duyên không có xứ sở [nhất định] nên gọi là *không có chỗ trụ*. Như Lai đã đoạn tuyệt tất cả sự trói buộc của *sắc*, vì sao lại nói Như Lai [*có chỗ*] *trụ*? Đối với các *ám thọ, tưởng, hành, thức* cũng đều như vậy.

“Thiện nam tử! *Trụ* tức là kiêu mạn; vì kiêu mạn nên không được giải thoát. Vì không được giải thoát nên gọi là *trụ*. [Thử suy xét xem] ai là người có sự kiêu mạn đó? Từ nơi đâu mà đến? [Khi ấy sẽ thấy là thật không có người kiêu mạn, cũng không từ đâu mà đến cả], nên [bản tánh của tất cả các pháp] gọi là *trụ ở nơi không có chỗ trụ*. Như Lai đã dứt hẳn tất cả những sự kiêu mạn, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai *trụ* [ở rừng sa-la này]?”

“*Trụ* tức là pháp *hữu vi*. Như Lai đã dứt hẳn các pháp *hữu vi*, cho nên ngài *không có chỗ trụ*.

“*Trụ* tức là pháp không [thật]. Như Lai đã dứt hẳn pháp không [thật] này nên đạt được *thường, lạc, ngã, tịnh*, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai *trụ* [ở rừng sa-la này]?”

“*Trụ* tức là *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*. Như Lai đã dứt hẳn *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai *trụ* [ở rừng sa-la này]?”

“*Trụ* tức là tất cả phạm phu. Các bậc thánh là không đi, không đến, không *trụ*. Như Lai đã dứt hết các tướng đi, tướng đến, tướng *trụ*, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai *trụ* [ở rừng sa-la này]?”

“Nói không có chỗ *trụ* đó là thân không có giới hạn. Thân Như Lai là không có giới hạn, vì sao ông lại nói lời

nguyện xin Như Lai trụ lại nơi rừng *sa-la* này? Nếu ta trụ ở rừng này, tức là có giới hạn. Nếu thân [Như Lai] là có giới hạn, ắt đó là *vô thường*. [Nhưng] Như Lai là *thường* làm sao có thể nói là *trụ*?

“Nói *không có chỗ trụ* tức là hư không. Tánh Như Lai đồng với hư không, làm sao có thể nói là *trụ*?

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là phép *tam-muội Kim cang*. Phép *tam-muội Kim cang* phá trừ tất cả mọi sự vướng chấp, bám trụ. *Tam-muội Kim cang* tức là Như Lai, làm sao có thể nói là *trụ*?

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là huyền ảo. Như Lai đồng với huyền ảo, làm sao có thể nói là *trụ*?

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là cảnh giới của các pháp không có giới hạn. Cảnh giới của các pháp không có giới hạn tức là Như Lai, làm sao có thể nói là *trụ*?

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là *tam-muội Thủ-lăng-nghiêm*. Phép *tam-muội* này là rõ biết tất cả các pháp mà không có chỗ vướng mắc, bám chấp. Vì không vướng mắc nên gọi là *Thủ-lăng-nghiêm*. Như Lai đạt được trọn vẹn phép *tam-muội Thủ-lăng-nghiêm*, làm sao có thể nói là *trụ*?

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là *trí lực phân biệt như thật*.¹ Như Lai thành tựu *trí lực phân biệt như thật*, làm sao có thể nói là *trụ*?

¹ Nguyên tác dùng “xứ phi xứ lực”, cũng gọi là “xứ phi xứ trí lực”. Theo luận Dugia quyển 50, tờ 2, đức Như Lai thành tựu *Xứ phi xứ trí lực* nên đối với các nhân đều rõ biết như thật; đối với các quả cũng rõ biết như thật, vì thế có thể hàng phục các luận thuyết *vô nhân* hoặc *ác nhân* của ngoại đạo. Do nghĩa này nên chúng tôi gọi trí lực này là trí lực phân biệt như thật.

“Lại nữa, không có chỗ trụ tức là *Bố thí Ba-la-mật*. [Đối với] *Bố thí Ba-la-mật* nếu có sự vướng trụ lại thì không thể [tiếp tục tu tập] đến *Trì giới Ba-la-mật*, cho đến *Trí tuệ Ba-la-mật*. Vì nghĩa ấy nên *Bố thí Ba-la-mật* gọi là *không có chỗ trụ*. Như Lai thậm chí còn không trụ nơi *Bát-nhã Ba-la-mật*, vì sao ông lại nói lời nguyện xin Như Lai trụ lại nơi rừng *sa-la*?

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là tu tập *Bốn niệm xứ*. Nếu Như Lai chấp trụ nơi *Bốn niệm xứ*, ắt không thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó gọi là *trụ ở nơi không có chỗ trụ*.

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là cảnh giới không giới hạn của chúng sanh. Như Lai đã thấu tận cảnh giới không giới hạn của tất cả chúng sanh nhưng không có chỗ trụ.

“Lại nữa, *không có chỗ trụ* tức là không nơi trú ngụ. Không nơi trú ngụ gọi là không hiện hữu. Không hiện hữu gọi là không sanh ra. Không sanh ra gọi là không chết đi. Không chết đi gọi là không hình tướng. Không hình tướng gọi là không trói buộc. Không trói buộc gọi là không vướng mắc. Không vướng mắc gọi là không phiền não. Không phiền não tức là hiền thiện. Hiền thiện tức là *vô vi*. *Vô vi* tức là *Đại Niết-bàn*. *Đại Niết-bàn* tức là *thường*. *Thường* tức là *ngã*. *Ngã* tức là *tịnh*. *Tịnh* tức là *lạc*. *Thường, lạc, ngã, tịnh* tức là Như Lai.

“Thiện nam tử! Ví như hư không chẳng trụ ở phương đông, phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phương phụ hay phương trên, phương dưới. Như Lai cũng thế, ngài chẳng trụ ở phương đông, phương nam, phương tây,

phương bắc, bốn phương phụ hay phương trên, phương dưới.

“Thiện nam tử! Nếu như nói rằng việc ác tạo bởi *thân, miệng, ý* mang đến quả báo lành, thật không có lý. [Hoặc nói rằng] việc lành tạo bởi *thân, miệng, ý* phải chịu quả báo xấu ác, cũng không có lý.

“Nếu nói rằng phạm phu thấy được tánh Phật, hàng Bồ Tát *Thập trụ* không thấy được, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] những kẻ *nhất-xiển-đề*, phạm *năm tội nghịch*, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, phá *Bốn giới cấm nặng* mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] Bồ Tát trụ ở sáu địa vị đầu tiên do nhân duyên phiền não mà phải đọa vào *ba đường ác*, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] Bồ Tát *Ma-ha-tát* dùng thân nữ thật sự mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] hạng *nhất-xiển-đề* là *thường*, *Tam bảo* là *vô thường*, cũng không có lý. [Hoặc nói rằng] Như Lai trụ nơi thành *Câu-thi-na*, cũng không có lý.

“Thiện nam tử! Nay Như Lai ở tại thành *Câu-thi-na* này, nhập Đại *Tam-muội*, là hang thiền định sâu thẳm, vì mọi người không nhìn thấy được nên gọi là nhập *Niết-bàn*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai lại vào hang thiền định [sâu thẳm]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó là vì ta muốn độ thoát các chúng sanh; vì để làm cho những người chưa gieo trồng

căn lành sẽ gieo trồng; vì để làm cho những người đã gieo trồng căn lành sẽ được tăng trưởng; vì để làm cho những người có quả lành chưa chín muồi sẽ được chín muồi; vì để giảng thuyết cho những người mà quả lành đã chín muồi sẽ hướng đến *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; vì để làm cho những kẻ khinh rẻ pháp lành sẽ sanh lòng tôn trọng; vì để làm cho những kẻ buông thả, lười nhác sẽ lìa bỏ thói xấu buông thả, lười nhác; vì cùng với các ông như *Văn-thù-sư-lợi* và hàng Đại Bồ Tát luận bàn nghĩa lý; vì muốn giáo hóa những người ưa thích tụng đọc [kinh điển], ưa thích thiền định; vì dùng *Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh* để giáo hóa chúng sanh; vì quán xét các giáo pháp sâu xa không cùng chung [với hàng Nhị thừa]; vì muốn quở trách những đệ tử buông thả, lười nhác rằng: ‘Nhu Lai là bậc thường tĩnh lặng còn ưa thích nhập định, hướng chi bọn các ông chưa dứt hết phiền não lại sanh ra buông thả, lười nhác hay sao?’; vì muốn quở trách những *tỳ-kheo* xấu ác thu nhận và chất chứa tám thứ đồ vật không trong sạch, cùng những kẻ không biết giảm sự tham muốn, không tự biết đủ; vì làm cho chúng sanh tôn trọng pháp thiền định đã được nghe.

“Vì [tất cả] các nhân duyên như vậy mà [hôm nay] Như Lai vào hàng thiền định [sâu thẳm].”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN - HẾT QUYỂN BA MƯƠI-